

paul loup sulitzer



tiền!

niềm vui sướng



nhà xuất bản văn hóa thông tin

Tiền! Niềm Vui Sống

Paul Loup Sulitzer

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

GIỚI THIỆU

PHẦN MỘT • CƠN SAY DỮ DỘI VÀ VUI

1

2

3

4

5

6

PHẦN HAI • CHIẾN DỊCH “RỒNG BẠC”

1

2

3

4

5

6

PHẦN BA • NHỮNG NGƯỜI Ở BAHAMAS

1

2

3

4

PHẦN BỐN • VÀNH ĐAI NẮNG

1

2

3

4

5

Chú Thích

GIỚI THIỆU

Cậu chàng Frank Cimballi, 19 tuổi, con nhà tử phú chỉ biết ăn chơi, bỗng rơi tõm vào một cảnh ngộ bi đát: Bố, mẹ chết, người yêu tự sát, gia tài khổng lồ được thừa kế bị cưỡng đoạt sạch sành sanh. Bị đẩy đến xứ Kenya Châu Phi xa lạ với hai bàn tay trắng - theo đúng nghĩa đen, cậu chàng bắt buộc phải sống, phải làm lại cuộc đời mình. Thế mà chỉ năm năm sau, Cimballi đã trở thành triệu phú, lần lượt đánh bại tất cả những kẻ độc ác đã “gây nên cuộc lừa đảo có tầm cỡ thế kỷ”, kể cả tên trùm tư bản tài chính Martin Yahl. Đánh bại, không phải bằng vũ lực mà bằng chính sức mạnh của đồng tiền, bằng các mảnh lời, các thủ đoạn kinh doanh. Và rồi chính Cimballi, đang ngất ngưỡng trên đỉnh cao chói vót thắng lợi huy hoàng, lại một lần nữa bị lôi tuột xuống vực cũng bằng những cái “bẫy” nghề nghiệp...

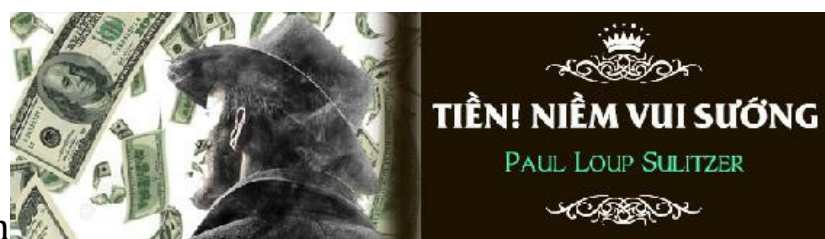
Tác giả Paul L. Sulitzer trước khi trở thành nhà văn đã là một chuyên gia kinh tế, tham vấn cho nhiều công ty lớn. Nhờ thế ông đã có thể đi sâu vào gan ruột “giới làm ăn”, nắm được tối đa những lắt léo, những bí mật mà chỉ người trong cuộc mới biết.

Có lẽ đó là lý do chủ yếu khiến “Tiền!...” có sức hấp dẫn lạ lùng của một cuốn truyện trinh thám. Nhưng khác với loại truyện ấy, vẫn là một cuốn tiểu thuyết tâm lý xã hội, một bức tranh thu nhỏ của thời hiện đại, với sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật, của tốc độ chuyển dịch, sức mạnh ma quái của đồng tiền, với lý tưởng, tình yêu, hạnh phúc, và khổ đau của con người...

Dịch và giới thiệu “Tiền!...” vào lúc này, chúng tôi hy vọng có thể giúp bạn đọc tiếp cận với “thế giới kinh doanh”, với “nghệ thuật làm giàu”, và còn hơn thế nữa, có một cái nhìn đầy đủ, xác thực về thời đại mình đang sống.

PHẦN MỘT

CƠN SAY DỮ DỘI VÀ VUI



Tôi nghĩ rằng, ta có thể bắt đầu câu chuyện từ sáng 23 tháng mười một, vào lúc mười một giờ ba mươi phút, trong ngôi nhà ở đường Old Queen bên rìa công viên St. James thành phố London. Sao lại không? Chính vào lúc đó cuộc chơi bắt đầu. Có lẽ không thật đúng vào lúc mười một giờ ba mươi, mà là mười một giờ ba mươi rồi kéo dài trong năm sáu tiếng đồng hồ sau đó.

Viên cảnh sát từ công viên Scotland tới ngồi trước mặt tôi. Đến bây giờ trong mắt tôi vẫn còn lưu lại đường nét chiếc veston bằng vải tuyết anh ta mặc hôm đó. Anh ta trạc độ bốn mươi, có khuôn mặt người xứ Scotland hung hung, mái tóc dày và xoăn có đường ngôi bên trái kéo dài sang phải bởi một làn sóng có hai chỗ duỗi, tên là Ogilvie hoặc Watts. Anh ta theo dõi những người dọn nhà thuê đang khuân vác đồ đạc.

— Anh rời bỏ căn nhà này?

— Chính nó rời bỏ tôi. Người ta đang lấy lại những thứ tôi chưa trả hết tiền. Tôi chưa trả hết tiền một thứ nào.

Điện thoại, tôi nhắc máy, lại ngân hàng gọi tới: Tầm séc thứ hai đã tới nơi, họ không chịu đựng nổi tình thế này, tôi định làm gì, mấy giờ tôi mới đến gặp họ, không biết rằng càng sớm càng tốt hay sao? Tôi có biết chứng thư kháng nghị là cái gì không? “Tôi sẽ cố đến thật sớm! Bao giờ? - Một giờ nữa!” Tôi gác máy, thấy cặp mắt màu hạt dẻ dăm chiêu của viên cảnh sát vẫn dán vào tôi. Chắc hẳn gã đã nghe hết, đã biết rõ ai gọi tôi, gọi để làm gì, nhưng cứ giả ngây giả diếc như chẳng hay biết gì. Gã bảo:

— Hay, tôi vừa nảy ra một ý: Có lẽ tốt nhất là anh nên làm lại từng bước một những cái gì anh đã làm đêm hôm đó. Không bắt buộc đâu. Nhưng tranh thủ được thời gian. Và tôi có thể để anh được tự do sớm hơn.

Tôi đứng lên, chân nặng trĩu.

— Nào, đi!

Các người dọn nhà thuê đã và đang làm việc rất tốt: Họ bắt đầu từ lầu hai, đã dọn sạch mọi thứ trên đó, lầu một cũng trông trơn, chẳng sót thứ gì. Bây giờ họ đang tấn công vào tầng trệt, mang đi hết, nhả nhụi, có mảnh giấy vẽ ngôi nhà ở St. Tropez bằng bút mực.

— Anh bao nhiêu tuổi?

— Hăm một. Hai mươi một năm, hai tháng và mười bốn ngày.

— Anh thuê căn nhà này từ bao giờ?

— Cách đây hai tháng mười bốn ngày.

— Buổi tối hôm kia là lần đầu tiên?

Tôi nhìn theo bức tranh trong tay một người dọn nhà thuê.

— Không phải lần đầu.

Giữa lầu một và tầng trệt có vài bậc tam cấp. Chúng tôi trèo lên. Tôi ngoái nhìn lại lần cuối cùng mong trông thấy bức vẽ, nhưng người mang nó đi đã ra tới ngoài phố, tới xe tải.

— Không phải lần đầu, nhưng chắc hẳn là lần cuối cùng.

— Đêm ấy anh ăn mừng cái gì là chính?

— Sự phá sản của tôi.

— Chúng tôi lên thang gác lầu một. - Tôi nói - Tôi ở dưới kia, trong phòng khách bên phải. Trông rõ cô ta trèo lên cầu thang này. Cô dừng lại đứng chỗ này, quay đầu nhìn xuống. Nhìn tôi, giờ tay làm dấu rồi tiếp tục lên gác.

— Có tỏ vẻ gì đặc biệt?

- Không.
- Lúc ấy có đông khách không?
- Tôi mời năm chục. Họ kéo đến gấp ba lần. Như điên.
- Mấy giờ?
- Ba giờ sáng, ánh chùng vậ.

Lên tới thềm cầu thang lầu một. Đứng lại. Tôi nói tiếp:

- Sau ba chục, bốn chục phút gì đó. Tôi vẫn ở dưới phòng khách. Cũng muốn lên với cô ấy, nhưng không thể len nổi qua đám đông bạn bè, vả lại ai cũng nhận ra tôi, hỏi han, chèo kéo...

- Nhưng sau đó anh vẫn lên được...?

Chúng tôi lại đi tiếp, cầu thang lầu hai.

- Cuối cùng, tôi lên được.

Một lớp sáng dữ dội loé lên trong kí ức tôi: Hình ảnh chiếc cầu thang này, bây giờ trống vắng, mất cả đến tấm thảm lót chân nhưng lúc ấy bị biển người cuồng nhiệt lấp kín. Bọn họ bám từng chum vào các bậc cầu thang, hét tướng khi tôi đi qua: “Chúc mừng phá sản, Franz!” Hình ảnh tái diễn trong một giây, khoảng đó, có lẽ không đến một giây. Ngay sau đó trước mắt tôi là hình ảnh thực của cầu thang lúc này: Im lìm, vang tiếng, vắng lặng.

- Lúc ấy do đâu anh biết chắc chắn cô ta ở lầu hai, ở đúng chỗ này trong nhà?

- Chỉ một mình cô ấy và tôi có chìa khoá phòng. Tôi đã khoá lại vì có khách.

- Hai người cãi nhau?

- Không. Có sơ sơ.

- Anh biết cô ấy xài ma tuý?

Thềm cầu thang lầu hai

- Có biết.

Chúng tôi đi dọc theo hành lang, đến trước cửa phòng tôi; lúc này mở cửa, lúc ấy thì đóng chặt. Lần thứ hai trí nhớ của tôi lại loé sáng, lần này có cả âm thanh lẫn hình ảnh, bỗng nhiên tôi thấy lại mình lúc ấy đang cố công vô ích mở cánh cửa, ba mươi hai giờ trước đây.

- Còn anh, tôi muốn nói đến ma tuý?

- Không. Không bao giờ?

Tôi đặt chân lên ngưỡng cửa nhưng không thể nào bước qua nổi, đơn giản thế thôi, tôi không bước qua nổi, cổ họng và dạ dày thắt lại.

- Lúc ấy tôi không sao mở được cửa. Cô ấy khoá trái, để chìa trong lỗ khoá.

- Anh đập cửa.

- Tôi đập cửa, thế là lũ ngu xuẩn ở cầu thang cũng thi nhau đập theo tôi, tưởng đó là trò đùa hoặc một...

- Một cuộc cãi lộn giữa đôi bạn tình - viên cảnh sát nói lạnh như tiền.

Thực ra, tôi cũng đã nghĩ tới những từ đó rất đúng lúc, nhưng nói ra được là chuyện khác.

- Bọn họ làm ầm ĩ xung quanh tôi đến nỗi nếu cô ta có kêu to bên trong tôi cũng không thể nghe thấy.

- Anh bèn đi vòng...

Tôi toát mồ hôi hột. Cảm giác khó chịu tăng lên từng giây.

- Lúc ấy tôi đi vòng theo sân trong. Và chui vào phòng tắm qua lá cửa con.

Thấy tôi vẫn đứng im không nhúc nhích, viên cảnh sát nhẹ nhàng gạt tôi sang bên và bước qua cửa. Anh ta đi thẳng tới cuối phòng, rẽ ngay về tay phải để vào buồng tắm. Tôi không trông thấy anh ta nữa, nhưng nghe rõ anh ta hỏi:

- Là cửa này à?

- Có mỗi cái đó thôi.

Tôi tì vai rồi tì trán khung cửa, người ướt sũng mồ hôi như tắm. Tiếng viên cảnh sát:

— Tại sao anh vội vàng đến mức liều mạng nhào lộn như thế? Gãy cổ như chơi! Có thể cô ấy chỉ muốn tách mình ra riêng một chỗ để hờn dỗi. Thế cô ta có nói bóng gió xa xôi gì đến chuyện tự vẫn không?

— Không.

Tôi nghe tiếng anh ta mở lá cửa nhỏ, trèo lên, nhảy xuống.

— Nhưng lúc ấy anh nghĩ rằng với bản tính xốc nổi vốn có, lại bị chấn động vì cuộc cãi lộn với anh, vì ảnh hưởng của chất ma túy cô ấy có thể đã dùng, của rượu chắc cô ấy đã uống, với tất cả những cái đó anh đã nghĩ rằng có thể cô ấy định tự sát?

— Vâng.

Anh ta mở tung các tủ.

— Mặc dầu vậy, anh đã đợi hàng ba mươi, bốn mươi phút mới chạy vào với cô ta?

Ấn ý trong câu hỏi như ngọn roi quất mạnh vào tôi, bởi nó bất công và cũng bởi nó khơi dậy cảm tưởng tội lỗi trong tôi. Tôi bước nốt mấy bước ngăn cách tôi với buồng tắm. Tôi vào buồng. Lần thứ ba kí ức tôi vụt loé sáng chói lọi như mặt trời đỏ rực; lần này cùng với hình ảnh và âm thanh còn có cả mùi nữa, mùi nhạt thêch của máu từ người cô phun ra khắp nơi, vấy lên tường, bồn tắm, bồn rửa mặt bằng cẩm thạch, lên tận tấm kính mờ của lá cửa nhỏ, khi cô điên dại dùng dao cạo rạch cổ tay, cổ chân, cửa bụng, cửa vú rồi thắt cổ. Tôi chỉ còn kịp chạy vội đi, nôn thốc tháo.

Vẫn ngày này, hai tiếng sau, tức vào khoảng một giờ rưỡi chiều tôi tới phố Charles Đệ Nhị, tới trước cửa ngân hàng có bộ phận Hoà Giải Tranh Chấp đã gọi điện thúc tôi suốt ngày hôm qua, rồi suốt cả sáng nay. Tôi đặt chân vào đại sảnh, đến giây phút cuối cùng tôi mới quyết định quay lại, không vào nữa. Khi tôi đi xuyên qua công viên St. James, mưa lại tiếp tục rơi, màn mưa nhẹ mà lạnh buốt theo tôi trên đường Pall Mall, theo suốt quãng đường cắt ngang công viên Xanh. Người mệt mỏi, mưa như trút nước, nhưng được đi bộ thế này tôi thấy dễ chịu hơn. Con buồn nôn biến mất. Trong thực tế, chính vào lúc đó mà cái ấy đến với tôi, bằng cách nào thì không biết nhưng với sức mạnh với đường nét rõ ràng thật kỳ lạ. Một giây trước tôi đang kiệt sức, bị đè bẹp dí, bị đánh bại thế mà đột nhiên tôi bỗng như một người ngã xuống nước, đã chìm xuống tận đáy nhưng lại đạp chân ngoi được lên với một nghị lực man dại không biết từ đâu đến. Cái ấy đến từ sâu thẳm trong tôi, đó là sự cuồng nhiệt, một sự cuồng nhiệt hung dữ mà vui, đó là cảm giác đầy quyến rũ về tính bất khả xâm phạm của mình. Nó không liên quan đến tuổi, đến hai mươi mốt năm hai tháng mười bốn ngày của đời tôi, nó mạnh hơn nhiều, bền vững hơn. Nó xuất hiện ngày hôm ấy, nó còn trở lại sau này, trong những tháng năm sắp đến. Ngay lúc ấy, nó đã làm dáng đi của tôi đổi khác: Trời mưa, sau hơn bốn mươi tiếng đồng hồ chưa được chớp mắt, tôi vẫn như đang phấp phới giữa làn không khí có vẻ nhẹ nhõm hơn, bước chân nhảy nhót. Nhún nhảy như tên tôi vậy.

Tôi tới nghĩa trang Brompton vào lúc gần ba giờ. Gia quyến thân thuộc đã có mặt, đứng nép vào nhau dưới một biển ô lúp xúp, đen nhầy. Không dám đến gần họ, tôi nấp tạm dưới mái che có cột chống của một ngôi mộ xây. Người ướt đẫm nước mưa, tôi rét run. Cách xa huyết có độ một trăm mét, tôi nhìn rõ lúc quan tài đến, rồi hạ huyết. Tiếp đến những lời chia buồn kéo dài. Hai mươi phút nữa trôi qua, đám đông họ hàng bè bạn mới ra về hết. Đợi đến lúc con đường đã trở lại hoàn toàn vắng lặng tôi mới đặt chân lên.

Tôi đứng trước mộ hai ba phút. Trời vẫn mưa. Hẳn là tôi buồn rầu, hơn thế nữa, lòng đau như xé; tuy vậy cũng trong lúc này tôi thấy vẫn còn cơn cuồng nhiệt gần như cơn say đã xâm nhập vào tôi lúc nãy trên đường. Sau này mỗi lần nó đến tôi đều nhận dạng được dấu hiệu của nó.

Một người đứng tuổi đi trước tôi vài mét, ra đến đường cái sửa soạn lên ngồi sau tay lái chiếc Vauxhall.

— Tôi về gần công viên St. James. Ông cho tôi đi nhờ được không?

Thoạt tiên ông ta lắc đầu, sau đó quay nhìn vào nghĩa trang. Rồi ngấm thậtkỹ đáng về chết trôi củatôi; lúc ấy giá tôi có chảy nước mắt khóc cũng không thể biết được.

— Người nhà anh hử?

— Một thiếu nữ quen.

— Cô ấy bao nhiêu tuổi?

— Mười chín. Nếu còn sống, ba tuần nữa thì tròn mười chín tuổi.

Ông gật gù:

— Còn tôi, là bà vợ.

Ông mở cửa xe:

— Ông vừa nói về công viên St. James?

Ông cho tôi xuống ở cửa nhà thờ Garde. Tuy chẳng nói với nhau câu nào khác, chúng tôi bắt tay nhau đi khi từ biệt như thể đã gắn bó với nhau bằng một sự đồng loã thầm kín. Căn nhà phố Old Queen bây giờ trống rỗng, thăm trải phòng khách cũng chẳng còn. Nhà vang tiếng rất khác lạ và thê thảm. Lá thư trắng loá trên sàn gỗ xoài đánh xi. Thư bỏ vào qua khe hở dành cho việc này trên cánh cửa sơn màu đỏ máu. Trong thư vón vện vài từ tiếng Đức báo tin có người tên là Morf, đại diện cho Martin và bác tôi, Giancarlo đang đợi ở Dorchester.

Alfred Morf, từ Zurich tới. Gã hơi cao hơn tôi một tí chút, chuyện này thường xảy ra vì thân hình tôi không thuộc loại kéch xù; có khuôn mặt choắt, mắt hơi một mí, gò má cao, má trũng sâu có thể thi thố với những bộ xương người. Gã nhìn tôi có ý khinh bỉ. Cửa đáng tội, nước trên người tôi đang tuôn ra như suối: Để đi tới khách sạn Dorchester bên công viên Lane này, lần thứ hai trong ngày, tôi lại phải đi bộ xuyên qua công viên St. James, công viên Xanh; bọn gác ở quảng trường Birmingham chắc hẳn đã phải để mắt đến tôi vì thấy tôi đi qua chỗ họ quá nhiều.

— Anh ướt từ đầu đến chân. - Morf bậm môi nhận xét.

— Có đầu óc quan sát nhĩ? Mồ hôi đấy!

Tôi ngồi xuống, dưới cặp mắt hoảng hốt của người phục vụ. Chẳng mấy chốc nước đã đọng lại dưới chân, người tôi bốc hơi nghi ngút như con bò mới về chuồng. Tôi cười với anh ta:

— Đừng lo, còn nhiều người đang tới nữa. Tôi đã bỏ họ lại đằng sau khi tới ngang bờ biển Ireland. Lấy champagne ra đây, nhanh nhẩu lên anh bạn!

Tôi quay về phía Morf. Gã thật dễ ghét. Mới đó tôi đã ghét rồi. Gã nói:

— Tôi được uỷ quyền của ngân hàng Martin Yahl, ở Geneva và Zurich. Bác anh là một khách hàng chính của chúng tôi. Ông giao cho tôi thu xếp một lần cho xong tình trạng của anh.

— Bác tôi là đồ bịp bợm.

Vũng nước dưới chân loang rộng, lan rộng như nước thủy triều dâng, đến liếm đôi giày của một bà khoác áo lông chồn. Tôi mỉm cười, bà ta giận dữ lườm tôi. Morf tiếp:

— Ông Martin Yahl chủ tịch ngân hàng chúng tôi...

Tôi vẫn mỉm cười với bà kia.

“Lại một tay bịp bợm, già đời hơn tay thứ nhất. Mà tay kia cũng không phải vừa đâu nhé...”

— Thật là nhục, - bà lông chồn cáu.

Tôi gật đầu đồng tình với bà ta.

— Tôi thừa biết như thế!

—... Ông Martin Yahl vì tình bạn xưa cũ gắn bó với phụ thân anh đã sẵn sàng một lần nữa, lần cuối cùng, đến cứu trợ anh. Theo ý nguyện của phụ thân anh, cách đây chưa đầy ba tháng, nhân dịp sinh nhật lần thứ hai mươi mốt, anh đã được nhận số tiền một trăm lẻ ba ngàn bảng là số dư gia tài của ông nhà. Anh đã...

— Và sáu xu lẻ. Một trăm lẻ ba ngàn sáu xu...

Tôi rét run, suýt để trượt ly champagne. Tôi uống một chút vang. Lại buồn nôn. Và cơn giận dữ bốc lên tức thì, từng đợt cuồn cuộn âm thầm. Tôi nói với lưng bà mặc áo lông:

— Chúng lấy cắp của tôi, nó và bác tôi. Tôi là đứa con út bị cưỡng đoạt nhãn nhụy, thừa bà...

— Anh đã vung phí hết sạch trong có hơn hai tháng, không còn một bảng nhỏ. Đã thế, theo kết quả cuộc điều tra chúng tôi đã cho tiến hành, anh còn mang nợ tất cả gần mười bốn ngàn bảng.

— Và sáu xu.

— Tôi có nhiệm vụ trả hết nợ cho anh nếu những giấy vay nợ của anh có giá trị. Và trao cho anh mười ngàn bảng với điều kiện: Sau sáu tiếng nữa anh phải đi khỏi Châu Âu. Tôi được lệnh cùng đi với anh tới chân máy bay.

Thoắt cái, tôi thấy mình không còn ở London, tại khách sạn Dorchester trông sang công viên Hyde Park xanh rờn thảm cỏ, giữa một chiều mưa lạnh cuối năm; tôi đã về trong ngôi nhà ở St. Tropez vào dịp tháng tám, bãi tắm Pampalone gần như vắng lặng, ngoài ba cô gái trần truồng đang nhìn bố tôi, cười rũ. Quả thật, có bố tôi kia; đang ngồi xồm bên tôi, không ngó ngang mấy cô gái ở trần truồng mà đang cố sửa cổ máy nửa mã lực của chiếc Ferrari đỏ chót dài một mét rưỡi tôi đang ngồi. Tôi lên tám, trời nóng ẩm, không khí rung nhè nhẹ, thoang thoang hương thơm hơi quánh nhưng ngây ngất của ban mai, tôi sung sướng hát thật to...

Tôi đặt ly champagne, vẫn hét run.

— Nếu tôi từ chối?

— Anh đã dùng séc không có bảo chứng. Một tờ đưa cho chủ hiệu kim hoàn, một tờ trả cho chủ hiệu bán đồ cổ. Ngân hàng chấp thuận đợi đến sáng mai. Quá mười giờ, họ đệ đơn kiện.

Tôi nhìn cái lưng giận dữ của bà áo lông.

— Hơn nữa chúng còn định bỏ tù tôi. Bà nói gì về điều đó?

— Đủ rồi, anh bạn! - Ông lão sáu mươi đi với bà lông chồn nói.

— Anh không được lựa chọn đâu, - Morf nói.

— Tôi được lựa chọn nơi đến?

— Miễn là anh rời khỏi Châu Âu sau sáu giờ nữa, kể từ phút này. Anh định đi đâu?

Quầy rượu trong khách sạn Dorchester đông dần. Mọi cặp mắt đổ dồn vào tôi, vào vũng nước trên thảm. Càng lúc tôi càng cảm thấy mình có mùi chó ướt, có lẽ tôi đang bốc mùi chó ướt, và tuyệt vọng. Cuối cùng mắt tôi dừng lại ở tờ quảng cáo vút trên bàn bên cạnh. Một địa danh, một hình ảnh trên đó đập vào mắt. Đi Alaska, đi Patagonia hay đi đâu cũng thế thôi, tôi trả lời Morf:

— Đi Mombasa, Kenya.

Tôi biết rằng như chắc chắn rằng Kenya ở Châu Phi, mới đây nó vẫn còn đấy, hình như ở bên kia sa mạc Sahara, khi đi đến ốc đảo cuối cùng hay một cái gì tương tự thì rẽ trái, tôi không biết rõ hơn. Còn Mombasa thì, thật tức cười, cái tên đó nghe quen quen, một cách lơ mơ, hình như tôi đã đọc thấy nó trên một tờ áp phích điện ảnh. Thế thôi chẳng biết gì hơn. Morf lặng lẽ biến đi, với dáng điệu chậm chạp lén lút của dân thủ quỹ. Tôi làm nốt chỗ champagne, càng thấy ghét dữ. Chắc mình không tới được Kenya; mình sẽ chết dọc đường khi ngã từ lạc đà xuống, đoàn lữ hành thờ ơ bỏ lại, thản nhiên đi khuất sau đụn cát phía xa. Tôi nhìn rõ đoàn lạc đà đi xa dần, rõ ràng chất champagne trong dạ dày lép kẹp đang tàn phá.

Morf trở lại:

— Chừng hơn ba giờ nữa sẽ có chuyến bay của hàng không Anh Quốc từ London đi Nairobi, Kenya, ở Nairobi có xe liên vận đi Mombasa. Tôi đã giữ chỗ, mua vé ngay tại sân bay. Ta đi, có taxi đợi.

Gã trả tiền chai champagne tôi uống và chai nước khoáng gã không đụng tới. Gã đã ra đến

cửa, tôi vẫn chưa buồn nhúc nhích. Đoán biết tôi không theo sau, gã dừng lại ở cửa nhưng không quay lại nhìn. Gã đứng đợi. Thế là rõ: Tôi căm ghét gã.

Trên taxi, đúng lúc xe nổ máy, Morf sức nghĩ ra:

— Anh không thể lên đường trong tình trạng này, có thể họ không cho lên máy bay.

Nói tóm tắt, không phải gã lo tôi bị viêm phổi, hoặc khi sang tới Châu Phi sẽ bị chết ngạt trong bộ đồ len chải chuốt may đo. Không phải, gã lo cái mẽ ngoài của tôi làm phật ý hãng hàng không khiến họ từ chối không cho tôi lên máy bay. Tất nhiên chẳng thêm hỏi qua ý của tôi, gã ra lệnh cho xe đổi hướng, bảo dừng lại ở đường West Oxford trước mặt ga tàu điện ngầm Bond Street. Hai mươi phút sau chúng tôi cùng nhau qua các cửa hàng Michael Beria rồi Lili và Skinner, thế là trên người tôi có đủ đồ mặc ngoài, đồ lót, giày, tất cả đều mới toanh, đều là hàng nhẹ, hàng nhiệt đới.

— Trông tôi vừa mắt chưa, Alfred? Hãy nói anh yêu tôi đi nào?

Gã chẳng thêm quay đầu nhìn tôi. Tôi thì chỉ muốn đâm gã vỡ mồm. Trước hết, việc đó sẽ làm người tôi nóng lên. Xe lại mở máy, chạy trên đường Marble Arch phía Kensington, hướng về sân bay Heathrow lúc ấy vào khoảng năm giờ bốn mươi. Màn đêm phủ xuống London loang loáng nước mưa. Tôi sắp rời bỏ nó tuy không tự mình quyết định, cũng không hiểu rõ điều gì đang xảy ra, điều gì đã xảy ra. Đột nhiên cơn buồn nặng trĩu đau đớn buộc tôi phải ngả đầu lên thành ghế nhắm nghiền mắt, thọc hai tay vào túi áo. Tôi đoán cuộc đời mình sẽ thay đổi hẳn, sáng mai tỉnh dậy tôi sẽ hoàn toàn khác với tôi hai ngày trước; đó sẽ không chỉ đơn giản là một chuyển hướng mà là cuộc hóa thân triệt để, một lần chào đời thứ hai. Mặt khác, có thể do uống rượu, do quá mệt mỏi hoặc do cả hai thứ, lúc này đầu óc tôi quay cuồng.

— Xin ký vào đây cho.

Gã chìa cho tôi những tờ giấy đặt trên chiếc túi đeo bằng da nâu, gã giải thích:

— Biên lai. Tôi trao cho anh mười ngàn bảng và phải báo cáo với ông Martin Yahl. Lại còn có những thủ tục thông thường nữa: Hôm nay là 23 tháng mười năm 1969, sự uỷ thác di sản của phụ thân anh đã hết hiệu lực lúc mười hai giờ trưa nay. Từ hôm nay trở đi...

Tôi chỉ nghe một bên tai, bút rút vì những cơn buồn nôn, mắt chưa mở ra nổi.

— Từ hôm nay trở đi anh phải tự lo liệu mọi chuyện. Tầm séc mười ngàn của anh đây. Cần thận đấy, séc vô danh được chi trả cho người xuất trình. Ký vào đây. Đây nữa.

Trong khoảnh khắc độ một phần trăm giây thoáng qua vô cùng nhanh, tôi cảm giác có cái bầy đàn nhẵn đang sập xuống. Cũng có thể về sau tôi mới tưởng tượng ra cảm giác này. Khi đã biết rõ sự thật. Chỉ biết rằng tôi đã ký đúng vào chỗ gã chỉ tay.

Sân bay.

— Anh có muốn ăn uống thứ gì nóng không?

Ô kìa, bây giờ gã lại quan tâm đến tôi! Nhưng vẫn giữ vẻ lạnh lùng. Gã mặc bộ đồ may sẵn, và điều tệ hại hơn, dáng vẻ gã đúng là dáng vẻ người bận đồ may sẵn; mang đôi giày da to, loại thường dùng, chưng một chiếc đồng hồ bỏ túi mà gã lôi ra xem luôn tay, tuồng như không tin vào các đồng hồ trong đại sảnh.

Tôi vẫn chưa trả lời câu gã hỏi. Gã kéo tôi tới một cửa bán vé, mua tấm vé London - Mombasa trả bằng phiếu. “Vâng, một lượt”. Nhưng gã giữ vé không đưa cho tôi, cả hai cùng đến cửa dành riêng cho khách tay không, trong khu vực không qua hải quan. Tôi chọn chỗ để chuồn lẫn vào đám đông, chen giữa tốp người Pakistan chít khăn. Thiếu phụ ngồi bán hoa có cặp mắt xanh dịu, hơi dần, ngực lép, đôi tay đỏ ửng của thợ giặt.

— Chị có hoa hồng bạch không? Cho một cô gái trẻ.

Tôi ghi tên, địa chỉ, cô phát hoảng:

— Nghĩa trang Brompton?

— Dãy 34 phía Tây. Mới chôn cất sáng nay.

— Không, không cần danh thiếp, không đề tặng, chỉ những bông hồng bạch là đủ.

Tôi ký chuyển nhượng lên phía sau tấm séc đưa cho chị ta.

— Mười ngàn bảng. Tôi mua mười ngàn bảng hoa hồng trắng, và sáu xu lẻ nữa đây. Chị có đủ thì giờ kiểm tra để biết chắc séc này có giá trị. Đủ thì giờ. Đồng sáu xu này cũng là tiền thật, cá nhân tôi xin bảo đảm.

Tôi nhận tờ biên lai chị đưa cho tôi sau một lúc khá lâu, vừa vặn Morf cũng đến tìm tôi, chẳng tỏ vẻ gì ngờ ngạc, hơi thở vẫn bình thường. Tôi bảo:

— Nào ta đi, bạn Alfred thân mến!

Gã sững sờ, hai lần quay đầu nhìn cửa hàng hoa, có lẽ gã tự hỏi liệu có thể tìm được cái gì, liệu có chút khả năng nào lấy lại được số tiền kia chẳng? Thành ra lại là tôi kéo gã đi theo. Gã xuất trình cho người soát vé hai tấm vé, tôi đi Kenya, gã về Zurich. Hai người sống vai đi vào khu vực phi hải quan. Tôi đi tới quầy sách nhỏ. Sự tình cờ đã giúp tôi: Quầy có bán cuốn sách rất hay: “Trang Trại Châu Phi” của Karen Blissen, hồi đó tôi chưa được đọc. Tôi mua sách và bảo Morf:

— Trả tiền đi, ông bạn, anh thừa biết tôi chẳng còn đồng nào, sáu xu cũng không nốt.

Bảy mươi bảy phút sau máy bay đưa tôi lên, chọc thủng tầng mây. Tôi mở sách đọc. Bỗng thấy đói, đói dữ dội, thú thật đã vắng bóng từ nhiều ngày nay bây giờ mới trở lại, như sự trở lại của chính tôi, báo hiệu mọi cái từ đây bắt đầu trở lại bình thường sau những tháng những năm điên loạn. Lúc này độ tám giờ mười hoặc hai mươi. Tôi mở cuốn sách vừa mua, đọc đi đọc lại mấy dòng đầu tiên: “Tôi có một trang trại bên Châu Phi dưới chân núi Ngong. Đường xích đạo chạy trên dãy núi phía bắc cách đây có hai mươi lăm dặm Anh, nhưng chúng tôi ở độ cao hai ngàn mét...”

Trang trại Châu Phi của Karen Blissen ở Kenya. Ở Kenya. Tìm mãi không thấy có bản đồ kèm theo, tôi tiếc đã không nghĩ đến việc mua một cái trước khi lên đường. Vậy Mombasa quái quỷ ở chỗ nào so với Ngong trong cuốn sách?

Máy bay đã lên hết độ cao, tiếng động cơ dịu bớt, các hàng ghế trước mặt tôi đã ngang bằng. Đầu óc tôi trống rỗng, nó cũng nhợt nhạt tựa thứ ánh sáng trong khoang máy bay. Có lẽ tôi đang nghĩ đến hoa. Những bông hồng bạch; một núi hồng bạch. Kilimandjaro? Không biết ở đâu.

Tôi luồn tay trong túi áo trống rỗng nào nê.

Lúc đó cảm thấy nó như một vết thương mềm mại nhưng rất rõ ràng. Không bao giờ, không bao giờ như thế này nữa. Không một lý do gì có thể làm tôi chấp nhận tình trạng này. Tay tôi bỗng nắm được một chất liệu cứng, nóng bỏng, dịu dàng và ghê gớm.

Tôi thấy rõ môi mình cất lời gọi nó. Tôi nghe rõ tiếng tôi gọi tên nó: “Money!”

Trước đây tôi chưa lần nào gặp gỡ với tiền. Điều đó chưa hề bao giờ làm tôi bận tâm. Từ nay thì khác hẳn. Vĩnh viễn khác.

Tên tôi là Cimbali^[1]

Tôi mang cái tên rất bóng bẩy, rất kêu, một cái tên nhảy nhót. Ít ra, đó cũng là nhận thức của tôi về nó, tôi bao giờ cũng tưởng tượng nó kèm theo một điệu nhạc gần như dã man, dù thế nào đi nữa cũng hoang dại, hung dữ, rất vui, nhảy nhót. Và cuộc ra đi vội vã từ London, vào một chiều tháng mười nhằm hướng mặt trời Châu Phi, đối với tôi thực sự là bước dạo đầu của Vũ Khúc.



Trên phi trường Mombasa, chiếc xe buýt sơn vàng chở nặng hành khách và đồ đạc từ chuyến bay của hãng hàng không Đông Phi.

Xe đi vào con đường ít được tu sửa, lỗ chỗ ổ gà, mặt nhựa ruỗng nước mưa. Tưởng sẽ gặp trời oi bức nặng nề, hoá ra thời tiết tốt, vừa phải, riêng không khí thì dính dấp, chở theo vô số mùi, mà không nhất thiết mùi nào cũng ngon lành. Những người quanh tôi tất nhiên đều là da đen, phần đông chứ không phải tất cả: Những người kia nước da sáng hơn, có lẽ nước da người Ấn Độ, có ít nhất hai người Ả Rập và một người Âu. Tôi tìm ánh mắt người này và khi bắt gặp tôi bèn gửi ngay một nụ cười chớm nở. Người ấy không đáp lại, quay ngay sang phía khác. Xe dừng bánh, mọi người xuống hết. “Trạm cuối” người lái xe báo cho một mình tôi khi thấy tôi vẫn ngồi im. Tôi bước xuống.

Đã gần giữa trưa ngày 24 tháng mười ấy. Trong lúc chờ xe liên vận ở Nairobi tôi không ra khỏi sân bay; ngồi đọc Karen Blissen và gần như chẳng nhìn thấy gì của Kenya. Cho đến đây tôi vẫn chưa thấy gì hơn; ngoài một ngôi làng trên đường đi Mombasa, chia thành từng lô với những chiếc lều tròn trát vữa trắng, mái rạ hình nón, với những phụ nữ phần lớn mặc đồ vải màu hồng, quần những chiếc váy tôi đoán là những chiếc khăn tắm, chít khăn xanh, mũi tẹt nhưng không vì thế mà xấu xí, rất tiếc là họ không để ngực trần.

Ra khỏi chiếc xe buýt màu vàng, đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc trực tiếp với xứ sở mà tôi nhảy vào. Một đường phố lớn đông đúc, hai bên này cửa hiệu, hàng quán, tôi được biết đó là phố Kilindini, huyết mạch chính của thành phố cổ Mombasa. Tất cả tài sản của tôi đều ở trên mình, tôi không có lấy một chiếc vali, cả đến một chiếc bàn chải đánh răng cũng không, điều này còn khó chịu hơn.

“Đã đến lúc làm giàu”. Con say man rợ trên đường Old Brompton không rời tôi. Rơi xuống càng thấp thì ngoi lên càng nhanh, len lên càng cao. Tôi tự hỏi ai nói câu ấy? Tôi, có lẽ. Trong cảnh ngộ của tôi, phải ngoi lên với tốc độ sao băng. Tôi hoàn toàn tay trắng. Để làm việc ấy cần biết tiền ở Kenya là gì. Ngọc trai, gương soi bỏ túi hay séc du lịch? Phía xa tấm biển đề ngân hàng Barclay hút tôi đến. Tôi chăm chú đọc bản thời giá hối đoái, nhờ đó tôi biết rằng từ nay tôi phải làm giàu bằng cái có tên là đồng shilling Đông Phi, rằng thứ đó trị giá xấp xỉ bảy mươi xu Pháp, rằng phải có mười tám shilling rưỡi mới được một bảng Anh, và bảy shilling ăn một đôla Mỹ. Biết được điều đó tôi tận dụng ngay cặp giò.

Tôi trở lại đường Kilindini, tản bộ suốt dọc đường, soi mói vào bóng tối các hàng quán trong đó có những người Ấn Độ với đôi mắt đàn bà và mái tóc óng mượt, chắc hẳn sẵn sàng trao thân để kiếm thêm đồng lãi. Rồi tôi cũng thấy được cái mình tìm kiếm: Một gã xấp xỉ tuổi, xấp xỉ tầm vóc tôi, thậm chí còn hơi thấp hơn, cũng đang ở trong tình thế phải chứng minh tài năng của mình giống như tôi; ít ra là như thế! Tôi bảo gã:

— Này anh bạn thân mến! Tôi cố ý đi thẳng từ London sang đây bằng chiếc máy bay nhanh nhất để giúp cậu thực hiện vụ áp phe của thế kỉ. Cái đồng hồ tuyệt đẹp này của tôi có thể là của cậu; không, cậu không nằm mơ đâu, thật đấy! Nó sẽ là của cậu nếu cậu chịu đổi sáu trăm đôla! Tôi mua ở nhà hàng Boucheron tại Paris với giá gấp đôi từng ấy. Cậu gọi điện cho họ, xưng tên tớ và hỏi ngay xem tớ nói đúng hay sai!

Gã chẳng biết Boucheron là cái quái gì, hiển nhiên như thế, hơn nữa còn tỏ ý có cần biết. Nhưng cái chính là ở chỗ khác kia, có lẽ ở ánh vui vui vừa hiện ra trong cặp mắt lỏng.

— Ở đây có bao nhiêu là cửa hàng, nhưng tôi chọn hàng cậu. Tình yêu bất ngờ, hả?

Tôi đặt cuộc rất trúng. Tôi nở rộng nụ cười, gã bắt đầu cười nụ. Tôi cười thật to, gã cũng cười

bằng tôi, có lẽ hai chúng tôi sẽ đi đến chỗ vỡ vào bụng nhau cũng nên. Đôi bạn thân thiết.

— Này, - tôi nói tiếp, - một việc ngon lành, dịp may hiếm có đừng bỏ lỡ. Thấy cậu thích mua quá, tôi để cho cậu năm trăm rưỡi thôi.

Gã càng cười to hơn, cười ngật nghễo, sặc sụa. Gã tránh sang một bên ra hiệu mời tôi vào; không lẽ vị khách vui cười như tôi lại đứng ngoài cửa. Mười phút sau, tôi đã kể với gã chuyện tôi từ London tới, mọi chi tiết về tình cảnh hiện nay, chơi đến cùng con bài nói thẳng, tình nghĩa bạn bè về sau. Gã mời tôi nước trà, bánh gatô dính dấp nước đường nhỏ giọt. Chiếc đồng hồ truyền tay một ông bố, dăm ông chú, mười anh em ruột và anh em họ được gọi đến tăng viện để làm một cuộc kiểm định toàn bộ.

— Một trăm đôla.

— Bốn trăm rưỡi.

Lại cười sặc sụa, lại uống trà. Đồng hồ lại đi thêm một vòng thứ hai.

— Một trăm hai chục.

— Bốn trăm.

— Ba trăm.

— Ba trăm tám mươi bốn đôla và mười bảy xu.

Tôi vui thích thực tình, bao giờ cũng như vậy. Sau bốn lần phút và sáu chén trà nữa, cười đã chán chê, chúng tôi ngã giá. Chandra thuận trả cho tôi một trăm bảy lăm đôla, một dao bào với ba lưỡi mới trong đó có một lưỡi thật sự còn mới, thêm một quần lót vải bông trắng kiểu quần tắm của Đội Quân Ấn Độ, thêm một bàn chải răng và một bản đồ Kenya. Chandra trở thành bạn thân, gần như một người anh em, gã thân thiết quàng tay lên vai tôi trong khi tôi phòng xa cứ phải để mắt theo dõi bàn tay gã, sợ nó đi lạc vào túi mình (tôi nhầm, sau này mới biết Chandra là người chu đáo, chắc chắn trong công việc). Gã mách cho tôi khách sạn Castle ở ngay phía sau đôi ngà voi bê tông to tướng đóng ở đường Kilindini.

Đó là một ngôi nhà hao hao phong cách Victoria, ghép thêm chiếc ban công kiểu Tây Ban Nha Hồi Giáo và một hố xí xồm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ ở cuối hành lang. Tiền phòng mất mười hai shilling, gần hai đôla. Tắm xong ở phòng tắm độc nhất dành cho khách tôi nằm dài trên giường mở bản đồ ra xem, cốt để tìm xem Kenya giống với cái gì. Nói thẳng ra, nhìn trên giấy, xứ sở này chẳng giống cái gì. Nhiều lắm cũng chỉ như một cái phễu, cuống tì vào biển Ấn Độ. Quay mặt vào đất liền, ta có Somalie bên phải, rồi đến Éthiopie, Uganda, hồ Victoria, bên trái là Tanzanie. Tôi tìm Kilimandjaro, núi tuyết con báo. Không có Kilimandjaro, chỉ thấy núi Kenya cao năm ngàn hai trăm mét, Kilimandjaro bị đánh cắp rồi sao? Mãi mới tỉnh cò thấy nó ở Tanzanie, không xa lắm. Người ta mới đổi vị trí của nó hay sao ấy, lâu nay tôi vẫn xác định nó nằm trên đất Kenya.

Bỗng nhiên tôi cảm thấy cô đơn, rất cô đơn, cách biệt với tất cả, theo nghĩa bóng và nghĩa đen, theo tất cả mọi nghĩa của từ này. Nói tóm lại, một nỗi buồn man mác đang lướt qua hồn tôi trong khi tôi nằm trên chiếc giường sạch sẽ về lý thuyết, trong căn phòng ồn ào có chiếc quạt hỗn hển như người lên cơn hen.

Tâm trạng này không kéo dài. Sức mạnh đã gặp trên đường Old Brompton vẫn còn đây. Tôi có trong tay một trăm bảy lăm đôla, hai mươi một năm hai tháng mười lăm ngày tuổi rồi. Tồi lắm thì cũng cầm cự được một tháng rưỡi, khi hết sẽ nói theo Robinson Crusoe^[2], không phải từ thứ sáu mà từ hôm trước. Nhất định sẽ tìm được một cái gì trước đó. Cũng chưa biết là cái gì: tôi chưa hề lao động, chưa hề kiếm nổi một đồng xu mề, lẫn lóc từ các trường trung học Paris về các trường tỉnh lẻ đến các trường bên Thụy Sĩ, bên Anh, đầu trò trong các đêm vui nhộn ở London và Paris, trong các trạm trượt tuyết bên Thụy Sĩ, các điểm xịn nhất trên bãi biển Côte, thẳng vô tư lự và vô tích sự, dăm thân nhiên ném qua cửa sổ một trăm mười bảy ngàn bảng Anh trong có hai tháng rưỡi, điều mà chính hấn cũng phải thừa nhận là một việc làm

không thông minh.

Nhưng có một Cimballi khác đã ra đời, hoặc đang sắp ra đời mà chính hắn cũng phải thừa nhận là một việc làm không thông minh. Nhưng có một Cimballi khác đã ra đời, hoặc đang sắp ra đời. Tôi tự đặt ra thời hạn: Một tuần lễ. Sự thật tôi đã đợi đúng bảy ngày mới gặp Joachim.

Từ tầm cao một mét tám lăm hơn chút ít, Joachim nhìn xuống tôi bằng cặp mắt voi ti hí bất động, gắn sâu vào bộ mặt có thể làm cả một bộ lạc Masai khiếp sợ. Gã hỏi tôi:

— Cậu tưởng tớ định chôm tiền của cậu sao?

Tôi cười phá lên:

— Chia đôi!

Gã cau mày, không hiểu. Rồi thật lạ, gã đỏ bừng mặt như một cô gái (thứ thiệt). Gã lắc đầu:

— Ồ, không cần. Tôi thích đàn bà cơ.

— Tôi cũng thích.

Gã là người Bồ Đào Nha, mới gặp nhau chẳng mấy lúc gã đã kể với tôi rằng gã ở Mozambic bốn, năm năm trước đó, ở Angola, gã mặc áo lính cho đến lúc - gã rụt rè thì thầm - rời quân đội, nói trắng ra là đào ngũ. Bộ mặt đỏ bầm của gã ban ngày trông cũng đã thấy sợ huống hồ ban đêm: Mũi hình bán đảo lồi dài ra, nổi gồ cao, da mặt dày rỗ huê, má có vết nhăn lõm sâu như vết sẹo. Tên thật, ít ra cũng là tên ở Kenya của gã là Joachim Ferreira da Silva và mười bốn, mười lăm tên khác nhau nữa.

Tôi gặp hắn ta trong các công trình kiến trúc ở sân bay. Bảy ngày sau khi tôi tới Mombasa. Những ngày trước đó tôi dành cho việc đi bộ vòng quanh thành phố. Gọi là thành phố thì hơi quá: Hai cửa sông, mấy vùng châu thổ đang bị biển lấn dần, giữa có một bán đảo nổi trên mặt nước chừng vài mét. Trên bán đảo, người Ả Rập, người Ba Tư, rồi người Bồ Đào Nha lần lượt xua đuổi hết các nô lệ người bản địa, dựng lên những pháo đài, đền thờ Hồi Giáo, nhà thờ Thiên Chúa Giáo. Phía Đông Bắc: Cảng cũ, đầy tàu thuyền kiểu Ả Rập từ Arabi sang; phía Nam: Cảng mới Ladindini tấp nập tàu buôn lớn. Xe lửa từ Nairobi, Uganda chạy tới cảng này ăn hàng. Từ Mombasa vào đất liền có đường ngầm. Đi theo đường này rồi sẽ lên Bắc ta sẽ gặp một bãi tắm rất rộng, rất đẹp, phía trên cảng cũ, dọc theo bãi có hàng dãy khách sạn loại sang mới xây dựng và nhà riêng của Jomo Kenyatta. Chẳng bao lâu nữa, vì những duyên cớ đáng buồn tôi sẽ biết tường tận từng chi tiết mặt tiền ngôi nhà này.

Trên đây là khung cảnh.

Không cần bỏ ra nhiều tuần lễ mới tìm ra giới hạn khu vực này. Cảng mới? Bất cứ một nhà vận tải quá cảnh người Ả Rập hay Ấn Độ nào cũng biết hơn tôi hàng trăm lần. Nghề buôn? Buôn gì? Vả lại tôi không dứt khoát một điều gì khác ngoài điều duy nhất này: Không bao giờ chấp nhận một sự vươn lên chậm chạp, bèn bĩ, chiếm mất ít nhất hai mươi hoặc ba mươi năm lao động của đời mình. Đúng là sẽ đến lúc làm giàu, nhưng phải làm thật nhanh tay. Chắc chắn đó là một tham vọng rất chủ quan, nhưng tôi cóc cần.

Mặt khác, tôi đang nắm trong tay một con chủ bài, tuy bản thân còn chưa biết đến mà phải đợi Joachim phát hiện tôi mới biết. Tôi trông thấy gã lần đầu tiên ở hàng hiên khách sạn Castle. Với bộ mặt kẻ giết mướn thất nghiệp, gã không thể lọt qua mắt tôi. Hôm sau tôi lại gặp, và hôm sau nữa còn gặp hai lần nữa, sau đó trong những cuộc tản bộ lang thang trong thành phố Mombasa tôi thường bắt gặp gã nhiều lần khác, lần nào gã cũng lảng tránh tôi với vẻ rụt rè của gái đồng trinh. Thấy vậy tôi rất ngạc nhiên và còn nghi oan cho gã: Tôi cho rằng gã định xâm phạm đức hạnh của tôi và ý nghĩ ấy không làm tôi thích thú gì. Chỉ một tí nữa thôi là tôi cho gã nắm đấm vào giữa mặt. Hai điều khiến tôi không dám là: Bản tính vui vẻ và tự nhiên và

sau nữa là nỗi sợ bị gã đâm lại tôi sẽ vụn thành cám.

— Đúng là tôi bám theo anh, - gã nói trong lúc thân hình đung đưa từ chân nọ sang chân kia như con gấu. - Nhưng đó là vì tôi có việc muốn bàn.

Bản tính rụt rè nhút nhát, có một trái tim học trò chất phác dưới bộ lông Kinh Kông; gã trình bày: Gã sinh sống nhờ tổ chức những cuộc đi săn thú, loại thường, không phải những cuộc săn loại sang.

— Khách chính là bọn Đức, đôi khi có bọn Thụy Điển, Đan Mạch hoặc Anh muốn thật nhanh chóng kiếm một con trâu giữa hai chuyến bay.

Joachim nói tiếng Anh, ít ra cũng là thứ nói, một cách khó nhọc, phát âm vô cùng tồi tệ. Chúng tôi hiểu nhau hơn qua thứ tiếng hổ lốn Pháp - Ý - Anh pha thêm tí chút Tây Ban Nha.

— Cậu lấy chúng bao nhiêu?

— Mười ngàn shilling.

— Bảy ngàn franc Pháp!

— Cậu cần gì mình?

Joachim giải thích:

— Tôi còn trẻ và dễ thương (chính tôi cũng tự cho mình là như vậy) lại biết nói nhiều thứ tiếng; ngoài tiếng Pháp và tiếng Ý ở xứ sở này cũng có ích gần như giấy trượt băng, tôi còn nói được tiếng Anh và tiếng Đức. Mình cứ đến gần bọn du khách người Đức là họ sợ mất vía. Và cũng chẳng hiểu được mình nói gì.

Joachim trả cho tôi hai ngàn shilling cho mỗi khách tôi dẫn đến. Thoả hiệp ở mức ba ngàn. Chúng tôi uống châu Coca Cola hữu nghị, Joachim không uống rượu vì “đã hứa với Đức Bà Fatima”. Tôi sưng sờ nhìn gã nhưng mặt gã vẫn nghiêm trang như mặt đức Giáo Hoàng. Tôi thì vì chỉ quen uống champagne tuy không nhiều và dù thế nào đi nữa thì cũng không có mà uống. Tôi nhẩm tính những công thức hoang đường nhất: Giả dụ tôi kiếm được hai, mà tại sao lại không là bốn hoặc năm khách mỗi tuần? Sẽ thu được mười ngàn shilling mỗi tuần, sẽ bắt mỗi với nhiều Joachim khác ngay khi gã này không đảm bảo được yêu cầu, nhưng nếu tôi đứng ra tuyển mộ các Joachim tương lai, tôi sẽ thu không chỉ ba ngàn mà sáu ngàn shilling của mỗi khách, nhân với ba mươi khách mỗi tuần, nhân với số tuần trong tháng; lại giả dụ, vẫn là giả dụ thôi, rừng Kenya có hàng chục vạn du khách Đức, thậm chí có đến hàng triệu những người thích xếp đội ngũ theo hàng năm, tôi dễ dàng đoạt doanh thu sáu trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm năm bốn shilling mỗi tháng. Đó là mức tối thiểu, sau đó tôi sẽ mở rộng kinh doanh sang các nước láng giềng, có thể đến tận Senegal cũng nên...

Vừa tính toán xong đã thất vọng ngay. Thực ra các du khách xuống máy bay là mơ tưởng ngay đến những bãi tắm trên bờ Ấn Độ Dương, những cảnh lạ, đến Mombasa cảng nô lệ, Mombasa ngày xưa có người tên là Stanley đi tìm Livingstone. Họ đâu có mê săn thú, nếu có cũng rất ít. Nói theo kiểu các nhà kinh tế học thì thị trường hẹp không đáng kể. Tôi tỉnh ngộ ra điều đó sau vài ngày giảng bày các du khách mới tới ngay tại chân cầu thang máy bay, bám lẫn nhặng theo chân họ trong lúc họ đi lang thang với vẻ ngốc nghếch tìm mua những tranh khắc gỗ kinh tởm và những vũ khí Masai dỏm thứ thiệt.

Tuy nhiên...

Trong ý của Joachim nói, tôi bắt đầu nhận ra mầm mống của một sáng kiến. Đúng, con chủ bài của tôi là giống da trắng, là giao tiếp được với du khách, gây được lòng tin. Không đến mức ấn được cho họ những cuộc săn thú mà họ không thích, nhưng liệu có nhất thiết phải có cái gì để bán cho họ không?

Tôi trở về với anh bạn người Ấn đã mua đồng hồ. Từ sau lần gặp gỡ đầu tiên tôi đã nhiều lần quay lại cửa hàng của Chandra, có thể nói là chúng tôi đã kết bạn với nhau, bởi lẽ gã đã bán lại chiếc đồng hồ với số số lái nào đó gã không dám thú nhận với tôi. Tôi hỏi Chandra, những câu

hỏi gã trả lời càng cứng cổ thêm ý định ban đầu của tôi.

— Đã đến lúc làm giàu? Được, tôi đã có cách.

Khách đầu tiên của tôi là một người miền Nam nước Đức, tôi còn nhớ hình như ở quanh Munich, làm nghề luật sư hoặc thầy thuốc gì đó, đại loại một nghề tự do. Tôi vừa mở miệng vài câu, khách đã nhìn chằm chằm:

— Anh học tiếng Đức ở đâu?

— Mẹ tôi là người Áo.

Không, ông ta không đi săn, không phải nhà thiện xạ. Không, không cần người hướng dẫn, cũng không cần phiên dịch. “Nếu cần đàn bà, tự tôi sẽ có cách tìm ra”. Tôi giơ tay chào thua.

— Tôi không định mời ông mấy khoản đó. Chỉ xin nói điều này rất đơn giản: Ông sắp đổi tiền. Ví dụ đổi một trăm đôla, Sở Hối Đoái ngay trước mặt kia sẽ chuyển một trăm đôla của ông thành bảy trăm shilling theo đúng giá chính thức. Tôi sẵn sàng đổi cho ông bảy trăm năm mươi. Ông lợi năm mươi shilling, tức gần ba chục mark. Đổi một ngàn, lãi năm trăm shilling, ba trăm mark.

Tuổi trẻ, mồm mép tía lia của tôi làm ông chú ý. Cặp mắt xanh của ông tỏ ý thân thiện, hơi trầm ngâm và nghi ngại.

— Mánh nào?

Tôi cười:

— Chẳng mánh mung gì sất. Bảy trăm năm mươi đổi một trăm, không mánh mung vớ vẩn. Không có cớ mớ mớ.

— Đợi tí.

Ông ta tới Sở Hối Đoái, hỏi giá chuyển đổi chính thức bằng tiếng Anh rất đạt. Khi quay lại, vẫn hơi do dự:

— Shilling xin chứ?

— Ông cứ việc mang đến ngân hàng kiểm tra nếu ông muốn.

Ông quyết định đổi bốn trăm đô. Tôi ra hiệu Chandra vẫn đứng đợi đằng xa từ nãy; gã lôi trong cái tạm gọi là xắc cốt của gã ra, đếm rất cẩn thận đủ ba ngàn shilling toàn bạc đã dùng rồi. Tôi đã dặn Chandra rất kĩ: Phải đưa bạc cũ vì những tờ mới cứng dễ làm khách hàng nghi hoặc. Tất nhiên đó là thứ bạc thiệt hết, nhưng tôi không muốn để nhân viên ngân hàng Trung Tâm Kenya chú ý đến công việc đổi tiền của tôi.

Ông Munich đi rồi, Chandra thanh toán tiền hoa hồng cho tôi: Hai trăm shilling - tới hai mươi tám đô. Giá bán đôla ở chợ đen không phải là bảy shilling mà gần tám rưỡi. Với giá này rất dễ bán. Ở Mombasa cũng như ở Nairobi có rất đông kiều dân Ấn Độ, họ đang chuẩn bị nổi tiếp cuộc di tản bắt đầu năm 1968 đưa hàng ngàn người Châu Á, nhất là người Ấn Độ trở về tổ quốc trước những biện pháp của Kenyatta nhằm gạt họ khỏi những vị trí chủ chốt trong nền thương mại. Chandra và đồng bào của gã chỉ có cách mua đôla mới mong mang theo được của cải, tiền tiết kiệm khi phải ra đi, có khi phải ra đi rất vội vàng. Do đó họ đổ xô vào mua đôla với giá tám rưỡi, chín, thậm chí mười ăn một. Tôi đánh vào chỗ đó: Chênh lệch tỉ giá giữa hai đồng tiền, và cơn sốt đôla. Mà phải đánh thật nhanh.

Tôi tận dụng một sự kiện mới mà chính những người Ấn Kiều không thấy rõ: Sự gia tăng đột ngột các du khách Châu Âu, nhất là người Đức. Và phải làm nhanh vì sớm muộn nhà chức trách Kenya sẽ hỏi thăm tôi, họ không thể chấp nhận sự can thiệp của tôi tuy trước mắt nó chưa thật sự trái pháp luật. Chandra nở nụ cười vô cùng rạng rỡ: Tuy đã trích ra tiền hoa hồng của tôi, gã chỉ phải trả có ba ngàn hai trăm shilling thay vì ba ngàn bốn trăm để mua bốn trăm đô. Gã sẵn sàng chơi nữa, kéo thêm vào cuộc một số đồng loại. Tôi giao hẹn:

— Với một điều kiện: Cả cậu, cả bọn đó đều chỉ làm ăn với một mình tôi.

Gã thề độc nếu sai lời thì trời tru đất diệt. Không nói rõ diệt ai, mong không phải là tôi.

— Điều này nữa Chandra: Không được nói với ai khác. Cậu sẽ được lợi ở chỗ: Mua đôla của tôi với giá ưu đãi, tám shilling chứ không phải là tám rưỡi.

Thế nghĩa là: Ngoài số bán cho gã, tôi sẽ bán cho người khác tám rưỡi một đô mà tôi mua chỉ mất bảy shilling rưỡi. Lãi mỗi đô một shilling. Với điều kiện vợ được những ông Munich khác. Hai ngày tiếp sau tôi không rời sân bay nửa bước. Nhiều giờ trôi qua không có kết quả, sau đó tôi được mẻ lưới to: Ba người Đức đi cùng vợ, các bà thấy tôi xinh trai. Tôi đổi cho họ hai ngàn hai trăm năm chục đô, một nửa lại bán cho Chandra nửa kia bán cho một thương gia ở đường Kalindini. Lãi ròng: Một ngàn sáu trăm tám bảy shilling - Hai trăm mười đô. Khoảng tám trăm chín mươi hai franc Pháp.

Tôi điên lên vì sung sướng. Thành công rồi! Thời vận đến rồi! Lần đầu tiên trong đời, tôi làm ra tiền và khám phá ra điều kì lạ làm tôi sững sờ và sung sướng cực kì: Đơn giản quá! Đơn giản phi thường! Một điều gì đó đã đến và ý định đó biến thành đồng tiền rủng rỉnh. Tuy ý đó chẳng có gì xuất chúng, số tiền kiếm được cũng chẳng to tát gì. Nhưng tôi biết chắc đó mới là bước khởi đầu thôi, và còn xa tôi mới đoán được sẽ thành công đến mức nào, còn xa mới tưởng tượng được rằng ở cuối con đường tôi đi sẽ có hàng trăm triệu đôla đang chờ đón. Con đường mà tôi gọi và mãi mãi sẽ là vũ khúc của tôi.

Trong cơn hăng say tôi nảy ra một ý kì cục. Khi trở về Mombasa tôi mua hai tấm bưu thiếp y hệt nhau in hình con chó rừng. Tôi gửi một tấm cho ông bác, Giancarlo Cimbali ở Lugano, tấm thứ hai cho Martin Yahl - Đẳng Tối Cao ngành ngân hàng, Chủ tịch, tổng giám đốc nhà băng cùng tên, ngân hàng tư doanh (tư cách tòi tề) trên bến General Guisan tại Geneva. Trên cả hai tấm đều ghi câu: “Ông thấy chưa, tôi không quên ông”. Trò trẻ con? Nhất định rồi. Dù sao, nó không để lại hậu quả gì. Ấy là tôi tưởng thế. Và cứ tưởng như thế rất lâu cho đến khi nhận được trả lời, một câu trả lời khác thường, âm ỉ.

Tôi còn tìm hộ cho Joachim được một khách hàng, có thể gọi là khách đôi cũng được vì đây là một cặp vợ chồng, từ Zurich tới. Tên là Hans và Erika. Chồng làm gì đó trong ngành bưu điện, vợ trong ngành điện tử, ít ra cũng kỹ sư. Cả hai đều dễ thương, rất yêu nhau. Họ dặn trước Joachim: “Chúng tôi thật sự không muốn bắn giết. Dẫn chúng tôi đi thăm thú phong cảnh đất nước.” Thoạt đầu mới gặp Joachim, họ giật mình lùi lại, lo ngại trước dáng vẻ gã. Bây giờ họ thấy thích cách cư xử vồn vã của chú gấu đã thuần, họ hoà hợp với nhau rất tốt. Bốn chúng tôi từ Mombasa đi lên phía bắc, hướng tới Malindi và Lamu theo con đường ven bờ có những bãi san hô là mặt biển tạo thành những phá nước lặng và trong kỳ lạ.

Buổi tối ngồi ăn thịt chim quay, gà rừng chiến lợi phẩm của Joachim chúng tôi bàn luận về nước Thụy Sĩ. Hans và Erika tưởng tôi là người Thụy Sĩ. Tôi cãi chính:

— Tôi là người Pháp, sinh ra ở St. Tropez.

Họ reo lên: Mùa hè năm ngoái họ vừa đến đó. Họ đã tắm trường ở Pampelone.

— Tôi chôn rau cắt rốn trong ngôi nhà trên bờ biển đó. Hoặc trước kia nó ở đó.

Chỉ một tí nữa là họ nhớ ra ngôi nhà ấy, ngôi nhà hiển nhiên họ không nhìn thấy, không để ý đến; họ sốt sắng rà soát lại ký ức với hy vọng tìm thấy một hình ảnh: “Ngôi nhà lớn trắng trắng? Hay toà lâu đài có tháp cao?” “Không phải, nhà ngay sát mép nước. Có bức tường đá chắn trước mặt, nền đất cao trồng cỏ”. Kỷ niệm xưa dồn dập trong tôi. Do đâu mà tôi giữ được hình ảnh chính xác, rõ ràng đáng ngạc nhiên đến thế về ngôi nhà tôi biết từ hồi còn là đứa trẻ con, và không lần nào trở lại từ khi bố tôi qua đời?

— Lúc ông nhà mất anh bao nhiêu tuổi?

— Lên tám.

— Cimbali là tên gốc Ý phải không?

— Quê gốc bố tôi ở Tessin, không phải Tessin thuộc Thụy Sĩ mà ở bên kia biên giới. Vài trăm mét nữa là ông cụ thành người Thụy Sĩ.

Joachim lấy chiếc ghita, lướt những ngón tay thô kệch mơn man dây đàn một cách dịu dàng tinh tế không ngờ.

— Bà cụ anh cũng không còn nữa?

— Mẹ tôi mất năm tôi mười hai tuổi.

Mẹ chết vì bệnh ung thư. Không phải ở chỗ nào khác: ở Paris, phố Nhà Lạnh. Tên phố nghe thật lố lăng, nhưng thật chính xác một cách bi thảm. Tôi cũng còn nhớ kỹ nơi ấy, vẫn nhớ những tháng hấp hối của mẹ tôi, nhớ như in hình ảnh người bác Giancarlo múa may quay cuồng bên giường bệnh, nhớ điệu nhảy nhộn nhạo ma quái của lão. Tôi biết rõ lão theo lệnh của Martin Yahl thúc ép các bác sĩ phải bằng mọi cách kéo dài cuộc sống - cũng là kéo dài sự đau đớn của bà, không phải vì thương yêu mẹ tôi mà chỉ là để bà ký được hết các giấy tờ lão cần có. Mỗi hận thù dữ tợn của tôi đối với người bác và Martin Yahl không phải đến lúc này mới nảy nở, nó là một mối hận thù bản năng, nhưng qua mấy tuần lễ mùa xuân 1960 này nó mới bắt rễ vào một cái nền vật chất và phát triển mạnh lên. Lòng căm ghét thật mãnh liệt, đôi khi chính tôi cũng không hiểu nổi. Nó khiến tôi đốt hết mọi thứ họ cho tôi, học vấn, tiền bạc... Như một ám ảnh bệnh hoạn.

— Bố anh ta rất giàu, đồ đi không hết của - Joachim cất giọng như lệnh võ, hất hàm về phía tôi. - Father very, very rich...”

Gã mỉm cười với tôi, mắt tươi rói tình bạn đáng ngạc nhiên. Gã gật gù:

— Very rich. Rất giàu, về sau, hẳn nhui.

Gã hát bài Amicas Das Violetas, bài dân ca Bồ Đào Nha gã rất thích. Hans và Erika nép vào nhau, còn tôi, tôi ngẩng nhìn chòm sao Hiệp Sĩ.

Mỗi du khách người nước ngoài nhất là người Đức trung bình đổi tầm trăm đôla khi đặt chân tới đây. Tôi kiếm được xuýt xoát tám trăm shilling tức hơn trăm đôla mỗi khách. Bài toán rất dễ, trình độ lớp một. Hai tuần sau khi khám phá ra nguồn lợi này, tôi không cần đến Chandra xuất vốn nữa, nghĩa là tôi bắt các đồng shilling của chúng tôi phải sinh lợi, những shilling có được nhờ bán đôla cho các nhà buôn Ấn Độ. Sau đúng mười hai ngày - tôi nhớ rõ vì đây là ngày cuối của tuần thứ ba trên mảnh đất Mombasa của Kenya - tôi đã có đủ vốn mua ngay một lúc số đôla của bốn du khách: Sáu nghìn shilling, và trong một ngày hôm đó tôi mua bốn đợt như vậy. Cứ mỗi hai tiếng đồng hồ làm ăn tôi thu lãi ròng bốn trăm hai chục đôla. Tất nhiên không phải ngày nào cũng có được của trời cho như vậy, ngày hôm đó thật đáng được cảm mốc ghi nhớ, ở giai đoạn làm ăn này của tôi.

Một điều chắc: Tôi sống bằng cái mình làm ra, sống dư dật. Ngày 22 tháng 12, hai ngày trước lễ Giáng Sinh, tôi già từ khách sạn Castle, chiếc quạt kêu hỗn hển, những bức tường lấm tẩm xác muối nát bét, phòng tắm công cộng cuối hành lang khai nức mùi nước đá. Dọn về khách sạn White Sands cách không xa tư dinh của ngài Jomo Kenyatta. Trước mắt tôi bãi biển trắng xóa tuyệt vời, và Ấn Độ Dương rực rỡ san hô.

Sau một tháng đổ bộ vào Mombasa tôi cảm thấy như ở nhà mình. Ngày 23 tháng chạp có thư đến. Đề tên tôi, viết rất chính xác với đủ hai chữ L và chữ C ở đầu, riêng chỗ ở chỉ đề “Mombasa, Kenya”. Tôi không bao giờ biết được bưu điện Kenya có phép thần thông gì mà đưa được thư đến đúng chỗ tôi; có thể vì số người Âu trong thành phố hai trăm vài chục ngàn dân này không nhiều, nhất là những người không phải dân Anh. Thư được gửi vào bưu điện Paris mười một ngày trước đây, tức ngày 12 tháng chạp, lúc mười sáu giờ mười lăm phút, phố Beethoven quận XVI. Tôi bóc ra xem. Giấy viết thư khổ 21x37, không có bóng mờ, đánh máy. «Lúc thư uỷ thác di sản hết hạn, ông đã nhận khoảng một triệu franc số dư tài sản của phụ thân ông. Thực tế, số tài sản ấy vào khoảng từ năm mươi đến sáu mươi triệu đôla. Chúng đã cưỡng đoạt của ông». Không ký tên.



Lễ Noel, tôi hội đàm suốt đêm với cô gái Somali có cặp vú đẹp tuyệt trần, hơn nữa, nét lượn từ thắt lưng đổ xuống dưới có thể làm thác Niagara phải tuột xuống xếp hạng sau. Cô ta dịu dàng, tươi tắn, ân cần, chỉ thiếu đầu óc kinh doanh.

Công việc đổi tiền tiến triển nhanh hơn so với dự tính của tôi. Những lễ hội cuối năm, mùa nghỉ bên Châu Âu hút khách du lịch sang đây từng chuyến máy bay đầy chật. Không phải chỉ bằng những chuyến thường lệ mà còn có những máy bay thuê riêng, càng ngày càng nhiều, do những tổ chức loại Kuoni đứng thuê. Ngày 26 tháng chạp, ba mươi ngày sau khi đổ bộ, tôi lập một kỷ lục mới: Bảy khách, sáu trăm chín chục đôla tiền lời. Hai người trong số đó còn làm một cuộc du ngoạn săn thú chụp ảnh do Joachim dẫn đường; chàng Bồ Đào Nha nhất quyết thanh toán cho tôi khoản phần trăm dặt mỗi - dồn thú, nâng thu nhập trong ngày của tôi lên hơn chín trăm đô.

Trở về phòng trọ trong khách sạn White Sand, tôi rải tất cả số tiền lên giường mà ngắm nghía, nghi hoặc, say sưa, mê mết. Tôi đến soi mình trong tấm gương tròn tắm. Đúng là tôi thật! Tôi trở về giường, leo lên tấm nệm giấy bạc. Cú nhảy của thiên thần...

Đã đến lúc làm giàu: "Make money". Nó đang tới. Và đến ngày 31 tháng chạp, sửa soạn chào đón năm mới tốt lành, tôi sắm một bộ cánh màu trắng, đôi giày mới, một vali và nhiều thứ lặt vặt khác. Những khoản chi quá đáng, nhưng không hề làm sút mẻ vốn liếng của tôi. Lần đầu tiên đạt mười ngàn đôla - khoảng năm chục ngàn franc Pháp.

Những ngày sau đó, tôi biết trước rằng du khách sẽ giảm, họ trở về quê hương. Tuy nhiên, mức sụt giảm đột ngột từ mười, mười hai khách xuống còn có một, hai người vẫn còn là đòn nặng giáng cho tôi, ngay cả ngày có khách. Có lần tôi chầu chục ba ngày liền vẫn không móc được người nào. Mới đó tôi còn tính chuyện tuyển Chandra phụ giúp một tay, gã cũng rất nóng lòng cộng tác với tôi. Không thành vấn đề nữa rồi, ít nhất trong lúc này. Để làm dịu cơn căng thẳng thần kinh đang làm tôi điên tiết, tôi triệu tập cô bé Somali đến họp phiên toàn thể. Giữa lúc chúng tôi đang đú đờn trong buồng tắm nhân dịp đầu năm, thì có tiếng đập cửa. Tiếng đập hùng hổ tự nhiên làm tôi nghĩ ngay tới gã Bồ Đào Nha với những nắm đấm to tướng, lông lá, nặng trình trịch. Tôi hét:

— Mình ra đây, Joachim!

Tuy có sẵn khăn ngay đấy, nhưng muốn trêu anh chàng Joachim cả thẹn tí chơi, tôi quần khăn lên trán, cứ thế tổng ngồng đi ra cửa. Tôi mở cửa và thấy ngay trước mũi - cứ tạm nói như thế - một ông tóc hoa râm cắt bốt, mắt nhắm nheo sau cặp kính, tự giới thiệu là cảnh sát trưởng, đến để bắt tôi.

Ông nhìn tôi từ trên xuống dưới.

— Anh cởi truồng?

— Bao giờ cũng thế. Khi tắm. Tại sao vậy?

— Tại sao cái gì?

— Tại sao bắt giữ tôi?

— Vi phạm luật hối đoái.

Bình thường ra, lão phải đợi tôi mặc xong quần áo rồi giải đi. Đằng này lão điềm nhiên bước

vào phòng, đi thẳng tới buồng tắm. Cảnh sát trưởng đóng cửa lại, thế là tôi hiểu. Tôi ngồi xuống. Đúng cái lão Joachim đã nói chuyện với tôi, đã dặn tôi phải đề phòng. Tên lão tạm gọi là Wamai, mã người chẳng ra sao, bé nhỏ, xương xẩu, sắc mặt xám đen, hai mắt đen tròn, vằn tia máu.

— Này ông Cimbali, tôi thấy ông nhiều rồi. Đã thấy ông nhiều ở Mombasa này.

— Chắc ông đánh giá cao cảnh đó?

Đầu óc hài hước của lão chỉ là chiếc giẻ lau. Lão không hề nhếch mép. Thu nhập bình quân của một người Kenya là mười lăm đến hai chục đôla tháng. Lão này là cảnh sát trưởng, chắc độ gấp tám, gấp mười chừng đó, theo tôi nghĩ. Được, tôi sẵn sàng thí một trăm đôla. Có thể đến một trăm năm mươi.

— Tình thế của ông rất hiểm nghèo, - Wamai nói, - rất hiểm nghèo.

Joachim đã bảo tôi: Wamai móc ngoặc với thẩm phán, thành Equipe. Tốt nhất là chi tiền thẳng cho chúng, cả hai tên, hơn là tin vào công lý của chúng. Bằng lòng, tôi sẽ chi đến ba trăm đôla, mỗi đứa một trăm năm chục. Tôi hỏi rất tử tế:

— Tôi phải làm gì để thoát khỏi tình thế này?

— Tôi có thể can thiệp giúp ông.

Tôi vừa thầm quyết định: Mở đầu cuộc đấu giá từ hai trăm đôla, năm chục cho cả hai, giá bán buôn. Hai lăm? Sao không hai mươi? Như thế sẽ thêm được một chặng trong cuộc thương lượng chắc sẽ kéo dài.

— Tất nhiên, - Wamai tiếp, - sẽ có những tổn phí.

Tôi dúm cho lão nụ cười sầu não, tỏ ý lực bất tòng tâm.

— Khả năng tôi rất hạn chế. Hiện còn chưa biết làm thế nào trả tiền thuê phòng trọ này...

Lão gật gù:

— Năm ngàn đôla, ông Cimbali. Ông trả dần mỗi tháng, và sẽ được yên thân.

Tôi lặng im.

Lão giải tôi đi.

Cho đến giây cuối cùng của tôi vẫn cho là lão bịp tôi, lão muốn dọa cho tôi sợ thôi. Tôi bắt đầu tin khi lão đưa tôi điếu qua đại sảnh khách sạn, giữa hai cóm. Lúc đi ngang qua phòng tiếp tân, tôi không sao chịu nổi, nói pha trò một câu: “Tôi tiến chân mấy ông này rồi sẽ quay lại ngay.” Tôi tin lão khi lão bắt tôi trèo lên sau chiếc Land Rover, vẫn hai bên hai cảnh sát ngồi kèm, thêm đôi còng ở tay. Tôi tin lão bớt đi một ít, nghĩa là tôi bắt đầu có nghi vấn ở Sở Cảnh Sát, tôi bị lão bỏ mặc hoàn toàn trong căn xà lim rộng, mùi khó ngửi, làm bạn với chừng nửa tá can phạm nói rất một thứ tiếng Swahili, và tỏ ra rất khó chịu khi thấy có mặt một gã da trắng giữa bọn chúng (sự có mặt này cũng làm tôi khó chịu).

Tôi có chiều hướng không tin gì lão nữa khi bị đẩy lên chiếc xe xà lim quái gở trước đây tôi đã trông thấy một hai lần trên các đường phố Mombasa. Nó là chiếc xe tải thường, trên thùng xe cũi sắt có duy nhất một cửa mở ra phía sau. Dọc thùng xe có một thanh sắt dài gắn chặt xuống sàn. Xích ở cổ chân cổ tay tôi, cũng như các bạn đồng hành trên xe đều bị cột vào thanh sắt này; tất cả có độ mười lăm hoặc hai mươi người trong cũi, được dong khấp thành phố như thể họ lấy đó làm thú vị. Đối với cư dân Mombasa cảnh tượng này không có gì đặc biệt tuy nó vẫn làm mọi người để mắt nhìn, họ đã quen với chiếc xe xà lim vẫn thường chạy qua các phố. Nhưng rõ ràng đây là lần đầu họ trông thấy một gã người Âu bên chiếc Bermuda trắng dơ dáy in hình những cây cọ hồng, cọ xanh.

Dĩ nhiên, cho đến hôm nay tôi chưa hề bị xích, càng chưa bao giờ bị nhốt cũi. Không thích thế, không thích một tí nào. Trong vài giây sáng láng, tôi cảm thấy nổi kinh hoảng, sự điên giận của con thú mắc cạm. Wamai có trước mặt tôi lúc này nhất định sẽ bị tôi bóp cổ đến chết. Tôi muốn nôn ọe, muốn gào lên, muốn đẩy dụa đến rút đứt cả hai tay. May là những cái đó không

kéo dài, tôi trấn tĩnh lại được. “Hãy nhìn mình, Cimballi, hãy đứng ra ngoài mà nhìn vào máy xem, trông có hay không?” Tôi ngồi xuống một thứ giống chiếc ghế bằng gỗ, dúi đầu giữa hai đùi, cắn răng ngoạm vào bắp tay. Một lúc thấy đã khá hơn, tôi ngẩng đầu lên vừa lúc xe ngoặt mạnh vào phố Kalidini. Chúng tôi đi dọc theo vỉa hè đầy hàng quán mà tôi quen biết mọi chủ nhân. Nổi nhau vút qua những bộ mặt hốt hoảng, bóng nhẫy, quay hết về phía tôi với cặp mắt trống vắng của những người đứng trên sân ga lúc tàu chuyển bánh. Xe chạy qua khách sạn Castle chui dưới đôi ngà voi bê tông và tôi phát hiện ra người con gái ấy: Một cô người Âu mảnh dẻ, tóc nâu, nhanh nhẹn, có đôi mắt biếc, đôi môi đỏ thoáng vẻ giấu cợt. Hai cặp mắt gặp nhau, dán vào nhau, không rời nhau nữa. Tự nhiên, hoàn toàn do phản xạ của lòng kiêu hãnh, tôi thẳng người, nâng hai tay bị xích làm điệu chào cô ta và mỉm cười. Nếu không bị xiềng xích hẳn tôi sẽ chào theo kiểu võ sĩ thẳng trận. Xe tăng tốc độ sau một đoạn chạy chậm, tôi cúi gập người để nhìn cô ấy, để trì hoãn giây phút phải rời xa cô, và thấy cô cũng nghiêng đầu nhìn theo tôi. Tôi còn kịp thấy cô mỉm cười nữa. Tôi không quen biết, chưa trông thấy cô lần nào, thái độ của cô chứng tỏ cô cũng không quen biết tôi. Một khúc đường ngoặt đã chia li hai chúng tôi; xe chạy theo hướng Bắc.

Sau đó, toá án. Tôi chờ đợi một cuộc tranh luận kịch liệt. Nghĩ đến lãnh sự, luật sư, đại sứ, lời khai của lão bác tôi tệ hoặc tai hại hơn cả, của Đấng Tối Cao chủ ngân hàng Martin Yahl, nó sẽ cho tôi rơi xuống tội cùng bất hạnh. Chẳng thà lĩnh ngay hai mươi năm. Cuối cùng...

Toà án là một ngôi nhà hai lầu, hành lang kiểu Bồ Đào Nha bọc quanh mảnh sân trong, nơi chiếc xe xà lim đỗ lại. Người ta lôi chúng tôi xuống, xiềng vẫn ở chân và chân đá vào đất, trừu tôi, vì tôi rất dễ thương. Quả thật có vẻ họ đặc biệt quan tâm đến tôi, họ tách ngay tôi ra khỏi những kẻ kia rồi thúc tôi vẫn đeo xiềng mà lê lên lầu một, một gian phòng nhỏ có gã Ấn Độ tròn như khúc dồi, rỉ nước nhầy nhựa như cây nến đương chảy ngòi sau chiếc bàn.

— Ông đã vi phạm nghiêm trọng luật hối đoái. Tội rất nặng.

Tôi chỉ kịp: “Có ý kiến” và “tôi đòi có luật sư”, lão đã đưa cho các vệ sĩ của tôi mảnh giấy ký sẵn từ trước cuộc trò chuyện thú vị này, họ xốc nách lôi tôi ra ngoài. Chưa kịp hiểu mô tê gì tôi đã thấy mình ngồi trên xe xà lim, những bị cáo khác theo nhau lên thêm, lát sau xe giật mạnh lao về phía Bắc.

Xe chạy ngang trước mắt các khách sạn lộng lẫy dọc bờ biển, qua White Sand của tôi, qua tư dinh Jomo Kenyatta. Chạy tiếp ba chục kilômètres vẫn theo hướng chính Bắc thì đến trại giam. Trong lần đi với Joachim và cặp Thụy Sĩ đến Malindi và Lamu tôi đã có dịp liếc mắt qua. Nhưng không hề giữ lại một kỷ niệm sâu sắc nào: Xét theo con mắt du lịch, cảnh này không đáng công đi đường vòng. Bây giờ mới nhìn kỹ: Một thứ trại tập trung với những căn nhà xây có hàng rào tre tô điểm qua loa vài hàng dây thép gai. Nhà thấp lè tè sát mặt đất, mái bằng, xây bằng gạch xỉ không trát, tất nhiên không quét vôi. Qua các lỗ thông hơi có chấn song lắp thêm lưới sắt, mùi hôi thối bên trong xì ra từng luồng đặc sệt chẹn vào hòng, các lán trại bị nung đốt đến nóng chảy phản chiếu lên những bộ mặt kín mít cổ dươn ra ngoài sáng, đầm đìa mồ hôi, trang điểm một lớp ghét dày cộp. Chỉ trong mấy giây tưởng tượng mình bị tống vào đó, tôi đã ngạt thở, kinh tởm và nói thẳng ra là khiếp sợ nữa. Thành ra khi thấy được dẫn đi tôi bỗng nhẹ hẳn người. Nghĩ rằng đã thoát chết. Tôi khập khiễng lê trên mặt đất lồi lõm, đôi mắt cá như toét ra vì xiềng sắt cửa thẳng vào da thịt, trên người tôi cũng có chiếc quần Bermuda và áo sơ mi kiểu Hawaii chân đi dép tông Nhật. Tôi vấp chân loạng choạng, hết nghĩ đến thân phận mình.

Thành ra đến phút cuối cùng mới trông thấy chiếc cửa song sắt. Nằm sát mặt đất, khóa chặt. Người ta mở khóa cho tôi. Thả xuống chiếc thang - chỉ là thang gỗ đóng những thanh ngang

không đều.

“Xuống!”

Bên dưới có sáu người chen chúc trong hố đất tròn sâu năm mét, rộng hai, lổng bởng một thứ bùn thối kinh hồn gồm những chất đã quá rở. Chân tôi lún sâu đến tận mắt cá, gần phát khóc vì những cơn ói quặn ruột, loạng choạng dò dẫm mãi mới tìm được một chỗ trong xó, dựa lưng vào thành hố. Cửa sắt trên đầu sập lại, bọn cảnh sát bỏ đi. Thoạt đầu tôi chỉ thấy quanh mình toàn những bóng đen. Lúc sau mới nhìn kỹ mặt sáu bạn tù, họ cũng đang nhận mặt tôi. Bốn gã nhìn tôi vẻ ngạc nhiên, thậm chí hơi châm chọc; hai gã kia chỉ liếc qua vẻ khinh miệt. Hai hộ pháp cao to không tưởng tượng được, đầu gần chạm tới bờ hố; sọ cao nhẵn một mảng phía trên trán, món tóc còn lại chùm mạp đỏ, cổ đeo vòng sắc sỡ nhiều màu, vẻ mặt chúa tể lạnh lùng, đặc cứng một niềm kiêu hãnh thú vật. Hai gã Masai, người chúng bốc mùi rất tởm. Bốn gã kia là người Kikuyun tướng mạo cướp đường dễ sợ. Sau này mới biết họ chỉ là dân săn trộm, bị kết án vì tội bắn hạ thú rừng trong một vườn cấm. Nhưng lúc này tôi khiếp sợ họ hơn sợ gã Masai kia: Những lời thì thầm bằng tiếng Swahili đáng ngờ, những ánh mắt nhìn tảo bạo có ý xấc xược, những cái đó đều không làm tôi yên lòng. Tôi bước qua khu đệm “No man's land” ở giữa hố đến ngồi chen giữa hai gã Masai. Hai gã không nhúc nhích nửa li. Một giờ trôi qua, ánh sáng giảm dần, lòng can đảm của tôi cũng giảm theo. Những vết đốt đầu tiên làm tôi giật nảy, những vết tiếp theo làm tôi buốt như phải bỏng. Trong bóng tối đang xẫm lại tôi nhìn thấy chân tay bị hàng đàn côn trùng màu nâu phủ kín đang ra sức xâu xé, định ăn tươi nuốt sống tôi. Tôi dậm chân, nhảy múa tại chỗ gần như điên. Mấy gã Kikuyun gào lên cười, còn hai gã Masai vẫn tĩnh khô không trông thấy tôi, như tưởng tôi ở cách xa chúng đến mười ngàn kilômètres.

Sáng ra chúng tôi được lên mặt đất. Họ dọn ra món thịt đã ngả màu tím xanh bốc mùi xác chết, tôi sợ mất vía không dám đụng vào. Nhìn mặt trời tôi đoán đã bảy giờ sáng khi họ đẩy tất cả bọn tôi cùng với độ một chục tù nhân khác lên năm, sáu chiếc xe tải, sau khi chờ đợi khá lâu.

Trở về Mombasa. Vừa hé niềm hy vọng được đến trước mặt thẩm phán, cảnh sát trưởng, trước mặt bất cứ ai mình có thể quát tháo gây sự, tôi đã nhanh chóng thất vọng. Họ bắt chúng tôi lần lượt xuống xe. Vài mệnh lệnh quy định rõ điều họ đang mong đợi ở tôi: Phải sửa đường, san hố, khiêng đá, rất nhiều đá, khiêng đủ đá để xây cả một thành phố, theo tôi nghĩ. Mà con đường tôi vinh dự được tái thiết lại ở ngay trước mặt dinh cơ Jomo Kenyatta, tổng thống Kenya.

Khoảng gần trưa Joachini hiện ra, vẻ lo ngại, gã không dám sấn đến gần, ra những dấu khó hiểu. Chỉ thấy rõ là gã đang quan tâm đến tôi. Bữa ăn trưa dọn ngay vệ đường dưới nắng như đổ lửa. Tất nhiên tôi đứng không nổi nữa, hoặc gần như thế. Mệt đến lão đảo như say rượu, hai mươi bốn giờ lòng không dạ đói, suốt đêm không ngủ vì phải chống chọi với lũ côn trùng ma quỷ và canh chừng mấy gã Kikuyun. Cứ nghĩ đến đêm tiếp sau chắc chắn sẽ giống hệt đêm vừa rồi, tôi muốn ngất luôn.

Vào khoảng ba giờ, một chiếc Austin dừng lại trước mặt tôi. Cảnh sát trưởng Wamai xuống xe.

— Nghĩ kỹ chưa Cimbali?

Muốn đấm quá đi mất! Không, không đấm, lấy đá nện vỡ đầu nó, rồi chụm chân nhảy lên xác nó.

— Không! năm ngàn quá đắt.

Gã quay đi, làm như sắp trèo lên xe và lập tức tôi thấy buồn nôn. Phải gọi lại. Chỉ một tích tắc nữa là tôi gọi. Gã dừng lại, đi về phía tôi.

— Ba ngàn vậy.

Chân tôi nhũn ra, bụng bốc lửa, đầu nhẹ hẫng đi và đôi lúc thấy mắt hơi mờ. Nhưng tôi không chịu để cho tay cóm Kenya này đánh thắng ván cờ. Tôi dạn dặt nhặt hòn đá đồng thứ nhất chuyển sang đồng thứ hai, lùi lại vài bước ngắm nghía công trình với vẻ mãn nguyện tự hào ra mặt, nghĩa là tôi có sức làm cho điều đó hiện lên thật rõ ràng trên mặt.

— Năm trăm. Không hơn, ông thừa biết.

— Hai ngàn.

— Ngàn rưỡi.

— Hai ngàn.

Tôi đã ở trên con đường khốn kiếp này tám tiếng liền. Bắt đầu thấy nó đáng ghét. Nghĩ đến bốn gã Kikuyn ngồi lù lù trên đồng nước bắn mà cười nhạo báng, nhìn tôi với những cặp mắt nẩy lửa - chưa kể cái còn lại cũng nóng bỏng không kém. Tôi cũng nghĩ đến những con sâu. Bèn thử một trận cuối cùng:

— Bằng lòng hai ngàn. Nhưng phải viết biên lai.

Bị đòn, lão trợn mắt. Tôi long trọng giải thích:

— Một tờ biên nhận tiền, ông nhận có cầm tiền của tôi. Tôi phải xuất trình với nhân viên thanh tra thuế vụ.

Lão vẫn chưa lại hồn, tự hỏi liệu tôi đang lên cơn điên hay đang chế giễu lão.

— Không đời nào, - mãi lão mới nói.

— Thế thì một ngàn thôi.

Tùy lão, muốn chia chác với thẩm phán thế nào thì chia. Tôi không can thiệp, tôi cũng đã tuyên thệ rồi.

Đọc trong mắt lão, tôi biết lão nhượng bộ, điều gay nhất đối với tôi lúc ấy là cưỡng lại sự thôi thúc nội tâm: Bỏ một nhát xẻng vào đầu cho lão rồi đời. Lão vót vát danh dự:

— Ngàn hai.

Tôi tì mạnh lên cán xẻng. Đau muốn khóc lên được. Tôi nói:

— Xong!

Tôi được tha sớm trước thời hạn hai tiếng. Và ngày hôm sau, ngày 5, tôi tiếp tục hoạt động từ nay tôi gọi là công việc phi thường. Kết quả: Hai khách. Một kết quả khác: Tôi khám phá ra sự việc vừa qua không hề làm tôi nhụt đi. Do may mắn? Không, do tôi hết. Sự việc vừa qua đã mài giũa tôi thành lưỡi dao sắc nhọn cạo sạch mọi vết rỉ sét yếu đuối trong tôi, làm bộc lộ tính hung hăng lạnh lùng và hiệu nghiệm trước nay chưa bao giờ tôi thấy mình có. Mặt khác, cái lổm sổm đã hình thành sau những lễ hội cuối năm đang giảm dần và mất hẳn, công việc làm ăn lại rôm rả. Tổng kết tháng giêng, trừ hết mọi khoản chi phí, tôi được lãi ngót nghét mười ngàn đôla. Sau đó sang tháng hai, tháng ba tôi vượt qua mức này; tháng ba tôi được hai mươi lăm ngàn tiền lãi ròng, mặc dầu vẫn phải nộp một ngàn hai cho cảnh sát trưởng và thẩm phán, mặc dầu phải mượn thêm Chandra giúp việc - hai ngàn đôla tiền công tháng. Gã phân chia thời gian vừa mua bán đôla vừa trông nom cửa hàng, thuận trả cho tôi hai trăm phần trăm tiền mua hàng của những khách do tôi dắt mối. Giữa tháng ba tôi mở rộng dịch vụ môi giới này tới tất cả các thương gia chịu chấp nhận tỷ lệ hoa hồng đó. Mà số này ngày càng đông.

Điều đáng ngạc nhiên là: Tôi vừa ăn hai trăm phần trăm giá bán, lại thêm hai chục phần trăm trên giá mua (do khách hàng trực tiếp trả tôi), vậy mà du khách vẫn được lợi. Theo phương thức của tôi, họ mua sắm mọi thứ: Tượng, khí giới, sừng tê giác, ngà voi, đồ nữ trang, với giá rẻ hơn ba mươi đến bốn mươi phần trăm so với họ tự giao dịch. Tóm lại, với hai nhát cửa đó, tôi

là ân nhân của kẻ mua và người bán.

Thu nhập qua kinh doanh phụ này: Từ ngàn rưỡi đến hai ngàn đôla lúc đầu, sau đó vào khoảng mười lăm ngàn - tháng, tôi sắp rời Kenya.

Cuối tháng tư trong chuyến đi chớp nhoáng đến Nairobi để lập một chi nhánh đổi tiền dựa vào người anh họ Chandra (chi nhánh cũng nhanh chóng ăn nên làm ra như cơ sở đầu tiên), tôi mua chịu bốn chiếc xe Mini Moke, một kiểu Jeep mui trần. Tôi định cho thuê ở Mombasa. Dịch vụ săn thú của Joachim ngày càng xuống dốc, gã nhận đảm đương việc này. Thực tình mà nói, ngoài chuyện súng đạn chuyện lễ bái tụng kinh ra, ngành máy móc là lĩnh vực gã có biết qua chút đỉnh. Chỉ ba tuần sau các bánh xe quay tít báo hiệu: Trúng rồi. Tôi lập tức đặt mua thêm bốn xe. Khi tôi ra đi, Joachim đã cai quản một đoàn xe mười sáu chiếc. Một con số dễ hình dung: Tháng năm, sau khi trừ mọi chi phí kinh doanh, tổng cộng các khoản lãi của tôi xấp xỉ sáu chục ngàn đôla. Ngày 21 tháng tư vừa qua tôi đã có trong tay số vốn trên một trăm ngàn đôla. Sau gần năm tháng tới Kenya, thiếu độ một hai ngày gì đó.

Và tôi tìm thấy cô gái mắt biếc đã cười với tôi, như trong bức “Người Xứ Auvergnat” của Brassen, lúc tôi bị giải trên xe xà lim, chỉ có chiếc quần Bermuda che thân. Cô khai với tôi cô hai bốn tuổi. Đến Mombasa hồi đầu tháng giêng, đúng vào hôm trước ngày tôi bị bắt, tên là Sarah Kyle, làm việc ở bộ phận quản trị khách sạn White Sand. Về khổ người, hai chúng tôi bằng nhau, nếu cô không đi giày quá cao. Cô cũng nói được tiếng Pháp.

— Em đã theo học trường khách sạn ở Lausanne.

Mỗi khi đôi mắt biếc ấy đặt vào tôi, bao giờ tôi cũng nhận thấy trong đôi mắt có ánh cười cợt thích thú, như thể tôi là cái thằng kỳ cục nhất đời, lại như thể lúc nào cô ấy cũng sắp sửa cười bỏ ra vì tôi.

— Trông anh kỳ lắm sao?

— Vừa phải. Anh làm em thú vị.

Nghe cũng hơi bực mình. Tôi nói:

— Thế là cũng không đến nỗi nào.

— Anh làm gì trong cái chuồng ấy?

— Anh đang tưởng mình là con hoàng yến thì trông thấy chú mèo.

— Một sai lầm của tòa án?

— Đúng.

— Lần đầu tiên em trông thấy một sai lầm của tòa án mặc quần Bermuda đấy!

Cô hơi ngửa khuôn mặt hình tam giác ra sau, lim dim nhìn qua mí mắt khép hờ có ý đánh giá tôi, còn tôi bỗng có cảm giác khó chịu thấy mình như mới có mười lăm tuổi. Nghĩ thầm không biết chọn cách quái quỷ nào rủ được cô vào giường với mình. Nhưng cô đâu có để cho tôi lựa chọn, mãi mãi không bao giờ cho tôi lựa chọn. Ngày 7 tháng giêng, sau hôm được tha, tôi thăm dò vài câu rồi mời cô trong hành lang dẫn tới phòng tôi. Cô vào đó, nói là để xem phòng tôi trọ có chu đáo không. Cô thử vòi tắm và bồn tắm, cống thoát nước, hệ thống điện, máy điều hòa, kiểm tra cửa lớn cửa nhỏ và ngán kéo xem khóa có tốt không.

— Chỉ có giường nằm không tốt. Cứng quá.

— Thật à? - Cô hỏi.

Cô cởi tung hết váy áo, leo lên giường nằm dài bắt chéo hai chân, gối đầu lên bàn tay. Cô dướn bụng hai ba lần, lò xo giường nhún rất tốt. Tôi bảo:

— Lạ nhỉ! Mới sáng nay nó còn ngay đơ. Cô cho phép?

— Xin mời, - cô đáp.

Tôi cũng cởi hết quần áo, lát sau cả đôi cùng nhau nằm nệm giường nẩy tung. Một giờ, hai giờ, tóm lại một hồi lâu sau đó, cô cam đoan:

— Thế là rõ: Khách sạn em xài toàn đồ tốt nhất hạng.

Tôi đáp:

— Đúng thế. Cũng như anh vậy.

Riêng tháng bảy tôi lãi bảy mươi tám ngàn đôla. Chi nhánh Nairobi cũng lãi lớn. Nhưng trên tất cả, tháng bảy là tháng mở đầu giai đoạn vàng, giai đoạn ngắn ngủi đầy ắp vàng mà tôi sẽ sống.

Trong cuộc đi Nairobi hồi cuối tháng tư tôi đã quen biết Hyatt. Cuộc gặp gỡ chẳng có gì đáng ghi nhớ và chắc chắn tôi đã quên khuấy nếu hai tuần sau đó Hyatt không mò về Mombasa.

— Món xe cộ có chạy không?

Chính gã bán xe cho tôi. Gã tìm thấy tôi ở quầy rượu trong White Sand, nhưng muốn bàn công chuyện nên gã kéo tôi ra bãi tắm; một đoàn du khách Hà Lan đỏ như tôm luộc đang nô giỡn với vẻ yếu điệu của voi.

— Tôi nghe nói nhiều về anh - Hyatt nói.

Tôi nhìn gã, chưa hiểu gã định đi đến đâu.

— Do tay người Ấn trông nom công việc của anh ở Nairobi nói, cả những người Ấn khác ở Mombasa này nữa, những người gọi anh là ông chủ nhỏ ấy.

Và kể một loạt tên. Gã nói: Rất phục sự thành đạt nhanh chóng của tôi; mong được cùng làm ăn. Gã đang cần một người cộng tác.

— Kinh doanh vàng.

— Sao lại là tôi?

— Vì chỉ hai người làm chung thôi, không hơn, anh có khả năng bỏ vốn.

— Sao anh không bỏ?

— Ai bảo không? Tôi cũng chơi. Anh lại được bọn Ấn tin cậy nữa.

Công việc phát triển nhanh. Nói cho cùng, do tôi quyết định. Hyatt cùng với tôi thỏa thuận xong về nguyên tắc, hai tuần sau chúng tôi bắt tay ngay vào chuyển đầu. Cũng đơn giản thôi: Các tay buôn Ấn Độ từ Calcutta, Bombay tới bằng đường biển, đợi ở đường ranh giới lý thuyết giữa lãnh hải và vùng biển quốc tế, chúng tôi mang vàng mua ở Nam Phi ra bán cho họ, khách buôn Ấn Độ, đôi khi là khách buôn người Do Thái gốc Anh mua nhiều vàng vì chính quyền Ấn Độ tuy không cấm hẳn nhưng quản lý rất chặt việc nhập vàng trong khi dân Ấn rất chuộng nữ trang bằng vàng. Với số dân đông đúc của Ấn Độ, thị trường vàng dĩ nhiên rất rộng lớn.

Cách thực hiện chi tiết khá cổ điển: Đưa vàng lậu về theo đường Rodeli, Zambia và Tanzania, toàn vàng thỏi, vàng nén. Đến Mombasa, một chuyên viên định tuổi vàng được cả hai bên công nhận - trong trường hợp này là một người Do Thái gốc Amsterdam có hai quốc tịch Anh và Israel - đánh giá chất lượng hàng; người này thường phải đi lại giữa hai thành phố Tel Aviv và Nairobi để làm việc đó. Sau khi kiểm định xong, vàng được đúc thành giá đỡ cột buồm, mỏ neo, dây neo, cọc cáp buộc tàu... Chuyên viên phân kim hưởng hai phần trăm giá trị món hàng, thợ đúc được từ tám đến mười phần trăm. Phần việc còn lại thường khó khăn và nguy hiểm hơn hết: Đưa vàng ra khơi đổi lấy đôla từ Calcutta, Bombay tới. Đến nơi trót lọt với hai tay ôm đầy vàng, miệng cười làm duyên, lòng đầy tin tưởng.

Là công việc đầy mạo hiểm, nhất là vào ban đêm. Phép tắc trong việc này quy định những thể thức phức tạp như trao đổi con tin, trao đổi những tờ giấy bạc cất đôi ở hai chặng đường, rất nhiều tình tiết mà tôi không thích và sẽ khiến tôi không mặn mà kéo dài chuyện buôn bán quá là kỳ cục này. Riêng Hyatt thì rất khoái. Sự đe dọa đến tính mạng hình như lại làm gã vui vẻ. Có lẽ rượu whisky uống hàng lít một góp phần không nhỏ làm gã luôn nhớn nhoe. Chuyến nào gã cũng nhận làm con tin, chức vụ cao quý mà tôi không bao giờ đòi hỏi. Nên gã được bổ nhiệm

trong tất cả các chuyến hàng, và chuyến nào gã cũng say bí tỉ, chẳng còn hay biết gì hết. Giá có bị uy hiếp bằng đại bác gã cũng dám chui đầu vào nòng pháo, miệng hát vang bài Tipperary. Tôi đã năm phen chặt vật mới lấy lại được gã, chỉ vì gã quá gắn bó với các quán ngục tạm thời.

Tôi làm có năm chuyến, một vào cuối tháng năm, ba trong tháng sáu, chuyến cuối vào tháng bảy. Mỗi chuyến được lãi độ hơn ba trăm phần trăm. Chuyến đầu tôi bỏ vốn ba chục ngàn. Để thử xem. Tôi đã xem kỹ. Các chuyến sau, tôi ném vào cuộc gần toàn bộ vốn liếng trong tay. Nên chuyến tháng bảy, chuyến cuối cùng, tôi lãi khoảng tám trăm ngàn đôla, vốn bỏ ra là hai trăm bốn chục ngàn.

Tôi đến Kenya được bảy tháng rưỡi rồi.

Nhờ được Hyatt mách bảo trong lúc chợt tỉnh rượu giữa hai bữa nhậu, tôi tìm ra đường dây bí mật có cơ sở ngân hàng trên hòn đảo mang cái tên tiền định: “Đảo Mafia”, ngoài khơi Tanzania. Qua đường dây này tôi chuyển gần toàn bộ vốn liếng về một ngân hàng ở Hong Kong, ba trăm bốn trăm ngàn đôla. Chưa kể số tôi giữ lại, tạm gọi là tiền tiêu vặt. Vì có thói thích vây vo hơi trẻ con, tôi tiết lộ cho Hyatt biết những con số này, gã vô cùng kinh ngạc. Tôi cũng thế. Ngay cả Sarah nữa, tuy cô không chịu thú nhận.

Đối với tôi, đã đến lúc hành động. Ngày 7 tháng bảy, tôi nói với Sarah, Joachim, Chandra, Hyatt, với tất cả các bạn hàng, chân tay, bạn hữu ở Mombasa, ở Nairobi rằng tôi đi Seychelles vài ngày nắm tình hình để đầu tư, nhưng thực ra tôi vượt qua biên giới Tanzania. Sự thận trọng có thể là vô ích và hơi buồn cười, nhưng tôi muốn giấu kín việc sắp làm. Lên máy bay từ Nairobi, ngay trước mũi lũ đàn em đang tác chiến trên sân bay Embakasi thì quá lộ

Tôi thực hiện một kế hoạch đã nghiền ngẫm rất kỹ rất lâu.

Từ Dares Salam, tôi lên máy bay. Đi Le Caire, từ Le Caire đi Roma, từ Roma đi Nice. Mua vé máy bay bằng tiền mặt, trả tiền thuê xe hơi ở sân bay Nice cũng bằng tiền mặt. Trên người tôi có chừng hai trăm ngàn đôla.

Chiều ngày 9 tháng bảy tôi về tới địa phận St. Tropez.



Bố tôi qua đời ngày 28 tháng tám 1956. Tôi sinh ngày 9 tháng chín 1948. Lúc bố chết tôi suýt soát 8 tuổi, thiếu vài ngày.

Bố tôi tên là Andrea Cimbali sinh ra ở Campion. Đó là một thành phố Ý nhưng không ở trên đất Ý mà ở bên Thụy Sĩ; một mảnh nước Ý nhỏ nhoi trên đất Thụy Sĩ. Tôi đã tới đây, một thị trấn xinh xắn, yên tĩnh, phẳng lặng, sông bạc ở chung một mái với nhà thờ Đức Mẹ Dòng Con Nhạn. Trèo qua các bậc thềm nhà thờ ta nhìn khắp bốn phía đều là đất nước Thụy Sĩ; hồ và thành phố Lugano phía trước mặt. Nhưng ta vẫn đứng trên đất Ý, tuân theo luật pháp Ý. Làng Thụy Sĩ đầu tiên, Bissone cách đây ba kilomètres, bên kia cây cầu chưa xây khi bố tôi còn sống, bây giờ vừa là đê, vừa là cầu đường bộ, đường sắt và xa lộ. Nếu bố tôi chào đời cách chỗ này ba kilomètres có lẽ mọi chuyện sẽ khác, sẽ không xảy ra điều gì không hay. Có khi vì thế mà ông vẫn còn sống đến ngày nay.

Gia đình bố tôi là người Florenz, không giàu nhưng đủ ăn, trên nữa là người xứ Lombardi thì phải. Gia đình cổ điển: Buôn bán, một hai giáo sư, vài ba nhà luật. Vào đúng lúc sắp nổ ra Thế Chiến Thứ Nhất, ông tôi tậu ngôi nhà ở Campion, nấp bóng nền trung lập Thụy Sĩ để tránh đại bác quân Áo mà vẫn được ở trên lãnh thổ của tổ quốc mình. Bố tôi ra đời ở đó. Ông là người rất thông minh. Ông vừa kết thúc việc học hành - tốt nghiệp kỹ sư và cử nhân luật - thì bị động viên, bị đưa đi đánh nhau ở Libi, Tripoli, bị thương, bị bắt làm tù binh. Đầu năm 1946, sau một năm ở Canada và Hoa Kỳ, ông trở về Ý. Một năm trên đất khách quê người đã gợi cho ông một ý mà ông cho rằng sẽ giúp ông trở nên giàu có: Kinh doanh ngành bất động sản, bằng một loạt hoạt động mua đất, sửa sang, xây dựng rồi cho thuê làm bãi đậu các nhà lưu động và làm chỗ trú chân cho các đoàn đi du lịch, đi cắm trại thường có nhiều ở Bắc Mỹ. Điều phiền phức duy nhất: Ý định này chỉ thực hiện được ở các bang nước Mỹ thôi, và một chừng nào đó ở Canada. Bố tôi có một ít vốn. Ông quyết định đưa vào kinh doanh. Ông làm đơn xin chính quyền Ý cho phép chuyển vốn ra nước ngoài. Nếu là người Thụy Sĩ, người Đức, đơn xin phép này chỉ là chuyện thủ tục. Nhưng ở Ý, ở Pháp, những nước vẫn được coi là tự do, thì lá đơn của một người không có tên tuổi như thế này chỉ tổ làm các nhà chức trách cười khẩy. Đơn bị bác. Sự khước từ này quyết định tất cả.

Tôi dừng lại ở Sainte Maxime phía bên kia vịnh đợi đêm xuống, mãi gần mười giờ mới nổ máy xe. Không đi thẳng được vào St. Tropez, tôi rẽ phải, rẽ trái, rồi đi vòng vèo qua nhiều đường hẻm ra đường lớn đi Pampelonne, chính mình cũng lấy làm lạ sao lại thuộc đường đến thế. Những năm còn đi học, giữa hai lớp chẳng ra rì, tôi đã nhiều lần trở lại St. Tropez nhưng chưa lần nào đi đâu đến Capilla. Có một cái gì đó luôn cản bước tôi. Ngôi nhà không còn là của tôi nữa và cho đến bây giờ tôi vẫn không thể chấp nhận ý nghĩ nó đã lọt vào tay người khác, đã thay đổi.

Ở một chỗ trên con đường hẹp phải qua cây cầu nhỏ tí bắc qua suối. Quặt sang phải, một đoạn thẳng, thông bên trái, nhô bên phải. Tôi bỏ xe ở lối rẽ vào con đường nhỏ. Người ta đã xây dựng được khá nhiều trong mười ba năm nay; hay là tôi nhầm, nhớ lại chỗ này vắng vẻ hơn là cảnh có thực ngày xưa. Tắt máy, im lặng hoàn toàn. Bóng đêm bất động và êm dịu, mọi hương thơm đều nồng nàn hơn mùi thơm trong ký ức. Con sóc thứ nhất, ở đây có con đường mòn tôi tìm ra rất tự nhiên như thể mới dẫm lên nó hôm qua. Biển và bãi tắm cách tôi sáu

trăm mét, như vậy ngôi nhà ở chệch về phía tay trái tôi, nếu nó vẫn còn. Một khoảnh rừng dương mai thấp nở hoa ngào ngạt. Đường mòn hết lên dốc, trái lại nó bắt đầu đổ xuống bờ biển. Tôi bỗng thấy trong lòng bối rối: Đáng lẽ ra, nếu tôi không nhớ nhầm một lần nữa, lúc này tôi phải trông thấy ngôi nhà thẳng trước mặt, trông thấy ánh sáng đèn. Mặc dầu có những bụi trúc đào. Thế nhưng chẳng thấy gì sắt. Không một ánh lửa, không một tiếng động. Hai trăm mét nữa; và rất đột ngột tôi cảm nhận ra nó, hiện diện trong tối đêm. Cảm nhận thấy nó như ta cảm nhận thấy người đàn bà nằm cạnh mình ban đêm. Nhà không có người ở.

Gần một tuần lễ sau khi nhà cầm quyền Ý bác đơn, bố tôi về Lugano, ở đây, ông gặp và quen biết một chủ ngân hàng Thụy Sĩ hơi lớn tuổi hơn tên là Martin Yahl, người Zurich. Yahl sang đây mở một chi nhánh của ngân hàng tư nhân đặt trụ sở ở Zurich rồi Geneva. Bố tôi và Yahl tỏ ra hợp nhau, hoặc bố tôi đã tỏ ra có sức thuyết phục. Dù thế nào đi nữa, Martin Yahl nhận tài trợ bố tôi, hoặc bằng cách tìm ra phương pháp chuyển sang Thụy Sĩ số vốn bằng tiền Ý của bố tôi, hoặc cho bố tôi vay tiền. Bằng cách nào thì không rõ, chỉ biết là hai người cộng tác với nhau. Hơn nữa Martin Yahl vẫn là giám đốc ngân hàng, lại còn là người góp vốn, là cổ đông trong công ty của bố tôi, và là người quản trị, người được ủy thác trông nom công ty này.

Đây là một Holding, tức là một công ty vô danh được thành lập để chuyên trách việc giám sát và điều hành một tập đoàn doanh nghiệp cùng loại với nhau - trong trường hợp này, chúng có quy mô toàn cầu - và cùng hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, Martin Yahl chính thức chịu trách nhiệm quản trị công ty này, theo một văn bản gọi là chứng thư ủy quyền. Trong tiếng Anh chứng thư này gọi là “chứng thư tin cậy”. Martin Yahl là người tin cậy, người duy nhất xuất đầu lộ diện, duy nhất biết chắc có ai, có bao nhiêu tiền, ai sáng lập, ai thực sự điều khiển công ty Holding này.

Bố tôi nhất thiết cần phải giữ tuyệt đối bí mật các điều đó. Ông đã, một cách nào đó, gian lận với thuế vụ Ý. Mặc dù số tiền ông bỏ ra để thành lập công ty là tiền của ông, đã chịu thuế ở Ý. Nhưng nhà chức trách đã cấm ông sử dụng số tiền đó theo ý ông, mà ông cứ làm, đó là tội lỗi của ông. Ông có thể vung hết vào cuộc cá ngựa, dán nó lên tường nhà ông ở Campion, nhưng không được đưa ra nước ngoài dù là để lập ra hãng Dupont De Nemours hay hãng General Motor. Trừ phi ông là thành viên, là chủ tịch tổng giám đốc một công ty đa quốc gia thì trong trường hợp này mới có thể dàn xếp xong được với trời.

Bố tôi cần sự bí mật và tận dụng nó. Sau đó, thời gian trôi qua, ông không thể lùi được nữa. Khó lòng đến chừng mặt ông thuế Ý và bảo: “Tôi đã lậu thuế, ông có vui lòng bỏ qua - với cái giá! - và cho tôi chính thức tái định cư ở quê hương tôi, với tư cách là người sáng tạo ra quyền lực?” Hơn nữa trong thời gian đó bố tôi đã sang Pháp ở, lấy một cô Do Thái gốc Áo gặp ở chỗ Yahl, đã lập nghiệp hợp pháp bên đó, có thu nhập đóng thuế đầy đủ. Trong tài sản hợp pháp của bố tôi, ngoài hai xí nghiệp xây dựng, tiền hùn vốn vào nhiều công ty khác nhau, nhiều ngôi nhà trong đó có cái bố tôi chính thức cư ngụ tại phố Pommes ở Paris, còn có ba chục hécta đất và ngôi nhà ở Đông Nam bán đảo St. Tropez

Hoạt động chính của công ty Holding là xây cất nhà và các cuộc đầu tư có lãi lớn: Phân lô, mua đất và bất động sản nói chung, cùng với việc tham gia mạnh mẽ vào các doanh nghiệp xây cất, chế biến vật liệu xây dựng trên khắp thế giới. Có người nói với tôi vào một lúc nào đó: “Cái khác thường nhất của ông nhà, là mỗi khi có một dịp làm ăn hé ra qua một chỗ hở, một kẽ nứt là ông lập tức nhảy vào ngay với sự nhanh nhạy kinh khủng, mở rộng khoét sâu ngay, phát triển ngay. Nói đơn giản, ông suy tính nhạy hơn mọi người xung quanh. Lúc mọi người vừa nhận ra ông đang xây dựng cái gì thì ông đã vọt đi chỗ khác rồi. Có hai cách thành đạt: Kiên nhẫn hoặc nhanh như chớp. Ông nhà thuộc phái thứ hai.”

Từ 1946 đến 1956, mười năm. Trong mười năm ấy, ý tưởng cơ bản của bố tôi tỏ ra rất hiệu nghiệm. Ông không thỏa mãn. Ông tấn công nhiều hướng, khắp nơi. Tôi còn nhớ những chuyến

đi vào những tháng cuối của cuộc đời ông, của cuộc sống chung ngắn ngủi giữa hai bố con; sang tận Châu Mỹ La Tinh; còn nhớ mẫu kim loại ông đưa cho tôi xem và bảo: “Trong công nghiệp hiện nay còn ít dùng đến. Một ngày kia nó sẽ thành chủ yếu. Ngày đó bố, cả hai bố con mình sẽ là những người hiếm hoi trên trái đất nắm giữ quyền đưa nó ra thị trường”.

Tôi biết - nhưng chỉ biết sơ sơ thôi - rằng công ty Holding là công ty vô danh đặt trụ sở ở Curacao, trong quần đảo Antill thuộc Hà Lan. Công ty này trước khi đột ngột biến đi vào một ngày tháng chín 1956, nắm trong tay nó toàn bộ các cổ phần của nhiều công ty khác có trụ sở chính ở Neveda, Hong Kong... những công ty này lại nắm toàn bộ cổ phiếu của một lớp thứ ba những công ty đặt trụ sở ở Hoa Kỳ, Argentina, Luxembourg, ở Pháp... Một kim tự tháp huyền diệu trên đỉnh là Curacao, bản thân công ty này lại nằm trong tay một chi nhánh bí mật của ngân hàng tư nhân Martin Yahl. Và năm 1956, tháng tám 1956, mọi dấu hiệu đều chứng tỏ kim tự tháp này đúc bằng vàng ròng.

Tôi đứng cách nhà có ba mét nhưng không nhìn rõ gì hết. Bên trái, dãy nhà để xe, các kho và cái chái nhỏ trước để chiếc Ferrari đỏ lửa - ngựa của tôi. Mọi cánh cửa gỗ ở đây đều đóng chặt, chẳng xích khóa lại. Không thể nhìn bên trong có những gì.

Trước mặt là ngôi nhà ở. Không nhớ kỹ, nó có độ mười hai hay mười bốn phòng thì phải. Ngôi nhà hình chữ u mở ra phía biển. Cửa chính có hai cánh cách tôi có vài mét. Tôi đến gần, đập chiếc búa gỗ cửa. Tiếng búa trầm đục vang to trong đêm khuya nhưng sau mấy phút vẫn không có động tĩnh gì. Tôi bật đèn pin, luồng sáng soi rõ hàng rào trúc đào bên phải tôi, các bụi cây hình như đã mọc cao thêm, nhưng tôi chợt cảm thấy mảnh vườn có lẽ đã bị bỏ hoang.

Khi ngôi nhà bị rao bán, ai đã mua nó?

Tôi đi vòng quanh nhà, mùi nước biển luôn sục nức. Vườn vẫn còn đó với các cây cọ, cây thùa, cây hoa giấy, ngọc giá, trúc đào, những bồn tú cầu xếp thành đội ngũ dày đặc. Bể bơi chắc vẫn còn ở phía bên trái, cuối vườn có lẽ còn bức tường đá cao ba mét, có cửa chắn song và bậc thang đi ra bãi biển và cầu nổi. Tôi quay lại, bước lên mấy bậc thềm đi vào giữa chữ U, lên chỗ giống như chiếc sân trong kiểu Tây Ban Nha, nơi gia đình tôi thường ngồi ăn tối, có những cánh bướm làm rung động màn đêm, cả sáu cửa đều đóng kín. Ánh đèn từ tay tôi lần lượt chiếu sáng ba bức tường mặt tiền, các khuôn cửa đóng, con trạch ngói màu son nhô cao trên mái nhà, và càng nhìn tôi càng tin chắc rằng những cửa lớn cửa sổ kia không hề mở ra từ nhiều năm rồi. Có lẽ nào ngôi nhà Capila này lại trống rỗng vào giữa tháng bảy, tháng cuộc sống mùa hè của St. Tropez đang sôi động, mỗi mét vuông đất lại bị hai đợt người thay nhau đến chiếm chứ không chỉ có một như các tháng khác? Hơn nữa, Capila vẫn nguyên như cũ, không bị thay đổi chút nào.

Tôi tìm lại được con đường thuở nhỏ: Trèo lên nóc chái là nóc cao nhất dãy nhà kho, bò lên đến tận chỗ có chiếc cửa sổ nhỏ. Như ngày xưa, tôi dễ dàng mở được chiếc móc cửa; một phút sau đã nhảy được vào lầu một, trong lòng cảm thấy tăng dần cảm giác lo lắng âm ỉ và cảm giác mơ hồ về một sự có mặt cam lạng. Tuy ngôi nhà hoàn toàn trống vắng, tôi dám cam đoan như thế. Vậy mà vẫn cứ thấy... Bên tay trái là khoảng trống phía trước phòng ngoài mênh mông, bên tay phải là các phòng ngủ. Phòng tôi ở cuối hành lang, nhìn thấy biển qua cửa sổ. Phòng bố mẹ tôi ở chái bên kia, thành ra mỗi buổi sáng tôi vừa ra ban công thì mẹ tôi ở ban công buồng mẹ đã cười, hỏi tôi qua khoảng cách tám chín mét của sân trong.

Do dự. Nhưng có cái gì đó hút tôi xuống tầng trệt. Xuống mỗi bậc thang tôi lại có cảm giác đắm mình sâu thêm trong một thế giới vừa thân quen vừa xa lạ. Một sức hấp dẫn mỗi lúc mỗi tăng, tôi cảm nhận rất rõ nhưng không giải thích nổi. Gần như không có chủ định, tôi đưa luồng

sáng đèn lên cửa căn phòng ở chái bên tay trái, căn phòng của bố mẹ. Cánh cửa phòng vẫn hé mở. Kỷ niệm kéo đến dồn dập: Hai bố con đều ở ngoài bãi tắm, vài phút sau khi người khách đó ra đi. Trên bãi có ba cô gái trần truồng nhìn bố tôi mà cười. Bố tôi nói gì đó với các cô bằng giọng trầm âm, ông nói tiếng Pháp hơi lơ lớ. Hai bố con rời bãi tắm, lên mấy bậc tam cấp, đi qua vườn. Chiếc Ferrari đỏ nằm ở sân trong giữa những chiếc tràng kỷ. Tôi ngồi vào xe. Bố tôi xoa đầu tôi làm tóc rối tung, đi qua, vào phòng làm việc của ông ở chái bên trái. Trong nhà chỉ có hai bố con. Mẹ tôi ra phố, hai vợ chồng bác Pascal giúp việc đi mua bán gì ở đâu không rõ. Bố tôi quay điện thoại. Nói bằng tiếng Đức. Tôi cố khởi động chiếc Ferrari mãi không được. Bỗng có tiếng va chạm mạnh, tiếng kêu tắc nghẹn, phải mất một lúc tôi mới hiểu ra và chạy vội vào phòng. Bố tôi nằm dưới đất, đang cố lồm cồm bò lại với tôi, mặt đỏ gay gắt, mắt trợn trừng. Ông lết dưới đất, giơ một tay về phía tôi mồm lắp bắp không ra tiếng. Tôi hét toáng lên, chạy vào bếp, thấy không có người, tôi đâm bổ ra bãi tắm. Ba cô gái trần truồng đã đứng lên đi cách xa tôi chừng một trăm mét. Tôi cũng cắm đầu chạy trên bãi cát ướt và chắc. Khi bốn chúng tôi vào nhà thì bố tôi đã chết rồi, nằm ngửa dưới đất, mồm há to, tay còn cầm bức tượng Phật bằng đá đen như hạt huyền. Phật cũng trần truồng, bụng phệ, hai tay duỗi cao trên đầu, ngón tay xòe thẳng đứng, đầu gục một bên vai, mắt nhắm nghiền miệng mở nụ cười nhập định huyền bí.

Tôi đẩy cửa bước vào phòng, bị động với luồng ánh sáng đèn pin trên tay. Sững sốt đến bàng hoàng. Thảm trải sàn vẫn còn kia, nó như bị nhàu nát ở chỗ bố tôi lăn xuống, vẫn nhăn nheo vết bỏ của ông hồi nào. Bộ đồ hợp điện thoại bố cầm trên tay lúc chết vẫn còn nguyên chỗ mười ba năm trước đây, nguyên vẹn, không thay đổi, giống hệt trước kia một cách kỳ quái. Thời gian đứng lại, tôi lên tám. Tựa lưng vào cánh cửa đã đóng lại, tì đầu vào đó, tôi òa lên khóc, lần đầu tiên từ mười ba năm nay, mặt lẫn vào bóng tối, chỉ có luồng sáng đèn rọi thẳng vào tượng Phật đen nhánh đặt trên góc bàn đang cười với tôi, nụ cười bí ẩn từ cõi cực lạc vô biên.

Bố tôi mất sau một cơn đau tim ngày 28 tháng tám 1956 trong phòng làm việc ở ngôi nhà St. Tropez lúc đang gọi điện thoại cho một người nào đó tung tích hoàn toàn bí mật. Lúc ấy bố tôi ba mươi bảy tuổi. Tháng tám 1956 theo ý nguyện của cha tôi, tôi là người thừa kế duy nhất. Trên giấy tờ, tôi phải nắm quyền sở hữu công ty ở Curacao, ít nhất cũng được quyền sở hữu những phần vốn đã góp vào công ty. Di chúc của bố tôi ghi rõ như vậy, đồng thời ủy thác cho hai người: Martin Yahl và bác Giancarlo. Thư ủy thác di sản bao gồm toàn bộ các khoản có, các khoản thu nhập chính thức ở Pháp, Thụy Sĩ và qua công ty Holding.

Trên giấy tờ. Tôi nhận được quyền sở hữu các cổ phiếu vô danh. Tôi đã nhìn thấy chúng, họ đã cho tôi xem, và khi tôi đủ hai mươi một tuổi họ đã trao tận tay. Nhưng chúng chẳng có giá trị gì, không đáng giá bằng số giấy in ra chúng. Họ giải thích rằng nguyên nhân là do cái cung cách bố tôi xây dựng cơ nghiệp ngay từ buổi đầu. Đấng Tối Cao giám đốc ngân hàng Martin Yahl bảo tôi: “Bố anh là một bậc kỳ tài, có năng lực kinh doanh xuất chúng. Nhưng kinh doanh đòi hỏi phải quản lý chặt, đào lò đến đâu phải chống lò đến đấy. Bỏ qua những lời cảnh cáo kịch liệt của tôi, bố anh không chịu chống lò. Thế là nó đổ sập. Đáng tiếc, cơn đau tim đã cướp ông cụ đi có thể do cảm giác thất bại gây ra”. Đấng Tối Cao nói thế. Lão nhấn mạnh “những lời cảnh cáo kịch liệt của tôi”. Tôi cho rằng trên đời này không thể có một người nào bị tôi căm ghét đến thế. Ngay cả ông bác Giancarlo, một kẻ ngu ngốc.

Người ta còn bảo tôi: Tất cả các khoản có bên Pháp, bên Thụy Sĩ đều đập hết vào các khoản thua lỗ ở nơi khác. Tất nhiên họ có đủ chứng từ, họ sẵn sàng tiếp nhận sự kiểm tra của bất kỳ chuyên viên nào trong trường hợp khó xảy ra là có sự nghi ngờ thiện chí của những người được ủy thác di sản. “Anh Franz, chúng tôi và bác anh đã chăm sóc anh, theo dõi, chiều chuộng

anh có lẽ hơi quá, nói thẳng là như thế. Bây giờ anh đã đủ hăm mốt tuổi, đã thành niên theo luật lệ Pháp. Vì trong tình nghĩa với bố anh, tuy ông có lầm lạc, chúng tôi quyết định trích tiền riêng cấp cho anh ít vốn để anh bước vào đời đỡ chật vật do việc học hành của anh không được trôi chảy lắm". Tôi nhận tấm séc họ đưa và bỏ đi, sang Anh, sang London là nơi tôi tưởng rằng ở đó sẽ không đến nỗi cô đơn vì có cô gái nọ, cô gái hôm nay không còn sống. Tôi ra đi vì căm ghét hai tên đó, lòng căm ghét không giải thích được vì sao nhưng nó làm tôi gần phát điên. Mà không phải chỉ gần phát điên nữa: Tôi đã tiêu sạch số tiền đó trong có hai tháng mười bốn ngày, trong tâm trạng cuồng loạn chết người.

Tôi ngồi vào bàn làm việc của bố, trên chiếc ghế bành lưng tựa cao bọc da đen, ghế của bố tôi. Phạt quay lưng lại phía tôi. Tôi xoay bức tượng, để tôi và Phạt nhìn thẳng vào nhau tuy mắt Phạt nhắm nghiền. Tôi móc túi somi lấy ra mảnh thư nặc danh nhận ở Mombasa hai ngày trước lễ Noel. Đọc lại đến lần thứ một nghìn: «Lúc thư ủy thác di sản hết hạn ông đã nhận khoảng một triệu franc số dư tài sản của phụ thân ông. Thực tế số tài sản ấy vào khoảng từ năm mươi đến sáu mươi triệu đôla. Chúng đã cưỡng đoạt của ông».

Đối với Martin Yahl và bác Giancarlo thì bố tôi chết hồi tháng tám 1956 trong phòng tôi đang ngồi vì cơn đau tim sau khi bị phá sản đến nỗi phải bán hết, bán cả ngôi nhà có căn phòng này, cả Capilla. Và vì trân trọng tình thân hữu với ông nên mặc dù vậy, Đấng Tối Cao ngân hàng và bác Giancarlo vẫn tài trợ thời niên thiếu của tôi, đã nuông chiều tôi - đúng hơn là đã đầu độc tôi, bây giờ tôi biết họ đâu có tử tế gì - hơn nữa khi tôi trưởng thành họ còn bỏ tiền túi ra tặng món hồi môn cho chàng trai tân này. Đó là cách giải thích của họ. Tôi biết chắc là nó không đúng sự thật.

Trong ba tiếng sau, tôi lục soát mọi xó xỉnh trong ngôi nhà, hi vọng tìm ra một cái gì do bố tôi để lại, để lại cho một mình tôi, một dấu vết, một tín hiệu. Nếu từ bên kia cái chết ông có điều nhắn nhủ tôi, nhất định ông gửi gắm trong ngôi nhà này chứ không ở đâu khác. Bố tôi yêu Capila, nhất định ông không đánh đổi nó lấy bất cứ cái gì. Đáng lẽ tôi phải nghĩ ra điều này: Trong cơn hoạn nạn nguy khốn nhất thể nào bố tôi cũng tìm ra cách cứu được ngôi nhà. Ông đã không làm. Đối với tôi thế là rõ.

Khi ánh bình minh đầu tiên thấp thoáng mặt biển tôi rời bỏ ngôi nhà. Mang theo bức tượng Phạt ngồi nhập định tôi đánh cắp.

Tôi tới khách sạn Carlton ở Cannes lúc chín giờ. Tắm xong tôi bắt đầu quay điện thoại, mất gần một tiếng mới tìm ra ông công chứng viên.

— Tôi quan tâm đến một dinh cơ ở St. Tropez gần bãi tắm Pampelonne. Tên là Capila.
— Dinh cơ này không đặt bán.
— Tôi sẵn sàng xem xét bất cứ giá nào.
— Rất tiếc, thưa ông. Không hề có chuyện đem bán.
— Nhưng người ta cho tôi biết hiện nay bỏ không.
Im lặng.
— Họ nói không đúng.
Giọng nói lịch sự nhưng chắc nịch, hơi pha giọng xứ Provence.
— Tôi có thể gặp chủ nhân được không? Tôi muốn trực tiếp bàn với ông ta vì những lý do riêng tư.
Tôi đi thật sâu vào việc nhưng không xưng tên. Vô ích.

— Không được đầu thừa ông.

Công chứng viên quả là một bức tường. Tôi cảm ơn, gác máy, đứng nhìn chiếc máy trong vài giây. Tại sao không thử ướm tiền nhỉ? Nếu không xin được tin tức, vẫn có thể mua được bằng tiền. Nhưng tôi tin, dù có làm chuyện ấy tôi cũng sẽ thất bại. Tôi nổi cáu trong mấy phút sau đó. Sao lại có điều bí ẩn này? Ai đã đứng mua Capila, mua chỉ để giữ nguyên hiện trạng như cách đây mười ba năm, như trong ngày bố tôi qua đời. Ngày 28 tháng tám? Chắc không phải ông bác Giancarlo, con người đã cảm như chiếc màn che phòng tắm, hơn nữa lại ganh ghét người em tài ba. Martin Yahl chăng? Chuyện nực cười!

Người “đang có quyền sở hữu dinh cơ” theo công chứng viên cho biết, khi mua đã phải cố gắng lớn về mặt tài chính. Dù cách đây mười ba năm rồi, nhưng ba mươi héc ta đất trên bán đảo St. Tropez vẫn có giá cao nhất là vì trên khoảnh đất còn có ngôi nhà mười lăm phòng, có bể bơi, nhiều công trình phụ, cầu nổi riêng. Người đứng mua rõ ràng thuộc loại có máu mặt, hiện nay vẫn thừa thãi đến mức không cần đến số vốn tồn đọng ở đấy. Chủ nhân bí mật rất giàu.

Chiều hôm ấy tôi rời Cannes đi Paris. Ngày 10 tháng bảy tới Paris, vào trọ khách sạn Ritz là nơi chưa bao giờ đến, do đó không sợ gặp người nào còn nhớ thời trai trẻ điên cuồng của tôi. Lại châu chực bên điện thoại sau nhiều phen vật nài, đe dọa, nài nỉ tôi mới được biết rằng tối hôm đó người tôi đang cần tìm sẽ đến ăn tại khách sạn La Burgo ở phố Bosque. Thoạt đầu người đó tỏ vẻ ngạc nhiên, đến khi tôi nói đến tiền anh ta mới tỏ ra dễ tính hơn, chấp nhận một cuộc gặp gỡ ở quảng trường Trocadero, ngay đầu đại lộ Georges Mandy. Anh ta nghi ngại hỏi thêm:

— Làm sao nhận ra anh?

— Tôi ngồi xe Rolls Royce.

Câu đó làm anh ta yên trí, làm gì có bọn bắt cóc ngồi xe Rolls? Đúng giờ anh ta dừng chiếc Citroen ngay cạnh chiếc Rolls. Hơi do dự giây lát, nhưng thấy tôi còn trẻ và chỉ có một mình, anh ta lên ngồi cạnh tôi, nhận xét:

— Anh còn rất trẻ.

— Không phải bệnh truyền nhiễm đâu.

Tôi đưa xấp giấy bạc:

— Mười ngàn đôla.

Anh ta cười có vẻ hơi xúc động; sau này nhớ lại buổi đầu gặp gỡ hai chúng tôi đều buồn cười:

— Nếu anh còn một đàn em.

Tôi đưa cho anh ta cuốn sổ tay và chiếc bút chì.

«Ngân hàng Martin Yahl, trụ sở ở đại lộ General Grisan, Geneva. Và Giancarlo Cimbali. Địa chỉ...»

Tôi thuật lại đầu đuôi vụ Curacao. Những nghi vấn thực ra là điều tôi tin chắc rằng đã xảy ra chuyện biển thủ cách đây mười ba năm. Anh ta sững sốt: Đã từng ấy năm rồi!

— Tôi muốn biết có chuyện lừa đảo đó không, có tìm ra chút chứng cứ nào không, tóm lại có thể phanh phui được mưu đồ của chúng không? Sau hết tôi muốn biết có tên nào khác can dự ngoài Yahl và Giancarlo.

— Nếu quả thật có một âm mưu.

— Anh mở cuộc điều tra được chứ? Nhất thiết phải tuyệt đối bí mật. Không được để Yahl đánh hơi thấy.

Anh ta chăm chú nhìn tôi. Nhờ bóng tối trong xe, tôi không sợ lộ mặt, vả lại tôi có kính mát. Anh ta hỏi:

— Sao anh biết tôi?

Tôi nêu tên nhân vật cuối cùng của đường dây, tôi đã lần tới sau mười lăm, hai mươi số điện thoại. Đó là một bộ trưởng đương quyền.

— Tôi sẽ kiểm tra lại, tất nhiên, - anh ta nói.

— Tất nhiên.

Rõ ràng từ nghi ngại anh ta đã chuyển sang tò mò. về bí mật của tôi làm anh ta thắc mắc. Tôi cũng thấy anh ta hay hay. Tên anh là Marc Lavater, trạc năm mươi tuổi, về sau sẽ trở thành một bạn thân nhất của tôi; đã từng là quan chức cao cấp trong ngành thuế quan Pháp, chỉ huy đội kiểm tra thuế phổ Volney; sau đó lại nhảy sang bên kia chiến tuyến, mách nước cho những người anh săn đuổi trước kia. Tôi đã nghe nhiều người ca tụng khả năng của anh, những mối quan hệ tầm cỡ quốc tế của anh, và cái mà anh ta gọi là “sự đáng tin cậy” theo tiếng lóng của anh.

— Cái khó là ở chỗ việc của anh dính líu với Thụy Sĩ nhiều. Bên ấy tôi khó hoạt động hơn ở Pháp. Vả lại...

— Anh nhận lời, hay từ chối?

— Để tôi nói nốt. Vả lại ngay trên đất Pháp, cuộc điều tra này cũng đã khó, nhất là vì phải giữ rất bí mật với các đương sự.

— Có hay không?

— Mặt khác, tôi vẫn còn nhiều bạn thân trong ngành thuế bên Thụy Sĩ.

Anh ta nhìn xấp bạc. Tôi nói:

— Một trăm ngàn đôla khi hoàn thành. Khi tôi nhận được mọi câu trả lời.

Anh ta cười:

— Được, tôi nhận. Không phải vì số tiền. Tuy nó... nhưng vì câu chuyện của anh làm tôi thú vị. Thật đấy.

Lúc ấy tôi không tin. Tôi đã lầm. Sau này tôi mới biết. Tôi nói:

— Còn việc khác nữa...

Tôi nói về ngôi nhà St. Tropez.

— Cần biết ai tậu. Và biết xem chủ nhân hiện nay có phải vẫn là người cách đây mười ba năm không?

Anh ta hỏi tôi vài điều. Không, anh ta không tiện tìm gặp tôi, trái lại tự tôi phải đến tìm anh ta. Cuối cùng tỏ ra thoải mái hỏi qua nụ cười:

— Tôi muốn biết anh tên là gì?

Tôi trả lại nụ cười cho anh ta.

— Gọi tôi là Monte Cristo

Hôm sau 11 tháng bảy tôi trở về Mombasa, người hơi lão đảo. Tôi bảo Sarah:

— Seychelles, thiếu em như bữa ăn thiếu pho mát vậy!

Lát sau, bảo Hyatt:

— Cậu có nói đến chuyện chúng mình cùng đi Hong Kong. Nào thì đi. Kenya từ nay thuộc về quá khứ.



Điều chắc chắn là Hyatt biết rất rõ Hong Kong, nơi anh ta sinh ra. Anh nói thạo tiếng Tàu, rõ ràng anh ta ở đây như ở nhà mình vậy. Chúng tôi đã tới đây được hai tuần. Chúng tôi, riêng bản thân tôi đã rời Mombasa bốn ngày sau chuyển đi Châu Âu về. Tôi thấy Sarah do dự và tôi cũng do dự, không biết nên giữ mối quan hệ này hay nên nhân dịp ra đi này mà kiếm có cắt đứt. “Có lẽ em sẽ đuổi theo anh sau. May ra kiếm được việc làm ở bên ấy”. “Không cần đi làm, có anh rồi mà”. Lắc đầu: “Dẹp, em thích độc lập”.

Trên đại lộ Des Voeux, đảo Victoria giữa trung tâm Hong Kong, tôi đi theo vệt đã đi hai ba chục lần từ khi tới đây, tới ngay trước hai ngôi nhà vàng xám, vuông vức xấu xí nhưng đồ sộ, bên trái là Trung Quốc Ngân Hàng, bên phải là Hong Kong - Thượng Hải Ngân Hàng. Ba trăm năm chục ngàn đôla “Kenya” của tôi đang nằm ngủ ở ngân hàng này. Hai tháng nữa tôi sẽ hăm hai tuổi. Điều gì đã xảy ra bên Kenya? Có những ngày tôi tự hỏi không biết mình có ngủ mê không. Có phải tôi đã kiếm ra từng ấy tiền thật không? Nhanh đến thế? Có phải vì gặp được những điều kiện đặc biệt không? Giá trị của tôi thực sự như thế nào?

Đường tàu kéo bằng dây cáp chạy sau khách sạn Hilton vài trăm mét. Dốc đứng, toa tàu - thực ra là hai toa giằng nhau - càng lên cao, càng thấy chóng mặt hụt hơi, trước hết thấy nhà thờ St. James và các ngọn đồi bọc bờ biển, bên trái là sở thú, dần dần cảnh tượng huyền diệu mở rộng ra các tháp cao trên đảo Victoria, bãi biển và thung lũng Hạnh phúc, rồi Wanchai và Causeway, đằng trước mặt phía bên kia eo là bán đảo Cửu Long, địa đầu lục địa Trung Hoa có đại lộ Nathan thẳng tắp thọc sâu.

Tôi đã được lãi ba trăm năm chục ngàn đôla. Dù may dù không. Tôi có thể dừng lại ở đây, dẹp sang bên được, mua một quán rượu - thuốc lá, lấy một cô nào đó. Cũng có thể quẳng hết vào một ván bài khác, bắt đầu từ đầu như ở Mombasa. Thực ra tôi không bị cảm giác mệt mỏi này đánh lừa: Do thiếu vắng Sarah, tôi thiếu nàng nhiều hơn tôi hình dung trước kia; còn do nỗi lo ngại, bức bối mỗi khi tôi nghĩ đến chuyện đang tiến hành bên Châu Âu qua Trung gian Lavater. Nó còn do cái đất Hong Kong này, không phải là đất của tôi; đám đông người Châu Á không ngừng di động kia làm tôi khó chịu. Vả lại biết làm gì ở đây? Tôi đã thuận theo lời Hyatt mà tới đây. Tới đây rồi mới thấy hết qui mô phức tạp to lớn của cái mà tôi đương đầu. Đến nỗi đâm nhớ tiếc những buổi ngồi trên chiếc Mini Moke đi vênh vang trên đại lộ Kilindini, chào hỏi khách hàng, bè bạn, họ coi tôi là “Ông Chủ Nhỏ”. Ở đây, tôi chẳng là cái gì, mà cũng chưa nghĩ được cách trở thành một cái gì.

Từ toa tàu kéo ra, tôi vào thẳng Lo Fung, tiệm ăn trên lầu hai tháp Victoria Peak. Các cô phục vụ len lỏi qua các dãy bàn, cổ đeo những chiếc giỏ đựng đến hàng chục thậm chí hàng trăm mặt hàng khác nhau. Hyatt bảo Lo Fung là cái “nồi ninh kiểu Quảng Đông”, một cái dimsum nghĩa là trái tim nhỏ theo tiếng Quảng Đông. Gã đã ngồi đây rồi, giờ tay vẫy:

— Sao mặt mũi thế kia? Không ổn hả? Nhưng ít ra cũng đừng rắc rối với tay sắp đến. Tuy chỉ là giám đốc hãng buôn thôi, nhưng nhiều thứ phụ thuộc hẳn.

Gã bắt đầu thao thao về tương lai đang chờ đón chúng tôi, vừa vắn người chúng tôi chờ gặp đang đi tới. Một anh chàng người Tàu mảnh dẻ, sang trọng, mặc bộ đồ có lẽ bằng hàng Sơn Đông, dù sao cũng là hàng màu kem sữa, nói tiếng Anh như xướng ngôn viên đài BBC. Anh ta hơi có vẻ bề trên đối với Hyatt, tuy anh này tỏ ra không nhận thấy điều đó, hoặc làm ra vẻ như thế. Thái độ của anh ta đối với tôi có khác. Tuổi trẻ của tôi làm anh ta băn khoăn. Nhân một lúc Hyatt ngừng nói, anh ta hỏi tôi:

— Hai anh làm ăn với nhau lâu chưa?

Tôi cười:

— Từ nhiều năm nay. Đã tham chiến bên nhau.

Hơn hai giờ sau cả ba chúng tôi phóng xe trên vùng đất liền, qua Cửu Long về hướng Đất Mới.

Tôi nhìn phương hướng: Tây Bắc. Bên trái có hòn đảo.

— Tsing Yi đấy. - Hyatt bình phẩm. - Các xưởng đóng tàu của Hong Kong nay dời về đó.

Xe chạy dọc theo cơ ngơi bất tận của nhà máy bia San Miguel, cùng với bia Tsing Tao là thứ đang tràn ngập thị trường Châu Á. Chạy thêm một quãng:

— Đến rồi.

Xí nghiệp có sáu trăm người. Không có một dân Châu Âu nào, đây là thế giới người Tàu.

— Làm đồ chơi, - Hyatt lại thuyết minh. - Mình có đầy đủ: Điểm chạm bên Châu Âu, mối với bạn bán buôn, đủ hết. Cậu có biết con búp bê làm ở đây so với con búp bê y hệt làm bên Âu giá thành bao nhiêu không? Chưa tới một nửa. Tối đa! Đây là một áp phe ngon lành. Mỗi năm làm việc ba bốn tháng, sau đó...

Đôi bàn tay nhỏ mũm mĩm vung rộng. Tương lai Hyatt là đó: Yên tĩnh, chắc chắn, ba tháng làm việc ngắn ngủi rồi vui thú với chữ nhàn đến hết năm. Tóm lại, sự rút lui.

— Cậu có vẻ không khoái hả! Làm đồ chơi có gì đáng phản đối? Sắp Noel rồi.

Tôi không phản đối đồ chơi, cũng không phản đối nhàn hạ. Nhưng không chấp nhận sống ở Hong Kong, giữa biển người ai trông cũng như ai không phân biệt nổi. Chúng tôi lượn qua các phân xưởng, mọi người đều mỉm cười dễ thương, một quán ốc, hoặc tương đương, tuôn ra một tràng dài. Hyatt dịch lại cho tôi. Nhưng tôi lại nghĩ đến Sarah, đến thân hình mảnh mai nhạy cảm, đến ánh mắt diều cọt thường hé qua cặp mi lim dim.

— Chỗ này là phòng nghiên cứu của xí nghiệp.

Tôi thấy có đủ thứ máy chạy pin, các con thú, xe cộ, những con búp bê biết gọi mẹ bằng ba mươi sáu thứ tiếng, biết khóc. Ở hai giờ trong nhà máy tôi đã thấy chán muốn chết. Lúc sắp ra về, tôi mới để ý đến một thứ, giống cây gãi lưng. Đúng, nó là thứ đồ dùng để gãi lưng.

— Nhưng chạy bằng điện. Đặt nó lên lưng, nó tự động gãi cho anh, khỏi cần động dẩy tay cho mệt. Chỉ là một đồ dùng lạ mắt.

Viên giám đốc thương mại đã ngồi ăn trưa với chúng tôi tên là Ching gì đó. Tôi hỏi anh ta:

— Có còn những trò loại này không?

Anh ta lắc đầu cười:

— Bọn thanh niên ở phòng nghiên cứu thích nghịch thế thôi. Một đồ dùng lạ mắt thôi mà.

— Có bán không?

Lại cười:

— Không, tất nhiên. Nó chỉ là...

— Một đồ dùng lạ mắt, tôi hiểu.

Một trò ngốc. Hết sức ngốc.

Trở về Hong Kong. Theo đề nghị của tôi, Ching gì đó kể cho tôi nghe về “bọn thanh niên ở phòng nghiên cứu thích nghịch”. Hai cậu trong bọn chắc là hai cậu điên gàn nhất ở ngay khu trung tâm. Họ làm chủ yếu trong ngành điện ảnh, chuyên về những kĩ thuật kĩ xảo đặc biệt, có chân trong đội ngũ những chuyên viên làm máu chảy như nước lũ trong các bộ phim Made in Hong Kong. Ngay tối hôm đó tôi gặp họ trong khách sạn Wanchai. Một tên Li, một tên Liu hoặc ngược lại thì phải, mãi tôi vẫn không phân biệt nổi cậu nào là Li cậu nào là Liu. Cũng trạc tuổi tôi. Nghe tôi trình bày dự định xong, họ cười bỏ ra.

— Anh định tung các máy gãi lưng đó ra bán ở đường Carnaby London thật chứ?

— Cả các nơi khác nữa.

Lại cười, chảy cả nước mắt. Chúng tôi cùng uống một thứ rượu Saké tàu, tên là Hsiaoshin

hoặc na ná thế, một loại rượu màu vàng nước đá, hoàn toàn giống nước đá, cất từ gạo, uống nóng, đựng trong bình hâm cách thủy đặt ngay trước mặt. Mối sau ba bốn ngụm tôi đã phải bám chặt lấy bàn. Sáng hôm sau lại gặp nhau ở đại sảnh phòng thương mại, và sau khi nghe tôi phác qua vài ba đề án chế tạo đồ dùng lạ mắt, cả hai anh chàng lại cười lăn cười lóc, mà lần này rõ ràng không phải vì rượu Hsiaoshin.

Ở Hong Kong không có những luật lệ hải quan đánh vào hàng nhập, tất nhiên càng không có đối với hàng xuất khẩu: Họ chỉ có thuế gián thu đánh vào vài loại sản phẩm như thuốc lá, rượu và xăng dầu. Các thứ đồ vật của tôi không có vấn đề gì, sẽ chỉ làm nhà chức trách phì cười mà thôi. Vụ đăng ký kinh doanh của Bộ Công Thương cấp ngay cho tôi giấy môn bài miễn phí và còn kèm theo một nụ cười nữa. Họ bảo tôi, điều này Hyatt đã nói trước với tôi rồi, rằng các hàng xuất khẩu của tôi được miễn thuế. Tuy nhiên tôi cũng phải trả khoản tiền không đáng kể vì nguyên liệu - chất dẻo chẳng hạn - là những thứ sản xuất tại địa phương, phải đóng thuế trước khi xuất khẩu trực tiếp từ một nhà máy. Sau này, tôi đã vận động để họ hủy bỏ quy định này đối với tôi. Lúc này thì chưa. Chiều hôm đó, Bộ Công Thương đồng ý trên nguyên tắc sẽ cấp cho tôi bằng chứng nhận xuất xứ, mặc dầu sản phẩm chưa ra đời nhưng chắc chắn không bao lâu nữa chúng sẽ xuất hiện. Đây là bằng chứng nhận xuất xứ loại ưu đãi toàn bộ, nó sẽ cho phép tôi tự do xuất hàng sang sáu nước đầu tiên tham gia thị trường chung Châu Âu, cộng thêm các nước Anh, New Zealand, Cộng Hòa Ireland, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Áo, Nhật, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Hy Lạp, Canada, Australia và nhiều khu vực khác.

“Còn thiếu Béloutchistan, Burundi và Samoa” Hyatt vùng vằng nhận xét. Hyatt cho rằng tôi đã điên thật rồi. Vào giai đoạn này của công việc, không thể trách được gã. Tôi cố giải thích, nói cho gã biết điều tôi đã cảm nhận trên đường Carnaby London, trước đồng đồ vật vĩnh không tên gọi, vô nghĩa, ngớ ngẩn mà thiên hạ tranh cướp nhau như điên, những thứ càng vô dụng lại càng được ưa chuộng, càng bị xâu xé dữ dội. Mà chỉ là những thứ bày bán trong những quán tồi tàn phơi mặt bên cửa hàng Mary Quant.

— Bây giờ, đang có nhu cầu về những thứ không dùng được vào việc gì. Nếu chưa có thì chúng ta sẽ tạo ra nhu cầu đó.

— Không phải chúng ta. Mình không chơi.

Gã dờ dỏng, hờn dỗi. Tôi làm đủ thứ để thuyết phục nhưng gã không lay chuyển. Gã nhất định bám lấy kế hoạch: Làm một quý chơi ba quý, không chịu rời ra. Gã tuyên bố dứt khoát không nhượng bộ. Tôi thì lại cần đến gã, nếu không cần con người gã thì cũng cần đến tiền của gã. Xưởng máy của Ching gì đó nhận sản xuất khối lượng vô cùng lớn những thứ: Đồ xô giày da quang để đi giày không làm vỡ tĩnh giác, đục lạnh để cắt kính, bật lửa biết chửi một câu khi anh châm điếu thuốc, tượng gã say có mũi đỏ nhấp nháy khi cốc anh đã cạn, quả chuối biết hét (khi bóc vỏ)... Sản xuất bằng dây chuyền liên tục nếu tôi chịu ký hợp đồng ổn định sản lượng. Có nghĩa là tôi phải ném vào đây toàn bộ vốn liếng. Mà đồng vốn của tôi đâu phải là thứ có thể giãn nở vô cùng tận, hơn nữa có thể tôi còn phải thanh toán khoản tiền công - chín mươi ngàn đôla - do Lavater gửi tới vào bất cứ lúc nào. Đóng vai bá tước Monte Cristo ngồi xe Rolls tốn quá trời, tuy lúc này rất thích thú. Lại còn phải có tiền để sang Châu Âu đặt mỗi, tiền ăn tiền ở Hong Kong, ở các nơi khác trong khi chờ có tiền lãi. Nếu có lãi.

Lời khước từ kiên quyết của Hyatt khiến tôi hết đường chống đỡ. Tôi thiếu độ một trăm, đúng hơn là một trăm năm mươi ngàn đôla; các ngân hàng tôi hỏi vay đều không tin sản xuất đồ vật lạ mắt mà phải cần chừng đó vốn.

— Hyatt, ít ra cũng phải cho mình vay ít tiền.

Gã rút cổ:

— Mình mách cho cậu một áp phe bằng vàng, ba tháng làm, chín tháng chơi mà cậu không chịu. Đến lúc mình cũng không chịu.

Ngày lại ngày trôi qua. Lúc này vào khoảng giữa 15 và 20 tháng tám. Hai lần tôi định gọi Paris nhưng cả hai lần văn phòng Lavater đều trả lời Lavater đi vắng không nhắn lại gì cho tôi hết. Có lẽ anh ta chưa có tin gì mới, chắc thế, tôi cho anh không phải loại người sống chết mặc bay tiền thầy dứt túi. Nhưng sự im lặng này làm tôi bứt rứt. Cùng như thái độ của Sarah: Tôi đã hai lần gửi điện tín, điện báo, gọi điện thoại đến sạt nghiệp, lúc thì bốc lên: “Có tiền cho anh vay năm trăm ngàn.” lúc thì van nài: “Đến với anh, anh thiếu em ” - “Khó tìm ra việc làm ở Hong Kong lắm anh ơi, nếu là con gái thứ thiệt” - “Ồ quý, anh cần gì phải nói đến việc làm” - “Em cần, không phải nói suông đâu, anh bạn!” ...

Lại còn Ching gì đó, mỗi lần gặp lại lễ phép báo tin nhà máy đang đợi tôi. Gã Hyatt một lần cuối: Vô hiệu. Gã còn nói dù lúc này gã có thiện chí cũng đành bó tay: Gã đã bỏ vốn vào áp phe đài bán dẫn. Tôi quay lại với Ching gì đó.

— Ching này, phải có cách dàn xếp chứ.

— Nếu không có đảm bảo chắc chắn thì không thể thay đổi biểu đồ tổ chức của nhà máy.

Cuộc cãi vã này giữa chúng tôi đã diễn ra mười lần rồi.

— Công ty của anh cũng phải gánh một phần rủi ro. Thị trường đồ chơi đã bão hòa, thị trường đồ vật đang mở ra.

— Liệu có thật là một thị trường không?

Lại quay lại từ đầu.

— Ai có quyền quyết định cho hãng anh có thể tham gia cùng với tôi? Ai chỉ huy?

— Không phải tôi.

— Ai?

Một tối kia Hyatt đã nói ra một tên, lúc này tôi thật sự nhớ.

— Ông Hak.

Ching gì đó nhìn tôi ngạc nhiên.

— Ông Hak là nhân vật rất quan trọng, rất rất quan trọng.

— Tôi muốn gặp ông ta. Thu xếp cho tôi một cuộc gặp.

— Không thể được.

Tôi cố nài. Cuối cùng gã nhận lời sẽ thử xem. Đêm sau tôi gọi Paris lần thứ ba, vào lúc bên đó đã mười giờ rưỡi sáng do chênh lệch múi giờ. May sao, chính Lavater đến cầm máy.

— Tôi đã lượm được vài thông tin anh cần. Về ngôi nhà đã: Ngày 11 tháng mười năm 1956, một tháng rưỡi sau khi phụ thân anh qua đời, một công chứng viên được ủy nhiệm riêng đã đứng ra mua với giá một triệu một trăm ngàn franc mới. Không đắt, phải không ạ? Chủ nhân chính thức là một công ty ở Liechtenstein, bên ấy họ gọi là Einstein, doanh nghiệp. Hoàn toàn kín nhem, không dò thêm được gì.

— Bây giờ vẫn ông chủ ấy?

— Vẫn.

— Hoạt động của Einstein này?

— Không biết. Hoàn toàn mù tịt. Chỉ biết có người hàng năm nộp một ngàn franc Thụy Sĩ tiền thuế lợi tức cho chính quyền Liechtenstein và trả tiền thuê luật sư ở Vaduz là người chính thức làm đại diện cho doanh nghiệp. Tôi lần theo dấu vết và biết: Tiền từ Thụy Sĩ sang, đăng ký ở tài khoản đánh số. Xin đừng hỏi tôi đã làm cách nào để biết thêm điều này nữa: Một luật sư thứ hai ở Geneva cũng nhận tiền công trích từ một tài khoản đánh số khác, được thường xuyên bổ sung. Tôi đã gặp hắn nhưng hắn cũng câm như hến. Chỉ dò được tới đây là hết, thật không thể tìm hiểu gì về điều bí mật kín như hũ nút này. Có điều chắc chắn: Đó không phải là vị giám đốc ngân hàng của anh. Chính lão cách đây vài năm cũng mở cuộc điều tra như tôi và đã gậy rặng.

Thì ra Martin Yahl cũng đã tìm hiểu tung tích người tậu ngôi nhà. Tôi nghiên ngẫm tin mới này.

— Còn việc kia?

— Đang hình thành.

Tuy cách xa mười ngàn kilômètres tôi vẫn thấy giọng anh ta có vẻ xúc động, khác hẳn mọi khi vẫn điềm tĩnh, rõ ràng. Bản thân tôi cũng bị ảnh hưởng đứng trước đêm Hong Kong sáng choang tôi bỗng thấy người nóng bừng bừng gần như run bắn lên.

— Nghe đây, - Lavater nói, - đúng là vụ biển thủ quái dị nhất mà tôi biết. Xin chú ý: Tôi không có chứng cứ. Và nếu anh hỏi lời khuyên của tôi, tôi sẽ không bao giờ có. Không hy vọng gì, lát nữa sẽ nói tại sao. Không, không có chứng cứ, nhưng đây không phải chỉ là cảm tưởng mà gần như là một niềm tin tuyệt đối. Phụ thân anh không thể trắng tay khi qua đời. Cuộc điều tra đã khẳng định...

Tôi bỗng chú ý: Lavater nói “Phụ thân anh” tức là anh ta đã biết tôi là ai. Thì đã sao?

— Đây là vụ gian lận, biển thủ, cưỡng đoạt, chiếm tài sản thừa kế, anh muốn gọi là gì thì gọi. Người viết thư nặc danh nói từ năm mươi đến sáu mươi triệu đôla. Theo tôi định giá còn thấp. Phải đến gấp đôi, có khi gấp ba chừng đó.

— Có khả năng tiến hành tố tụng không?

— Không trừ phi có những yếu tố mới, ít ra phải có người nào đó cung khai. Ngay trong trường hợp ấy cũng chưa chắc.

— Sao vậy?

— Vì vụ này được bố trí vô cùng khéo.

— Tên nào?

— Không nói trên điện thoại được. Thủ phạm, hoặc các thủ phạm có nhiều đồng phạm. Chúng tôi đang sàng lọc. Có điều chắc chắn là có những người cách đây mười ba năm đã đột ngột trở thành giàu có, hơn hẳn mơ ước của họ, mà chỉ trong có vài tháng.

— Tôi muốn biết tên.

— Sẽ được biết. Cho tôi ít thời gian nữa. Tôi cần có tiền.

— Gửi cho anh bốn chục ngàn.

— Xin đừng đề tên tôi, gửi vào tài khoản, số tôi đã dặn.

— Đồng ý. Chỗ còn lại sẽ giữ sau khi nhận báo cáo của anh.

— Tôi không biết địa chỉ.

Không do dự:

— Đề tên tôi. Nhờ người chuyển thư: cô Sarah Kyle khách sạn White Sand, Mombasa, Kenya. Ban nãy anh bảo sẽ giải thích tại sao tôi không bao giờ chứng minh được đã có biển thủ. Tại sao?

— Vì tôi tin rằng chính kẻ đã vạch ra sơ đồ công ty của bố anh sau đó đã rất khôn khéo, tài tình tháo tung tất cả, xóa sạch tất cả, mang đi nơi khác. Không để lại dấu vết gì, bằng chứng gì. Tôi không ngần ngại nói rằng kẻ đó là một thiên tài. Hắn làm như trò ảo thuật, như phép thần thông. Cá nhân tôi rất khâm phục, thật tình khâm phục.

— Anh có biết nó là ai?

— Anh có xem cuốn phim cũ của Errol nhan đề Robin Chúa Sơn lâm không? Trong ấy có diễn viên John Carradine sắm vai Scarlett, Will Mặt Đỏ. Vì cũng có tên là John Carradine nên mọi người tặng biệt hiệu Scarlett cho một luật sư Mỹ tốt nghiệp Harvard, ở đó hắn cùng học với một giám đốc ngân hàng Thụy Sĩ mà hình như hắn không ưa. Chính Scarlett đã thực thi vụ gian lận này. Tên phù thủy là hắn.

Từ lúc bắt đầu nói chuyện Lavater khẳng khẳng từ chối không đụng đến tên người nào, vậy mà lúc này anh ta chẳng do dự tung cái tên vừa rồi lên không trung.

Anh ta cười khẩy:

— Đáng tiếc Scarlett nghèo rồi.

Ching gì đó gọi điện thoại:

— Chiều mai, sau sáu giờ anh rồi không?

— Nhất định.

— Tôi xin phép được tới đón và dẫn anh tới khách sạn Mandarin lúc năm giờ rưỡi.

Thế thôi, nhưng tôi đã hiểu: Sẽ đi gặp vị rất quan trọng ông Hak. Tôi muốn biết rõ thêm về nhân vật này nhưng Hyatt ngạc nhiên nhìn tôi:

— Cậu mà gặp được hần là chuyện lạ.

— Hần có cái gì ghê gớm? Sống trên đời, cười trên mây à?

— Hần rất quan trọng.

— Tớ là thằng quan trọng nhất từ trước đến giờ. Hần giàu thế cơ à?

— Không phải chuyện lắm tiền nhiều của. Chỉ thế không đủ. Ta đang ở Hong Kong.

Rồi chăm chăm nhìn tôi, như thể vừa tiết lộ một tin tức đặc biệt. Ngày nào đó có lẽ tôi sẽ giết chết gã.

Chiếc Mercedes to kèn đón chúng tôi vừa đổ bộ ở Star Ferry. Xe chạy về sân bay Kaitak, chúng tôi lên chiếc máy bay du lịch xinh xắn. Hướng chính Bắc, tức là phía lục địa Trung Hoa. Ching gì đó ngồi bên tôi không nhúc nhích. Đường bay rất ngắn, sau mười phút dưới ánh chiều ta đã thấy xuất hiện dưới cánh máy bay một hòn đảo núi non nhấp nhô hình như chỉ có sinh khí nhờ làng chài nhỏ bên vũng sâu.

— Đang bay trên không phận Trung Quốc à?

— Không, vẫn là Hong Kong, trên vùng đất mới. Trung Quốc ngay kia.

Một vệt trên đường chân trời, cách có vài kilometres. Máy bay hạ cánh, nẩy trên đường băng ngắn lát xi măng. Chiếc xe có gã lái xe người Tàu hoàn toàn câm lặng, con đường nhỏ xuyên qua vài ba quả đồi trọc lởm chởm đá tảng, đột nhiên thảm cây xanh hiện ra làm thay đổi hẳn khung cảnh ảm đạm. Tôi nhận ra những cây đa, cây long não, cây thông... do bàn tay con người trồng tĩa. Xa hơn một chút, có chiếc cổng xây ở cuối con đường hai bên trồng bạch đàn chạy xuyên qua một biển trắng xoá hoa trà, hoa mộc lan lùn, hoa lệ quỳên. Ching và tôi xuống xe đi dọc bức tường hoa phong lan. Dưới chân nền lát xi măng rất mịn phẳng phiu không có qua một bậc nào cao thấp. Thật là đẹp, sự yên tĩnh khác thường gần thành nặng nề.

Nhà ông Hak ở trước mặt. Tôi sắp có cuộc hội kiến trông ấy, cuộc hội kiến lạ lùng nhất đời tôi.



Ngay từ phút đầu tôi đã dán mắt vào đôi bàn tay ông ta: Dài, thon, duyên dáng, có thể nói là yêu kiều nữa; móng ngón áp út vươn dài có lẽ đến mười centimét.

Chỉ một thoáng sau sự chú ý của tôi lại chuyển sang một điều lạ lùng khác, bị hút chặt vào hai chân ông ta. Ông Hak bận tẩm áo mặc trong nhà bằng lụa đen, xẻ tà từ lưng chừng đùi để lộ hai bộ máy kỳ lạ bằng kim loại sáng bóng. Những đoạn ống không được gia công cho giống những ống chân người. Sự thờ ơ đối với mỹ thuật, đối với tập tục ấy thật đáng kinh ngạc, ít ra nó cũng làm tôi kinh ngạc. Trên ống thép, ở vào khoảng đầu gối, có những rãnh đan nhau vạch thành tám ô vuông. Cả hai chân đều như thế. Ông Hak đang ngồi.

— Ông Cimballi ưa dùng thứ giải khát gì?

Tôi quay lại: Ching gì đó đã lảng lạng rút êm, bỏ mặc tôi một mình. Căn phòng tôi đang ngồi là phòng khách, các phòng bên cạnh, rất nhiều, chỉ ngăn cách bằng những tấm vách mỏng nhẹ, chắc có thể tháo lắp dễ dàng. Nền nhà hình như bằng cẩm thạch xẫm đen có vân màu xám bạc, không có bậc cao thấp, cầu thang toàn bộ nền nhà đều hết sức bằng phẳng. Đồ đạc rất ít, thứ nào cũng trên mức xa hoa, như những tấm bình phong lạ mắt kia bằng hàng sơn mài hai màu: Đen nhánh, đỏ son.

— Ông dùng champagne?

— Xin lỗi. Vâng, cảm ơn.

Tôi tưởng sắp có đầy tớ mang ra. Nhưng vẫn có hai người thôi, chỉ có bàn tay ông Hak cử động: Đặt lên đùi trái ông ta. Móng ngón đeo nhẫn lách vào đường rãnh nạy một cặp rất bé lộ ra chiếc bản tí hon có bốn nút bấm nhỏ bằng đầu đinh ghim. Ngón tay Hak lướt trên nút bấm theo một thứ tự nào đó. Nấp đây lại như cũ. Ông Hak đứng dậy, tôi trở mắt ngạc nhiên, nhìn ông ta bước đi: Chân bước nhưng thân hình không hề cử động, tôi dám cam đoan đôi vai ông ta kẻ một đường thẳng tắp. Trong khi ông chuyển dịch, tiến lên phía trước, y hệt những đồ chơi điện tử được căn chỉnh hết sức chính xác, chỉ có riêng cái bệ cử động. Cử động của ông ta cũng trơn tru, cùng với kỹ thuật hoàn hảo như chúng.

Chúng tôi vào căn phòng có bức tường hậu hình bán nguyệt. Giữa phòng bày mấy chiếc ghế bành, tràng kỷ, đều quay mặt vào bức vách cong.

— Xin mời ngồi.

Sau lưng tôi có tiếng động nhẹ nhẹ: Một chiếc bàn lăn bánh xe cao su đang lạng lẽ từ từ chạy về phía chúng tôi, không người đẩy người lái. Đến bên ông Hak nó tự động dừng lại rất có ý tứ.

— Ông thích dùng champagne hiệu nào?

— Tôi không nghĩ có nhiều đến thế. Xin ông chọn cho.

Ông Hak ngồi xuống. Rõ ràng đây là động tác khó nhất đối với ông ta: Gần như ngã xuống. Sau khi yên vị, ông ta mở những nắp khác bên đùi phải; nhiều sự việc khác liền diễn ra trước mắt tôi: Một bàn thứ hai nhiều tầng cũng lạng lẽ như chiếc trước chở đến hàng tá những miếng patê tí xiu, cá bầm viên, tôm, mực, nhiều món tẩm bột rán, bánh mì có nhân, bánh kẹp, cùng lúc đó nhạc nổi lên tràn ngập căn phòng, những bản nhạc Phương Tây, cổ điển, có lẽ là nhạc Brahms. Sau hết, kì lạ hơn cả là cùng một lúc ấy tấm sơn mài đen nhánh trên bức tường bán nguyệt từ từ trượt từ trái sang phải: Quang cảnh cho thấy chúng tôi đang ở dưới mặt biển lúc này sáng rực ánh đèn pha nhiều màu thay đổi ngăn cách với chúng tôi bằng một khoang kính cao hai mét rưỡi, dài mười hai mét.

Tôi rất xúc động.

— Cảm ơn, ông Cimbali.

Tự tay ông ta rót champagne mời tôi. Rồi đột ngột hỏi về nước Kenya. Tôi không rõ ông ta đã biết về tôi những gì, nhưng tôi cũng chẳng có gì phải giấu giếm. Tôi thuật lại hoàn cảnh khi tôi rời London, chuyện mua bán đôla. Cả chuyện buôn vàng. Đôi mắt linh hoạt, thông minh không lúc nào rời tôi.

— Sao lại đi Kenya?

— Sao lại không đi Kenya?

Ông Hak tủm tỉm cười:

— Đồng ý. Cho tôi nghe vụ đồ vật lạ mắt của ông.

— Chẳng có gì đáng nói, tôi tin chắc có nhu cầu và tôi sẵn sàng mở thị trường hoặc phát triển rộng thêm. Có thể thôi.

Mấy phút trước đó tôi có ý định giải thích thật hùng hồn, đề cao sáng kiến của mình. Nhưng từ khi đứng trước mặt con người bán nhân tạo này tôi bỗng có cảm tưởng là thế chẳng đi đến đâu. Có khi sự kín đáo của tôi lại làm ông ta xiêu lòng cũng nên; mà cũng có thể sự việc đã được quyết định trong có vài giây như vẫn thường xảy ra. Dù thế nào đi nữa, tối hôm đó ông ta cũng thông báo với tôi rằng nhà máy do Ching gì đó làm giám đốc thương mại là nhà máy của ông, cũng như nhiều nhà máy khác và nhân tiện đây ông cho biết: Bằng lòng cấp vốn cho tôi sản xuất đồ vật với mức một trăm năm chục ngàn đôla. Nếu cần có thể cấp hơn. Tuy nhiên ông không nói ra điều sau đó sau tôi mới biết: Thực ra ông là một nhà kinh doanh đầu tàu của nước Trung Hoa ông Mao; với tư cách đó ông ta quản lý nhiều tài sản, vốn liếng rất lớn không chỉ có ở Hong Kong mà ở khắp nơi trong vùng Đông Nam Á, và ở xa hơn nữa. Thực tế này về sau đối với tôi sẽ có ý nghĩa rất cơ bản, quyết định, và trên một số phương tiện, nó sẽ là nguồn gốc một nỗi lo sợ lớn nhất cuộc đời tôi.

Dù sao đi nữa khi tôi quay về Hong Kong, khách sạn Victoria, không còn có gì cản trở tôi lao vào công việc mà Hyatt đã chê. Tuy vậy, cuối tháng này, có lẽ vì thấy tôi lập được kỳ công trong việc tìm kiếm tài trợ của ông Hak, gã cũng có phần nao núng và nhận giúp tôi: Mạng lưới thương mại tại Châu Âu mà gã vẫn phô trương thực ra là có thật, và gã hứa sẽ cùng đi với tôi sang Paris để bố trí những đầu mối cần thiết. Tôi đề nghị lần cuối cùng (một việc ngu ngốc), nhưng gã từ chối góp vốn với tôi (thật may hết sức). Gã chỉ thích được trả một khoản tiền không cố định.

Đây sẽ là thất bại lớn nhất trong cuộc đời kinh doanh của gã. Trong mười một tháng kém vài ngày, việc sản xuất, phân phối và tung ra bán các đồ vật lạ mắt đã đạt doanh thu mười triệu đôla. Phần của tôi sau khi trừ phần của ông Hak: Một triệu rưỡi đôla.

Cuộc nhảy tiếp tục. Càng nhanh, càng nhanh hơn...

Hyatt cũng tới London đã vài ngày; ở đây những quan hệ của Hyatt xét cho cùng là rất có ích, tuy ít hơn lời khoe của gã nhưng nhiều hơn mong ước của tôi. Tất nhiên tôi không có ý định tự mình đi gặp từng người bán lẻ trên toàn nước Anh để chào hàng, nên đã thuê một cô gái rất đẹp làm việc này, người Đan Mạch, tên Ute Janssen, cao một mét tám sáu hoặc tám bảy, mỗi khi được hỏi tại sao cứ khư khư mãi chiếc măng tô trên người lại thản nhiên bộc lộ thân hình trong một mảnh vải che. Tôi tìm được cô ta trong một cửa hàng cho thuê các cô chiêu mẫu quần áo. Đích thực một cô chiêu mẫu, không thể nghi ngờ gì được: Chỉ cần nhìn cô la cà đây đó với hai tập Bách Khoa Toàn Thư Anh đội trên đầu, mồm nhai củ cà rốt ưa thích. Cô không đeo nịt vú, nên mỗi khi cô cúi xuống để trình bày cái mở nút bằng thuốc nổ TNT, con cá sấu móc túi đập chân, thì khách hàng có thể nhìn suốt đến tận đũng slip của cô ta, ấy là nói nếu cô có mặc

thứ đó. Ngoài tội ngốn một khối lượng cà rốt đáng sợ, cô không đến nỗi đắt. Tôi định trả theo giờ công như thường trả các cô chào mẫu quần áo. Cô cực lực phản đối:

— Tôi muốn hưởng theo phần trăm. Món hàng đồ vật ấm ớ của anh là thứ hết sức ngu ngốc, nhưng mỗi ngày thiên hạ lại lập một kỉ lục mới trong việc tiêu thụ món hàng này, phải bán được hàng tấn.

Chúng tôi đang ở trong khách sạn Ritz tại London: Sau lưng cô gái Đan Mạch, anh chàng Hyatt như một gã thủy thủ hải quân hoàng gia bị đắm tàu đang đứng sau ả cá voi mắc cạn, đang múa tay ra hiệu cho tôi đừng nhận lời cô ả (làm ăn với Hyatt có lợi ở chỗ: Hễ gã phản đối có nghĩa là công việc sẽ trôi chảy, lần nào gã cũng nhầm)

Ute phát hiện ngay các tín hiệu cò tay của Hyatt, cô cặp luôn gã vào nách, lôi ra ngoài hành lang, đóng chặt cửa.

— Thế đấy! Tuy tôi trông như cái tháp canh nhưng không đến nỗi dần. Tôi đòi giữ độc quyền ở Anh và Đan Mạch.

Ở Pari.

Sau cơn tỉnh công phu thường ngày, tôi biết lúc này ở Hong Kong hơn ba giờ sáng, giờ Li và Liu khỏe khoắn nhất trong ngày. Do một phép thần có thể làm bất cứ công dân người Pháp nào cũng phải sững sốt, hệ thống điện thoại hoạt động ngay lập tức, tôi gặp ngay Li hoặc Liu ở đầu dây. Hôm ở London tôi đã phát hiện thêm được những đồ vật mới và đã đăng ký xin ngay bằng sáng chế, trong khi đó có “Túi cười” (khi ta nhấc túi lên nó sẽ tuôn ra một chuỗi cười của ma cà rồng), và nhất là “Ngân hàng Fantomas”, cái ống tiền có bàn tay thò ra giật lấy đồng tiền trong tay ta bỏ vào ống; đây sẽ là một con ngựa chiến hàng đầu của tôi. Li và Liu cho ra một tràng cười xuyên lục địa. “Hãy khoan định giá đơn vị” Hyatt nói, càng ngày càng tỏ ra bức bối vì nhận thấy áp phe này càng ngày càng phát triển không ngờ. Thành công trông thấy. Thấy qua phản ứng của thị trường Pháp. Càng thấy rõ hơn khi gã tiếp xúc một số nhà kinh doanh Hoa Kỳ. Họ chú ý món hàng của tôi, tôi lại nắm hết bằng sáng chế trong tay; chúng tôi ký ngay hợp đồng cho phép họ mua thẳng của tôi để bán lại, hoặc sản xuất theo giấy phép của tôi. Tôi quyết định cử Hyatt đi với họ sang Mỹ để giải quyết nốt các chi tiết, còn tôi ở lại Châu Âu. Đáng lẽ đảo ngược sự phân công, Hyatt ở lại đây còn tôi sang bờ bên kia đại dương, nhưng tôi muốn gặp Lavater.

**_

Chưa có tin mới, Lavater bảo tôi:

— Tôi đã nói với anh về nhà Leoni chưa nhỉ?

— Chưa.

— Hai vợ chồng được thuê trông coi Capila cách đây mười mười hai năm. Do công chứng viên thuê. Tôi đã trực tiếp hỏi chuyện họ: Họ chẳng biết, chẳng nhìn thấy gì, ngoài chiếc xe đăng kí ở Thụy Sĩ, hình như xe Mercedes thì phải, tới đây lúc đêm rồi đi ngay khi trời sáng rõ. Viên công chứng đã báo trước cho hai vợ chồng dặn không tiếp xúc và cũng không được tìm hiểu xem ai đi trên xe. Thực tế họ không nhìn thấy ai thật.

— Vào hồi nào?

— Ngày 28 tháng tám, ba năm trước.

— Đúng dịp kỷ niệm mười năm bố tôi qua đời.

Lavater mỉm cười. Tôi còn nghĩ bụng: Biết đâu không phải là anh!

— Hay nhỉ! - Tôi cười phá lên.

— Bình tĩnh. Cặp Leoni không biết gì hơn. Họ chỉ được lệnh trông nom nhà cửa, không được

thay đổi chút gì.

Tôi vô cùng tức giận. Ai là chủ ngôi nhà ở St. Tropez? Hẳn là ai? Điều bí ẩn này làm tôi phát điên. Tôi hỏi Lavater:

— Còn tay công chứng viên? Mua được không?

— Nghe kỳ quá, - Lavater đáp.

Tôi cười phá lên, anh ta mỉm cười an ủi:

— Thôi, đừng nhìn mọi cái với cặp mắt bi quan thế. Tất cả rồi sẽ rõ ràng. Sao không lại nhà mình ăn tối một bữa?

— Thế còn bản danh sách cậu đã hứa đâu?

— Đang định sau vài ngày nữa sẽ gửi sang Kenya cho anh một bản báo cáo. Nhưng anh lại về Paris. Vậy anh còn phải đợi. Anh có muốn tôi trả anh số tiền năm chục ngàn đôla không? Trả ngay lập tức nếu anh đòi?

Tình bạn của chúng tôi chắc chắn đã có từ trước rồi, nhưng từ phút ấy nó mới chính thức ra đời. Mặc dầu trong bụng vẫn giận thật, mặt tôi vẫn mỉm cười với anh ta.

— Đồng ý đợi đến lúc có báo cáo. Và sẽ đến ăn tối với anh một bữa. Rất vui lòng.

Hai ngày sau đó là hai ngày chạy long tóc gáy. Dựa trên mạng lưới rất hữu hiệu của Hyatt, tôi tạo nên một tổ chức có đầy đủ tính chất Châu Âu, gồm những người sau này sẽ gắn bó mật thiết với tôi mặc dầu có vụ kinh doanh “đồ vật”. Những người ấy về sau tôi đều gặp lại, chẳng hạn như Letta ở Roma. Tuy nhiên, những kết quả, có thể gọi là chiến thắng của tôi vẫn không làm tôi trút bỏ được nỗi băn khoăn tức giận, gần như mối hận thù do những tin tức của Lavater làm nẩy nở trong lòng. Hyatt đã sang Mỹ, tôi còn có một mình trong lúc chỉ hai ngày nữa là sinh nhật hai mươi hai tuổi. Sau mười, hai mươi cuộc nói chuyện, tranh cãi, người tôi mệt mỏi, phải trốn trong phòng trọ. Tay mân mê chiếc bật lửa ghi âm, cứ mở nắp là nó hét tướng: “Bạn khốn khổ ơi, mắc bệnh ung thư đấy!” Tế nhị như quỷ sứ, dễ nhìn nữa, tệ hại hơn là nó sẽ rất ăn khách, ngay lúc này đã được ưa chuộng. Trong ba ngày đã bán hơn chục ngàn cái. Tôi ngắt điện thoại.

Cách một ngày sau, vào thứ sáu, tôi cùng với Sarah hạ cánh xuống Geneva. Tôi thuê xe ở Cointrin, không dừng lại Geneva mà quay về Pháp qua Annemasse. Đường lên dốc dần. Đến Cluses tôi rẽ trái về hướng Morzine, ở đây khách sạn Parador sắp đóng cửa nhưng hứa sẽ đợi và cho trọ với điều kiện chỉ có hai chúng tôi, và số người phục vụ sẽ rất ít. Ánh mắt xanh giễu cợt của Sarah:

— Tại sao bỗng nhiên lại mê núi non đến thế?

— Chán ngấy bọn Kikuyin, bọn Tàu, chán vùng nhiệt đới rồi. Muốn xem bò cái.

— Thế thì phải tới Normandie. Đầy bò cái.

Cô nàng rất ranh ma. Tôi không bao giờ, sẽ không bao giờ giấu nổi cô ta điều gì.

— Lúc nào đi Geneva?

— Ai bảo đi Geneva? Đi làm gì?

— Mắt em bảo. Bao giờ? Hôm nay? Ngay đêm nay, khoác áo choàng, đeo mặt nạ?

— Mai. À không, ngày kia.

— Biết rồi. Hôm ấy là chủ nhật, đường phố sẽ vắng tanh không có ma nào đi ra ngoài. Thừa biết đi ấy chứ! Nhân tiện, chúc mừng sinh nhật chàng Zouave. Anh có biết tại sao em bỏ rơi cả một tá nhân tình người Châu Phi không? Chúc mừng sinh nhật anh! Có những lúc em thấy anh gần như thương được.

Đúng như cô nàng dự đoán. Chín giờ sáng chủ nhật, Geneva cũng vắng vẻ như khách sạn chúng tôi trọ đêm qua. Để cẩn thận đến cùng, tôi bỏ qua cái cười chế giễu của Sarah, đỗ xe tận bờ bên kia hồ Léman, đi bộ qua cây cầu nhỏ Bergues để qua sông Rhône, dọc đường nghỉ chân trong vườn cây trên đảo Rousseau. Đứng đó nhìn rất rõ trụ sở ngân hàng, mặt tiền có đề tên Yahl. Người tôi run lên. Sarah nắm tay tôi, dựa vai vào vai tôi.

— Anh điên mất rồi, Franz. Anh định bỏ cả cuộc đời vào việc trả thù thằng già ấy sao?

Đời thuở nào, có ai rửa nỗi hận thù đối với một thằng giám đốc ngân hàng Thụy Sĩ?

... Eo cô áp sát eo tôi. Thân hình Sarah mảnh dẻ thường xuyên rám nắng từ đỉnh đầu đến gót chân, tóc nâu tự nhiên gần như đen; nhỏ con nhưng chắc lẳn, cặp vú nhỏ xinh mà rắn. Làm tình với cô ta không nhất thiết là một cuộc ái ân mà thường là một trận chiến mà tôi chỉ thắng khi gặp dịp.

— Anh ơi, hãy quên hết đi. Chúng mình sang Hong Kong với nhau. Tương lai anh rất sáng sủa, em không biết nói gì nữa, không lẽ anh cần nghe lên lớp? Quên thằng già đi. Anh sắp giàu to. Một ngày kia còn có thể giàu hơn nó. Lúc ấy anh sẽ làm cho nó, gì nhỉ, một cánh tay danh dự.

—Cút!

— Em muốn uống cà phê.

— Ít nhất cũng đi ngang qua đó đã.

— Và đá vào cửa nhà nó một bãi.

Chúng tôi qua sông Rhône, xuyên qua quảng trường đầu cầu Mont Blanc; vòi nước phun bên trái, mặt tiền nhà ngân hàng bên phải. Sarah thì thầm:

— Có khi nó đang nấp trong bóng tối kia kìa, rình anh bằng cặp mắt đen của chó rừng.

— Xanh, cặp mắt nó xanh.

— Cà phê của em đâu?

Đến trước mặt trụ sở câu lạc bộ Touring chúng tôi rẽ phải để ra phố Rive. Thế là hết. Chẳng được việc gì, cố nhiên. Nhưng tôi vẫn còn tái xanh, gần như phát ốm. Sarah lo sợ:” Lạy Chúa! Đến nông nổi này cơ à, Franz? Anh điên thật rồi. Em nói nghiêm chỉnh đấy”.

Chúng tôi trở về Morzine, ở trên đó, tự cô nàng làm tình với tôi, rất dịu dàng, khác hẳn mọi bận. Xong, cô đi lại trong phòng với vẻ bận rộn mà các cô thường cố trong những nơi họ coi như nhà mình, dù nơi đó chỉ là căn phòng khách sạn. Tôi hỏi:

— Em thật sự tin điều em đã nói chứ, là anh sắp giàu đến nơi ấy?

Cô bật cười, tôi lại nhận được ánh mắt lờm qua mi rất quen thuộc.

— Tin. Và bụng ông sẽ phê ra, ông sẽ diện những bộ đồ len chải, ông có du thuyền, có hai dao cạo điện để phòng có một cái bị trục trặc. Còn bây giờ, xin ông nhanh chân lên kéo lờ chuyển bay.

Từ Paris tôi lại gọi đi Hong Kong. Công việc trôi chảy, xưởng máy của Ching gì đó chạy hết công suất, nhiều nhà máy khác của ông Hak đã dự vào vũ khúc, nhả ra hàng tấn đồ vật lạ mắt. Cùng với Sarah tôi đi khắp Châu Âu: Đức, Ý, Tây Ban Nha, Scandinavia, sang cả Morocco và Ai Cập, Hy Lạp. Đến đâu cũng tranh cãi, ký kết hợp đồng. Làm thật nhanh, tôi không thể ngồi yên chỗ, gần như lúc nào cũng cuống cuống. Hyatt điện cho tôi, ngay sau đó gã trở về từ New York và California, nơi gã thu được kết quả vượt mọi mơ ước. Gã vừa hãnh diện, lại vừa buồn phiền vì những thành công này: Gã không được xơ múi gì. Tôi an ủi gã nhưng không mở két bạc: Có cơ hội tốt mà không xoáy thì mặc xác gã.

Tôi quá bận nên quên không gọi lại cho Lavater như đã hẹn. Cuối cùng cũng tìm được anh ta không ở văn phòng mà ở một máy khác tại căn nhà gần Chagny ở xứ Bourgogne. Anh đã cho tôi số máy từ trước.

— Tôi đang thắc mắc không biết anh ở đâu...

Chắc có tin mới, tôi bỗng nhiên có trực cảm.

— Không biết làm cách nào liên lạc được với anh. Nói vắn tắt, đã có bản danh sách cho anh đây rồi.

Im lặng. Tôi bóp ống nghe gần vỡ bét ra. Trong thù hận cũng có nhiều khoái cảm xác thịt.

— Bao nhiêu thằng tất cả?

— Bảy.

— Có Martin Yahl?

— Tất nhiên. Trong phạm vi có thể, tôi đã xếp các vị này theo thứ tự trách nhiệm, trách nhiệm trong câu chuyện đã xảy ra, hẳn là vậy, và Yahl đứng đầu bảng, số một.

Tôi đang nói với Lavater từ Roma, đúng lúc định về Hong Kong gặp Ching gì đó, hẳn ta đòi gặp tôi từ mấy hôm nay rồi. Tôi nghĩ thật nhanh rồi bảo Lavater:

— Cô Sarah sẽ tới khách sạn Ritz ở Paris tối nay. Anh đưa danh sách cho cô ấy được chứ? Rất tốt.

Sarah cau mày khi nghe tôi tự tiện sai phái cô như vậy.

— Cảm ơn Lavater.

Tôi định gác máy. Lavater:

— Cimballi? Franz?

— Gì nữa?

— Hãy làm cho chúng thật khốn khổ điêu đứng. Chỉ có mỗi thứ đó là chúng chưa ăn cắp được!

Tôi mỉm cười với chiếc máy. Như nước thủy triều đang lên, trong lòng tôi lại bùng lên cơn say dữ dội đã cảm thấy trên đại lộ Old Brompton hồi xưa. Lúc này nó càng mãnh liệt, càng dữ dội bội phần.

Đúng! Chúng nó sẽ khốn đốn vì tay tôi.

PHẦN HAI CHIẾN DỊCH “RỒNG BẠC”





Tôi thích về ở Cửu Long trên phần bán đảo chạy từ bến Star Ferry đến đại lộ Jordan, thường gọi là Tsimshatsui. Đây là nơi náo nhiệt hết mức, không bao giờ chịu ngủ yên nhưng tôi lại thích, cần quái gì phải ngủ cho nhiều? Hơn nữa lại đông hàng quán, khách sạn quốc tế với những quầy rượu lót nệm rạ. Nhưng Sarah lại bảo:

— Nhìn mãi khách sạn chán rồi. Với lại, ai cấm anh đến Cửu Long ở một mình. Mỗi tuần chúng mình gặp nhau một lần, vào ngày em được nghỉ. Nếu em không bận việc khác.

Một con bé tệ hại. Cuối cùng chúng tôi, thực ra là cô ta chọn một biệt thự ở khu Stanley, trên đảo Hong Kong chính. Qua cửa sổ nhìn được ra bờ biển, một bến cảng đậu nhiều thuyền, xuống tam bản. Một nơi cùng trời, cuối đất, được cái là văn phòng của tôi ở khu trung tâm cách đây chưa tới mười kilômètres. “Tiền nhà chia đôi, mỗi anh chịu một nửa, Sarah tuyên bố. Em giữ sổ chi tiêu, nếu anh thấy không trở ngại”.

Cô đã kiếm được việc làm ở Repulse Bay, một trong ba cái lớn nhất Hong Kong, cô vẫn kiên quyết giữ vững quyền tự do. Những ngày đầu tôi không nén nổi tức giận: “Thế nếu tôi muốn ngủ với cô thì làm thế nào?” Với nụ cười thần tiên chắc cô vẫn tặng cho khách tới chỗ cô đón tiếp: “Thì hẹn trước, cưng ạ!” Ngay tối hôm đó, tôi đặt lên bụng phơi trần của cô nàng tờ giấy mười đôla Hong Kong, khoảng mười franc Pháp. Và giải thích “Quà tặng”. Cặp mắt xanh lờm lờm. Cô dùng ngón cái và ngón trỏ cặp tờ bạc, xếp cẩn thận vào xắc tay, rồi quay lại với một tờ giấy giống hệt tờ ấy, cuộn tròn lồng vào dương vật, “Quà tặng”. Cô nàng trả miếng, rồi nằm xuống bên tôi.

Ngoài những cuộc đụng độ này ra, chúng tôi sống như vợ chồng, thật lạ, cô ta, không phải người nội trợ đảm đang tuy nắm trong tay một khách sạn có tới cả ngàn phòng trọ; nếu đổi màu vôi phòng khách của cô sang màu tím cô cũng không hay. Tôi biết rõ, vì đã làm thế. Chúng tôi sống với nhau đầm ấm, hạnh phúc là khác. Lần đầu tiên số vốn của tôi đạt xấp xỉ một triệu đôla vào ngày 14 tháng ba, sau này bạn đọc sẽ hiểu tại sao tôi nhớ kỹ như thế. Từ ngày quay về Hong Kong tôi chưa gặp lại ông Hak nhưng có nhận được lời chúc mừng của ông ta do Ching gì đó chuyển.

Vì còn có bản danh sách. Tôi mân mê nó, đọc đi đọc lại trong nhiều giờ, học thuộc lòng “đến lợm giọng” những thông tin trong đó. Nó khắc sâu vào lòng hận thù sắc lạnh của tôi. Qua nó tôi mừng tượng được rõ hơn vương quốc của bố tôi ngày xưa. Tôi đặt cho mỗi tên một số thứ tự như Lavater đã làm số một, đứng đầu bảng khá xa: Martin Yahl ở Geneva; số hai, Giancarlo thẳng Ngu, anh ruột bố tôi, xuất thân từ giáo sư Anh ngữ hiện nay sống bằng lợi tức ở Lugano, không đáng giá hơn Yahl chút nào; số Ba, Alvin Bremer một cái tên hơi quen quen hình như ngày xưa đã có lần về nghỉ ngơi ở St. Tropez, nhà riêng rất xa hoa bên bờ hồ Michigan ở Chicago, không xa trường sở đại học đường Loyola, được biết với danh nghĩa chủ tịch một công ty xi măng và vật liệu xây dựng, với số vốn hai mươi triệu đôla. số Bốn và Năm (hai tên cộng tác với nhau) là John Hovius người Argentina và tên người Scotland, xứ Glasgow là James Donaldson, cả hai đều có nhiều danh lợi ở Mỹ La Tinh nhất là ở Chile, gắn chặt với ngân hàng Yahl bởi mạng lưới tinh vi và nhiều doanh nghiệp, tinh vi nhưng có thật, số Sáu là Sydney H. Lamm người California kinh doanh bất động sản tại Chicago. Tên số bảy là một người Pháp, Henri George Landau, ngụ tại Paris, có nhà riêng ở quận XVI, có nhiều bất động sản, chủ nhân nhà máy bia lớn ở Elysées.

Chúng tôi gắng sức thu nhập tối đa thông tin về từng người, đúng như yêu cầu của tôi, Marc Lavater viết cho tôi khi gửi tập hồ sơ đầu tiên. Từ sau bữa đó, quan hệ giữa viên cố vấn thuế vụ

với tôi đã chặt chẽ hơn, chúng tôi điện thoại cho nhau luôn, đến mức tôi đã mời hai vợ chồng anh ta sang Hong Kong dự các kế hội cuối năm.

Họ đổ bộ ngày 23 tháng chạp, lưu lại năm ngày với Sarah và tôi. Chúng tôi dành phần lớn thì giờ của năm ngày đó để cùng nghiên cứu những hồ sơ do Lavater vừa mang sang. Bắt đầu từ thằng cha người Pháp Landau. Chúng tôi cũng ở Pháp, năm thằng này nó dễ hơn. Nhất định tôi đã chạm trán nó ở St. Tropez hoặc ở nhà bố mẹ ở phố Pompe. Dù thế nào đi nữa, nó đã trông thấy tôi lúc còn bé tí.

Lavater đưa ra tấm ảnh một người trạc năm mươi, vẻ con nhà, Bắc Đẩu Bội Tinh, tóc nhuộm màu bạc sáng. Môi hơi nhão. Lavater nói:

— Có đủ các thông tin về tài chính tiền tệ của tên này. Còn biết cả việc nó gửi tiền bên Thụy Sĩ năm 1968 và tiền hiện vẫn còn ở đó. Khoảng bảy trăm ngàn franc. Tài sản đăng ký chính thức: Hai căn hộ ở Paris, một cái ở đường Lyautey nhìn sang trường đua ngựa Auteuil, một cái cũ hơn ở đảo Cité nơi cất giấu nhân tình. Còn là chủ nhân một biệt thự ở Cannes... À quên, căn hộ ở Cité đứng tên ả nhân tình, Amanda Fernet, tên thật là Marthe, nhưng chắc chắn ở đâu đó là có sẵn mảnh giấy hủy bỏ chứng từ chính thức này. Đó là toàn bộ tài sản phi sản xuất. Nguồn doanh thu: Nhà máy bia đường Elysées, trị giá trong khoảng tám đến chín triệu. Hẳn mua chỉ có một phần tư số tiền này hồi tháng tư năm 1957.

— Tám tháng sau khi bố tôi qua đời. Nó lấy tiền ở đâu?

— Hẳn đưa ra những bản kế ước và được ngân hàng Yahl trả ngay lập tức bằng tiền mặt. Ba triệu franc mới. Cho đến đoạn ấy, hẳn chỉ là người kiếm đủ ăn bên cạnh bố anh, không hơn.

Bao giờ mãi suy nghĩ điều gì tôi cũng tản bộ. Nên cả hai chúng tôi đi ra đại lộ Des Voeux. Vừa đi Lavater vừa kể tiếp vừa thích thú ngắm phong cảnh lạ mắt ngoài đường. Tôi lôi anh vào Chợ Trung Tâm, phố hàng vải, hàng trứng.

— Ba triệu đồng của Judas.

— Cái gì bây giờ cũng lên giá.

— Nó làm gì bên bố tôi?

— Công của hẳn là ở chỗ: Giúp đỡ thân phụ anh ngay buổi đầu ông sang Pháp. Thế thôi, Landau chưa bao giờ là đại bàng. Bố anh đã giao gã quản lý các quyền lợi trên đất Pháp. Có người nói vào khoảng 1956 trước khi từ trần bố anh định thay Landau vì kém tài. Nhưng đó là tin đồn thôi.

— Hăng bìa của nó giờ ra sao?

— Cũng qua nhiều bước thăng trầm, hẳn không để ý đến mấy. Nhưng hiện giờ thì đang phát. Vài tháng nay hẳn còn mơ mộng kinh doanh thêm.

— Ai tài trợ?

Lavater mỉm cười. Chúng tôi vừa rời phố Aberdeen đi về phía Ma Mo. Một gã thầy bói vung chiếc lồng nhốt con chim sặc sỡ len vào giữa hai chúng tôi. Lavater gạt gù:

— Anh thật nhanh trí. Đúng thế: Kẽ hở của vỏ thép là chỗ đó, những mảnh mung của hẳn, những khoản vay mượn để làm vốn.

— Bao nhiêu?

Lavater đứng dừng trước bác phó cạo rong, hành nghề theo cách cổ xưa, nghĩa là nhổ từng sợi râu của khách bằng phương pháp: Lăn lượt thắt các sợi râu bằng chiếc thông lọng tơ tằm nhỏ biển. Lavater bị cảnh tượng ấy làm cho mê mẩn, mãi mới trả lời.

— Độ bốn triệu franc.

Lại bước đi. Chúng tôi rẽ vào phố Con Mèo, dốc Kẽ Cáp chi chít ngõ hẻm bậc thang, Lavater ưỡn ngực hít khí trời, tỏ vẻ khoái được tới đây.

— Anh không thích Hong Kong sao, Franz?

— Không.

Tôi nghĩ đến Landau. Lavater quan sát tôi.

— Anh đã muốn nghe về tên Hovius và Donaldson chưa?

Tôi tức giận run bắn người. Lắc đầu:

— Sau hãy hay. Landau trước đã. Tôi bắt đầu từ thằng này.



Paris ngày 20 tháng hai, tám giờ năm mươi phút sáng. Tôi ở trên đường Elysées này hơn một tiếng, gần chết cứng, tuy mặc áo khoác gabardine lót lông. Bầu trời thấp xám xịt, báo hiệu sắp có tuyết theo lời cậu hầu bàn trong quán rượu Colisée, nơi tôi uống tách cà phê thứ năm, thứ sáu gì đó, kể từ lúc trở dậy sau một đêm gần thức trắng. Đêm trước, tôi từ Hong Kong tới đây. Chờ đợi.

Còn phải chờ thêm hai lăm phút nữa mới thấy chiếc xe đó xuất hiện. Một chiếc BMW to đùng, sạch như lau như li, bóng loáng. Hẳn ngồi phía sau đang đọc tờ báo trông như tờ Le Figaro. Xe dừng đúng chỗ người ta đã báo trước cho tôi biết, chỉ cách chừng một mét. Hẳn đợi tài xế mở cửa xe mới bước xuống thả bộ. “Nói chung hẳn không bao giờ đậu xe trước cổng nhà mấy bia. Cách hẳn tập thể dục. Có khi hẳn xuống tận quảng trường La Concorde, nhưng thông thường hẳn không đi qua rạp hát Ambassadeurs. Đến đây hẳn quay lại, vào nơi làm việc”.

Sáng đó hẳn chỉ tới rạp Ambassadeurs hoặc ngang ngang rạp hát. Tôi bám theo cách ba chục mét. Hẳn vừa đi vừa đọc. Sau vài phút hẳn quay lại. Một giây sau, tôi đứng ngay trước mặt hẳn.

— Xin lỗi ông, mong ông chỉ cho đại lộ Marigny phải đi đường nào?

Lúc đó vừa vặn tới bùng binh, mắt hẳn đang nhìn lên cột tín hiệu giao thông sửa soạn bằng qua đường. Hẳn đưa mắt nhìn xuống tôi. Khoát tay:

— Ngay chỗ kia. Không thể lạc đâu.

— Rất cảm ơn.

Gật đầu chào nhau, hai cặp mắt rời nhau, ít ra cũng là cặp mắt gã lảng ra. Đèn đỏ. Landau bình thần qua đường. Tôi nhìn theo. Nếu hẳn quay lại có nghĩa là đã nhận ra tôi, hoặc là khuôn mặt tôi đã làm hẳn để ý: Tôi khá giống bố tôi, về tầm vóc và giọng nói. Nhưng không thấy hẳn quay lại. Hẳn vẫn đi tiếp, ngược đường Élysées, mắt vẫn dán vào tờ báo, chân bước đều đều, thần nhiên, với dáng vẻ thư thái của những tâm hồn thanh thản. Lát sau, tôi gọi taxi.

Tại phi trường Heathrow, Ute. Cô nện một bên vú vào mắt tôi khi ôm hôn. Tôi châm chọc.

— A, thế ra cô mình cũng biết rét đây nhỉ! Dù là gái Đan Mạch.

Cô khoác chiếc áo dài lông thú. Cô phanh áo. Dưới tấm áo, người cô trần như nhộng. Hai gã Pakistan vừa đi ngang qua mãi nhìn. Choảng luôn vali vào đầu nhau.

Ute hỏi tôi:

— Con bé Ireland mắt xanh của anh đâu?

— Ở lại Hong Kong.

— Sắp cưới chưa?

— Hãy lo việc của cô. Khá không?

— Trần truồng.

— Tuyệt trần. Không phải trần truồng^[3]. Em đã gửi cho anh những số liệu cuối cùng, thật đáng kinh ngạc thực sự. Cái ống bơm tiền Ngân Hàng Fantomas đặc biệt thành công.

— Em bán hàng giỏi đấy chứ?

— Rút ngay tay ra nào!

... Gã kế toán tôi phái đến kèm Ute đã viết cho tôi nói rằng theo anh ta cần có một tổ chức vững vàng hơn là cô gái Đan Mạch hộ pháp và cuồng dâm này, lúc nào cũng kéo theo sau một đại đội gái. Tôi không có ý định làm theo gợi ý của gã kế toán. Món hàng đồ vật lạ mắt không

tồn tại mãi được, tôi không muốn dựng nên một tổ chức có thể làm vương cẳng tôi sau này.

— Phải công nhận em là gái bán hàng giỏi đi, nếu không em sẽ hiếp anh đấy.

— Cô ngủ đi.

Cô mới sắm chiếc Jaguar. Hai chúng tôi lên xe. Tôi hỏi:

— Tôi có hẹn lúc mấy giờ?

— Hẹn đợi anh lúc mười hai giờ trưa.

— Cho tôi biết về hân.

Mọi người vẫn gọi hân ta là Thổ Nhĩ Kỳ. ở một biệt thự lộng lẫy trên dãy đồi Hampstead, mảnh vườn có hơi bé nhưng chật kín những thiếu phụ trần truồng, trong mọi tư thế có thể có. Ute nhận xét: Gã Thổ là một tay “bị ám ảnh về tình dục”. Tôi để có nàng ngồi lại trong chiếc Jaguar, vào nhà một mình. Ra mở cửa là cô gái tóc nâu thứ thiệt, trên thân chỉ có mỗi đôi hoa tai là không phải của trời cho.

— Ông Cimballi ạ? Ông đến sớm mất một phút.

Tôi bàng hoàng đến nghẹt thở, nhưng không nghi ngờ gì được, đúng là cô ta trần truồng thật. Tôi cởi áo khoác.

— Thế tôi có phải cởi hết không?

— Nếu ông muốn, - cô tóc nâu thứ thiệt đáp.

Tạm dừng chân một lát ở phòng khách, sau vài chục giây cô đi trước dẫn tôi lên thang gác, cảnh vú mông thon thẹn ngang trước mũi làm tôi hơi hơi rạo rục.

— Mời vào đây.

Tôi nghe rõ tiếng máy rào rào trước khi trông thấy chúng; và lọt vào giữa chúng trước khi lọt ra là tiếng máy gì: Máy điện báo telex, có đến hai chục cái là ít. Ba bốn cô gái theo dõi các băng giấy, tất cả đều trang phục y hệt cô gái tạm gọi là đầu bếp đang mở đường cho tôi.

— Mời vào đây.

Hai lần vách kính, hai lớp cửa. Tôi đặt chân vào gian phòng trải hàng chục tấm thảm Phương Đông chồng lên nhau theo phong cách “mỹ thuật lộn xộn” ở những khoảng trống giữa vô số chiếc xô pha êm ái. Người đàn ông bận chiếc sơ mi lụa hồng rất rộng, chiếc quần cũng bằng lụa màu xanh lục rất rộng, đôi ủng da đen kiểu cosaque. Hyatt đã nói với tôi về gã Thổ, Lavater cũng có nói đến, Ute cung cấp cho tôi một bức chân dung khá ngộ nghĩnh về tên Thổ đang ở trước mặt tôi. Thật bỗ công lặn lội! Gã rất Thổ, lực lưỡng, to béo và nếu không muốn nói là đầy mỡ, mắt hơi một mí và lờ lờ, chùng một bộ ria mép kiểu bộ binh Thổ, cái cổ bò mọng trên trọng đỡ chiếc đầu nhẵn thín. Trạc độ ba lăm. Gã mỉm cười hỏi tôi.

— Trông tôi có thích không?

— Chưa đến mức muốn lấy anh.

— Hyatt ra sao?

— Tuyệt vời.

— Hân nói với anh những gì về tôi?

— Hân tả anh là người cần đến gặp khi tạm thời thiếu những món tiền lớn, là người sẵn sàng cho vay dù phải chấp nhận những rủi ro khiến mọi ngân hàng đều chùn tay, là loại chủ nợ không nên quýt nếu không muốn bị rắc rối.

Đôi mắt đen, mơ màng như mắt đàn bà nhìn tôi hồi lâu.

— Anh tên gì ấy nhỉ?

— Cimballi.

— Tên hay. Nó gợi nghĩ đến bộ chũm chọe, đến thứ nhạc hơi man dại, đến nhảy nhót. Tôi có

nghe nói đến một ông Cimbali, lâu rồi, trong nghề xây dựng.

— Bố tôi đấy.

Cánh cửa khép ngăn cách chúng tôi với phòng telex mở ra. Cô gái cầm mảnh giấy đưa cho gã Thổ. Gã gật đầu bảo cô ả: “Hai chục ngàn”. Tôi khó lòng rời mắt khỏi những thân thể phụ nữ trần truồng kia, cái nào cũng đẹp tuyệt trần.

— Hyatt còn cho biết anh là người mê đua ngựa, anh theo dõi từng giờ tất cả các cuộc đua trên toàn thế giới và đặt cược những món tiền khổng lồ.

Cô gái telex đi ra.

— Hình như anh có chuyện làm ăn với tôi?

Một cô gái nằm ngửa, không chút ngưng ngừng giang đùi thật rộng mỉm cười với tôi. Cô ta trạc mười sáu, mười bảy, tóc vàng, da rất trắng.

— Cách đây năm tháng anh có cho một người Pháp là Landau vay tiền để đổi mới và mở rộng nhà máy bia của hắn ở đường Elysées. Tôi muốn mua lại giấy vay nợ của hắn.

— Anh biết nó trị giá bao nhiêu không?

— Bốn triệu rưỡi franc. Tôi trả anh năm triệu.

— Tiền ngay?

— Tiền ngay. Theo phương thức mà anh thích.

— Anh lấy tiền đâu ra? Của ông nhà để lại chắc?

— Mỗi xu đều tự tôi làm ra.

Đoán trước được câu hỏi tiếp theo, tôi giơ tay chặn:

— Năm nay tôi hăm hai tuổi rưỡi.

— Cimbali... Cái tên thích thật. Đẹp, nhún nhảy.

— Rất sung sướng!

Tôi đoán chắc gã sẽ từ chối.

— Nhưng câu trả lời của tôi là: Không.

Hắn nói trong lúc mắt vẫn xa xăm tận đâu đâu, tay vẫn vuốt trên bụng cô bé.

— Tôi không bán tờ khế ước ấy, không phải vì chuyện giá cả tiền nong, mà vì tôi đã cam kết sẽ giữ nó. Có người đã đứng ra bảo lãnh.

Trong tôi lóe lên một ánh chớp trực giác:

— Ngân hàng Martin Yahl ở Geneva.

Đôi mắt dĩ quý phái nhìn tôi.

— Cô gái đưa anh tới đây là ai vậy?

— Bạn.

— Bạn thế nào?

— Bạn.

— Nghe nói cô ấy cao lớn và rất đẹp.

Tôi nhún vai. Quay nhìn các dàn máy telex, dần dần tôi hiểu ra và hỏi:

— Chắc đang có đua ngựa?

— Ở San Diego, Bang California

— Bắt đầu rồi?

— Đợt một đã kết thúc.

Nghe giọng nói tôi biết hắn đã hiểu tôi muốn gì. Vả lại hắn còn thêm: “Có thể chơi vào đợt ba”. Gã làm hiệu qua hai lần vách kính, bản danh sách ngựa đua được mang vào. Mười một con.

Anh hiểu biết nhiều về ngựa chứ?

— Biết nhiều. Biết ngựa có bốn chân.

— Gã đưa danh sách.

— Chọn đi.

Tôi đọc tên ngựa chẳng biết chọn con nào. Cầu may:

— RỒNG Bạc, số 5.

Vì liên tưởng tới những con rồng trên đường phố Hồng Kông nhân dịp Nguyên Đán?

— Không còn con nào tồi hơn. Con này một ăn mười bốn. Anh đặt bao nhiêu?

Tôi trả lời:

— Ta thỏa thuận nhau đi: Nếu con này thắng anh phải bán cho tôi bản kế ước.

Gã tủm tỉm.

— Đồng ý. Anh đặt bao nhiêu vào con RỒNG Bạc?

— Một bảng.

— Về nhất mới được đấy nhé. Về nhì, ba không tính.

— Đồng ý.

Gã ra lệnh. Một cô da đen dài to dùng đánh telex chuyển ngay tới nơi cách đây tám chín ngàn kilometres.

— Tôi theo anh. Tôi đặt mười ngàn đôla. Anh có chơi không?

— Không.

Trong phòng bỗng lặng ngắt khác thường, nặng nề. Tôi hỏi chỉ cốt để xua tan sự im lặng đó:

— Có lâu không?

— Mười mười lăm phút là cùng.

Cửa sau lưng tôi bật mở, tiếng máy telex ủa vào, cửa đóng, tiếng máy ngừng bật. Tiếng Ute:

— Anh gọi em?

— Ai gọi? Biến ngay?

— Không sao, không sao, - gã Thổ bảo Ute. - Tốt là khác. Cô cứ ở lại đây.

Như để chứng minh câu nói đó, gã đứng lên. Tầm vóc gã chỉ suýt soát như tôi nhưng to ngang hơn tất nhiều lần, nặng có đến trăm ký. Gã lượn quanh người ả Đan Mạch của tôi. Cô Đen ở máy telex mang điện vào.

— Đợt hai tới đích! - Gã Thổ tuyên bố - Con ngựa được nhiều người đặt đã thắng. Hôm nay đúng là ngày của những con được số đông lựa chọn. Chú RỒNG Bạc của anh xem chừng sẽ nặng cánh như chì, một ăn mười bốn. Vả lại, khoảng cách không có lợi cho nó.

Gã vẫn lượn quanh Ute, chạm vào ả. Gã tới đứng ngang trước mặt, dán đôi mắt đen vào chỗ da thịt lộ qua vạt áo khoác. Ute mỉm cười với tôi:

— Franz, cứ yên trí. Lúc nào em muốn là em lật đổ hắn ngay!

Gã Thổ giờ cao tay nhẹ nhàng vén tà áo khoác.

— Gái Thụy Điển?

— Đan Mạch, anh bạn ạ, - Ute nói. - Nhìn thế mà không biết à?

Gã Thổ từ từ phanh hai tà áo từng phân một, thật chậm rãi. Gã bàng hoàng mất một lúc, rồi gật gù:

— Cimballi này, chắc anh thích dấm vào mồm tôi?

— Đó là chuyện rất có thể xảy ra. - Tôi đáp.

— Anh có định làm thế không đã?

Gã Thổ xán lại gần hơn.

— Có thể tôi sẽ thử xem.

— Anh không thử đâu!

Tôi đáp:

— Có thể thật. Vì tôi không có dịp, và cái chính là vì anh chỉ định thử cân não tôi thôi.

Gã Thổ đột nhiên lùi xa Ute, không đụng chạm gì thêm. Gã ngồi xổm, tủm tỉm cười, gật gù rồi đứng vụt dậy nhanh nhẹn không ngờ tuy gã nặng nề đến thế. Ute khép tà áo, nháy mắt với tôi: “Anh cho hắn hốc xì rồi!”

Gã Thổ cười khẩy, vươn vai.

— Đáng lẽ mình phải đánh cá con Rồng Bạc nhiều hơn nữa. Bắt đầu thấy tin rồi đây. Một thứ trực giác!

Trong phòng lại lặng ngắt. Không áp đặt mà là sự im lặng đồng tình: Hấn thì thần nhiên chờ đợi, tôi thì trong trạng thái vô thức. Bỗng nhiên tôi cảm thấy sợ. Nhiều hình ảnh lướt qua tâm trí. Tôi tự nhủ: Lúc này ở Diego là ba giờ chiều. Nắng dịu. Trường đua chắc phải rộng, cỏ xanh mượt mà. Mười một con ngựa, mười một con tôi không hề biết. Người phát lệnh: Ngựa chồm lên. Con Rồng Bạc là ngựa ô, ngựa hồng? Cũng chẳng biết: Có biết: Nó đen tuyền, bóng nhẫy như lưỡi kiếm. Thế cũng đòi! Một con ngựa tồi...Tôi không tưởng tượng nữa.

Gã Thổ nhìn tôi, vẻ lơ đãng, lả lơi. Xong rồi đây, tôi chẳng nhìn thấy gì. Máy chạy lách tách. Cô gái nồn nường uốn éo mang bức điện tới. Gã Thổ vẫn đứng đung, một lát sau mới liếc qua tờ giấy rồi bảo tôi:

— Cậu nói được tiếng Pháp hả? Tôi cũng vậy. Hồi trẻ đã ở Beirut; cậu biết nơi đó không?

— Không.

— Sẽ có ngày ta cùng tới đấy. Cậu chống Landau vì cái gì? Nó là một thằng tồi.

— Chuyện riêng của mình.

— Còn Yahl? Tay này khác. Ở địa vị cậu mình không dại mà gây sự với hấn.

Rồi hấn lơ đãng chìa cho tôi xem bức điện: “Rồng Bạc về nhất”. Tôi xuýt nghẹn thở vì mừng, nhưng không hề động đậy một chiếc lông mi nào.

Ute ra trước, tìm cách quay đầu trong chiếc Jaguar trong lối đi hẹp rải sỏi. Cô đầu bếp có đôi vú quả táo và cặp mông núng nính mở cửa. Gã Thổ theo tiến chân tôi.

— Này Cimbali, nếu có áp phe nào thì cứ bảo tôi, tôi rất muốn tham gia, tham gia hết mình. Đồng ý chứ?

Đi ngang qua cô đầu bếp có mái tóc hạt dẻ cắt ngắn, có cặp mắt xanh và đôi môi đỏ chót. Bất thành linh tôi giữ chặt lấy gáy cô ả, môi tôi đè chặt lên môi cô ả làm cô nghẹt thở. Lúc lên xe, hình ảnh cuối cùng tôi mang theo là hình ảnh gã Thổ trong bộ đồ nửa hồng nửa xanh đang gập đôi người mà cười chảy nước mắt.

Giấy ký nợ của Landau đã nằm gọn trong túi tôi.



Có tờ giấy đó trong tay, việc đầu tiên là phải đưa nó ra. Có nghĩa là phải tới gặp Landau, đặt trước mũi hắn vài tờ giấy rồi nói thật lễ phép: “Xin vui lòng hoàn lại ngay số tiền bốn triệu rưỡi franc, cộng thêm tiền lãi”. Vì đã nắm được tình trạng tài chính của gã, tôi thừa biết gã chẳng moi đâu ra tiền mà trả, ít ra là trong thời hạn cam kết.

Đúng chín giờ rưỡi sáng 26 tháng hai, phái viên của tôi (anh ta không được biết đến tên của tôi là gì) đến nhà Landau. Trên danh nghĩa anh được sự ủy nhiệm của ngân hàng “Hung và Chang” ở Singapore, ngân hàng này làm theo ủy nhiệm của một công ty vô danh do tôi thành lập ở Liechtenstein nhằm mục đích đã đề ra. Phái viên để lại tờ tối hậu thư pháp lý rồi ra về.

Khi bàn mưu tính kế, Lavater và tôi đã thử dự đoán phản ứng của Landau. Hắn ta hành động đúng như đã dự đoán từng điểm một. Trước tiên gọi điện về London chất vấn gã Thổ: “Tại sao, bằng cách nào mà tờ ký nợ đáng lẽ vẫn còn ở London trong vài tháng nữa bỗng nhiên lại do một ngân hàng Singapore đưa ra?” Như đã thỏa thuận trước với tôi, trong ba ngày liền gã Thổ tránh mặt: Đi vắng, đi xa, ít nữa mới quay về, đang ốm, đang đi chữa răng. Cuối cùng gã mới chịu gặp Landau: “Bạn khổn khổ ời, tôi có hứa thật nhưng mong bạn thông cảm cho, chính tôi cũng rất khó xử. Bọn Tàu nó góm lắm!” Landau vật nài: “Cứu tôi với!” - “Vâng, tôi sắp tìm cách giúp bạn ngay đây, khi tôi lành bệnh” - “Mười ngày nữa tôi đã phải trả nợ!” - “Được, xin hứa: Bạn sẽ có tiền sau đây một tuần. Bốn triệu là cố hết mức rồi, tôi không làm hơn được, bạn tự lo chỗ còn lại”.

Xin bạn đọc đừng hiểu sai: Trong tháng hai này tuy bị đòi nợ đột ngột nhưng tình thế của Landau không đến nỗi tuyệt vọng. Hắn còn có nhà máy bia tuy đã đem cầm; tháng mười một năm ngoái một toán chủ nhà máy bia đặt giá tám triệu và chắc sẽ nhận mua với giá tám rưỡi. Nếu hắn bán trong điều kiện bình thường, hắn vẫn còn trong tay bốn triệu sau khi trả hết tiền cầm cố. Cộng thêm vào bốn triệu đó là hai triệu rưỡi tiền bán nhà đất có đăng ký chính thức: Ngôi nhà đường Lyautey, biệt thự ở Cannes (trị giá cao hơn nhưng gã đã vay trước một ít). Thành sáu triệu rưỡi. Và cộng thêm ba triệu tiền ngôi nhà trên đảo Cité, đăng ký tên ả Amanda Fernet. Thành bảy triệu tám. Cộng thêm bảy trăm ngàn trong tài khoản ở Geneva. Thành tám triệu rưỡi. Tổng cộng hơn chín triệu, nếu tính cả tiền bán đồ đạc, tranh ảnh, nữ trang của phu nhân, xe cộ. Khoảng một tỷ xu. Tài sản của gã là từng ấy, sau khi trừ bốn triệu rưỡi tiền cầm nhà. Và nếu không bị thúc ép về thời gian, Landau thừa sức trả món nợ đã ký nhận bằng doanh thu của nhà máy bia cũng đủ.

Nhưng Lavater và hai cố vấn khác đã cùng tôi vạch ra một mẹo làm hắn phải phá sản hoàn toàn trong thời gian ngắn đến rợn người một cách hợp pháp.

Phái viên của ngân hàng Singapore hẹn cho Landau mười ngày. Gã Thổ hứa giúp bốn triệu sau bảy ngày. Landau thấy thế là ổn. Nhưng lại xảy ra rắc rối với ngành thuế; thoát nhìn thì có vẻ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng thực ra Lavater vẫn có nhiều bạn trong ngành. Một nhân viên kiểm thuế yêu cầu giải thích rõ ngôi nhà ở Cité. Chẳng hạn: Cô Marthe tức Amanda lấy tiền ở đâu để tậu nhà? Sao tiền thuế nhà đất toàn trả bằng séc ký tên Landau? Tiền điện nước cũng vậy. Và tất cả: Người trang trí nội thất, người bán đồ cổ, người bán đồ ăn theo đơn đặt... Đều do Landau trả tiền hết.

Landau cố giẫy giụa. Ngày 5 tháng ba, hai ngày trước khi hết hạn, gã vét vôi được tất cả chừng sáu mươi triệu franc cũ. Còn thiếu bốn triệu franc mới. Gã Thổ đã hứa giúp. Landau gọi về London. Lại gặp điệu valse ngập ngừng của gã Thổ, sau hai mươi giờ chơi trò người tàng hình, cuối cùng gã Thổ mới trả lời: “Bạn ơi hôm nay chưa có đâu. Chịu phép. Tôi đang đợi một khoản vào ngày mai hoặc ngày kia” - “Tôi không thể liệu được nữa” - “Có khoảng chín mươi tám phần trăm khả năng tôi sẽ có tiền sau bốn mươi tám giờ”. Một lần nữa Landau lại yên trí, tính hấn vốn như vậy, dễ bằng lòng với những giải pháp dễ dãi. Hai ngày sau vào lúc chỉ còn chưa đến hai bốn tiếng nữa là hết hạn, hấn lại đeo chặt gã Thổ. Gã này thích thú hành hạ Landau vượt quá cả mức tôi đề ra (kể cũng đáng đời cho đồ rác rưởi thực thụ kia) nên cứ kéo dài mãi nỗi lo âu của Landau đến tột độ. Mãi mười lăm giờ sau khi phái viên gọi là của ngân hàng Singapore đến gặp Landau, gã Thổ mới thò ra sự thật, sự thật do chúng tôi nặn ra: “Rất tiếc, Landau. Món tiền tôi trông đợi không thấy đến”. Chủ nhà máy bia run lên vì giận dữ và tuyệt vọng: “Anh nói có đến chín tám phần trăm khả năng có tiền cơ mà!” - “Vẫn còn hai phần trăm rủi ro. Buồn quá! Tuy nhiên tôi đã rất ân hận và đã nghĩ hộ anh cách giải quyết...”.

Đó là: “Tìm đến gã người Anh tên Hyatt đang nắm giữ nhiều khoản vốn lớn của người Việt Nam đang tìm nơi đầu tư có lợi. Anh ta hiện ở đâu đó giữa “Roma và London”. Anh ta có thể giúp đỡ với điều kiện là tìm thấy anh ta đúng lúc. Phải nhanh chân lên!

Landau ôm chặt máy điện thoại. Hyatt! Hyatt đâu? Hấn tìm Hyatt hết khách sạn này đến khách sạn kia, phát hiện ra rằng tay người Anh này di chuyển xoành xoạch, đang ở London đã đi Roma, qua Geneva, sang Frankfurt, về Bruxelles... Cuối cùng tìm thấy ở Roma nhưng không phải ở khách sạn mà Landau dờ diên dờ đại vì lo đã gọi tới, mà ở một khách sạn khác, khách sạn Bernini quảng trường Barberini. Bộ phận tiếp tân trả lời: “Có, nhưng signor đi vắng. Dạ, không rõ mấy giờ signor Hyatt mới về...”. Hyatt lúc thấy tôi bật đèn xanh liền gọi Landau đêm mừng 7 rạng mừng 8 tháng ba. “Vâng, tất nhiên rồi ông Landau, tôi sẵn sàng gặp ông... Vâng, loại áp phe đó rất hợp với những thân chủ mà tôi đại diện... Ngay đêm nay? Gấp thế? Nhưng hết mọi chuyến bay mất rồi... Thuê máy bay taxi? Vâng, vâng, tôi biết là ông sẵn sàng trả tiền thuê máy bay, nhưng để tôi tìm xem có chiếc nào không đã...”

Hyatt lên máy bay taxi (thực ra chúng tôi đã thuê sẵn từ mấy ngày rồi) xuống phi trường Bourget lúc bốn giờ sáng. Một anh chàng Landau mệt lử, lo lắng gần chết đã chào chực sẵn ở đấy.

— Thưa ông Landau, tôi đã tiếp xúc với các thân chủ của tôi. Họ không muốn can dự vào những vụ đòi hỏi số tiền quá lớn. Nhưng họ cũng nhận lời thanh toán khoản nợ của ông. Tất nhiên ông phải đến chỗ bán đấu giá và mua nhà máy của mình. Thân chủ của tôi đã đồng ý tham gia với điều kiện như vậy.

— Nhà máy bia của tôi trị giá đến tám, chín triệu!

— Thưa ông, tôi cũng đã bỏ thì giờ đi thăm dò. Có những người làm bia muốn mua nhà máy của ông thật, mới sáng nay ông còn gặp họ. Theo tôi biết, họ đã khước từ yêu cầu của ông. Chắc họ sẽ không dự cuộc đấu giá. Ông còn có cơ may chấp nhận được là mua lại nhà máy của ông với giá sáu triệu. Chúng tôi giúp bốn triệu rưỡi, còn lại do ông tự lo.

— Tôi làm gì có?

Nếu cộng thêm tiền lãi và các thứ lệ phí, Landau phải kiếm được hơn một triệu rưỡi trong thời gian thật ngắn. “Vấn đề của ông bạn chính là chỗ đó. Ông không có nhà cửa gì sao? Có à? Vậy thì đẩy đi. Nếu cần phải góp với ông một lời khuyên, thì đây: Làm ngay sốt sột. Cái chính là phải cứu được nhà máy bia. Giữ được nó ông mới có cơ hội phục”.

Nhưng Landau không biết dạm bán ngôi nhà ở quận XVI và biệt thự ở Cannes cho ai trong lúc này! Không sao. Hyatt biết có khách mua, đó là một công ty vô danh trách nhiệm hữu hạn của Pháp do một tướng về hưu làm chủ tịch, có cổ vấn tài chính là Lavater đại diện để thương lượng. Lavater tuyên bố sẵn sàng mua nhà, mua biệt thự, trả tiền ngay, đúng với thời điểm Landau cần có tiền, với giá một triệu bốn trăm nghìn franc. Landau gầm lên:

— Đồ cướp ngày!

— Xin lỗi, mong ông cân nhắc lời nói cho cẩn thận. Tùy ông, thuận mua vừa bán không thì thôi.

Landau phải thuận vậy. đành chịu thiệt một triệu, bán tổng bán tháo cả nhà cả biệt thự cho công ty vô danh nọ. Ngay sau đó công ty giải thể luôn. Do tôi.

Hôm bán đấu giá, quả nhiên không thấy bóng một tay chủ hãng bia nào lộ mặt đúng như Hyatt đã dự đoán (vì sao, rồi bạn đọc sẽ biết). Thành ra Landau phải mua lại xí nghiệp của chính mình với giá sáu triệu hai - Vì có một người nào đó đã nâng giá lên - Mua được rồi Landau kiệt sức, nhưng nghĩ rằng mình đã đến lúc được xả hơi. Hắn tin chắc như thế.

Hắn làm to thực ra tờ giấy ký nợ bốn triệu rưỡi đã từ ngân hàng Singapore, hành động theo ủy quyền của công ty vô danh Sara ở Liechtenstein chuyển sang cho công ty tín dụng Luxembourg hành động theo ủy quyền của những thân chủ người Việt Nam (thực ra là ủy quyền của tôi) nói cách khác, giấy ký nợ ấy vẫn nằm trong tay tôi, Cimbali; tôi chỉ chuyển nó từ tay phải sang tay trái, có thể thôi.

Ngược lại, Landau tuy vẫn chỉ nợ có bốn triệu rưỡi cộng thêm khá nhiều tiền lệ phí và tiền lãi, những tình thế ngày càng nguy ngập. Cuộc điều tra của sở thuế khiến hắn không được tùy ý sử dụng ngôi nhà ở Cité, có thể còn phải tính lại tiền thuế, lại đã bán mất những ngôi nhà đáng giá hai triệu rưỡi nhưng chỉ thu được có triệu tư. Tuy nhiên hắn vẫn còn nhà máy bia, tức là còn hy vọng thoát nạn, tuy đã bị trọng thương nhưng vẫn còn sống sót. Với một điều kiện: Không bị tờ kí nợ kia thúc ép, gã được có đôi chút thì giờ ngồi thở. Nhưng tất nhiên, mảnh giấy đó lại hiện ra trước mặt hắn, ngày 9 tháng tư.

Hôm ấy nhà kinh doanh Hyatt xuất hiện tại văn phòng trên lầu một nhà máy bia đường Elysées.

— Chắc ông cũng biết bên Đông Dương đang xảy ra nhiều diễn biến quan trọng. Các thân chủ Việt Nam của tôi rất lo ngại, thần kinh họ đang bị căng thẳng, họ có thể làm bất cứ điều gì và trên thực tế họ đang làm những chuyện không thể lường được. Rất lấy làm tiếc, nhưng tôi buộc phải thông báo để ông biết: Họ đòi ngay lập tức toàn bộ số tiền bốn triệu rưỡi ông đang nợ.

Con số chính xác mà tôi vẫn còn nhớ mãi là bốn triệu tám trăm tám mươi tám ngàn franc, tính đủ mọi khoản. Kể từ lúc này coi như Landau đã chết hẳn về mặt tài chính. Không thoát khỏi phải đem nhà máy bia bán đấu giá lần thứ hai. Cũng như lần trước, không thấy có nhà sản xuất bia nào đến tuy thông thường họ là khách mua tự nhiên và hợp lẽ. Sự im tiếng của họ, hai lần phải đem bán đấu giá, những lời đồn đại, tất cả những cái đó làm buổi đấu giá vắng teo. Thực tế chỉ có một người muốn mua: Một công ty tín dụng Đức tuyên bố sẵn sàng trả ngay năm triệu hai trăm ngàn franc. Landau lĩnh số tiền đó của quỹ tín dụng Đức (tôi), trả cho tín dụng Luxembourg (tôi) số bốn triệu tám, bốn triệu chín đang nợ. Hắn còn lại bảy trăm ngàn gửi bên Thụy Sĩ. Hắn phạm phải sai lầm: Rút tiền mang về Pháp. Vợ hắn rút xong, khi trở về thì bị bắt khi qua biên giới. Bảy trăm ngàn franc bị tịch thu, ngoài ra còn phải nộp phạt nữa.

Sau những biến cố ấy, tôi nhẹ người khi thấy hắn không đến nỗi phải tự sát. Nữ trang, đồ đạc bán hết đi, gã còn được một ít tiền, độ vài trăm ngàn franc. Hắn quay lại nghề dịch vụ ăn nhậu, hợp tác với một tên lưu manh dở trong một vụ kinh doanh ăn nhậu và mất vào đó phần lớn số vốn liếng còn lại. Thế là hắn phát điên, theo đúng nghĩa đen. Bữa hắn mò về cơ sở cũ đập phá bàn ghế ngoài hiên thì bị bắt giữ, và sau bữa hắn cởi hết quần áo, chửi bới, đánh đập nhân viên

phục vụ và ba nhân viên cảnh sát định can thiệp thì hắn bị nhốt trong nhà thương điên.

Nạn nhân trong vũ khúc Cimballi, hắn vĩnh viễn không bao giờ hiểu tại sao bị như thế, không bao giờ biết hắn ăn đòn của ai.

Về bọn lái bia.

Trong khi đặt kế hoạch hành động, tôi coi bọn này là trở lực chính cần vượt qua, chúng còn tệ hại hơn gã Thổ.

Ngay sau hôm gã Thổ nhượng lại giấy kí nợ cho tôi, tôi đã tiếp xúc với bọn lái bia ngày 21 tháng hai, qua Lavater làm trung gian - tôi không lần nào chường mặt từ đầu đến cuối vụ Landau. Nhờ Lavater làm trung gian có hai cái lợi: Kín đáo (tôi không muốn bị Martin Yahl nhận diện mà muốn hắn vẫn coi tôi là con chó con rồ dại đang lang thang đâu đó bên Kenya), sau nữa, con người có uy tín đáng kính kia dễ được bọn chúng nghe lời hơn cái thằng nhóc vừa từ Hong Kong tới, là tôi. Vả lại, cổ vấn thuế vụ của bọn chúng là bạn thân của Lavater. Giữa bọn mafia sở thuế với nhau.

Lavater bảo bọn lái bia:

— Tháng mười một vừa rồi các ông định mua xưởng máy bia của Landau, lúc ấy hắn nói không bán. Bây giờ các ông có định mua nữa hay thôi?

— Việc gì đến ông?

Lavater đưa tờ khế ước ra. Và tiếp:

— Các ông đã đặt giá tám triệu. Có thể còn thêm chút ít. Cứ tạm gọi là tám rưỡi.

Những bộ mặt lạnh như tiền.

— Trong vài tháng tới; sẽ có những diễn biến khiến cho một số thân chủ mà tôi không được nói tên, sẽ mua nhà máy của Landau. Có điều rất rõ là: Bản thân nhà máy không phải là cái mà thân chủ chúng tôi quan tâm. Nên ngay sau khi mua xong ông ta sẽ bán lại cho các ông với giá rẻ hơn nhiều so với giá các ông đã đặt hồi năm ngoái.

— Rẻ hơn là bao nhiêu?

— Bảy triệu rưỡi. Các ông sẽ lợi từ nửa triệu đến một triệu, có thể hơn là khác. Vì từ hồi đó đến giờ giá cả đã tăng lên.

— Điều kiện như thế nào?

— Sẽ có hai cuộc bán đấu giá liên nhau. Các ông không được đến.

— Lấy gì đảm bảo?

— Một giao kèo khổng chỉ, do thân chủ tôi ký tên nhận bán cho các anh.

— Loại giấy tờ bất hợp pháp.

Lavater cả cười:

— Đúng! Thế nào?

Im lặng. “Tôi đi guốc trong đầu chúng”, sau này Lavater khoe với tôi.

— Thế ví dụ: Chúng tôi cứ đến chỗ đấu giá?

Lavater lại cười, rất thánh thiện:

— Nếu các anh đăng ký dự đấu giá bất cứ vào lúc nào, dù có hoặc không giao dịch với thân chủ tôi, chúng tôi sẽ theo đuổi đấu giá đến cùng. Thân chủ tôi nắm trong tay tờ ký nợ này. Và các anh cũng biết, trong điều kiện như vậy, có thể nâng giá lên mười lăm phần trăm mỗi tiếng. Do đó các anh sẽ chẳng ăn nhằm gì ngoài việc làm tăng giá xưởng rượu của Landau lên một cách giả tạo. Mà sau đó, thân chủ tôi nhất định sẽ bán lại cho bất cứ ai, ngoài các anh.

Sự mặc cả với bọn lái bia có nguy hiểm, có thể chúng báo động cho Landau. Nhưng báo động về cái gì? Chúng đâu có nắm được cái gì! Chúng tôi đặc biệt chú trọng khai thác đầu óc kinh

doanh của chúng, khai thác thói bất lương đê tiện của chúng. “Cimballi này, trong buôn bán hai thằng lái bia thật tởm, đến cá mập cũng phải sợ. Chúng đã tận mắt thấy tờ ký nợ, vả lại nếu nhận đề nghị của chúng ta chúng cũng chẳng có gì phải lo ngại, Landau đã thắng thường bác bỏ lời dạm mua của chúng, không để chúng có chút hy vọng nào. Còn nếu sau khi ta mua được rồi và làm chủ hoàn toàn nhà máy rượu mà lật lọng không bán lại cho chúng như lời cam kết, chúng vẫn còn biện pháp nâng giá. Chúng không điên dại gì. Nếu nhận, chúng được lợi ngay một triệu, nếu tính cả tỷ lệ trượt giá do lạm phát thì đến triệu rưỡi”.

Bọn lái bia chấp nhận và giữ lời hứa, không can thiệp vào cuộc đấu giá, thản nhiên chứng kiến cuộc hành quyết với thái độ hoàn toàn đứng giữa. Sau khi thắng lợi trong cuộc đấu giá lần hai, tôi nhượng lại nhà máy bia cho chúng với giá bảy triệu hai trăm nghìn franc (nhận bớt cho chúng một ít trên dọc đường). Cũng trong ngày hôm ấy, tôi giải thể tất cả những tổ chức đã dựng lên trong vụ Landau: Công ty vô danh Sara, tín dụng Liechtenstein, tín dụng Luxembourg, tín dụng bên Đức, xóa sạch dấu vết công ty vô danh trách nhiệm hữu hạn đã đứng mua bất động sản của Landau và bán lại cho công ty Hong Kong của tôi. Toàn bộ đều biến hết. Tên tuổi Cimballi không hề xuất hiện.

Tôi đã giết được Landau về phương diện tài chính. Và được khá tiền, tuy đó không phải là mục tiêu. Ít lâu sau, bán ngôi nhà ở quận XVI và ngôi biệt thự, tôi thu về ba triệu hai trăm năm chục ngàn franc. Cuộc thương lượng với bọn lái bia đem về cho tôi gần hai triệu. Tổng cộng gần ba triệu bảy, tuy nhiên tôi không được ăn cả: Phải trích tiền cho Lavater, cho Hyatt, gã Thổ, tiền lệ phí, và ba chục phần trăm trả thuế theo luật nước Pháp. Kèm theo nụ cười rất tươi cho sở thuế của đất nước tôi.

Tôi thật sự mang món nợ ấy với họ!



Ở quần đảo Bahamas là nơi hết sức thuận lợi để dựng nên các công ty vô danh. Trong một chuyến đi chuẩn bị vụ Landau, tôi gặp cô ta ở Nassau. Một cô gái hơi nhỏ nhắn, tóc vàng ngả hung, có đôi mắt đặc biệt nổi bật: Ánh vàng, gần như trẻ thơ, ngay giây phút đầu tiên đã nhìn tôi với vẻ có thể gọi là dò hỏi, dường như cô ta đang thật sự đặt ra một câu hỏi gì đó về tôi.

— Đây là Franz Cimbali. Đây Catherine Varles.

Thiếu phụ giới thiệu hai chúng tôi với nhau là Suzie Kendall. Biết nhau từ nhiều năm nay, cũng có những kỷ niệm về những đêm điên cuồng ở Cannes, ở Portofino, ở Saint Moritz và gì gì nữa họa có chúa mới biết. Trong căn phòng của tôi ở công viên St. James London, lúc cô gái nọ tự sát hai ngày trước khi tôi đi Kenya, Suzie đã ở đó với tôi. Tôi không tài nào nhớ ra đã ăn nằm với cô chưa, dù có đi nữa thì cũng không đáng lấy làm lạ. Sau hôm tôi đến khách sạn, hai chúng tôi đều sững sốt khi gặp lại nhau. Cô ta chăm bập ôm hôn tôi, tưởng tôi đã chết, hoặc tệ hại hơn đã xung vào đội Lê Dương, hỏi tôi có biết cô đã lấy chồng chưa.

Tôi nhìn cặp mắt ánh vàng.

— Pháp?

Cô gật đầu. Cô trạc mười sáu hoặc mười tám, tôi không rõ. Suzie nắm tay định lôi tôi đi.

— Franz, em sững điên lên khi tìm lại được anh. Lại đây làm quen với chồng em. Có cả Peter Moses chồng Anita. Chắc anh vẫn nhớ họ. Ta sẽ làm một cuộc vui nổ trời.

Tôi gỡ tay, thật nhẹ nhàng nhưng kiên quyết.

— Ở Nassau một mình?

— Không một mình, - cô ta đáp. - Với nhiều bạn.

— Ở riêng chưa?

Cô ta cười.

— Chưa.

— Em có muốn lấy anh không?

— Không.

Tôi bảo Suzie: “Em đi trước đi. Bọn anh sẽ đến sau.” Và với cặp mắt ánh vàng: “Chúng mình cùng nhau làm một cái gì đi, cái gì cũng được nhưng phải làm ngay.” Cặp mắt vàng ánh lên tia vui thích.

— Thuyền buồm?

— Ừ, thì thuyền buồm.

Bãi tắm riêng của khách sạn có những thuyền buồm hai thân xinh xắn. Hai chúng tôi mặc áo tắm bước lên thuyền. Tôi cố giương những cánh buồm chết tiệt lên, kéo, chộp bắt, thả ra, làm rối tung tất cả mọi sợi dây buồm quanh tôi. Kết quả thật thảm hại. Cô ta cười phá lên.

— Để đẩy em. Anh học đi buồm ở trường nào thế?

— Học hàm thụ.

Cô nàng từ tốn, yếu điệu đưa đôi bàn tay xinh đẹp lên và chỉ trong nháy mắt con thuyền vượt đại dương chở chúng tôi lướt nhẹ trong im lặng. Sự im lặng thật hoàn toàn, không những vì không có động cơ mà còn vì tôi không nói một câu nào, điều gần như chưa bao giờ xảy ra đối với tôi, và vì thế mà cô ta cũng không phải trả lời tôi. Tôi chỉ ngồi nhìn cô, thế thôi, còn đôi mắt có đôi lúc cũng rời khỏi đường chân trời, cánh buồm trắng xóa, mặt biển Caraibe xanh thẫm để cuối cùng vương vào ánh mắt tôi. Trong độ ba bốn chục phút như thế, rồi cô quay mũi thuyền vào bờ. Cô lẳng lặng mỉm cười đi về khách sạn. Còn tôi, để khỏi tỏ ra ngốc nghếch hơn nữa, nếu

còn có thể thế, tôi ra sức kéo thuyền trên bãi cát cho thật xa gần thủy triều lên như nhân viên khách sạn đã dặn kỹ. Tôi kéo ra kéo, vừa kéo thuyền vừa nhìn theo cô. Nếu không có người giữ lại chắc chắn tôi đã đi thẳng vào phòng tiếp tân với chiếc thuyền sau lưng. Sau đó tôi ra bể bơi ở bên trái khách sạn và lại rơi vào Suzie.

— Nào, nào, - Suzie vẫy tay như một diễn viên balet đã hóa điên.

— Suzie...

— Nó nhận xét: Hai người thật đẹp đôi. Con bé rất vừa với anh, anh không cao lớn quá mức.

— Thật đáng yêu. Cô ta hơi trẻ quá nhưng cả hai đều đáng yêu. Em nói điều ấy với...

— Suzie

— Gì vậy, anh Franz thân yêu?

— Cái mồm!

— Đây, cung ạ.

Cô hôn tôi, tôi hôn cô rồi hai người tới gặp anh chồng, một cái mồm đầy răng với bộ râu kiểu Anh bao quanh. Cũng dễ có cảm tình, tuy hơn vợ đến hai chục tuổi. Cặp Moses và Anita đã có đây cùng nhiều đôi khác. Cả bọn uống champagne pha rượu punch, cách tuyệt vời để say mềm thật nhanh. Catherine Varles ngồi với cặp người Anh, sau đó khi trời tối, họ cùng bọn tôi tới dự buổi hòa nhạc của đội vệ binh Nassau tổ chức tại khách sạn Beach. Sau sáu tiếng liền nhảy Calypso, bọn tôi kết thúc đêm vui bằng bữa tiệc cua nướng ăn dưới ánh bình minh vùng biển san hô.

Lẽ ra ngay hôm sau tôi phải đi Paris gặp Lavater để xác định những chi tiết cuối cùng của cuộc hành quyết Landau. Nhưng tôi điện báo cho anh ta biết tôi sẽ đến chậm, không nói rõ tại sao; tất nhiên anh ta sẽ thắc mắc; tôi ở lại thêm vài ngày, sau đó lại thêm hai mươi bốn giờ phụ nữa. Và những giờ gần như chung sống với Catherine sẽ đặc biệt in sâu trong tâm khảm tôi, sau này không bao giờ có cái gì giống như thế nữa.

Để ghi nhớ đêm cuối cùng lưu lại Bahamas với Catherine tôi vận dụng hết sức tưởng tượng, thuê chiếc tàu đáy bằng thủy tinh qua đó nhìn rõ đáy biển san hô lộng lẫy, những đàn cá muôn màu. Tôi bắt lắp đèn pha, cho vài ba con thuyền hộ tống chở đầy nhạc công kết hoa chơi những bản nhạc êm dịu và hứng tình. Lúc đầu trò đó rất đạt, có thể nói là rất tuyệt vời nữa, nhưng sau đó một trận mưa giông nhiệt đới ập xuống, biến các con thuyền, nhạc và hoa thành những chiếc bè thảm hại; các ban nhạc bèn giở trò giỡn mặt tôi chơi bài “Được Tới Gần Chúa Hơn” bắt chước đồng nghiệp trên con tàu Titanic, phát ra những cung đàn lạc điệu kêu ồ ồ ọc như thể hộp đàn và tâm hồn những chiếc vĩ cầm đang nứt rạn.

Tôi đưa cô ta về tận phòng. Hai người giống như đồ chết trôi cả với nhau. Tôi bảo:

— Em biết đấy, anh thường gặp may trên trường đời. Không lần nào vồ trượt.

Im lặng. Rồi tôi hỏi lại lần nữa xem cô có muốn lấy tôi không. Cô nhìn tôi nghiêm nghị:

— Chưa muốn.

— Nói “không” thì còn hiểu được, nói “chưa”, là thế nào?

— Vì em còn trẻ quá?

— Không phải chỉ vì thế.

Cô hôn lên má tôi.

— Vì anh có vẻ con người lông bông.

— Con người nhảy nhót. Cimballi không lông bông, mà nhảy. Anh, Cimballi là người như thế.

— Lông bông chạy theo cái mình đòi cho bằng được. Khi nào hết chạy mời anh đến gặp lại em.

— Mẹ kiếp! Nếu còn chạy hai mươi năm thì sao!

— Thì chạy thật nhanh lên. Hoặc nhảy nhanh lên.

Cô lại hôn lên má tôi (má bên kia), lướt qua môi tôi, đóng sập cửa. Khi đến địa chỉ cô nói là

chỗ cô ở cùng với bố mẹ ở quận XVI, tôi mới biết rằng, ở đó chẳng hề có ai tên là Catherine Varles.

Hôm sau tôi đi Paris, ở đó Landau như con cừu đi vào lò mổ vẫn chưa biết cái gì sẽ giáng xuống đầu. Tất cả lộn nhào hết; Landau, cặp mắt ánh vàng của Catherine, sự thông đồng với gã Thổ, chuyện xảy ra ở Hong Kong, tất cả đều diễn ra gần như trong cùng một thời điểm, và tôi đúng là có vẻ một gã luôn chân chạy. Quả là tôi luôn luôn rượt đuổi.

Như trong vụ móc ngoặc gã Thổ. Sau lần gặp nhau ở Hampstead, tự hấn tìm tôi.

— Franzy!

— Đừng gọi là Franzy, Franz, hoặc Cimballi.

— Đồng ý. Chỉ muốn nói với cậu rằng trong vụ Landau, mình đã đi xa hơn là...

— Tôi có yêu cầu thế đâu!

— Xa hơn là cậu yêu cầu. Mình sẽ còn đi xa hơn nữa. Vì đòn của cậu làm mình khoái, nó thoải vô cùng, rất hợp ý mình và cũng vì mình mong được cậu cho một chân trong chuyến sau. Minh tin vào cậu, Allah ở cùng cậu người anh em ạ.

— Cả em gái cậu nữa!

Có Allah hay không thì không biết, chỉ biết rằng gã Thổ này rất thánh mũi. Điều đã xảy ra ở Hong Kong với tôi sau đó lại xảy ra lần nữa, vào lúc món đồ vật đang làm tài khoản của tôi ở Hong Kong, Thượng Hải phình lên rất nhanh.

Một buổi chiều thứ sáu, tôi thấy trên bàn làm việc ở đại lộ Des Voeux có mảnh giấy dặn tôi gọi cho số máy ở Đất Mới. Tôi quay số. Thoạt đầu chỉ có máy trả lời tự động bảo tôi đợi, sau đó có giọng nói tôi không nhận ra được ngay.

“Hak”. Khung cảnh cũ chợt tái hiện trong chớp mắt: Ngôi nhà ngầm một phần dưới biển, cảm lạnh như một ý tưởng, gã Tàu có cặp mắt thông minh, đôi chân thép lướt trên sàn nhà đen bóng trong tiếng lách cách nhẹ.

— Thưa ông Cimballi, chẳng hay ông có vui lòng đến nghỉ cuối tuần ở tệt xá không?

Sau lần hội kiến đầu tiên và duy nhất dưới sự bảo trợ của Ching gì đó, tôi chưa hề gặp lại ông Hak.

— Không có cái gì có thể làm tôi sung sướng hơn.

— Mời ông tự định lấy ngày giờ.

— Ngay ngày mai có được không?

— Sao lại không? Nghĩ đến lúc được tái ngộ tôi vô cùng hạnh phúc. Càng hạnh phúc hơn nếu Miss Kyle nhận lời cùng tới với ông.

Thế là gã đã biết Sarah. Còn cô này thì tò mò đến mức sẵn sàng bỏ qua trách nhiệm phải ở lại làm việc trong cái khách sạn chết tiệt của cô ta. Hơn nữa, có một điều khiến cô ả nhất thiết phải đi với tôi: Theo cô, trong tôi đã có một sự thay đổi nào đó. Thay đổi gì? Cô không biết, chỉ biết có thay đổi. Hình như tôi không còn như trước nữa sau chuyến sang Châu Âu và Bahamas. Quần đảo Bahamas. Cô gườm gườm nguýt tôi một nguýt, tỏ ra tinh ranh hơn bất cứ ai tôi đã gặp, sẽ gặp. Cô bảo: “Để rồi xem”.

Lần này có hai đầy tớ đứng đợi sẵn, một nam một nữ, khi chúng tôi đến ngôi nhà trên đảo. “Ngài Hak sắp đến”. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi tham quan ngôi nhà. Sarah thấy ngạc: “Thật điên rồ”.

Ông Hak xuất hiện sau lưng chúng tôi, tuy tôi đã báo trước nhưng Sarah suýt nhảy lên trần

nhà. Cô thì thầm: “Mẹ kiếp, hắc không đi chạm đất!” - “Thì anh đã nói rồi, hắc di chuyển trên đệm không khí”.

— Các vị có ưng thức ăn Tàu không?

Cá nhân tôi thì không nhưng Sarah được dịp thỏa mãn nhân khẩu bằng những món kì quái nhất. Có bốn người ăn, cô cháu ông Hak đóng vai thù tiếp, nói tiếng Anh như gió, thông thạo cả đến xứ Ireland để chịu chuyện với Sarah, tuy cô này không cần ai hâm nóng lòng ái quốc ái quần. Bữa tiệc như của chàng khổng lồ Pantagruel^[4] Nếu nói được như thế bằng tiếng Tàu: Tôm sù tẩm bột, đùi ếch tẩm gừng, ngỗng tần mật ong, mực xào gan gà vịt, chim câu hầm ngọc trai, óc và dạ dày con gì ấy, gà rong câu, vây cá mập, yến sào... nhắm với Mao Đài tửu, rượu nho Tàu thật đặc biệt có đầy đủ mùi và độ đậm của người Tàu. Tuy thế vẫn chưa ăn thua gì với bữa trưa hôm sau, họ cho ăn một bữa tiệc rắn: Trăn, hổ mang, rắn ráo... Kết thúc bằng món dân Tàu gọi là Tam Quý Long (trăn), Hổ (mèo) và Phượng (gà) trộn nháo nhào. Thật lạ!

Cả hai tiệc đều dọn trước cảnh đáy biển chiếu sáng trưng. Để chúng tôi vừa nhậu vừa ngắm bọn cá mập tung tăng, họ móc những tảng thịt lớn tướng vào những móc sắt hàng thịt. Nhưng chỉ có mỗi một con có nhĩa ý đến cho chúng tôi chiêm ngưỡng: Con cá nhám voi dài có đến bảy tám mét. Tuy thế nhờ có chất Mao Đài, tôi trông thấy cả một hội đông đúc.

Sáng ra tôi xuống nhà đã thấy ông Hak dậy rồi. Đang ngồi đánh cờ một mình.

— Dừng cà phê nữa?

— Vâng, cảm ơn.

Ông nói về sự nhanh nhạy và hiệu quả của tôi trong vụ đồ vật. Rồi dẫn dắt:

— Tôi còn nhiều món làm ăn với anh. Anh có thể tận dụng mạng lưới do anh thiết lập được trong thời hạn ngắn đáng khâm phục vào nhiều việc buôn bán khác, không phải chỉ đồ vật mà còn nhiều thứ hàng nữa. Nhưng tôi biết, buôn bán không làm anh quan tâm. Đúng không?

— Đúng.

Cặp mắt tinh ranh dán vào tôi, đánh giá tôi. Chắc hẳn lão có điều gì đặc biệt muốn ướm hỏi nhưng còn do dự. Biết rõ vậy, tôi chờ đợi:

— Miss Kyle?

— Theo tôi biết, chưa đến ngộ thì cô ta chưa dậy?

Lão đi nước cờ cuối cùng, rồi quyết định thao tác trên bảng điều khiển ở đùi. Một chiếc bàn hiện ra, trên mặt thảm nhung đen có cái tráp sắt.

— Ông Cimbali có nghĩ tới điều sẽ xảy ra cho ông nếu ngày nào đó tôi không hài lòng vì ông? Tôi nuốt nước bọt.

— Ông đừng nói ra. Xin dành cho tôi sự bất ngờ.

— Tôi sẽ giết anh.

— Tuyệt!

Tôi sợ thật sự. Nhìn nhau tằm tằm. Không khí nặng nề đến nỗi tôi tưởng như ù tai.

— Một câu hỏi khác. Anh biết những gì về chuyện đầu cơ vàng và ngoại tệ?

— Gần như không. Không, hoàn toàn không.

— Nhưng chắc anh sẽ hiểu rất nhanh.

— Sẽ cố gắng.

— Tôi cần đến anh để thực thi một chiến dịch được hoạch định, chỉ hai người được biết tôi là người đề xướng. Anh và tôi.

Nghĩa là nếu bí mật bị tiết lộ, hắc không phải do lão mà dứt khoát là do tôi hở miệng. Tôi càng thấy khó nuốt trôi nước bọt quá. Chui đầu vào tổ ong vò vẽ mất rồi.

— Tôi đang nắm giữ một thông tin hết sức quan trọng. Muốn sử dụng nó vào mục đích riêng. Nhưng tôi không trực tiếp ra tay được, cũng không thể ủy thác cho một ngân hàng Hong Kong nào làm ăn hoàn toàn hợp pháp. Những việc anh sẽ làm nhân danh tôi không bao giờ đặt anh

vào tình thế bất hợp pháp. Nếu anh nhận.

— Nào tôi biết phải làm gì!

— Tôi sẽ hướng dẫn mọi chi tiết kỹ thuật cần thiết.

— Nhưng vẫn giữ kín thông tin quan trọng ông vừa nói tới?

— Đúng thế. Dĩ nhiên anh sẽ ăn to nếu chịu chơi.

Đôi mắt đen của lão to hơn mắt dân Tàu bình thường, sau này hiếm khi tôi gặp cặp mắt tinh nhanh đến thế. Vả lại, không cần gì nhiều để tôi đi đến chỗ có cảm tình, thậm chí có tình bạn với con người này; chỉ cần tôi thấy hết sợ lão ta.

— Tôi vẫn có quyền từ chối?

— Vẫn.

Lão đã hơi ngập ngừng một chút. Tôi nói:

— Nhận!

Lão gật đầu. Cặp chân thép duỗi ra, bước đi bằng động tác búp bê máy chở lão tới bên chiếc tràng kỉ phủ gấm thêu tuyệt đẹp. Lão ngồi xuống đó. Sờ tay vào bảng điều khiển trên đùi.

— Quên mất món cà phê ban nãy anh hỏi.

— Không vội gì.

Con cá nhám voi đã biến mất. Thay nó là một con nhám khác đang lướt nhẹ, quay ngoắt quanh những khúc thịt đỏ lỏm treo vào móc sắt. Chiếc bàn thứ hai hiện ra, chở một bộ ấm chén tinh xảo nhưng tôi vẫn không rời mắt khỏi chiếc bàn thứ nhất phủ nhung đen chở chiếc tráp sắt từ nãy vẫn đứng yên tận cuối căn phòng vách thủy tinh này, tựa hồ nó không được phép xen vào cuộc bàn cãi của chúng tôi. Bây giờ nó bắt đầu hoạt động, nó lặng lẽ chạy lại với tôi với điệu bộ sinh vật làm tôi cảm thấy bồn chồn. Nó đi thẳng đến chỗ tôi, dừng lại vừa tầm tay.

— Anh làm ơn mở giùm tráp.

Tôi làm theo. Các bó giấy bạc hiện ra.

— Một trăm triệu đôla đây, anh Cimbali. Xin gửi anh. Tất nhiên anh đừng để chúng lạc đường thì tốt hơn.



Nước nào cũng có thứ tiền của mình, tiền các nước chuyển đổi trong quá khứ xa xăm, sự chuyển đổi này là lí do tồn tại của những người ngày nay được gọi là nhà kinh doanh tiền tệ, thời ấy họ hành nghề trên chiếc ghế dài[5]. Ví dụ bạn có florin Hà Lan nhưng lại cần có peseta Tây Ban Nha. Bạn đi mua đồng tiền thứ hai bằng đồng tiền thứ nhất theo tỉ giá giữa hai thứ tiền. Bạn đưa florin nhận peseta. Bạn vừa hoàn thành một cuộc đổi tiền rất đơn giản.

Chỗ lí thú trong việc này xuất hiện khi bạn mua ngoại tệ hoặc vàng mà không trả tiền ngay, mua hoặc bán chịu. Đôi khi bạn cần làm như vậy vì công việc, nhưng nó còn là một trò chơi đầy ma lực, rất nguy hiểm, có thể được lớn mà cũng có thể thua to. Bạn ngụ ở Bresse bên Pháp, chăn nuôi gà, những chú gà béo tròn mềm mại có cặp mắt to nũng nịu. Bạn bán gà cho một người ở New York chẳng hạn. Tất nhiên người ấy phải trả bằng đôla. Vì Bresse không ở liền cạnh New York và vì hàng loạt lí do khác, khách hàng không thể trả tiền ngay hôm bạn gửi gà đi, mà chỉ trả khi nhận được gà, có khi còn muộn hơn nếu bạn chịu nhận hối phiếu. Tóm lại bạn sẽ nhận được tiền gà sau ba tháng. Bạn bán một nghìn con, mỗi con mười đôla (loại gà có cặp mắt rất nũng nịu) và sẽ nhận được mười ngàn đôla sau ba tháng. Bạn không khoái lắm vì phải chờ ba tháng, và trong ba tháng ấy đồng đôla có thể mất giá. Nghĩa là khi kí kết hợp đồng bán gà thì một đôla ăn năm franc, nhưng sau ba tháng bạn sẽ không được lĩnh năm chục ngàn franc mà có thể chỉ bốn tám, hoặc bốn lăm, có khi chỉ bốn chục ngàn franc. Phải chấp nhận sự rủi ro, bạn tới ngân hàng trình bày đầu đuôi. Ngân hàng sẽ hiểu ngay; họ rất thông minh trong việc này. Ngân hàng nhận mua trước số tiền mười ngàn đôla đó, sau khi đã kiểm tra khả năng thanh toán của anh bạn hàng Mỹ kia. Ngân hàng trả ngay cho bạn mỗi đôla ăn năm franc, trừ lãi suất một phần trăm tháng, mười hai phần trăm năm và phí bảo hiểm. Nói cách khác, ngân hàng chịu thay cho bạn sự rủi ro đồng đôla mất giá. Họ đã được bảo hiểm một phần rồi. Và nếu gặp may, giá đôla tăng lên họ sẽ được lợi lớn.

Đây là trường hợp việc mua bán này do một nhà kinh doanh tài chính đeo trên ngực tấm Bắc Đẩu Bội Tinh, bạn quần lửng, đứng ra chấp nhận sự rủi ro đồng đôla có thể tăng hoặc giảm giá trị trong một thời gian ngắn hoặc dài - nhân danh một tình yêu hoàn toàn vô tư đối với nền tự do kinh doanh. Còn nếu do một con người bình thường tiến hành, như tôi chẳng hạn, chỉ cốt thu lời, là mục đích không bao giờ ông chủ ngân hàng đặt ra, thì người ấy sẽ bị coi là một tên đầu cơ đồn mạt.

Điều phải chứng minh là như vậy.

Ngày 11 tháng sáu, tôi lên máy bay. Không đơn độc; đến phút cuối cùng, Sarah đột nhiên đổi ý làm tôi ngạc nhiên: Cô quyết định đi.

- Thế khách sạn của em?
- Quỉ tha ma bắt nó đi.
- Sarah, có chuyện gì thế?
- Đâu có, chẳng có chuyện gì hết!

Vẫn cái nhìn quái quỷ, mặt hơi ngửa ra sau, mắt lim dim lấp lánh vẻ giễu cợt, tuồng như coi tôi là thằng cha trông tức cười nhất thế giới.

- Em thực bụng nói là sẵn sàng bỏ việc làm quý báu của em chỉ vì muốn đi với anh?

— Nếu không thích có em thì cứ nói thẳng.

Một hình ảnh chợt tái hiện: Giữa đám đông đen bóng trên đại lộ Kilindini ở Mombasa, nụ cười chế giễu và thân hình của Sarah tặng cho tôi đang ngồi trong cũi như một con thú. Nụ cười đã sười ầm tôi chính vì nó có vẻ giễu và thân tình, như muốn nhả nhủ không sao, không có gì nghiêm trọng đâu, lại còn ngộ ngộ là khác.

— Anh rất cần có em, cần từ khoảnh khắc gặp em lần đầu.

— Anh yêu, nghe anh nói mà mát lòng mát dạ! Tất nhiên em trả tiền mua vé của em.

Cô nhận lời cùng đi một chuyến. Nhận cả châu champagne tôi đãi trên máy bay, vừa nhắm nhấp vừa nhìn bình minh ló dạng trên quần đảo Hong Kong, rải rác trên mặt biển Trung Hoa.

Đích của chúng tôi: Zurich qua Roma.

Tôi đã nói: Các dữ kiện chồng chất, Alfred Morf đưa tôi ra cửa hôm tôi rời London ngày 23 tháng 11 năm 1969; tôi tới Mombasa ngày hôm sau, 24; đến soát ngôi nhà St. Tropez một đêm trong tuần thứ hai của tháng bảy; cũng vào thời gian này tôi tiếp xúc với Lavater; vài ngày sau tôi ra đi vĩnh viễn khỏi Kenya; sang Hong Kong gặp ông Hak rồi tung món đồ vật lạ mắt ra thị trường vào tháng mười; đi London, Paris, Geneva, gặp các cô nàng Ute và Letta ở Roma, cô Sarah sang Hong Kong với tôi; nhân dịp Noel vợ chồng Lavater đến ở với tôi tại Victoria Peak và cùng nhau thảo kế hoạch đánh Landau; khởi sự tấn công hấn vào tháng hai vào dịp tôi gặp Catherine Varles ở Nassau, Bahamas, cuộc tấn công dựa vào kết quả gặp gã Thổ, kéo dài trong những tháng tiếp theo đồng thời với cuộc nghỉ cuối cùng trên hòn đảo của ông Hak; lời đề nghị kỳ lạ của ông ta.

Lời đề nghị ấy khiến tôi đáp máy bay đi Zurich, đi xe hơi, thẳng tới cổng khách sạn Baur bên hồ. Tôi tới đây một mình. Một lần nữa Sarah lại chứng minh với tôi cô là người khó đoán trước: Khi tạm dừng ở Roma đột nhiên cô báo cho tôi biết với vẻ mặt thần nhiên và nụ cười châm biếm, rằng cô không cùng đi với tôi sang Thụy Sĩ nữa trái lại cô vừa quyết định đi một mình về Dublin.

— Em sang Ireland làm quái gì vậy?

— Thăm bố mẹ.

— Bao năm nay em không về, không thư từ rồi còn gì?

— Vì thế càng cần phải về.

Không moi được gì hơn. Một bức tường, tuy cô nàng vẫn mỉm cười bình thản. Cô ôm hôn tôi.

— Em sẽ điện về khách sạn ở Zurich.

— Không biết anh sẽ ở đây bao lâu.

— Nếu vậy, em sẽ hỏi Lavater. Hấn biết chỗ anh, phải không?

— Đồ quý!

— Đúng đấy anh yêu!

Ngày 12 tháng sáu tôi đổ bộ xuống Zurich. Nếu tính cả tình thế do Sarah tạo ra, đến nỗi bức tức cô gây nên, hoàn cảnh của tôi là như thế này: Việc kinh doanh đồ vật tiến triển rất tốt, nhờ nó tôi thanh toán xong với gã Thổ năm triệu franc tiền mua bản kế ước của Landau, còn thừa một triệu đôla và một ít “bụi bặm” đó vẫn là nguồn lợi lớn nhưng đã có dấu hiệu báo trước nguồn này đang cạn dần; đã có những kẻ chu đáo hơn, kiên nhẫn và được trang bị mạnh hơn tôi đang sắp nhảy vào thay chân tôi, nhất là bọn Nhật.

Tôi có trong tay một triệu đôla là số lẻ. Tôi quyết định tung một triệu này góp vào số một

trăm triệu của ông Hak gửi. Món nào hời cho ông Hak tất nhiên cũng hời chotôi, cả xứ Hong Kong này ca tụng tài kinh doanh của lão. Tung hết vào đây là sự liều mạng đối với tôi và tôi chỉ còn chừng ấy tiền, vì tôi sẽ chỉ còn duy nhất tiền lãi bán đồ vật để chi tiêu hằng ngày, số lãi này càng ngày càng giảm. Tệ hại hơn nữa; ném một triệu bé bỏng này vào cùng với tiền ông Hak phải sau ba tháng nữa, tức là đến tháng tám mới biết kết quả. Tức là chỉ hai ba tuần trước cuộc bán đấu giá nhà máy bia lần thứ hai, ở đó tôi phải chìa ra năm, sáu triệu franc để chiếm được hoàn toàn cơ ngơi của Landau.

Đây là cú nhào lộn siêu đẳng; tôi biết rất rõ như vậy.

Xế trưa ngày 12 tháng sáu, theo lời giới thiệu của ông Hak tôi tới chi nhánh ở quảng trường Paradeplatz của công ty ngân hàng Thụy Sĩ, đặt trụ sở chính ở Bâle. Tôi gửi vào, đúng hơn là chuyển vào đó số tiền một trăm lẻ một triệu đôla trong tài khoản đứng tên tôi rải rác khắp các ngân hàng trên thế giới.

Chiến dịch tôi sắp mở, theo đúng chỉ thị của ông Hak (trừ một triệu con con của riêng tôi tuần lẩn vào trong gói) là một vụ đầu cơ đôla và vàng. Bằng cách mua chịu vàng trả bằng đôla sau ba tháng. Làm như sau: Tôi yêu cầu ngân hàng Thụy Sĩ đứng tên - nhưng do tôi chịu rủi ro - ký hợp đồng với một ngân hàng Hoa Kỳ, ví dụ ngân hàng Quốc Gia Số Một, trị giá năm trăm lẻ năm triệu đôla, qua hợp đồng này ngân hàng Thụy Sĩ cam kết sau ba tháng sẽ giao năm trăm lẻ năm triệu đôla cho ngân hàng Quốc Gia Số Một, còn ngân hàng này phải cam kết sẽ giao số vàng tương đương với số tiền ấy theo thời giá hiện hành của đồng đôla. Nếu trong thời gian đó đồng đôla bị sụt giá so với vàng, ngân hàng Thụy Sĩ sẽ mua số đôla ấy đúng vào thời điểm phải giao nộp để trả cho ngân hàng Quốc Gia Số Một. Anh này dù không muốn vẫn phải giao số vàng theo giá cũ từ ba tháng trước, khi đồng đôla chưa sụt giá. Cả hai ngân hàng chẳng thua thiệt gì: Họ chỉ đứng tên để giao dịch chứ không bỏ tiền. Chỉ có khách hàng đứng mũi chịu sào: Ở Zurich là Hak và tôi, ở New York hoặc ở một guichets bất kì của ngân hàng Quốc Gia Số Một là một gã nào đó, hai đối thủ chọi nhau bằng sự tăng và giảm giá đồng đôla (hoặc của bất cứ đồng tiền nào, của vàng hoặc bắp, lúa mì, đồng, hoặc bất cứ hàng gì đang có giá).

Nếu khách hàng chơi trò đầu cơ này vẫn là người có máu mặt xưa nay, có khi ngân hàng không yêu cầu phải ký quỹ, thành ra gã đầu cơ được đặt vào tình thế rất kỳ lạ: Nếu hắn ta trúng quả, hắn thu lãi qua việc bán hàng triệu đồng toàn nước bọt, trong tay chẳng có đồng vốn nào mà được lời vô kể. Tất nhiên, nói chung các ngân hàng thường đòi ký quỹ. Mặt khác tính cẩn thận đáng yêu của các chủ ngân hàng đã nặn ra rừng tiếng Anh rất đẹp margincall có nghĩa là nếu trong thời gian thỏa thuận, sự biến động trên thị trường vượt quá số tiền ký quỹ hoặc vượt quá khả năng chi trả của khách thì ngân hàng có quyền đòi bổ sung, nâng thêm độ an toàn "Xin trả thêm nếu không thì ngài bể mánh và mất đứt tiền cược".

Ông Hak biết rõ những điều ấy, chính lão đã giảng giải cho tôi. Theo tỉ lệ phải ký quỹ mười phần trăm giá kinh doanh, cứ có một trăm triệu đôla trong tay lão có thể thực hiện việc chuyển dịch trị giá một tỉ đôla. Lão khôn ngoan xin ký quỹ với tỉ lệ hai chục phần trăm, chấp nhận khả năng giảm một nửa tiền lãi nhưng lại thủ tiêu được triệt để khả năng phải trả thêm margincall. "Ngộ nhớ vẫn có, tôi gọi điện cho ông chứ?" Ông Hak: "Gọi cho Li và Lưu". - "Hai thằng hề chuyên về đồ vật và kĩ xảo điện ảnh này sao lại chen vào đây?" - "Vì chúng là cháu tôi, anh không biết sao?" Mẹ kiếp! Có ai nói cho đâu mà biết!

Đại diện giám đốc ngân hàng Thụy Sĩ chưa gặp tôi lần nào.

— Năm trăm triệu đôla phải không?

— Năm trăm lẻ năm triệu.

Dưới vẻ mặt thản nhiên nghề nghiệp, thực ra anh ta đang bối rối: Số tiền không bình thường, tuổi trẻ của tôi làm anh ta ngần ngại.

— Có cần xem hộ chiếu?

— Vàng, xin cảm phiền.

Rõ ràng tôi đã đủ hăm mốt tuổi, rõ ràng tôi vừa nói năm trăm lẻ năm triệu, kí quĩ một trăm lẻ một triệu. Anh ta xem kĩ các lệnh chuyển khoản, cộng lại thành số tiền tôi gửi.

— Số tiền lớn tôi cần xin lệnh cấp trên trước khi thỏa thuận với anh.

Tôi trả lời: Rất thông cảm. Tất nhiên chỉ có anh ta và người cấp trên chuyên trách các tài khoản đánh số là hai người duy nhất ngoài tôi ra, được biết rằng tài khoản số 18790 do ngân hàng Thụy Sĩ đứng tên để thực thi việc chuyển dịch năm trăm lẻ năm triệu đôla thành vàng, thực ra là của Franz Cimbali. Chính tôi.

— Tôi sẽ trở lại sau một giờ, được chứ?

Anh ta trả lời được. Tôi ra ngoài; Zurich là nơi tôi đã tới cùng với mẹ tôi hồi bé, hai mẹ con đã từng ngồi tàu đi chơi trên hồ; trong kí ức tôi vẫn còn in sâu hình ảnh dãy Alpes xanh ở Glaris khi hoàng hôn xuống, bờ hồ vách đứng như sắp đổ dưới những ngôi biệt thự tuyệt diệu. Zurich là nơi mẹ tôi đã sống thời thơ ấu khi chạy trốn khỏi nước Áo phát xít, nơi bố mẹ tôi gặp nhau. Bây giờ tôi đang ở đây. Khoảng hơn một giờ sau, qua nhiều lần ngược xuôi đại lộ Bahnhofstrasse, sau khi đã trông thấy mặt tiền nhà ngân hàng tư nhân Martin Yahl trên bến Guisan như khi ở Geneva, tôi quay lại gặp người đại diện giám đốc. Họ bằng lòng, chấp nhận rủi ro. Đối với họ nào có rủi ro gì!

Tôi về khách sạn, gọi gã Thổ.

Gã phản ứng nhanh hơn tôi tưởng. Mới nói ba câu gã đã hiểu ra.

— Anh ở đâu, Franzy?

— Franz.

— Anh ở đâu?

— Zurich.

— Chỗ nào?

— Khách sạn Baur.

— Sai lầm. Bọn kinh doanh tiền tệ đều ở đấy cả. Cậu sẽ bị chúng tôi. Mình không nhúng bắt gặp ở đấy cùng với cậu, Yahl hơi mạnh hơn mình. Sẽ tới Dolder. Năm giờ sẽ có chuyến bay. Hẹn gặp ở Dolder ăn tối. Cậu chi tiền.

Phản ứng nhanh nhạy của gã làm tôi ngạc nhiên, nhưng gã giải thích cho tôi ngay khi ngồi riêng với nhau. Ngồi riêng chỉ là cách nói thôi: Gã kéo theo bốn ả, nhìn cảnh bọn bồi bàn của Dolder đổ lụng mặt khi len lỏi giữa những thân hình gần như trần truồng này cũng đủ bổ cất công tới đây.

— Trên máy bay đã trần truồng rồi?

— Đây bằng chiếc dù; mình chưa đến nỗi thành quái vật. Thôi, nói chuyện nghiêm chỉnh đi, kể nghe thử.

Chẳng bao lâu tôi đã kể hết và ngạc nhiên thấy các tin tức của tôi rõ ràng không có trọng lượng nhiều, Cặp mắt mướt như nhung của gã Thổ nhìn tôi chăm chăm.

— Tóm lại, cậu buộc mình đi theo, nhả tiền ra, vì thằng cha Hong Kong nắm được nguồn thông tin cho biết đồng đôla sắp sục giá?

— Mình không buộc, chỉ đề nghị thôi. Do cậu quyết định.

— Cậu có tin thằng Tàu dở hơi ấy?

— Có chứng cứ.

— Cái thằng gàn đi trên không khí, dưới đáy biển mà lại có những tin tức người khác không có?

Tôi có suy nghĩ của tôi. Ông Hak không kinh doanh riêng lẻ, ông có liên hệ với Bắc Kinh, đó là một nguồn tin. Sau này tôi còn được biết cuộc viễn du bí mật của Kissinger đến Bắc Kinh, những cuộc tiếp xúc kín đáo hồi này biết qua báo chí như mọi người khác, và tôi chỉ việc chấp

nổi mối quan hệ nhân quả.

Gã Thổ vẫn nhìn tôi:

— Cậu tung vào đấy bao nhiêu?

— Một triệu.

— Đôla Úc hay Hong Kong?

Tôi nhún vai:

— Mỹ

Gã huýt gió:

— Thế mà mới vài tháng trước, cậu mua của tớ bản kế ước bằng năm triệu franc Pháp. Khá khen! Cậu lên mây?

— Sáu mươi tám tuổi, Thổ ạ! Khi chúng mình chia tay hồi tháng hai ở London, cậu dặn tớ rủ cậu tham gia vào vụ làm ăn sau đó của mình. Rồi lại nhắc một lần nữa. Mình thả thang máy xuống cho cậu lên, thế là sòng phẳng với nhau chứ!

— Nếu trúng quả.

— Đúng, nếu trúng.

Gã Thổ mút con tôm hùm. Lắc đầu:

— Mình đến phát khóc lên vì vui mừng, lòng tràn ngập biết ơn cậu, Franzy!

— Cậu làm mình căng đầu quá. Đừng gọi mình là Franzy.

Gã tiếp tục lắc đầu, chùi mồm, uống cạn li champagne.

— Đánh cá con Rồng Bạc mười bốn ăn một! Cút thật! Tớ sẽ nhớ đời. Con nghèo đó là cái gì? Điệp viên của Mao chắc? Chơi, Cimballi, tớ chịu chơi! Tớ cũng buộc như cậu; một triệu đôla. Tôi đã theo cậu và còn theo tất cả những đòn đánh Landau. Tớ không biết cậu thù hằn gì nó nhưng rõ ràng cậu đang giết nó. Răng cậu to thật, chú bé!

Gã tủm tỉm cười nhìn tôi bằng cặp mắt đàn bà. Bất thành linh gã đưa cánh tay gấu chộp lấy gáy tôi; chưa kịp phản ứng gì, môi đã bị ngoạm chặt. Tôi dấy giữa, vớ được cái gì đánh bằng cái ấy. Hóa ra là con dao, má gã đã bị cứa nhẹ, môi bị một nhát khá sâu. Gã lùi lại, gào lên cười, mặc cho máu túa ra.

— Mình chỉ muốn bộc lộ linh bạn thân thiết, - gã nói giữa hai trận cười.

— Còn làm thế nữa tớ sẽ giết!

Gã im bật. Không phải vì sợ, gã đâu có biết sợ là gì. Nhưng thái độ quyết liệt của tôi làm gã sửng sốt và thắc mắc. Gã lim dim mắt.

— Cậu bị kích động quá đấy, Franzy. Vì đứa nào? Chắc không phải Landau. Nó là đồ mạt hạng như mình đã nói: Vậy đứa nào? Yahl? Nó mạnh hơn cậu nhiều. Cả hai đứa mình hợp lại, nó vẫn còn mạnh hơn hai mươi lần.

Bữa ăn vừa mới bắt đầu, nhưng tôi khinh bỉ ném xuống bàn một đồng tiền rồi bỏ đi.

Tôi mong đợi một tín hiệu nhấn gọi của Sarah, nhưng chẳng thấy gì. Bỗng nhiên nhận thấy mình biết về cô quá ít; có lẽ cô không ở Dublin. Cô sẽ còn im hơi lặng tiếng lâu, ngoài lá thư, thực ra chỉ là mẫu giấy ghi vắn tắt quảng ở nhà Lavater: “Nhờ anh bảo Franz đừng lo lắng. Tôi chỉ muốn yên tĩnh một mình thôi.” Sau này được giải thích về sự im lặng đó tôi mới hiểu. Còn bây giờ, chỉ thấy tức giận phát điên. Bỏ rơi tôi vào giữa lúc này. Đến nỗi tôi không ngần ngại quay số máy ở Kensington, London, chẳng cần nghĩ cũng nhớ ra ngay vì đã gọi về đó nhiều lần trước. Một giọng gái ngủ đáp lại.

— Suzie phải không? Franz đây.

— Trời! Anh biết đang mấy giờ không?

— London đang ba giờ sáng.

— Có một thời giờ này là giờ tốt nhất của em. - Cô thì thăm - Em lấy chồng rồi, nỡm ả.

— Anh muốn biết địa chỉ Catherine Varles.

Im lặng. Tôi đã đoán trúng: Hai ả thông đồng nhau.

— Hôm ở Nassau, cô ấy đã cho em địa chỉ ngay trước mặt anh.

— Có, một địa chỉ ở Paris, anh đến đấy tìm và thấy một thứ công chứng viên người ở tận Breton, tính nết rất khó chịu, nó coi anh là thằng điên và tổng cổ ra ngoài. Thôi Suzie, đừng giả ngây giả dại nữa, nếu không anh sẽ sang London kể hết với chồng em.

— Kể hết cái gì?

— Nhớ lại xem.

Nếu cô ả, cũng nhớ được ít chuyện cũ giống như tôi thì càng hay.

— Đồ khốn, em chẳng hiểu anh nói gì nữa.

— Anh muốn biết địa chỉ đó mà Suzie.

Cô ta im lặng rất lâu, tôi tưởng đường dây đã bị cắt. Mãi mới nói:

— Thôi được. Vả lại, đằng nào nó cũng đã hỏi thăm tin tức về anh rồi. Hai người liệu thu xếp.

Chỗ ấy là Fournac, bên Pháp, vùng Thượng Loire, gần một nơi khỉ ho cò gáy gọi là Chomélix.

— Bây, cô lại nói vờ...

Suzie đã gác máy.

Fournac chẳng là cái gì, hoặc chỉ là một nơi không đáng gì. Chỉ cần đi vòng qua thân cây, nhấc vài tảng đất là trông thấy làng, nếu có thể gọi đấy là cái làng. Lúc đến thành phố Lyon tôi gọi điện thoại cho viên thứ ký tòa thị chính để hỏi thăm đường, và đi theo đúng lời chỉ dẫn của anh ta. Tôi còn gọi cả cho Lavater ở Paris hỏi anh có nhận được tin tức gì của Sarah không. Anh trả lời không - vì lúc ấy chưa nhận được mảnh giấy vắn tắt báo cô ta chỉ cần yên tĩnh một mình.

Ngôi nhà rất lớn, không dưới hai chục phòng. Tôi nhấn còi rất lâu mà không thấy ai thưa. Tôi bèn vào thẳng gian bếp rộng, tối, trong có hai người đàn bà đang gọt khoai. Người trẻ hơn độ sáu mươi tuổi. Cả hai đều có ria mép như những gã Hungari.

— Tôi tìm cô Varles, Catherine Varles.

Cả hai cụ vẫn nhìn củ khoai đang gọt, coi như không có tôi.

— Nói đi, nếu không tôi sẽ cởi truồng và gào lên bây giờ!

Hai cụ quyết định thừa nhận sự có mặt của tôi. Ngón cái tay phải ướm lên lưỡi dao. “Ở đằng kia”. Tôi trở ra ngoài vườn, trèo lên mô đất phủ cỏ, trồng nhiều cây đại thụ, từ đây nhìn xuống thung lũng rất đẹp. Bên phải có con đường nhỏ xuống dốc, tôi xuống theo dốc. Qua vườn cây, một mảnh đồng cỏ, nghe tiếng nước sông trong trẻo. Con đường mòn lượn qua tán lá đổ ra cánh trắng nhỏ.

Nàng đang ở đó. Nàng ngồi ngay ngắn trên khúc gỗ, nghiêng mặt quay đi, da rám nắng, thân hình mảnh mai, xinh đẹp hết mức. Cạnh nàng có con chó to kền, giống chó ở đảo Đất Mới, nặng đến tám chục ký đang nằm ngủ.

Nàng cảm thấy tôi đang tới, yếu điệu quay sang nhìn tôi, trong mắt lóe lên tia vui sướng pha lẫn chút giễu cợt:

— Anh đi tìm có dễ không?

— Chẳng có vấn đề gì, sau vài tuần.

Con chó vẫn ngủ. Tôi đập nhẹ mũi giày lên người nó:

— Sẵn sàng chiến đấu, chú vệ sĩ!

Chó mở một bên mắt lườm tôi rồi ngủ tiếp.

— Sao em không đóng yên lên lưng nó?

— Làm thế nó bị nhột.

Tôi nhìn quanh: Nơi đây thật đẹp, toàn cây và hoa, con sông nhỏ róc rách, tô điểm bằng đàn

chuồn chuồn, bướm bướm vờn múa khắp nơi, và nắng.

— Anh ngồi được chứ?

Cặp mắt ánh vàng tươi tỉnh.

— Mmmm...

Tôi ngồi xuống cỏ dưới chân nàng, quay nhìn ra con sông. Tôi gối đầu lên đùi nàng. Lát sau, bàn tay nàng lướt nhẹ lên vai tôi, ngón tay gần chạm vào má. Thời tiết tuyệt diệu. Tôi hoàn toàn sung sướng.



Tháng bảy đến rồi đi, tôi vẫn không có tin gì về Sarah ngoài mảnh giấy đã nói trên. Sức nhớ có một hôm cô ta đã nói đến một thành phố ở Ireland, tôi tra cứu bản đồ và tìm ra cái tên đó: Ennis, quận Clare, gần sân bay quốc tế Shannon. Tới Ennis tôi tìm ra nhiều cô có họ Kyle nhưng không cô nào có chị em xa hay gần tên là Sarah làm trong ngành khách sạn. Tôi dò hỏi không sót nơi nào, tiếp xúc cả với khách sạn White Sands ở Mombasa, hỏi tất cả các chủ cũ và những người cùng làm với cô, hỏi cả nơi chỉ trọ có vài ngày như khách sạn Parador ở Morzine. Không thấy gì. Biệt vô âm tín hoàn toàn. Cô biến mất không để lại chút dấu vết nào.

Thiếu vắng cô kia nhưng vẫn không được tận hưởng cô này. Chương trình nghỉ hè của Catherine chẳng ăn nhập gì với tôi: Tháng bảy đi tham quan các đảo Hy Lạp, cả tháng tám nghỉ chơi ở nhà bạn bè người Mỹ mà cô nhất định giấu tên. Sau đó? Chương trình đại học; dù sao nàng cũng vừa thi đỗ tú tài, điều mà tôi không hề biết. Từ Fournac tôi chỉ ở gần nàng có một thời gian ngắn, vì nhà này là của một ông chú, ông chú này tuy chưa đến nỗi hần học nhưng cũng tỏ vẻ bức mình thấy có tôi trong nhà nên tôi không muốn ở lý.

Vợ chồng Lavater mời tôi nghỉ hè ở nhà nông thôn của họ phía Chagny. Chỉ một tuần mùa hè thôi vì họ cũng có chương trình đi chơi năm tuần ở Yucatan hoặc một nơi khác không kém vớ vẩn, từ 10 tháng tám đến 15 tháng chín. Họ rủ tôi cùng đi, nhưng thà bị treo cổ còn hơn đi Yucatan! “Franz, ngôi nhà Chagny là của cậu bất cứ lúc nào cậu cần đến, trong bao lâu cũng được.” Marc và Francoise hơn tôi ít ra cũng hai chục tuổi, tôi chỉ đáng tuổi con họ; nhưng cũng đã qua thời cần có bảo mẫu.

Cú điện thoại tới gã Thổ, gã đang rất phấn khích sau khi vừa nghe tin các công ty đa quốc gia của Mỹ cũng bắt đầu bán tổng, bán tháo đôla, mà bán chịu nữa. “Tin tức do tên Tàu dỏ hơi của cậu xì ra có vẻ đúng, Franzy. Một cú thần kỳ đấy.” Gã làm tôi tức điên lên với kiểu gọi là Franzy.

Tôi quay về Hong Kong, vụ đồ vật bắt đầu trực trặc. Sự cạnh tranh của bọn Nhật ngày càng gay gắt và tôi bị chúng qua mặt, chắc vì tôi không quan tâm đầy đủ đến công chuyện này. Hong Kong làm tôi ngạt thở. Chưa một lúc nào cái gọi là “sức quyến rũ” của nó ảnh hưởng được tôi, ý định rời xa nó lại ám ảnh tôi. Nhưng đi đâu, thu nhập giảm, tài khoản giảm, tôi bắt đầu phải cân nhắc các khoản chi. Hyatt cũng trở về Hong Kong, gã hơi cần nhàn, cứ làm như tôi đã gí súng vào ngực bắt hắn tham gia kinh doanh đồ vật với tôi! Rốt cuộc trong hội chỉ còn Li và Liu thường xuyên tiếp xúc với tôi thôi. Hai đứa hoàn toàn điên rồ, những tác phẩm nhại theo phim Karate hay Kungfu của chúng thật là hoang tưởng. Người ta có thể cho là chúng không có họ hàng với Hak, là cháu Hak. Dù sao, mãi sau này tôi mới biết rõ thói điên khùng, lỗ lã của chúng nhiều khi chỉ là vỏ ngoài. Còn lúc này, tôi hài lòng về tình thân thiện giữa đôi bên, tình thân mà chúng đáp lại khá hào hiệp. Tình thân làm tôi còn lâu mới hiểu được ngọn ngành điều sắp xảy ra.

Vào khoảng ngày 7 hoặc 8 tháng bảy, tôi sang Nhật. Có thể nói là chính hai gã Liu và Li đã tổng tôi sang đấy, sau khi thuyết phục được tôi rằng tiền đồ sẽ sáng lạn vô cùng nếu tôi tung ra thị trường các đồ dùng điện tử. Một cuộc viễn du vô ích; tôi thất bại không gạ nổi các bạn hàng Nhật đồng ý để tôi bán ra thế giới các đồ vật kỳ diệu của họ, Liu và Li giải thích:

— Vì bản thân anh không tin tưởng lắm. Lý do là như vậy. Đáng tiếc, anh quay cuồng lung

tung.

Chúng nói đúng, tôi quay cuồng không có hiệu lực, nếu quả thật tôi còn quay được. Lúc này vũ khúc Cimbali chẳng khác gì chiếc máy hát đã rã. Tôi càng ngày càng ít lui tới ngôi nhà Sarah đã từng ao ước, phòng khách đó vẫn quét vôi tím nhạt. Tuy vậy, đêm hôm đó tôi ngủ ở đó và nhận được một cú điện thoại, không phải do tình cờ vì sau này tôi biết cô ta đã hỏi Li và Liu để biết tôi ở đây.

— Franz?

Còn chưa tỉnh ngủ hẳn, tôi máy móc cầm ống nghe. Liếc nhìn đồng hồ: Ba giờ sáng. Bên Châu Âu, lúc này đã sáng rõ: Chín, mười giờ rồi còn gì.

— Em ở đâu?

— London, nhưng không ở lại lâu. Anh để em nói, nhé.

Từ giường tôi, giường chúng tôi, có thể trông rõ những con thuyền, những con xuồng tam bản trong cảng nhỏ Stanley, những đốm lửa người Tàu đôi khi nhóm lên ban đêm xung quanh đèn Tin Hau. Tôi ngắm những con thuyền đang đậu trên bến.

— Anh sẽ không nói gì, Sarah.

— Nghe đây anh. Em không thể cầm máy hàng mấy tiếng được đâu. Đáng lẽ gọi cho anh từ lâu. Em không gọi... Không gọi, thế thôi. Lúc ấy đang có mang, với anh, tất nhiên. Giờ thì xong rồi, em đã làm cái cần phải làm. Mới vài phút trước đây em quyết định không nói cho anh biết, nhưng thế là xong. Cho qua. Đừng hỏi sức khỏe ra sao: Em rất khỏe. Đúng là đã trải qua một đợt gian nan, nhưng bây giờ thì hết rồi, hết hoàn toàn, bây giờ em tẹt như một tấm áp phích ấy. Từ tháng hai em đã hiểu là chúng mình không còn có gì với nhau nữa, những cái sau đó chỉ là thêm thất mà thôi. Vả lại ngay từ đầu em đã biết rằng chúng mình chẳng lâu dài với nhau, em đã đoán đúng. Em không về Hong Kong nữa đâu, tất nhiên rồi. Người ta đã cho việc làm ở chỗ khác, em không cho anh biết, để một hôm nào đó bất thành linh ta nhảy vào nhau mới khoái hơn. Một ngày nào đó, hoặc hai chục năm nữa lúc anh đã thành tỉ phú. Nhân thế, yêu cầu anh điều này: Đừng có mua ngôi nhà em đến ở, em không thích thế. Hứa chứ? Hôn anh.

Cô ngừng bật nhưng không gác máy. Nghe rõ tiếng thở. Vài giây sau: “Anh Franz. Em hôn anh”.

Cô gác máy. Tôi vẫn nhìn những con thuyền kia. Hai đứa đã từng ôm nhau nằm hàng giờ như thế. Cô ta chọn ngôi nhà này chính là vì từ đây có thể phóng được tầm mắt ra quang cảnh đó: Bến nhỏ, ngôi đền thờ, bãi biển lúc nào cũng vắng vẻ chếch bên tay phải. Hầu như tôi thấy lại hương thơm của tấm thân mảnh dẻ mà cuồng ấy căng lên trong ái ân để sau đó rất lâu mới dịu lại như làn sóng tắt dần. Đến khoảnh khắc cuối cùng ấy mà cô mới nhắm lại, cô nằm thật yên gối má lên nệm, lảng tránh không nhìn thẳng vào mắt tôi cho đến tận lúc đã hoàn toàn làm chủ được mình mới nguýt tôi giễu cợt: “Thằng nhóc không đến nỗi quá tồi!” Vậy đây, bây giờ thằng nhóc đang bung mặt khóc ròng.

Tôi ở nhà nghỉ của Lavater ở Chagny đã được vài ngày. Đọc sách, lái chiếc Renault già nua của Lavater tới Chalon trên sông Saône, tôi vét hết các cuốn viết về kinh doanh ngân hàng, về hoạt động tài chính, tóm lại về tiền tệ nói chung. Tìm được cả một cuốn của nhà Rockefeller: “Trí tưởng tượng sáng tạo trong kinh doanh”. Đúng cái tôi đang cần. Lại nữa vì đảng nào cũng phải bắt chước ai đấy, tôi mua luôn cuốn Bá Tước Monte Cristo, cuốn sách tôi chưa hề đọc, chưa bao giờ đọc thật sự. Cụ Dumas bố, rất hấp dẫn, nhất định sẽ xua tan nỗi buồn chán trong lòng tôi. Đọc đến chương “Quán ăn bên cầu sông Gard” trong đó Caderousse, một trong những tên đã phản bội Dantès đang gặp một linh mục “bận đồ đen, đội chiếc mũ ba sừng” thì chuông

điện thoại reo. Kể từ khi Marc và Françoise lên đường đi lang thang dưới những cây ngọc giá ở Yucatan, đây là lần đầu tiên có chuông điện thoại. Tôi lừng khừng không muốn nghe, sau cũng phải nhắc máy cho xong chuyện. Người đang gọi là Cannat phụ tá của Lavater.

— Tôi không được phép quấy rầy nếu không có việc hệ trọng. Vừa có một sự kiện tôi thấy đáng lưu ý: Alvin Bremer vừa từ trần ở Chicago, vì cơn đau tim. Ông Marc có nói là ông quan tâm đến ông ta.

— Cảm ơn.

Lúc ấy tôi đang ăn sáng, do người giúp việc được Françoise Lavater giao trông nom tôi dọn cho. Bà ấy nói giọng bourguignon nặng đến nỗi từ lâu tôi vẫn ngỡ bà là người Ba Lan. Tôi đứng dậy đi vào phòng riêng.

— Cà phê của ông nguội mất rồi!

Tiếng rồi có đến hăm hai chữ R chứ không ít!

— Tôi sẽ quay lại ngay.

Trên một bức tường phòng tôi ghim tất cả những ghi chép, bảng kê, danh sách tích lại trong tám tháng qua kể từ ngày Lavater mang tới Hong Kong cho tôi tập hồ sơ đầu tiên. Tôi nhìn bản danh sách. Tôi đã dự tính riêng cho Bremer một đòn hiểm hơn nhiều so với đòn đánh gục Landau. Vậy mà thằng chó để lại lẩn cổ ra chết. Tôi thấy bị hẫng đến nỗi điên lên được.

— Tôi hâm lại cà phê cho ông nhé?

Tôi tới bên bản danh sách, gạch tên hẳn. Nhìn tấm ảnh trong hồ sơ; một thằng béo ị, đỏ lửng, mắt lạnh ánh thép. Trước nay tôi vẫn thấy nó có những nét Đức theo nghĩa xấu chứ không phải có ý khen ngợi hẳn.

— Khổ chưa, ông nhìn xem. Cà phê lạnh tanh rồi...

Bảy trừ một còn sáu. Chưa đến năm rưỡi. Bây giờ đã trung tuần tháng tám, Landau chả còn được mấy nả. Với điều kiện tôi không phạm sai lầm khi chạy theo ông Hak vào những vụ đầu cơ.

— Thật nguội rồi đấy nhé, nguội ra nguội.

Tôi không hề phạm sai lầm: Sau hôm nghe tin Bremer đột tử, một tin khác nổ bùng: Đồng đôla không còn giá trị chuyển đổi ra vàng nữa. Một sự kiện quan trọng phi thường. Suốt hai mươi lăm năm nay đồng đôla là đồng tiền bản vị của thế giới, đồng tiền độc nhất gắn với giá vàng một cách chính thức. Đồng tiền độc nhất có giá trị như vàng theo nghĩa đen. Bây giờ khả năng hoán đổi không còn. Hậu quả đầu tiên tất nhiên là đôla bị sụt giá. Đó chính là tin tức quan trọng ông Hak đã nắm được; biết trước chính xác ngày Chính Phủ Hoa Kỳ công bố tin này, ông ta đã tính được gần đến ngày kết thúc kỳ hạn gửi tiền.

Tuy đồng đôla mất giá ít thôi, nhưng số lãi thu được rất lớn. Khi tôi gửi năm trăm lẻ năm triệu đôla vào ngân hàng Zurich, giá chính thức một ounce vàng là ba mươi tám đôla chín mươi. Ba tháng sau đã lên thành bốn mươi hai đôla sáu mươi. Mức trượt nhỏ nhoi? Đúng. Dù thế, tiền lãi của ông Hak (tôi sẽ thích thú nếu được kiểm tra sổ sách của ngân hàng, nhưng chắc nó chính xác) lên tới bốn mươi bảy triệu đôla, trong đó tôi được trích lấy hai triệu rưỡi như đã thỏa thuận về tiền công đứng làm người môi giới kín tiếng, không lệ thuộc vào số phần trăm ngân hàng trừ đi phần của họ. Cộng với một triệu của tôi bỏ ra và số lãi bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi tám đôla, tính đến ngày 12 tháng mười tôi đã có trên bốn triệu đôla.

Tôi cứ tưởng mình sẽ nổ tung vì sung sướng. Nhưng không, vẫn bình tĩnh, gần như đứng đưng, vẫn ở một mình trong ngôi nhà Chagny, và biết rõ đã đến lúc hành động.

Trước tiên phải kết liễu Landau, đó chỉ là chuyện ngày một ngày hai thôi. Rồi chuyển sang thằng khác.

Tôi lại hỏi gã Thổ:

— Bằng lòng mình đấy chứ?

— Mình yêu Franz.
— Đồ pê-đê bẩn thỉu, đi ngủ.
Im lặng. Rồi tiếng Ute.
— Chào Franzy thân thương.
— Em làm gì ở Hampstead, ở nhà thằng cha ngoại quốc tài sản bất minh ấy?
— Tình yêu vĩ đại mà anh bạn!
— Với gã Thổ?
— Với gã ngoại quốc tài sản bất minh. Anh ghen à?
Tôi phá lên cười. Cảnh tượng hai anh ả cặp đôi làm tôi cười rữ.
— Không đâu. Gã vẫn giữ lại đội vũ nữ khoả thân chứ?
— Càng đông lũ điên càng vui. Điều quan trọng nhất là em làm trưởng trò, và thực tế em đang làm trưởng trò ở đây.
— Cho anh nói chuyện với ông chúa động. Hôn em.
Gã Thổ lại cầm máy. Gã cười sắc súa. Tôi thật không thể căm ghét được gã.
— Ngạc nhiên, hả?
— Ngạc nhiên cái đít! Nói chuyện nghiêm chỉnh nào. Được chứ?
— Được.
— Mình cần được giới thiệu. Nassau, Bahamas.
— Một quả khác à?
— Việc riêng.
Gã nghĩ ngợi. Rồi bật:
— Không nói tên qua điện thoại, mình không thích điều đó. Bao giờ tới đây?
Tính nhẩm thật nhanh:
— Cuối tháng mười, tức cuối tháng này.
Tôi nghe tiếng Ute nói nhưng không hiểu nói gì. Dù thế nào đi nữa, cô ta vẫn còn cầm máy trong lúc tôi và gã Thổ nói chuyện với nhau, điều đó chứng tỏ cô nói đúng “cô thực sự là trưởng trò”. Gã Thổ:
— Franz này, mình và cô Đan Mạch sẽ có mặt ở đây từ 25 tháng mười. Có làm phiền cậu không đây?
— Trái lại.
— Cậu thật sự không câu vì chuyện cô Ute chứ?
— Không. Hôn cô ta thay mình. Chào.
Tôi sang cuốn băng để tặng Lavater chắc sắp từ Yucatan khải gió trở về. Gọi lại số 2 ở Chomélix, nhưng ông chú Catherine không có nhà, chẳng ai trả lời.

Tôi lên máy bay đi Hong Kong.
Cuối cùng tôi cũng tò mò ra Hyatt ở Bull và Bear, quán rượu Anh xây dựng bằng những cấu kiện làm sẵn mang từ Anh sang dần từng mảnh. Hyatt chưa say hẳn. Gã nâng cốc.
— Ông chủ nhỏ đã về.
Biệt danh họ tặng tôi ở Mombasa.
— Khao anh một chầu bia, - Hyatt còn nói thêm. - Bia Guinness nhiều bọt, Made in Dublin.
Định ở lâu không?
— Không ở lại. Có công chuyện bàn với cậu, sang cho cậu toàn bộ khoản vặt.
— Toàn bộ?
— Ừ. Cậu sẽ tiếp tục, ưng không?

Đối với hần món này không đến nổi tồi. Tuy bây giờ không được lãi to như mấy tháng đầu, nhưng nhờ các bằng của tôi, nó vẫn là một món kinh doanh đáng chú ý, thu nhập khá, đối với ai thích có doanh thu không lớn nhưng đều đặn hơn là những cú có thể phát to nhưng cũng có khi sạt nghiệp. Như Hyatt. Nhưng há miệng còn mắc quai vì trước kia gã đã từ chối. Phải bàn cãi mất nửa giờ, bàn chuyện giá cả, tiền nong. Gã xin khát hai mươi bốn tiếng để suy nghĩ và tôi biết đến sáng mai gã sẽ chấp thuận với giá tám chục ngàn đôla.

— Một li cuối chẳng? - Hyat hỏi.

— Không. Đạo này có gặp Chinh Không?

Từ đầu tôi đã cảm thấy gã người Anh hình như có điều gì hậm hực, lần này không còn nghi ngờ gì nữa. Đã thế gã còn giả ngây giả ngọng:

— Ching nào ấy nhỉ?

— Cậu biết quá đi rồi. Hần đang làm gì?

— Không hiểu.

Gã lại nhúng mũi vào li Guinness đen. Tôi không ép, tuy trong bụng bồn chồn, cảm thấy đã hoặc sắp xảy ra chuyện gì có liên quan trực tiếp hoặc nhiều hoặc ít đến tôi. Tôi đổi tờ giấy bạc lấy tiền xu và bắt đầu gọi điện thoại. Không thấy Ching gì đó ở đâu cả, ở văn phòng, ở xưởng máy, ở nhà riêng đều không. Tệ hại hơn cả là mỗi lần tôi hỏi, họ đều im lặng một lúc rồi mới trả lời, tuy vẫn cùng một giọng. Không, không biết Ching đang ở đâu? Không biết.

Tôi gọi Li và Liu ở xưởng của chúng ở đại lộ Kennedy. Chuông đổ nhưng không ai cầm máy. Chính điều đó làm tôi lo lắng: Đang giữa tuần làm việc, hai thằng hề của tôi còn có nhiều tay sai, vậy mà không một ai nhắc máy. Tôi thử gọi về nhà riêng của chúng. Cũng không. Không lúc đầu thôi, vì sau nhiều lần đổ chuông, vào lúc tôi định bỏ máy thì có người ở đầu kia cầm máy.

— Li? hay Liu?

Im lặng. Tuy vẫn có ai đó ở đầu dây đằng kia.

— Li hay Liu đây?

Thằng cha nào đó nhẹ nhàng gác máy vào mũi tôi. Tôi ra khỏi cabin. Hyatt chuẩn mất rồi. Tôi đi ra đường, đám đông Hong Kong ở ngay kia, nặng trĩu, đồ sộ như một đại dương. Bất thành linh cơn lo sợ ập đến, không giải thích nổi nhưng chính vì thế mà càng mãnh liệt.

Hyatt cần một ngày suy tính, nên hôm sau chúng tôi gặp nhau ở ngay cửa phòng đăng ký của Caxton Hause, phố Duddel lúc mười một giờ. Do đó tôi còn ở lại Hong Kong chừng hai mươi tiếng đồng hồ nữa. Tôi biết trước rằng hai mươi tiếng đồng hồ này sẽ nặng nề bất tận, chỉ muốn nhảy lên chuyến bay đầu tiên đi bất cứ đâu miễn là chuẩn khỏi đây.

Tôi về Stanley nhặt nhanh nốt vài thứ còn lại, mấy chiếc quần áo và mấy cuốn sách của Sarah, tôi bỏ hết vào vali, trong lòng vẫn rối bời. Trở về khu trung tâm, đi xuyên qua đó để tới Cửu Long thuê một phòng ở khách sạn Peninsula giữa những bà quý tộc từ Ấn Độ trở về và những đại tá về hưu, cựu binh bên Miến Điện. Ở đấy tôi chợt nảy ra một ý, không chín chắn nhưng mãnh liệt không cưỡng nổi. Đi taxi đến sân bay, thuê chiếc máy bay nhỏ, hình như chiếc Cessna, do một chàng trai Australia có bắp tay gân guốc lái đi. Anh ta lạnh lùng nhìn tôi.

— Anh không biết tên hòn đảo khổ kiếp ấy thì tôi làm sao tìm?

— Tôi sẽ nhận ra.

Ngộ nhỡ lạc vào không phận Trung Quốc? Ngộ nhỡ bị quân Áo Xanh bắn thì sao? Ngộ nhỡ nó chỉ là hòn đảo anh tưởng tượng ra, mặc dù tôi đã hạ cánh xuống hai lần rồi? Gã Australia tranh cãi, nhưng vẫn đi chuẩn bị máy bay. Tôi chỉ hướng, gã bay theo tay tôi. Một tốp đảo tiên.

— Kia chẳng?

— Đi nữa. Sau một con dê lớn.

Gã Australia bảo đây là hồ chứa nước Plover Cove. Chúng tôi bay rất thấp, khoảng ba bốn trăm mét phía trên các vật thể. Người ta thường hình dung Hong Kong chật ních người, nhưng

khoảng đất dưới kia tuy là đất của thuộc địa nhưng gần như không người ở; không đường xá, chỉ có những lối mòn lúc này rải rác mấy bà nông dân đội nón to vành phủ kín khăn đen.

Biển chợt hiện ra dưới cánh.

— Thế nào, quý ông?

— Hòn kia.

Theo bản đồ, chúng tôi đang bay trên vịnh Mirs ở chót vùng Đất Mới của Hong Kong.

— Làm gì có đường băng? Đến con ruồi cũng không dám đáp xuống để trên tảng đá này.

Tôi chưa kịp trả lời gã đã nhìn thấy bãi hạ cánh. Có thể nói là gã hơi phịch xuống đất; thân nhiên hãm lại thật đột ngột, tắt máy ngay, tựa vai trái vào thành máy bay, châm điếu xì gà Philippine đang hút dở, nhả ra luồng khói có thể giết chết một con bò.

Tôi báo trước: Sau một giờ là tôi vù.

— Không chắc tôi kịp trở lại sau một giờ.

— Đúng sáu mươi phút, thưa quý ông. Ba chân bốn cẳng lên. Tôi bay theo mắt nhìn, mà trời thì sắp tối.

Tôi nhảy xuống, giậm dũ bước đi. Được vài chục mét tôi chợt ý thức rõ tình thế của mình lúc này. Ăn đòn, chuyến này chắc bị ăn đòn! Liếc nhìn chiếc máy bay: Gã Australia đã xuống đất, vừa hút thuốc vừa khoan khoái nhìn lên mảnh trời Tàu với vẻ giễu cợt. Tôi vội vã rảo bước: Thằng đều có thể vù đi bỏ mặc tôi.

Tôi đã tới đảo này hai lần, đều đi xe hơi. Tôi dự tính sẽ phải vắt chân lên cổ mà chạy, như chạy việt dã. Nhưng vừa cắt ngang một lèn đá, vượt qua một móm cao, tôi sững sờ thấy mình đã lọt vào trong vườn, cũng tức là vào đến nhà.

Yên lặng. Yên lặng càng lan rộng, càng đặc quánh như màn sương mù khi tôi càng đến gần. Yên lặng nặng nề khi tôi đặt chân lên lối đi giữa hai hàng đa và long não. Tôi cất tiếng gọi, không có hồi âm. Tôi đi qua mảnh vườn đang bừng bừng tỏa hương, đặt chân lên thềm cửa lát cẩm thạch đen.

Cánh cửa kéo để ngỏ.

— Ông Hak! Cimballi đây!

Tiếng vang đập đi đập lại không dứt. Tôi đâm sợ.

— Ông Hak!

Ông đã dặn tôi: “Xong việc, vào khoảng cuối tháng tám đầu tháng chín, anh trở lại Hong Kong. Có lẽ sẽ có việc khác cho anh. Anh trở về được, tức là mọi việc đều êm xuôi”. Tôi bước qua ngưỡng cửa phòng khách thứ nhất, nơi lần tôi đến vừa rồi có trang trí nhiều tấm thảm, bàn, bình phong lồng lầy và vô giá, bây giờ chẳng còn gì. Tất cả đã dọn sạch. Phòng khách trống trơn. Phòng thứ hai, các phòng khác, phòng tôi nằm ngủ với Sarah, tất cả đều như thế. Tuy khiếp sợ nhưng vì tò mò tôi vào hẳn khu vực trước kia chưa bao giờ đặt chân tới. Chẳng còn gì. Mọi thứ đều dọn đi hết. Trong các căn bếp chắc là được tự động hóa cao, chỉ còn lại những chiếc lò gắn trong tường vì chúng được đúc hẳn vào bê tông. Xa hơn có gian kho, xếp những chiếc bàn điều khiển từ xa của ông Hak vẫn dùng, trông như những quái vật đứng nghỉ trên bánh xe. Đi vài bước tôi lọt vào gian phòng menh mông có tấm vách cong bằng kính, ít nhất là trước kia bọc kính còn bây giờ ra sao không rõ vì bức sơn mài vẽ rồng đỏ rực đã che kín. Phòng này cũng trống trơn nốt. Trừ một thứ: Dưới đất có chiếc hộp hình chữ nhật thường thấy trong tay những người chơi mô hình máy bay có rất nhiều núm gạt. Tôi gạt một, hai, ba núm. Thoạt tiên chẳng thấy gì. Đột nhiên ba chiếc bàn hiện ra như ba cái bóng tạo bằng nhung đen và sắt thép sáng loáng. Chúng chạy về phía tôi, dừng lại đúng tầm tay, ngoan ngoãn lạ lùng, dễ sợ, như những con thú dữ đã thuần thục. Chỉ chút nữa là tôi phát sợ thực. Tôi gạt thêm những cần gạt khác: Các bức vách trượt đi, kéo lên, hạ xuống, tạo thành những gian phòng mới, nhạc nổi lên, bàn xoay dọc xoay ngang, cả ngôi nhà sống động theo lệnh tôi như một sinh vật.

Tôi không nghe tiếng nó chuyển động, có lẽ nó đã trượt đi ở sau lưng mà tôi không hay, do tôi vô tình ấn nút. Chỉ biết rằng khi cảm thấy có cái gì đó hiện diện phía sau, tôi quay lại thì cảnh tượng đập mạnh ngay giữa mặt tôi. Tấm vách hình bán nguyệt che bức tường thủy tinh đã trượt đi, cuốn gọn lại. Bọn cá mập lù lù ngay trước mặt, cách đó hai mét, có khi chưa đến hai mét, ngang tầm mắt, ba con dài ngót nghét hai mét rưỡi, con nào cũng như con nào đều tỏ vẻ hùng hổ rợn người. Ánh đèn pha do tôi vô tình bật sáng chiếu lên thân chúng những rãnh đỏ máu. Ấy chỉ là cảm giác của tôi trong khoảnh khắc đầu tiên. Nhưng ngay sau đó tôi đã hiểu ra. Hiểu ra, khi tôi đưa mắt nhìn thẳng xúc thịt mọi khi ông Hak vẫn treo vào móc sắt cho chúng nuốt. Tôi hiểu ra sau khi nhìn, khắp người run bần bật vì khiếp sợ, tôi nhìn thật kỹ những tảng thịt đó. Không nghi ngờ gì nữa, chúng có hình dạng của thân người. Có cả đầu và tay. Một bàn tay đứt rời, nhợt nhạt vẫn đang lập lờ giữa làn nước biển.

Hyatt nhìn lảng sang phía khác. Tôi nói tiếp:

— Không hiểu tại sao tớ chưa đâm nát mõm cậu!

— Anh Franz, tôi không biết thật mà. Bây giờ cũng chưa biết gì hơn. Ngoài những điều đã nói với anh.

Đó là: Dân Hong Kong đồn đại ông Hak đã chiếm dụng nhiều món tiền không phải của mình mà là của Chính Phủ Trung Quốc, nguy hiểm hơn, có thể của những quan chức cao cấp ở Bắc Kinh dùng để làm ăn mánh, Hyatt không biết rõ hơn. Tôi dễ dàng dựng lại một phần điều đã xảy ra: Lợi dụng nguồn tin tức từ Bắc Kinh lộ ra, ông Hak đã lợi dụng tiền của kẻ khác để mưu lợi cho bản thân; chắc chắn ông ta có ý định sẽ hoàn lại đầy đủ số một trăm triệu đôla đã chiếm dụng, nhưng họ không để ông ta có đầy đủ thì giờ. Sau này, mãi mãi tôi không thể biết người bị ném cho cá mập ăn thịt là ai.

Hyatt tới phòng đăng ký gặp tôi trễ mất bốn mươi phút. Tôi thực sự muốn đập cho hấn gẫy vài chiếc răng. Cơn giận qua đi, dù sao Hyatt ở đất Hong Kong này là ở trên đất hấn, tôi chỉ là người vắng lai: Tôi đi, hấn vẫn còn ở lại. Hơn nữa hấn đã thuận mua khoản đồ vật của tôi theo đúng giá tôi đặt. Tôi hỏi:

— Chúng đâu?

Gã lắc đầu không hiểu.

— Li và Liu đâu?

Gã cũng chẳng hay. Thề độc. Chúng tôi cạm ly cuối cùng; cuộc chia tay sắp tới làm cả hai đều thấy lại vài mảnh vụn của một tình bạn đã được phác họa nhưng chưa hình thành trọn vẹn, tuy đáng lẽ đã được hình thành, chỉ cần một chút xíu nữa là xong.

— Anh có bao giờ trở lại Hong Kong?

— Không, nếu tránh được điều đó.

Các cô gái cời trần của câu lạc bộ Kosukai tùm tùm cười với chúng tôi. Hyatt nói:

— Anh có nhớ mấy cô Ethiopia ở Nairobi không? Và cô anh cặp bồ ở Mombasa?

Tôi vẫn nhớ. Cũng như vẫn còn nhớ Joachim, nhớ Chandra, nhớ gã cảnh sát thối tha, tên dự thẩm gian xảo, ngôi nhà Jomo Kenyatta, nhớ bè bạn ở đại lộ Kilindini, nhớ Ching gì đó, Li và Liu, ông Hak, Landau. Và nhớ Sarah. Một dĩ vãng đã qua hấn.

Tôi đang có trong tay bốn triệu hai trăm ngàn đôla. Vũ khúc Cimbali càng tăng nhanh nhịp điệu.

PHẦN BA NHỮNG NGƯỜI Ở BAHAMAS





Ngày 26 tháng 9, đúng hai mươi hai tháng sau khi bị Alfred Morf áp giải ra khỏi London, tôi đến Nassau. Kể từ chuyến tháng hai vừa rồi, chuyến gặp Catherine, đây là chuyến thứ hai.

Ở Nassau, tôi gặp gã Thổ, cô Ute, bảy tám ả cời trường đầy sức quyến rũ và tất cả. Gã Thổ hôn tôi (lên má), Ute hôn tôi (lên môi). Ôm hôn tất cả. Chàng béo nũng nịu:

— Cậu đến thật đúng lúc. Bọn mình từ Hampstead đến được năm sáu ngày rồi. Chắc cậu thấy tức cười, nhưng quả thật những cây cọ này, ánh nắng này làm bọn mình chán ứ tận cổ. Hampstead khoái hơn. Với lại ở chỗ khỉ ho cò gáy mà muốn theo dõi trường đua Longchamp hay Epsom, có lẽ phải tậu riêng một vệ tinh cá nhân.

Gã Thổ nổi lênh bênh như con cá nhà táng ngủ trưa trong chiếc bể bơi gã thuê mượn cho thời gian lưu lại đây - cùng với ngôi nhà bốn chục phòng liền với bể bơi.

— Mình đã chứng kiến cậu hành hạ Landau như thế nào. Ác thật, suýt nữa thì mình thấy thương hại nó.

Tôi chỉ nói: “Ha! ha!”. Gã Thổ bật cười. Tôi bảo.

— Cậu nhiều tình thương vừa bằng con cá sấu.

— Cá sấu thì có gì xấu? Thôi được, bọn con gái xéo hết ngay để người ta bàn chuyện nghiêm chỉnh. Bắt đầu chứ Franzy?

— Đừng gọi mình là Franzy.

— Ute chả gọi thế là gì?

— Cậu không phải Ute.

— Ừ, chỉ nhìn cũng biết. Bàn chứ?

— Thì bàn. Cậu gặp Lavater chưa?

Đôi mắt đen dịu dàng như nhung của gã Thổ nhìn tôi.

— Gặp rồi. Tay rất thông minh. Ranh ma là khác. Giống hệt mình, nói thế là đủ. Gã nói hết với mình, tất cả những gì mình cần biết, theo gã. Cậu muốn biết ý kiến của mình không?

— Không cần.

— Hai cậu sẽ bị đòn đau. Kế hoạch của các cậu thật điên rồ. Không một chút hy vọng...

— Cậu chịu chơi không?

— Thì tớ đang ở đây thôi.

— Zarra đâu?

— Tại đây, không xa. Đây vệ sĩ mang khí giới, trang phục chỉnh tề. Mắt trợn trừng trợn trạc, dữ tợn.

— Cậu nói với hắn chưa?

— Trên điện thoại, rồi đến tận nhà tuy sợ dúm dít. Hắn nhận gặp cậu.

Tôi ngắm thân hình đồ sộ đẹp tuyệt trần của Ute đang nằm ngửa trên thành bể bơi cách chỗ chúng tôi hai mét. Gã Thổ cười khê:

— Thích không?

Tôi lắc đầu, nhìn giữa hai gò vú, thấy Ute nháy mắt với tôi:

— Được chứ anh bạn?

— Được lắm Ute.

— Franz này, - gã Thổ tiếp. - Cho qua thôi. Cậu khùng mất rồi. Bản thân tay Zarra đã nguy hiểm. Những thằng sau lưng hắn còn nguy hiểm hơn. Đừng đùa với chúng.

Bên tay phải: Robert Zarra.

Ngay từ đầu, là một tay kinh doanh tiền tệ khá vững. Khi tới đích, đã thành tên đạo chích lớn nhất của mọi thời đại. Những tên đứt túi được hai trăm triệu đôla như hũ không có nhiều. Một cách công khai và hoàn toàn không bị trừng phạt.

Sự việc bắt đầu năm 1958 ở Geneva. Một gã người New York gốc Ấn Độ đến sinh cơ lập nghiệp bên hồ Léman với kế hoạch, nhận tiền gửi của binh sĩ Mỹ đồn trú ở Châu Âu - do đó họ được những phụ cấp khá hậu - đưa về Mỹ đầu tư. “Khi về nước các bạn sẽ giàu có, đừng làm giàu cho bọn diêm bèn này”. Nghe xuôi tai, ăn khách. Đến năm 1966 gã New York gốc Ấn Độ đã quản lý sáu trăm triệu franc Thụy Sĩ. Tiền gửi tiếp tục ủa tới. Hể thị trường chứng khoán New York có khuynh hướng tăng giá thì cổ phiếu của công ty đầu tư cũng tăng giá theo vì giá cổ phiếu này là giá bình quân của các cổ phiếu Mỹ mà công ty nắm dưới danh nghĩa các binh sĩ Mỹ. Khi đó, gã New York Ấn Độ phát to. Nhưng đến khi thị trường chứng khoán bắt đầu xuống giá thì công việc cũng bắt đầu xấu đi; nó trở nên tồi tệ khi các chi phí kinh doanh vượt quá khoản tiền hoa hồng nhận được từ các cổ đông mới. Đã thế, các ngân hàng Thụy Sĩ cũng không khoái anh chàng gốc Ấn này, chẳng bao lâu sau anh ta bắt đầu thấy khó làm ăn. Anh trao tay “đứa bé” (theo tiếng lóng trong ngành) cho người khác. Người ấy là Robert Zarra.

Khi Zarra tiếp nhận ngôi kế vị, công ty đầu tư vẫn có cơ cứu được. Có lẽ lúc đầu Zarra cũng nghĩ đến chuyện đó, nhưng chắc không lâu. Gã nghĩ ra cách hay hơn: Nói một cách hình tượng thì gã nhét vào vali số hai trăm triệu đôla tồn quỹ và đánh bài chuồn. Hoa Kỳ ngạc nhiên, coi đó là chuyện xấu xa, kết án vắng mặt Robert Zarra hai mươi năm tù. Gã cóc sợ. Gã đã tìm sẵn chỗ dung thân ở quần đảo Bahamas, chính xác hơn là Nassau, chính xác hơn nữa là Paradise Island, xưa kia là hòn đảo nhỏ về sau nối liền với Nassau bằng chiếc cầu thu tiền vãng lai. Ở đây nhan nhản sòng đỏ đen, một số nằm trong tay thành thạo của Mafia Bắc Mỹ. Zarra thừa biết điều đó (cũng như tất cả mọi người) và kế hoạch của gã cũng đơn giản thôi: Tiêm một phần số hai trăm triệu đôla vào nền kinh tế Mafia, để mua sự che chở và giúp đỡ mọi mặt, khỏi bị ganh ghét, bị các loại cảnh sát rình rập, qua mặt được cả hải quan, biên phòng, thuế vụ, ngân hàng, đội quân cứu thế... tất cả những kẻ sẵn tìm gã, mơ tóm được gã, và vì từ Nassau đến bờ biển Florida không xa mấy, nên tất cả những kẻ đó đều như đứng ở bên kia đường mà tức tối nhòm gã qua những chiếc ống nhòm. Tóm lại: Zarra ở tay phải tôi.

Bên trái là John Hovius, chính thức quê ở Buenos Aires, trên lý thuyết là người có quốc tịch Argentina, và James Donaldson, chính thức và thật sự là công dân Anh quê ở Glasgow hoặc gần đấy. Chúng được đánh số Năm và Sáu trên danh sách của tôi. Sai, đáng lẽ phải xếp hai đứa đồng hạng. Có một điều khẳng định dứt khoát về hai tên này: Nếu là chuyện xảy ra như vậy với Landau, có thể tôi còn tạm có đôi tí ân hận về những điều đã gây nên. Còn với hai tên này, khi biết chúng đã tự sát tôi vẫn nằm ngủ với lương tâm hoàn toàn yên ổn.

Cả hai đều đã từng là cộng tác viên đặc lực của bố tôi. Hồ sơ của chúng đang ở trước mắt, tôi đọc lại do thói quen hơn là do cần thiết vì tôi thuộc lòng từng dòng một, có thể đọc thuộc lòng như đọc thơ ngụ ngôn. Năm 1946 gặp bố tôi, Hovius tròn hai mươi một tuổi. Bố tôi để ý khi hắn còn giữ chân tiếp khách trong một khách sạn Paris. Lúc ấy hắn đã nói được tám thứ tiếng, thuộc lòng giá cả trên thị trường chứng khoán từ sau thế chiến. Bố tôi thuyết phục hắn bỏ kỹ nghệ khách sạn, gửi hắn sang Thụy Sĩ rồi sang Hoa Kỳ, đòi tho mọi chi tiêu của hắn trong hai năm liền, với điều kiện duy nhất: Hắn phải học kinh doanh rồi về làm phó cho bố tôi. Thỏa thuận được thực hiện. Sáu năm sau, năm 1951, Hovius được giao trách nhiệm trông coi các công việc quan trọng của nhóm Cimbali bên Châu Mỹ La Tinh, lương lậu gấp năm lần số tiền lương nếu hắn được làm giám đốc khách sạn George. Khi bố tôi qua đời, bằng một trò ảo thuật

tài tình, hẩn dường như không bao giờ gặp Andrea Cimbali, thậm chí không biết đến cả tên ông và trở thành người nắm bốn mươi phần trăm cổ phần của các công ty Nam Mỹ.

Bốn chục phần trăm trong tay Hovius, hai chục phần trăm trong tay ngân hàng tư nhân Martin Yahl, phần thứ ba của chiếc gatô Mỹ La Tinh rơi vào tay James Donaldson. Một gã người Scotland, luật gia có nòi. Đáng điệu luật gia Scotland đậm đặc đến mức nó thành thứ đồ nguy trang. Tôi nắm nhiều tấm ảnh chụp hẩn: Bắt tay Ugo Banzer nhà độc tài Bolivia, khoác tay tướng Stroessner, Godoy đảng viên đảng dân chủ Paraguay khá nổi tiếng. Nhìn bên ngoài, đó là Abraham Lincoln trờ nụ cười, khiến người ta kính nể và tin cậy thay cho buồn cười. Bố tôi tin đến mức biến hẩn thành cánh tay phải, trao cho hẩn một bản sao chứng thư ủy quyền để nếu chẳng may gặp nguy biến hẩn có thể minh chứng: Bố tôi là chủ nhân đích thực và duy nhất của tập đoàn Curacao. Gã Scotland trung thực đã thiêu hủy hết mọi thứ giấy tờ được giao phó, dứt tiền phần được chia. Hẩn không chỉ là kẻ nghe theo lời xúc xiểm phản bội của Martin Yahl mà có lẽ còn là kẻ đã khơi mào sự phản bội đó. Hẩn không hề áy náy khi đồng lõa với nó, đã chiếm đoạt nhiều của cải và quyền lực đến nỗi, theo lời Lavater, sớm muộn hẩn sẽ được Nữ Hoàng phong tước. Nhục thay kẻ có Ác Ý!

Vậy bên trái tôi là Hovius, Donaldson và bên phải Zarra, giữa với chúng là tôi.

Sau nhiều đêm thức trắng nghiền ngẫm báo cáo của các nhân viên điều tra do Lavater hối thúc viết ra, tôi trình bày với anh ta ý định tôi rút ra từ các báo cáo này. Anh ta nhún vai: “Không ổn” - “Ok, vậy anh nghĩ hộ cái khác đi”. Hai chúng tôi gần như cãi nhau. Nhưng lúc đó, trong lòng tôi cơn say dữ dội và vui vẻ ở đường Old Brompton bùng lên mãnh liệt hơn bao giờ hết. Hơn nữa, không chỉ có riêng đòi hỏi thỏa mãn hận thù và căm ghét mà còn có đòi hỏi tự khẳng định mình. Một đòi hỏi đơn giản, bây giờ tôi mới nhận ra.

Tôi hỏi Lavater:

— Anh tin chắc vào những điều ta đã nắm được?

— Dám đánh cuộc. Nhưng chỉ dựa vào đó mà đẩy cho một bên là Zarra và bên kia là Hovius và Donaldson choảng nhau! Chúng không biết nhau, trừ Donaldson và Zarra chắc đã có lần gặp nhau.

— Chúng sẽ choảng nhau. Tôi đảm bảo chúng nó sẽ nện lên đầu nhau.

— Còn do các sự kiện chính trị chúng ta cần có xảy ra hay không.

— Đây chính là dấu hỏi cuối cùng đối với chúng ta: Ngày xảy ra sự kiện ta mong muốn. Nhưng nhất định sẽ có.

Tôi vuốt ve ông Phật huyền thạch.



Những ngày tháng chín, trước khi tôi khởi hành đi Nassau là những ngày sôi động, phấn khích và đôi lúc tuyệt vời. Sôi động, bữa bán đấu giá nhà máy bia Landau lần thứ hai, tôi mua được rồi bán lại cho bọn lái bia. Phấn khích vì trận đánh này biểu thị sự kết thúc với độ chính xác toán học, rất đúng thời hạn, của kế hoạch nghĩ ra từ một năm trước. Những ngày tuyệt vời vì một lí do rất giản dị tên là Catherine.

Cuối cùng cô cũng trở về từ cuộc Hy Lạp, từ cuộc thăm viếng Hoa Kỳ, từ những chuyến đi lang thang đây đó. Và hôm được hai con cú già gọt khoai tây ở Fournac báo ngày nàng hạ cánh xuống Roissy, tôi đi thẳng ra chực sẵn ở sân bay, kéo theo ban nhạc Caraibe duy nhất đang có mặt ở Paris, tự tay cùng với vài vai phụ giương cao tấm biểu ngữ kẻ dòng chữ: “Anh Đây! Catherine!”.

Tôi đã ít nhiều thành công, đặc biệt trước mắt gia đình nàng mà tôi mới khám phá lần đầu tiên: Bà mẹ, ông bố dượng.

Ông nhìn tôi bằng cặp mắt gườm gườm.

— Tôi thấy những trò này, - ông “Bố Dượng Vợ Tương Lai” nhận xét, - nó trẻ con, lỗ bịch, nhục mạ làm sao, nói tóm tắt là không đúng chỗ.

— Không sao, - tôi đáp, - tuy thế bố vẫn còn rất dễ mến.

Không để ông kịp chống cự, tôi bất thành linh ôm hôn bố. Thoáng có mùi thơm Sherry.

— Và hơi nghiện ngập, nhỉ!

Câu đó dội nước lạnh. Catherine trừng mắt, nhưng rõ ràng cô đang cố nín cười. Mẹ cô cũng trợn mắt nhìn tôi với vẻ tò mò thích thú. Catherine kể chuyện tôi cho mẹ nghe, và chẳng hay tôi có còn ở Hong Kong nữa không?

— Tôi đang dọn nhà. Chẳng hay tôi có được vinh dự mời ông bà và cô đi ăn trưa hay không ạ?

Không, “Bố Dượng Vợ Tương Lai” không nhận, không muốn nghe nói tới chuyện đó. Thế ăn tối ạ? Cũng không. Mai cũng không. Những ngày sau cũng không nốt.

Tôi hỏi:

— Mười lăm năm nữa liệu bố có rồi rã không ạ?

Ông ta sắp trả lời “không”, tôi biết thế, nhưng bà mẹ đã chen vào: “Sao tôi không đến ăn trưa tại nhà họ vào thứ năm tuần sau?” Lúc ấy tôi mới khám phá ra rằng họ ở quận VII, rằng “Bố Dượng Vợ Tương Lai” tên là Jeffries, đã cưới bù “Mẹ Vợ Tương Lai” làm vợ kế, rằng họ có một ngôi nhà phía sau phố Invalides, rằng họ có trong tay không ít tiền, cả hai phía, cả mọi phía. Điều này thì tôi đã đoán biết: Không thể đi nghỉ ở nhà bạn Suzie Kendall tận Bahamas nếu trong ví không có chút ít tiền lẻ.

Trong bữa ăn. “Bố Dượng Vợ Tương Lai” vẫn còn cần nhằn tôi vài câu; ông ta là dân Anh, hơi thiên về rượu Porto nhưng thực ra không đến nỗi khó chơi như ấn tượng ban đầu. Thậm chí còn tỏ ra tế nhị, khi Catherine viện cớ đi chải đầu để tiến chân tôi và biến vào nơi tận cùng sâu thẳm của ngôi nhà mười hai phòng thì ông cũng khéo léo biến mất.

— Tôi gọi anh là Franz được chứ?

Hai mẹ con Catherine không chỉ giống nhau ở đôi mắt. Không cần gì nhiều để có thể coi hai mẹ con như một tuy họ chênh lệch nhau hai chục tuổi.

— Anh Franz, tôi đã nói rằng Catherine có cho chúng tôi biết về anh. Nó còn ít tuổi.

— Con biết.

— Anh cũng vậy.

— Con biết.

— Nó bảo anh mãi mê rượt đuổi một cái gì đó. Tiền à?

May, tôi có tờ giấy trong người, rất tình cờ thôi. Vì đúng bữa đó là bữa tôi cho chuyển khoản toàn bộ số tiền tôi có từ ngân hàng Thụy Sĩ sang một ngân hàng khác đặt trụ sở ở Nassau. Tôi rút tờ giấy trong túi chìa ra trước mặt bà Jeffries, trước là bà Varles. “Bốn triệu một trăm ngàn đôla”.

— Thừa bà, con đâu cần rượt đuổi đồng tiền.

Bà ta đọc tờ giấy, không tin ở mắt mình.

— Anh được thừa kế?

— Không ạ.

— Anh kiếm ra? Đây là tiền của anh thật?

— Tiền của con. Kiếm từng xu một. Không một ai trên thế giới này có bất cứ lí do nào đưa con vào ngồi tù.

Im lặng.

— Lạy chúa!

Bà ta thốt lên. Bà đứng dậy, đi qua trước mặt tôi, nhẹ nhàng ấn vai tôi bắt ngồi yên khi tôi định đứng lên theo. Bà đến đứng một lúc nơi cửa sổ nhìn nhìn xuống đại lộ Ségur, tôi thì rất ngạc nhiên ngồi nhìn bà. Rồi bà trở lại ngồi xuống ghế.

— Anh... Đúng là anh vẫn còn quá trẻ tuy có từng ấy của cải. Liệu tôi có giúp gì được cho anh chẳng?

Cách đặt câu hỏi làm tôi bối rối, tôi không tin chắc mình đã hiểu thật đúng.

— Catherine nói đúng đấy. Anh đang đuổi theo một cái gì khó nắm bắt. Xin hãy cẩn thận!

Tôi hơi sững sờ nhìn bà. Vừa vặn Catherine bước vào, chúng tôi cùng ra đi. Những ngày sau đó chúng tôi không rời nhau nửa bước, rồi nàng tiễn chân tôi lên máy bay đi Nassau, không mang theo biểu ngữ.

Tôi rời Nassau lúc độ mười hai giờ, trả hai đôla tiền qua cầu để sang đảo Thiên Đường.

Gã Thổ không thối phồng chút nào: Robert Zarra nằm giữa một hệ thống bảo vệ thật khác thường. Trên đường tới chỗ hắn, sau khi vượt qua vòng ngoài tôi còn bị chặn lại hai lần, để khám xét và kiểm tra căn cước. Hắn sợ cái gì? Một sư đoàn lính thủy đánh bộ chắc?

Một gã có vẻ ngoài dễ chịu, lịch thiệp, nhìn tôi với vẻ hơi tò mò.

— Anh Thổ Nhĩ Kỳ kể với tôi nhiều điều tốt về anh.

— Anh còn chưa biết hết đâu.

Hắn ngập ngừng, hơi lúng túng trước vẻ cười cợt của tôi, hoặc một cái gì đó tương tự.

— Cimballi là tên thật?

— Không có gì đáng nghi hoặc.

— Người Ý?

— Pháp.

— Nhưng gốc Ý!

Nếu điều đó làm hắn thích. Tôi đáp:

— Đúng, bố tôi, gia đình bố tôi đều người xứ Florence.

Tôi nhìn quanh. Chỉ riêng trong khoảng gần bể bơi đã có bốn tên vệ sĩ võ trang, súng ngắn to đùng gài trong bao đeo ngực, máy bộ đàm. Tôi đã thấy có đến sáu tên ngoài vườn, không kể những tên chặn ở cửa, trên lầu một ít ra có hai tên cầm súng trường lắp kính ngắm.

Zarra tủm tỉm cười.

— Anh chẳng có gì phải sợ.

— Tôi sợ cho bọn chúng. Hãy tưởng tượng khi tôi nổi cơn lên. Còn hơi sớm để dùng daikiri, tôi muốn dùng nước cam tươi.

Họ mang tới chiếc cốc, nước đá, nước cam vắt đựng trong bình lớn bằng bạc.

— Tôi nghe anh đây, - Zarra nói.

Hắn nghe tôi mười phút liền không hề ngắt lời, không hỏi han, không tỏ ra quan tâm lắm, nhưng cứ nhìn tôi chằm chằm ngay cả lúc hắn châm xì gà. Mỗi khi nhìn bàn tay hắn cử động tôi lại thấy có cái gì đó làm tôi bứt rứt, mãi sau mới nhận ra là khi cử động mắt hắn không bao giờ nhìn vào ngón tay, chúng hoạt động như thể chúng hoàn toàn độc lập với hắn.

Tôi dùng lời. Im lặng. Hắn rút xì gà, nhìn theo làn khói, rồi mới hỏi:

— Ai điều hành cái công ty mà anh căm ghét?

— John Hovius và James Donaldson.

— Tôi quen biết sơ sơ Donaldson.

— Tôi biết. Chúng tôi đã kiểm tra, cách đây ba năm ông gặp hắn ở London. Chúng tôi muốn xác minh xem ngộ nhờ ông có những quyền lợi chung với hắn hoặc với Hovius. Nhưng không có. Đề phòng ông báo trước cho chúng biết việc tôi đang chuẩn bị đánh chúng, chúng sẽ thoát khỏi tay tôi mãi mãi.

Hắn mỉm cười:

— Anh nắm tình hình rất chắc.

— Tôi tới đây không phải với hai tay không?

Đưa mắt liếc qua, tôi bỗng thấy bọn vệ sĩ đã chuẩn bị, tay nắm chặt báng súng, mắt soi mói. Trong vài giây tôi gần như cảm thấy sắp xảy ra tàn sát đến nơi. Nhưng không có gì hết, bọn canh gác đâu lại về đấy, im lìm trong tư thế lúc đầu như những con chó săn đứng rình mồi.

Zarra không buồn quay đầu lại:

— Cố nhiên không trả lời được. Tôi cần suy nghĩ, bàn với bạn bè. Anh ở đây bao lâu?

— Cần bao lâu ở bấy lâu. Tôi trọ tại khách sạn Britannia Beach.

— Cho tôi ba ngày. Sẽ liên lạc với anh.

Tôi đồng ý và ra về, lần lượt đi qua từng phòng tuyến một, có bọn thân binh lặng nhắng theo sau như thể tôi là nhà thuyết khách mang đến một lệnh đòi.

Tôi thầm nghĩ: Như vậy có bỏ công xoay hai trăm triệu đôla không?

Bahamas gồm có vài trăm hòn đảo lớn nhỏ. Nhóm đảo Bimini là nhóm gần bờ biển bang Florida của Hoa Kỳ nhất, cách tám chục kilômètres. Ponce Léon, người Tây Ban Nha, đã tìm ra Florida cho rằng con suối huyền thoại cái lão hoàn đồng chảy trên đảo này. Thực tế hơn, đây là thiên đường của người đánh cá vì có dòng nước ấm Gulf Stream chảy qua. Hemingway đã từng đến đây uống rượu, sáng tác “Ông Già Và Biển Cả”.

— Anh đã câu cá kiếm bao giờ chưa?

— Chưa hề câu một con sardine nào.

Tôi ngồi đằng lái chiếc du thuyền, trong chiếc ghế bành tựa như ghế thợ chữa răng, Robert Zarra ngồi bên cạnh cũng trong một chiếc ghế kiểu ấy. Họ đã trang bị cho chúng tôi cần câu hoặc một thứ tương tự, đại loại là đồ câu cá.

— May ra anh vớ được chú cá kiếm. Biết đâu? Hoặc một con nhồng, một con marlin trắng, con cá cò, con wahoo, con cá vua, con ngừ, thậm chí có khi con cá xanh khổng lồ.

— Thôi đừng kể hết bảng món ăn làm gì, tôi chỉ cần thực đơn kê món cá cơm là đủ. Và đặc biệt cần tóm được con Scotland tên là Donaldson và con Argentina tên Hovius.

— Việc riêng à?

— Đúng như ông vừa nói.

Zarra châm xì gà, đặt cần câu xuống ra vẻ buồn bực.

— Tôi xin trả lời: Thuận lợi. Chúng tôi chấp nhận đề nghị của anh. Với điều kiện anh chịu tăng gấp đôi vốn đầu tư.

— Tôi làm gì có đủ tiền.

— Đây là việc của anh.

— Kiếm đâu ra hai triệu đôla?

Hắn đưa tôi đôi găng:

— Đeo vào, như thế tốt hơn, ít nhất cũng bên tay trái.

Bàn công chuyện với hắn chẳng khác gì thuyết phục tấm thảm chùi chân trở thành máy tính điện tử. Tôi đeo găng, vừa đúng lúc có tiếng kêu thét. Chẳng cần quay lại tôi cũng thấy điều đang xảy ra: Hai chiếc thuyền cao tốc từ sau dãy đảo Cat Cay vọt ra lao vào chúng tôi với tốc độ không thể tưởng được. Mũi xuồng rẽ làn nước tím vọt cao trùm lấp thân xuồng chúng đến cách chúng tôi chỉ còn chín trăm mét. Trên chiếc du thuyền tôi đang ngồi, sự xuất hiện những chiếc xuồng cao tốc kia nếu không gây nên cơn hốt hoảng chí ít cũng khiến cho hoạt động bỗng sôi nổi hẳn lên. Không kịp kêu lên một cách ngốc nghếch “cái gì vậy?” hoặc một câu pha trò ngớ ngẩn nào, tôi đã bị nhấc khỏi chiếc ghế chữa răng, khiêng đi, nhét xuống ngăn tiếp khách toàn da vàng hung hung và gỗ dán. Cả Zarra cũng chịu chung số phận như tôi nhưng tỏ ra phớt tỉnh. Hắn vừa hút hơi xì gà đầu tiên ở ghế chữa răng trên boong bây giờ đang rít hơi thứ hai trên tràng kỉ dưới tàu. Những tiếng vang trầm đục nổi lên, như có thợ lặn mặc đồ lặn đang nhảy trên boong thẳng giữa đầu chúng tôi. Động cơ chiếc du thuyền chạy hết cỡ và theo tôi ước đoán thì chúng tôi đang chạy trốn với tốc độ sao băng.

— Thú vị nhỉ? - Zarra hỏi tôi.

— Đang tận hưởng đây. Chúng bắn vào ta thật sao?

— Sợ như thế. Champagne?

Một gã bồi da đen mở chai Dom Perignon.

— Bọn cớm Mỹ, - Zarra giải thích. - Hoặc bọn biên phòng, hoặc FBI hay CIA, bọn biệt kích Texas, lũ Thú Rừng hay bọn giáo phái Tái Giáng Sinh Ngày Thứ Bảy, gì gì nữa ai biết được. Hai lần đi là một lần bị. Càng tốt, ở đây rất nhiều trò tiêu khiển.

Hắn cạn li champagne.

— Ta bàn đến đâu rồi Cimbali? À, chúng tôi chấp nhận anh góp hai triệu. Một triệu trả trước. Tóm tắt lý thuyết của anh như sau: Công ty mà anh định hại có nhiều quyền lợi trong một nước Mỹ La Tinh. Nó gắn liền với nhà cầm quyền đương nhiệm ở đây nên lần lượt nhiều công ty địch thủ của Mỹ. Đó là sự kiện. Bây giờ nói đến giả thiết của anh: Anh cho rằng sớm muộn chính phủ này sẽ đổ, kể cả trong giới quan chức cũng như các giới khác có liên hệ với tôi. Đúng không?

— Đúng.

— Tốt. Anh muốn rằng nhân cuộc lật đổ này, nếu nó xảy ra, không những bọn anh định hại sẽ bị tống khứ khỏi Mỹ La Tinh mà còn bị thua lỗ nặng nề tối đa về tài chính. Đúng không?

— Đúng.

— Ý muốn của anh đại loại là: Các giới chức Mỹ ta vừa nói đến sẽ thực hiện một cuộc đình công của lái xe tải chẳng hạn, nhằm làm rối loạn nền kinh tế của nước đó, cuộc đình công này đặc biệt làm hại cho tập đoàn mà anh định đánh đổ, đúng không?

Im lặng trở lại trên mặt biển. Du thuyền chạy chậm lại, theo tốc độ trung bình.

— Đúng.

— Và để đạt mục tiêu ấy, anh sẵn sàng góp hai triệu đôla vào cuộc thập tự chinh tạm gọi là chống cộng này?

Chưa bao giờ bằng lúc này tôi cảm thấy dự định của mình là điên rồ đến thế. Nhưng tôi vẫn

nói:

— Nếu tôi kiếm ra một triệu đôla nữa...

Robert Zarra tủm tỉm:

— Anh sẽ kiếm ra, tôi tin chắc như vậy. Anh đang hợp tác với những người rất tôn trọng lời cam kết, đặc biệt những cam kết của bạn hàng của họ. Bây giờ, vì ta đã thỏa thuận rồi, xin nói lời cuối cùng, tất nhiên chúng tôi không đảm bảo sẽ khởi động đúng vào ngày nào.

— Tôi sẽ đợi đến lúc thích hợp.

Hắn nhìn tôi vẻ ngạc nhiên.

— Anh biết Santiago bên Chile?

Tôi lắc đầu:

— Không.

Bữa đặt chân đến Nassau, việc đầu tiên tôi quan tâm là tới ngay ngân hàng đã nhập quỹ số tiền một trăm triệu của ông Hak và bốn mươi triệu tiền lời trong vụ đầu cơ vàng. Thực hiện ý muốn của ông Hak tôi yêu cầu chuyển ngay một trăm triệu đó cho một ngân hàng Philippine. Việc đó đã làm xong. Còn lại bốn mươi hai triệu vẫn nằm đây, và trong lúc này tôi chưa biết nên làm gì với chúng.

Chỉ thị của ông Hak rất rõ ràng: Trong thời hạn ngắn nhất tôi phải chuyển số một trăm triệu tiền vốn ban đầu sang Philippine, chắc để ông ta tiện thu hồi và trả về đúng chỗ của chúng. Và điểm này tôi không biết gì thêm và có lẽ đến bây giờ một trăm triệu này vẫn nằm trong tài khoản Manila. Trong thời gian đầu ông Hak muốn tôi mang khoản mà ông ta gọi là tiền lãi sang một nước Mỹ La Tinh. Ông ta nhắm nước Argentina, nhưng tôi đòi gặp nhau ở Nassau. Thấy vậy ông ta bảo: “Ừ, thì đi Nassau. Anh vào khách sạn Britannia Beach, sẽ có người đến liên lạc”. Người đó là ai? Tôi ở Nassau một tuần nay rồi mà vẫn chưa thấy đến.

Chỉ thấy ngày lại ngày trôi qua chậm rì rì. Ngày 3 tháng mười tôi nhận được cú điện thoại nhưng là của Marc Lavater.

— Kì quá, Marc, mới bốn giờ sáng.

— Rất tiếc. Tôi cần hỏi tin tức.

— Tôi đã gặp hắn, chúng đồng ý!

Im lặng.

— Vậy là êm rồi đó, - mãi Lavater mới nói. - Thế bao giờ sẽ xảy ra?

— Chúng chưa biết lúc nào.

— Tôi sẽ đi New York gặp một người liên quan. Vũ đi Manhattan một chuyến được không?

— Có thể.

— Tôi sẽ ở Saint Régis từ mùng 8, trong ba ngày, cố đến gặp tôi.

Khốn nỗi tôi còn vương cái hẹn “có người đến liên lạc”. Nhưng chẳng lẽ cứ ngồi đây hàng tháng hàng năm chờ sứ giả của ông Hak có thể tới, mà cũng có thể không tới. Tôi nhớ lại xác chết bị ai đó ném cho cá mập ăn. Ngộ nhỡ mọi liên hệ giữa ông Hak, giữa những người thay ông ta nhận tiền lãi với tôi đã bị cắt đứt vĩnh viễn? Hơn nữa, đặt giả thiết là họ đã thối hết cả bọn rồi, họ bắt đầu nhằm vào tôi? Dòng mồ hôi lạnh bắt chợt chạy dọc sống lưng.

— Franz đâu?

— Tôi đang tính. Đồng ý, chiều mùng 10 tôi sẽ có mặt.

— Ta sẽ cùng ăn tối. Tôi đợi.

Bốn ngày nữa qua đi, huyết áp của tôi ngày càng tăng. Tôi sẵn sàng đi khỏi Nassau, dù “người ta” có tiếp xúc hay không. Tôi đã nghĩ đến việc chỉ dẫn lộ trình cho ngân hàng để họ có thể liên

lạc với tôi, nhưng làm như vậy đòi hỏi phải thiết lập mạng thông tin phức tạp giữa ngân hàng với khách sạn Britannia Beach là nơi hẹn gặp. Hơn nữa, làm thế sẽ gần như chấm dứt kiểu hoạt động giấu tay của tôi từ hai năm nay. Không biết nên xử sự ra sao!

Gã Thổ, Ute và đoàn vũ nữ Ấn Độ trần truồng đã rời Bahamas ở về London. Ngày mừng 8, gã gọi điện, nói là để hỏi thăm tôi. Tôi cam đoan là tôi rất sung sức, lời cam đoan quá nổi lạc quan; mọi thứ đều lộn nhào trong đầu tôi: Catherine dừng dừng khước từ tất cả các lời mời, nổi bần khoản bồn chồn vì phải chờ đợi cuộc gặp không thấy đến, sự cô đơn triệt để, sự bức tức với chính mình vì đã nhảy vào cuộc phiêu lưu rồ dại với Zarrra và chiến hữu Mafia và những tên nào nữa trong hội của hắn, chỉ có Chúa mới biết hết.

Ngày mừng 9 tôi giữ chỗ trên chuyến bay đi New York. Quyết định rồi: Phải đi. Tôi để lại chỉ dẫn cho ngân hàng đang giữ số tiền trên bốn mươi hai triệu đôla và cho khách sạn Britannia Beach. Họ sẽ nhận tất cả các cú điện thoại gọi cho tôi và ngày nào tôi cũng gọi cho họ vào lúc tám giờ tối dù lúc đó tôi đang ở phương nào. Giải pháp quái quỷ, nhưng biết làm cách nào hơn?

Hai cô gái Mỹ đang chờ lấy chồng thấy tôi cô đơn bèn mở cuộc vây hãm; tôi chống cự kịch liệt, và đêm mừng 9 trong lúc bộ ba ăn tối thì có người đến báo: Một bác sĩ điên đòi gặp tôi.

— Ai?

— Bác sĩ điên.

— Gọi máy trên phòng tôi.

Tôi đóng chặt cửa phòng. Sau những tiếng lách cách thông thường của tổng đài, lập tức có tiếng rú lạnh gáy trong ống nghe vừa đặt vào tai. Tiếp đó, tiếng kêu cứu, tiếng nổ liên thanh của súng máy, cuối cùng là tiếng rên của nạn nhân dẫy chết.

Và giọng nói trong tiếng cười khẩy:

— Bác sĩ Diên Manchu quái gở tên, đồng phạm kiêm anh em họ của hắn đây. Bạn Flantz táng kín vù thân êu có hỏe hôn?

Tôi nhắm nghiền mắt vì tức giận. Nếu tóm được chúng nó ở đây tôi sẽ bóp cổ chết ngay đứ đừ.

— Bọn khốn kiếp, sao không gọi sớm hơn?

— Chúng tôi ở San Francisco, bận tìm chỗ ở hết ngày. Hình như anh mang cho chúng tôi ít tiền xài?

Ngày 10 tôi gặp Lavater ở New York.

— Anh đến đi.

— Chỉ làm có mỗi việc ấy thôi.

Chúng tôi ngồi kín trong một quán rượu của Ý, có món bánh hỏi kinh người. Marc Lavater nói ra ý xin lỗi: “Mười lăm năm trước còn khủng khiếp hơn nhiều”. Đáng lẽ anh nên tới New York luôn.

— Những người anh đã gặp ra sao?

— Im lặng, mồm khô kín mít. Tối mật, tuyệt mật đấy. Chỉ có mấy tờ Tạp Chí Thời Báo, Bưu Điện Washington, và vài ba trăm nhà báo được biết, ngoài giám đốc CIA. Đủ biết tin này mật đến mức nào. Họ cho Allende sống nhiều nhất một năm nữa. Và sẽ lợi dụng cuộc đình công của lái xe tải. Ý định điên rồ của cậu đang thành hình.

— “Họ” là ai?

— Đọc báo thì biết: CIA, ITT, bọn Mafia, tất cả mọi người, một hội đông đúc. Không thể kể hết.

— Thôi đừng làm trò hề nữa, Marc.

— Mình không có ý định làm anh hề đâu, không muốn làm. Muốn nôn thì có, mà không phải

vì món bánh hỏi Ý này. Muốn nôn vì chuyện sắp xảy ra bên Chile làm mình buồn nôn, thế thôi. Này, hay ta đi chén nơi khác?

— Tôi đã cam kết với Zarra, không thể lùi bước. Không thể lùi bước trước bọn này.

— Việc gì phải rút lui? Dù có thể rút lui được! Không có lí do gì để lui. Anh lợi dụng một tình thế chứ không tự mình tạo ra nó. Không có anh nhúng vào, sự việc vẫn diễn biến đúng như thế. Thôi, chuẩn, tôi buồn nôn thật rồi. “Khách sạn Ý xinh xinh và rất ngon” do anh ta giới thiệu này cách Statler Hilton không xa. Chúng tôi đi xuyên qua đại sảnh của khách sạn ra quảng trường Madison nơi một cảnh sát cưỡi ngựa đang kiểm soát những khán giả đến xem trò gì đó không biết. Marc và tôi cuốc bộ về hướng quảng trường Times trên vỉa hè đang vắng người đầy đe dọa. Bỗng Marc thành linh hỏi tôi:

— Sao không cưới đi?

— Ai?

— Catherine Varles

— Tưởng anh không biết cô ấy.

— Tôi trông thấy hai anh chị rồi, ở Régine. Và quen mẹ cô ta nữa. Lúc này đường phố của Manhattan hoàn toàn vắng vẻ, trừ vài nhóm hippy và người da đen rải rác. Cảm giác không an toàn. Đáng lẽ nên đi taxi.

— Không cưới, đơn giản vì cô ta không ưng, Cô bảo: “Chưa cưới bây giờ. Sẽ cưới khi nào tôi hết chạy theo, theo cái mà tôi chạy theo”.

Đã tới quảng trường Times. Từ đây lại đi tiếp đến Saint Régine, tuy chẳng ai bàn với ai, tưởng như giữa hai chúng tôi có sự thách đố xem ai sẽ chùn bước trước tiên. Thật là một thành phố quái gở: Đi bộ ngoài đường sau tám giờ tối mà như dấn thân vào một cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm.

Hôm sau tôi bay đi San Francisco.

Tại phi trường San Francisco, một cảnh sát viên cao chừng hai mét rưỡi, đứng bên hai khúc dồi xám phình to góm chết trong chiếc áo thụng kiểu Mao, đội mũ đỏ màu tôm luộc, đuôi sam dài quét đất. Hai khúc dồi có thể nói là bơm căng khí helium vồ lấy đầu gối tôi hôn hít, quì lạy, hôn bàn chân bàn tay tôi, rít lên thề thề, với vẻ tôn sùng cuồng quít gần như điên loạn. Chúng có vẻ là những gián điệp của Bắc Kinh, đeo kính đen. Viên cảnh sát hai mét rưỡi giương mắt kinh ngạc nhìn tôi:

— Bạn anh đây?

— Tôi muốn dạy chúng nó. Chính tôi cho chúng ăn miếng đường đầu tiên. Lại đây, quì xuống.

Hai khúc dồi cùng tôi trèo lên chiếc Rolls Royce. Tôi hỏi:

— Cần phải làm trò xiếc này à?

— Li và Liu khốn khổ êu mền chào Flantz táng kín chúc mừng ngài tể San Francisco. - Li hoặc Liu đáp.

— Thiệt muốn xem cái mặt ngài ở Nassau, cái hôm gọi điện cho ngài. - Liu hoặc Li tiếp lời.

Chúng có căn nhà gỗ xinh đẹp trên đồi Telegraph xây cất từ sau vụ động đất hồi đầu thế kỉ. Hai bên là hai xưởng vẽ; tiếp đến xưởng một nhà điêu khắc chuyên tạc những ngón tay áp út bên tay trái. Thoạt tiên anh ta nặn một ngón áp út cỡ bình thường, theo mẫu ngón tay anh ta, bán cho một người ở Texas lấy một trăm đôla (bán ngón nặn chứ không phải ngón tay thật); tiếp đó bán một ngón lấy năm ngàn đôla, ngón này dài đến ba mét, và đang nặn một ngón dài chín mét được nhiều viện bảo tàng nghệ thuật tranh cướp, trả giá đến một trăm ngàn đôla. Phía trước căn nhà Li và Liu là nhà một nữ văn sĩ sống giữa một đàn chó; đối diện là ba diễn

viên và một đoàn balet đang ôn tập, khi chúng tôi đến nơi Li và Liu giới thiệu tôi với mọi người rồi dẫn tôi vào nhà. Nhà có ba lầu, đồ đạc rất sang; trên lầu ba có cửa kính đồ sộ nhìn ra vịnh San Francisco, từ Golden Gate đến vịnh Bridge, tầm nhìn có thể phóng đến tận Sausalito. Từ phía sau kia có thể nhìn thấy phố Tàu Chinatown.

— Tuyệt. Thuê hay tậu?

— Thuê trước tậu sau, mới được ba ngày nay, sau khi nhận được tiền.

Tôi ngắm kĩ Golden Gate, chỉ sau vài giây sương mù từ đâu kéo tới đã nhanh chóng bao phủ toàn bộ cấu trúc của nó. Quay lại phía sau: Li và Liu đã cởi bỏ chiếc áo hợp với chiếc Rolls, bỏ hết những gổì độn làm chúng béo phệ. Lúc này cả hai đứa đã trở lại thon thả, nhanh nhẹn và tũm tũm cười nhìn tôi.

— Mừng, rất mừng là được gặp lại hai chú hề. Cứ tưởng nghèo cả rồi.

— Chúng tôi cũng rất mừng.

— Sao không nói từ trước là số tiền này của hai cậu? Có đúng của hai cậu thật chứ?

— Thật. Của hai đứa.

Đây là một trong những lần hiếm hoi tôi thấy hai cậu tỏ ra nghiêm chỉnh. Họ giải thích cho tôi điều tôi đã ít nhiều đoán ra: Ông Hak là - hoặc trước đây đã là chú của hai cậu, và cả ba người đã thỏa thuận đi khỏi Hong Kong; Li và Liu thì chỉ đơn giản nghĩ rằng sẽ đi làm thứ điện ảnh khác chứ không làm phim máu me nữa và sẽ sang Mỹ làm. Khi báo cho ông Hak biết họ sắp ra đi, họ ngạc nhiên thấy ông Hak tuyên bố ông cũng sắp lên đường. Ông tỏ ra bí hiểm, dặn dò hai cháu có đến một ngàn lẻ một điều, khó hiểu, chỉ mang máng là có chuyện gì đó nghiêm trọng. Tất nhiên họ đã nghĩ có chuyện không bình thường nhưng không biết rõ. Chú Hak dặn: Đừng đi thẳng một mạch sang California, nên qua đường Châu Âu, ví dụ Paris hoặc London, để phòng có kẻ bám theo. “Chúng tôi không hiểu nổi, nhưng chú Hak không thích bàn cãi.” Họ tuân theo đúng lệnh, còn thấy thích thú vì phải vâng lời ông chú nữa kia, họ chơi trò gián điệp bị săn đuổi qua nửa vòng trái đất với nhiệt tình rất cao. Họ đổ bộ lên New York và nhận được lệnh không đi Los Angeles là đích cuối cùng của họ mà phải rẽ sang San Francisco. Chú Hak sẽ tới gặp ở đây. Nhưng không thấy chú đến.

Tôi kể chuyện về ngôi nhà bỏ hoang trên vùng Đất Mới, nhưng không dả động gì tới bữa tiệc của cá mập. Li và Liu không đến nổi khùng như vẻ bên ngoài. “Cả Ching cũng biến mất? - Không có dấu vết gì nữa - Thế là nguy rồi.” Theo lời họ yêu cầu, tôi kể đến đầu đuôi vụ buôn vàng.

— Khả năng chuyển đổi là cái gì?

Hai cậu tròn tròn mắt nhìn tôi, đối với người Tàu tròn tròn mắt không dễ. Vậy là chú Hak đã “vay” một trăm triệu đôla, dùng làm vốn đầu cơ, với ý định sẽ hoàn lại đủ sau khi làm ăn xong.

— Vậy thì chú có trộm cắp gì đâu, vì chú có ý hoàn lại, có khi đã hoàn đủ rồi cũng nên.

— Việc ông ta làm không hợp pháp, vả lại không biết ông đã trả lại tiền chưa.

— Thế anh, sao anh không thu hồi chỗ tiền ấy về, số một trăm triệu đang nằm bên Philippine?

— Tôi đã chuyển hết vào một khoản khác, không thuộc quyền tôi sử dụng. Mà cũng không muốn được quyền sử dụng chúng. Đồng tiền này cháy tay.

Hai cậu tán thành. Ngập ngừng hỏi:

— Theo anh, bây giờ chúng tôi đi Los Angeles được chứ?

Tôi làm sao biết? Tôi hoàn toàn không hay điều gì đã xảy ra với ông Hak, lí do đã khiến ai đó bắt Li và Liu đi Bắc California mà không được về Nam California.

Li và Liu nói:

— Phải ở lại đây ít lâu. Chúng tôi nghe nói có người đang nghĩ tới cuốn phim khoa học viễn tưởng lớn, về cuộc chiến trên các vì sao thì phải, người ấy đang ở trong vùng này. Có thể làm việc với anh ta được.

Hai cậu nắm trong tay bốn mươi hai lẻ vài triệu đôla, thừa sức sống an nhàn không cần làm việc, còn có thể tự mình làm ra phim nữa. Nhưng hình như họ chưa ý thức được khả năng ấy, cũng có khi vì họ cho rằng khoản tiền này của ông Hak chứ không phải của họ. Đó là chuyện của hai cậu. Chuyện của tôi lại khác. Khi Li và Liu gọi điện bảo họ chờ tôi và bốn mươi hai lẻ vài triệu đôla của họ ở San Francisco, tôi rất đỗi ngạc nhiên, còn họ thì ngạc nhiên vì thấy tôi ngạc nhiên. Tôi trả lời một cách chung chung, tuy không xa sự thật là mấy, rằng tôi yêu nhất San Francisco trong tất cả các thành phố Mỹ, trừ New York.

Nhưng lí do thật sự là vì Sydney Lamm, tên số sáu trong bản danh sách đang ở đây. Từ khuôn cửa kính trên lầu ba căn nhà hai cậu bạn, tôi phát hiện ra hắc nằm trong tầm súng của tôi. Theo nghĩa đen và nghĩa bóng.



Văn phòng của hắn ở California cách không xa Transamerica Building, nhà riêng rất đẹp có sân thượng nhìn khắp bốn phía, trông ra phố Lombard rất ngộ nghĩnh: Đường lát gạch ngoằn ngoèo như con hổ mang say lịm tụt xuống cái dốc bốn mươi độ.

Tôi đã gặp mặt hắn ta, nguy cơ bị hắn nhận mặt không đáng kể: Hồi ấy tôi mới lên tám, ngày hôm đó là 27 tháng tám, năm 1956. Hắn đến St. Tropez tìm bố tôi, đã gặp ông, chuyện trò rất lâu, đúng một ngày trước hôm ông qua đời. Cuộc viếng thăm này khắc sâu vào kí ức tôi một cảnh tượng đặc biệt chú ý. Trên kia tôi đã kể rằng La Capila, ngôi nhà của bố tôi tại St. Tropez, nơi tôi ra đời, nơi bố tôi ra đi, xây theo hình chữ U, mở ra bãi biển Pampelone. Phòng bố tôi ngồi làm việc ở nhánh chữ U khi ta quay nhìn ra biển. Ngày 27 tháng tám, tên Lamm ngồi trong vườn này với bố tôi vào buổi xế trưa, còn tôi đang ở ngoài vườn sau khi đi tắm ở bể bơi hay biển về. Tôi đi trước mẹ tôi chừng mười mét, bà vừa đi vừa chuyện trò với một bà bạn. Đúng lúc ấy, tiếng nói trong phòng bỗng vang to, bố tôi gào lên, điều xưa nay hầu như chưa bao giờ xảy ra. Tôi nhớ như in: “Đây không phải sơ suất! Đây là ăn cắp! Tôi sẽ hỏi thăm anh ngay khi có dịp thuận tiện.”

Hôm sau bố tôi qua đời, chưa kịp hỏi thăm Sydney Lamm. Tôi đã yêu cầu các điều tra viên do Lavater tuyển mộ tìm xem mười lăm năm trước đây, Lamm đã làm điều gì đó khiến bố tôi lên án hắn. Họ chẳng tìm được gì. Mọi dấu vết đã bị Lamm xoá sạch với sự đồng lõa của hai tên được ủy thác là Yahl và ông bác chó đốm. Chúng lại còn bao che cho Lamm, mua sự im lặng của hắn. Xét đến cùng, đó cũng là một cách đảm bảo hắn không bao giờ hé răng, không bao giờ đã động đến tên tuổi Andrea Cimbali.

Đã thế, tôi cũng sẽ đi đến cùng, không cần đắn đo. Tôi dám chắc tên Lamm đã phản bội bố tôi hai lần chứ không phải một vì nó đã có lần định đánh cắp của bố tôi ngay khi ông còn sống. Thế là đủ, những cái khác không đáng đếm xỉa đến, tôi đâu phải là quan tòa mà cần có bằng chứng.

Chẳng cần phải có trí tưởng tượng phong phú lắm mới nghĩ ra: Hắn chỉ là tên bịp bợm, một con bạc tháu cáy, dễ dàng chấp nhận những rủi ro điên rồ nhất. Hắn có thói ngây ngô đến cùng cực của con bạc khát nước, của bọn bất lương, luôn tin vào vận may nhất định sẽ đến, luôn bận rộn tìm cách chơi xỏ nạn nhân càng nhiều càng tốt nên không nghĩ rằng chính chúng cũng có thể trở thành nạn nhân.

Vậy nên tôi đã lập một mẹo để sau này sẽ thực hiện. Những dự định liên quan đến Hovius và Donaldson ngày càng phát triển lên, sự chậm trễ có thể xảy ra trong việc thực hiện chúng, sự có mặt của Li và Liu ở San Francisco, món gia tài hai cậu nắm giữ, tình bạn giữa chúng tôi, tính ưa thích cảnh tượng li kì của họ... tất cả những cái đó thúc đẩy tôi sửa lại chiến lược đặt ra lúc đầu. Tôi dự tính một cuộc hành quyết nhanh gọn, có thể nói là có tính chất toán học theo mô hình hành quyết Landau. Do có sự tham gia của hai gã mắt một mí ngây ngô, cuộc hành quyết sẽ diễn ra như một vở hài kịch.

Tôi mất sáu tuần để sắp đặt mọi cái đầu vào đấy.

Vào khoảng cuối thời hạn này, tức là vào đầu tháng chạp, chuông điện thoại reo vang trong các văn phòng lộng lẫy tôi thuê ở khu trung tâm Embarcadero. Li và Liu đã nặn cho tôi một cái mẽ hợp với văn phòng (do chính tay hai cậu trang trí choáng lộn đến phát ngợp): May đo vài

bộ đồ bằng thứ hàng rất bỗ công đi tìm kiếm, thắt chiếc cravate sặc sỡ như gào lên, đeo chiếc nhẫn nam kim cương to dùng bên ngón trỏ tay trái. Trông tôi giống như anh chàng bán thảm chuyển thành anh bán đồ may sẵn. Điện thoại reo, cô thư kí của tôi cầm máy và sau vài câu dông dài thường lệ, người gọi máy nói rõ lai lịch:

— Tên tôi chắc không có ý nghĩa gì đối với ông: Sydney Lamm.

— Vâng đúng thế. Rất tiếc.

— Thưa ông Joseph Benharoun... ông là người Pháp?

— Vâng.

Tôi cố gắng hết mức để nặn ra cái tôi cho là giọng người Pháp ở Algeria, thật nặng.

— Giọng ông không có chút gì của địa phương. Thưa ông Benharoun, theo tôi nghĩ chúng ta nên gặp nhau. Tôi kinh doanh ngành bất động sản nhưng không chuyên nghiệp, rất gián tiếp thôi.

Tôi đáp lời: Nếu chương trình làm việc còn có chỗ thu xếp tôi rất sung sướng được quen biết hẳn, điều đó có thể làm tôi vui phát điên, và khi được biết văn phòng của hẳn - Ôi, một sự trùng hợp kì diệu - ở cách văn phòng của tôi có mấy bước chân thì thực sự thấy khoái vô biên. Hẳn bảo: “Để tôi nhảy sang”. Hẳn nhảy sang, hai người đối mặt.

Tôi có thể nhận mặt hẳn mặc dầu mười lăm năm đã qua. Có thể. Bảnh trai, mảnh dẻ, lịch sự, trang phục hoàn hảo, cao hơn tôi mười lăm phân, không thiếu vẻ duyên dáng. Nhưng tôi biết hẳn chỉ là một con bạc khát nước, tôi có thể nhận ngay ra chân tướng hẳn ngay cả khi không biết rõ lai lịch hẳn, chỉ bằng một cái gì đó trong cặp mắt hẳn.

— Còn trẻ thế mà đã kinh doanh giỏi.

Tôi xúc động. Tôi vờ làm ra vẻ khiêm tốn nghiêm nghị, tự tin. Bắt đầu thao thao về những dự án sắp thực hiện, về quan niệm sống, đưa ra nhiều dẫn chứng về những mưu mô xảo quyệt, về sự tinh ranh quỷ quái, về sức làm việc phi thường của tôi; tôi ba lần gọi cô thư kí đến nhận mệnh lệnh vô ích... Tóm lại, tôi cố hết sức làm hẳn có ấn tượng tôi chỉ là một thằng ngốc ít tuổi mà huênh hoang, cù lằn và dễ khiến, chỉ có giá nhờ món gia tài ông bác để lại, ông ta giàu sụ trên lưng bọn “dê con” bên Algeria.

Hẳn ngồi nghe với thái độ kiên nhẫn khoan dung và hài lòng, pha lẫn một thoáng mỉa mai khi cặp mắt lướt qua chiếc nhẫn kim cương. Hẳn rất thành công khi giả bộ khen ngợi cái hẳn gọi là món rượu punch của tôi thiết. Và lại còn tỏ ra không thua kém, gào lên bài “Hoa Kỳ, đất nước của tự do kinh doanh” tuy mắt vẫn liếc ngang theo dõi xem tôi có thực sự xuẩn ngốc như vẻ bên ngoài không. Cuối cùng hẳn đề cập đến lí do gặp tôi.

— Bạn Joe thân mến, tôi gọi anh là Joe được chứ? Joe thân mến, tình cờ bữa kia tôi vừa đi một vòng trên con đường Tamalpais. Một nơi xưa nay tôi vẫn yêu thích.

Tôi nhìn hẳn, không động đậy, vẻ con nhà nghề. Cần biết rằng thành phố San Francisco xây dựng trên một bán đảo, đầu nhọn hơi chếch lên phương Bắc. Đối diện là một bán đảo khác, Marin Peninsula, hai mỏm của bán đảo cách nhau một kilometres rưỡi. Mũi Tamalpais nằm trên đảo Marin Peninsula phía sau Sausalito là khu dân cư đầu tiên ta gặp khi từ phía San Francisco vượt qua Golden Gate.

— Anh Joe, tôi coi Sausalito và cả vùng dưới chân núi Tamalpais là quê hương thời thơ ấu của tôi. Gắn bó vì những tình cảm thân thương. Hồi tôi còn bé, ông bố khốn khổ của tôi có ngôi nhà lớn dưới gốc cây séquoias, tôi ra đùa nghịch trên bãi cát trắng ở Stinson Beach. Cũng có khi tôi trèo lên sườn Tamalpais ngắm xuống Thái Bình Dương và dãy Nevada.

Tôi nghiêm trang gật đầu. Dĩ nhiên tôi nhớ kĩ tất cả mọi yếu tố của tập hồ sơ Lamm. Tên thật của hẳn là Sygmunt Lammerski, đẻ ở Chicago, sau khi ở trại cải tạo suốt thời trai trẻ ra, hẳn làm nghề bán máy hút bụi, phiếu bảo hiểm, bán sức trai cho các bà nạ dòng trước khi phát lên trong ngành bất động sản rồi gian lận, bị bố tôi bắt quả tang. Cơ sở dựng nên gia sản hiện tại

của hắn có lẽ là khoản hai trăm năm chục ngàn đôla do Martin Yahl trao cho mùa thu 1956. Nhưng tôi vẫn giả ngây giả ngộ.

Hắn nói tiếp:

— Vậy là hôm kia, nhân lúc tình cờ đi hành hương qua chốn quê cũ thời thơ ấu, tôi được vợ chồng Lopez vốn là bạn cũ cho biết chuyện cũ đã xảy ra.

Hắn vỗ trán.

— Tôi không tin ở tai mình! Không thể tin được! Tôi gọi cho Becknall luật sư của gia đình Elbert và buộc phải thừa nhận: Đây là sự thật.

— Cái gì là sự thật?

Lamm giơ cả hai tay lên trời:

— Lạy chúa! Tôi đòi mua mảnh đất này từ nhiều tháng nay. Nhiều tháng ư, không, từ nhiều năm nay. Bỗng nhiên anh nhảy bổ tới San Francisco nơi anh chẳng quen biết ai, và ngay từ lần mặc cả đầu tiên, họ đã bán ngay cho anh cái họ vẫn từ chối không bán cho tôi. Anh có thừa nhận chuyện đó là điên tiết không?

Tôi ra vẻ trang nghiêm, lạnh nhạt:

— Có lẽ vì tôi trả giá cao hơn.

Hắn nhìn tôi, đi đi lại lại, tỏ vẻ cố nén cơn giận đang trào sôi khó chế ngự, đóng kịch rất tài, tôi gần như tin là thật. Hắn lại ngồi xuống.

— Joe, anh bao nhiêu tuổi? Hăm hai, hăm ba? Xin đừng chấp điều tôi sắp nói đây. Bản thân tôi thật tình không phải là dân chuyên nghiệp làm cai đầu dài trong xây cất, đó chỉ là thứ tiêu khiển thôi, gia tài thừa kế của ông cụ bà cụ thừa sức cho tôi sống không cần làm việc. Nhưng xin được nói với anh thế này. Anh trả sáu trăm ngàn đôla để mua mảnh đất rộng năm lăm hécta. Một số tiền khá lớn, ngay đối với tôi.

Lần này tôi làm ra vẻ bị xúc phạm:

— Tôi có những phương tiện dồi dào.

Hắn mỉm cười khoan dung:

— Nào Joe, San Francisco là thành phố của tôi. Tình cờ người giám đốc ngân hàng nơi anh gửi tiền lại là bạn chí cốt của tôi, quả đất chật hẹp mà. Nên tôi biết số tiền sáu trăm ngàn đồng ấy là toàn bộ gia sản của anh. Ô, tôi thừa biết anh mua mảnh đất ấy để làm gì. Anh cho rằng: Nó chỉ cách San Francisco có hơn ba chục kilômètres, lại trông ra phong cảnh tuyệt vời của Thái Bình Dương, của dãy Nevada, của Santa Cruz và Vịnh Francisco, với những đại thụ séquoias cao tám chục mét, tóm lại, với tất cả các con chủ bài ấy, anh sẽ thực hiện được một áp phe hết sức ngon lành mà chỉ cần chia lô mảnh đất ấy ra, bán lại từng mảnh vụn.

— Dù sao, tôi đã mua được nó, không phải anh.

Với nụ cười mê hồn loại nhất:

— Đúng là đáng lẽ tôi phải theo dõi sát sao hơn. Làm ăn kiểu tài tử bất lợi thế đấy. Nhưng anh cũng đã gặp may, Becknall chỉ mới rao bán mảnh đất có mười hai giờ trước khi anh tới đây. Nhưng đó chưa phải là điều quan trọng đâu anh bạn! Có hai điều rất cơ bản mà anh không biết.

— Gia đình Elbert ban nãy anh nói tới là ai vậy? Tôi có giao dịch với họ đâu.

Hắn reo mừng thắng trận:

— Đấy, đấy, chính đấy là điều cơ bản thứ nhất tôi định nói với bạn. Bạn bị chúng bịp rồi, bạn Joe ạ! Bạn mua đất của một công ty vô danh đóng ở Bahamas, loại công ty ma mãnh không ai biết có những gì đằng sau lưng chúng, và chúng đã lừa được anh: Anh trả sáu trăm ngàn tậu mảnh đất chúng vừa mua của gia đình Elbert bốn trăm năm chục ngàn cách đây mới có ba tuần. Nói cách khác, chúng đã móc túi anh lấy mất một trăm năm chục ngàn đôla.

Tình thế buộc tôi trước hết phải ra vẻ choáng váng, sau đó thì hăn học. Tôi hăn học nói:

— Thì việc gì đến anh?

— Bình tĩnh, Joe. - Lam nói với vẻ hiền từ. - Nếu không tin anh thử hỏi Becknall xem, đó là người tử tế số một trên thế giới đấy. Tệ hại hơn nữa là điều cơ bản thứ hai này: Không thể xây cất gì trên khoảng đất ấy. Hoặc hầu như không thể. Tôi biết thế từ lâu rồi, xin đừng quên là tôi chơi ở đấy từ tấm bé. Cái công ty Bahamas... Tên người đứng bán là gì?

— Hai người: Koski và Sasplan.

— Không quen.

(Tôi nghĩ thầm: Có gì đáng ngạc nhiên! Trái lại, nếu hẳn quen, tôi mới thật sự kinh ngạc).

— Tôi không quen, nhưng chắc chắn đó là thằng đại bịp. Không thể chia lô bán đất vùng Tamalpais. Đất này chỉ săn thỏ rừng thì được, hoặc dành cho những người yêu cảnh thiên nhiên loại như...

Và em gái mày nữa! Tôi vẫn nhập vai đang đóng, lần lượt tỏ ra không tin, hoài nghi, lưỡng lự, lo lắng và cuối cùng, đau buồn.

— Tôi cũng ngao ngán thật tình, vô cùng ngao ngán, - Lamm nói với vẻ thành thật xứng đáng được tặng giải Oscar ở Hollywood.

Tôi diễn vai kẻ sắp chết đuối cố bám lấy cọng rơm.

— Anh vừa nói không thể xây cất, hoặc hầu như không thể xây cất được là ý thế nào?

Hắn gật gù, hết một ông bố độ lượng khi nghe thằng con thú nhận tội ngông cuồng.

— Anh thật đại dốt trong vụ này. Nếu anh chịu đọc thật kĩ bản hợp đồng mà hai tên đồn mạt nọ... tên là gì ấy nhỉ?

— Koski và Sasplan.

—... mà hai tên đồn mạt nọ đưa cho anh kí, anh sẽ thấy là theo di chúc của Dwight Elbert, chỉ được phép xây cất trên mảnh đất này sau ngày 31 tháng chạp 1975. Đó là một quy định hợp pháp. Anh mua, tất nhiên anh thừa nhận trên thực tế nghĩa vụ phải chấp hành. Anh có hiểu tại sao mảnh đất Elbert cho đến nay chưa bán? Ai dại gì đầu tư hàng trăm ngàn đôla vào mảnh đất sau nhiều năm mới được phép xây cất?

Im lặng. Tôi cố hết sức mình để tái mặt. Không dễ. Đã thế tôi lại đang buồn cười, đang muốn phá lên cười như điên.

— Vậy đó... vậy đó! - Lamm thở dài:

Hắn đứng dậy vỗ vai tôi:

— Cả hai chúng ta đều phạm sai lầm Joe ạ! Ngay khi biết chuyện tôi định báo cho anh. Nghề đầu nậu xây cất này cho thấy có những trường hợp đáng buồn, những kẻ vô liêm sỉ, nên tôi chỉ làm kiểu tài tử đứng đằng xa. Nhưng không phải ai cũng giống ai. Anh đã biết văn phòng của tôi. Đây là địa chỉ riêng. Hãy bỏ ra vài ngày làm dịu bớt nỗi thất vọng đang xâu xé lòng anh, rồi gọi cho tôi. Có thể từ nay đến lúc ấy tôi sẽ nghĩ ra cách giúp đỡ anh. Tôi quen biết rất nhiều ở đây, thành phố này là của tôi, thành phố thời thơ ấu. Nào, hứa đi! Điện cho tôi chứ? Trong ba ngày nữa. Tôi sẽ giúp anh có chỗ đứng dưới ánh mặt trời. Hoa Kỳ là như thế đấy anh bạn trẻ, vĩ đại và hào phóng...

Chúng tôi bắt tay nhau. Hắn ra đi. Tôi cho cô thư kí nghĩ: "Tôi muốn ngồi một mình", cố ghen lại, mặt tái xám, tôi báo cô bằng giọng ồm ồm ảo não.

Hai người vừa đi khỏi, tôi phá lên cười, mở chiếc cửa vẫn khoá chặt thông sang các phòng bên, mời Li và Liu và nhà điêu khắc Koski chuyên nặn ngón tay áp út và họa sĩ Sasplan và một số bạn nữa và cả đoàn balet vào phòng tôi.

Mở cuộc nhảy điệu Châu Phi tung trời.

Sydney Lamm là tên nói dối tồi tệ số một. Chẳng hạn, hắn đã thổi phồng lòng tử tế của Becknall. Tay này được Li và Liu giao ước cho quản lý bốn mươi hai lẻ vài triệu đôla kèm theo những khoản bổng ngoại hậu hĩ, đã vui lòng nhận kể cho Lamm nghe nhiều tin vịt kịch xù.

Lamm rõ ràng đã bịa ra những kỉ niệm về thời thơ ấu, vì gia tài bố mẹ hắn, về tính chất không chuyên nghiệp trong kinh doanh xây cất; thực ra hắn là dân nhà nghề, tuy hồi ấy chưa đến nỗi khó khăn lắm nhưng vẫn tham gia kinh doanh trên hai lĩnh vực khác, những hoạt động kinh doanh lành mạnh được tài trợ dồi dào. Hắn có khá nhiều tiền trong tay. Theo ước lượng của nhóm chuyên viên do Lavater thuê, hắn trị giá khoảng một triệu rưỡi đôla.

Hắn còn dối trá khi bảo tôi rằng mảnh đất ấy do một công ty Bahamas của gia đình Elbert với giá bốn trăm năm chục ngàn. Tôi biết rõ, vì công ty Bahamas chính là tôi. Công ty này - theo lệ, tôi không chính thức ra mặt - chỉ trả có hai trăm năm chục ngàn thôi. Và công ty bán lại cho thằng gốc Joseph Benharoun vẫn là tôi, với giá sáu trăm ngàn đôla, điểm này hắn nói đúng.

Từ đó, có thể đặt câu hỏi: Tại sao Lamm tìm cách giảm bớt số lãi do công ty Bahamas thu được, tại sao hắn nói có một trăm năm chục ngàn trong khi sự thật là ba trăm năm chục ngàn đôla? (Tuy đây chỉ là tiền lãi giả, vì tôi bán lại đất cho chính tôi).

Nói dối để làm gì? Để khỏi làm cái gã gốc gác Benharoun này đau khổ hơn? Hay vì Lamm đang muốn mua lại cho bản thân hắn? Ai cũng biết: Một anh chàng kinh doanh xây cất đã có những động cơ tình cảm mãnh liệt nhất trần đời cũng không thể bỏ ra sáu trăm ngàn để mua mảnh đất đáng giá không quá hai trăm ngàn đôla. Lamm cũng biết chứ. Hắn còn biết: Nếu hắn cố tình nhét điều đó vào mồm Benharoun thì ngay thằng gốc Benharoun này cũng không chịu nuốt. Nhưng nếu làm Benharoun tin rằng mảnh đất ấy đáng giá bốn hoặc năm trăm ngàn đôla, Benharoun sẽ không ngạc nhiên khi thấy con người tốt bụng Sidney Lamm với tấm lòng vàng, với số gia tài kha khá thừa kế của bố mẹ, với những kỉ niệm ấu thơ và ý thức bảo tồn sinh thái... nhận mua lại với giá năm trăm hoặc năm trăm năm chục ngàn đôla để góp phần giảm nhẹ sự thua lỗ của anh bạn Benharoun đáng thương.

Trong thực tế, mọi chuyện đều diễn biến theo đúng kế hoạch đã định.

Trước tiên cần tìm được đất. Tất cả các nhà kinh doanh bất động sản thoát đầu chỉ cho tôi tìm ở vùng thung lũng Napa, phía Bắc vịnh San Francisco. Vùng này chuyên trồng nho, không hợp với ý tôi. Sau đó họ hướng tôi (thực ra không phải tôi mà Koski và Sasplan, tôi chỉ là tài xế không tên tuổi của hai vị này) đi xem nhiều khoảnh đất ở mạn Nam. Vừa biết đến mảnh ở Tamalpais với điều khoản kì quặc trong chúc thư, tôi quyết định luôn. Sáng ý.

Tôi mua miếng đất qua trung gian của công ty Bahamas do họa sĩ và nhà điêu khắc đại diện (dĩ nhiên họ là những nhà bảo vệ sinh thái, nên thoát nhìn và càng nhìn càng thấy rõ họ phản đối mọi sự chia lô xây cất). Mua xong, tôi bán lại cho tôi với giá sáu trăm ngàn đôla, tôi trả ngay cho tôi bằng tiền mặt. Lấy trong số sáu trăm tám chục ngàn đôla ở tài khoản của Benharoun tại ngân hàng con con do một bạn của Lamm giữ ghế giám đốc - chi tiết này do các điều tra viên của Lavater cho biết - Sau khi rút sáu trăm ngàn đôla ra, hơn một chút vì phải trả lệ phí và tiền công cho ông Becknall, tôi than thở với giám đốc ngân hàng, thổ lộ những lo lắng và niềm hi vọng của tôi, với niềm tin sớm muộn những điều tâm sự này sẽ đến tai Lamm.

Thế là hắn gọi điện cho tôi. Kết thúc màn thứ nhất.

Màn thứ hai bắt đầu hơi sớm một chút vì có hai gã Tàu được coi là từ Sài Gòn tới San Francisco. Họ không giấu diếm: Sang Mỹ, tới California để kinh doanh về nhà đất và nhiều ngành khác. Họ cho biết: Được sự ủy quyền của nhiều đồng hương và đồng bào ở Việt Nam, ở Campuchia đang rất lo ngại trước sức tiến công của quân đội Bắc Việt. Họ đã gặp nhiều người

kinh doanh nhà đất ở Los Angeles, ở Nam California, nhưng giá cả làm họ mất vía. Có lẽ ở mạn Bắc rẻ hơn, họ nghĩ vậy. Tình cờ họ gặp một người, người này cũng do tình cờ nốt, mách họ đến tìm Lamm đang ấp ủ một dự định. Toàn là sự tình cờ cả thôi, nhưng tôi đã mất vào đây hai chục ngàn đôla lót tay, nhưng thôi, cho qua chuyện này.

Hai anh Tàu bảo Lamm:

— Chúng tôi tìm mua đất ở San Francisco vì đây là thành phố có sáu chục ngàn người Hoa, chỉ riêng ở Chinatown. Mua để vài năm nữa, chưa làm ngay được, sẽ xây dựng hẳn một thành phố Tàu xinh xinh, người Tàu ở chung với nhau cùng vợ con gia quyến, tất nhiên vẫn trong vòng luật pháp của Tổ Quốc thứ hai nhưng giữ vững được những truyền thống tập tục của chúng tôi. Dự án của chúng tôi là dự án dài hạn. Chúng tôi còn ở lại Việt Nam và Campuchia chừng nào còn ở lại đây được, Hi vọng còn nhiều năm nữa...

(Xin chú ý: Đây là một chiếc lò xo trong cái bẫy nhử tên Lamm: khoảnh đất Tamalpais không được phép xây cất trước tháng giêng 1976, còn phải đợi bốn năm!).

Lamm hỏi: “Khả năng của các anh?” Thực ra hẳn đã biết khá rõ, - cả Becknall lẫn tay kinh doanh nhà đất nọ là người theo lệnh tôi đã dắt mối cho hai cậu Tàu đến gặp hẳn, - đều cung cấp cho hẳn khá đầy đủ tin tức rồi. Câu trả lời của Li và Liu, à quên, xin lỗi, của hai anh Tàu từ Đông Dương sang: “Có thể mua hai triệu đôla đất đai, nếu có...”.

Lamm bí mật điều tra, cuộc điều tra làm hẳn tin tưởng hai anh Tàu thực sự có khả năng: Họ đã gửi vào nhiều ngân hàng San Francisco khoảng hai chục triệu đôla, và đã thực sự tung vốn vào một số nơi, ngoài ngôi nhà trên đồi Telegraph, họ còn mua một ngôi nhà ở Oakland và những nhà kho đồ sộ ở Berkeley (xin lưu ý: Mua thật sự, tuy không dính dấp đến bản thân tôi và kế hoạch đánh Lamm của tôi, mà vì Li và Liu trông cậy vào số vốn bốn mươi hai triệu của các cậu, lại muốn làm ăn lớn về điện ảnh nên đã tậu để an cư lạc nghiệp. Tôi chỉ tận dụng các sự kiện này thôi, không có vai trò gì trong đó).

Một tuần sau Lamm và Becknall cùng ăn tối. Lamm gọi chuyện về dự định của bọn Tàu đang tìm mua đất. Theo lời căn dặn trước, Becknall thốt lên:

— Thật ngu ngốc! Sao anh không bảo tôi hai tuần trước! Mấy anh bạn Sài Gòn này lại không vội xây cất mới tuyệt chứ! Tiếc thật!

— Sao mà tiếc?

— Vì anh chậm mất rồi. Tôi có mảnh đất rất thích hợp ở Tamalpais, nhưng có người vừa mua rồi.

— Ai vậy?

— Một cậu người Pháp khá thộn nhưng lại tự cho mình là nhà kinh doanh lớn, một gã Joseph Benharoun nào đó. Anh mà trông thấy chiếc nhẫn tức cười của hẳn thổ trên tay thì... Và những chiếc Cravate!”

Theo tính toán, Lam sẽ tìm cách tiếp xúc với chàng trai ngu ngốc tên là Joseph Benharoun
Kết thúc màn hai.

Màn ba khởi sự bằng cú điện thoại thứ hai ngày 14

— Ông Sidney Lamm? Joe Benharoun đây!

Im lặng. Tuồng như hẳn đã quên mất tên tôi, như thể tôi ở xa tâm trí hẳn hàng trăm dặm, tuy tôi biết chắc trong sáu ngày qua hẳn bồn chồn mong đợi tôi gọi tới vì Li và Liu thúc giục cho đi xem mảnh đất Tamalpais, hai cậu còn dọa nếu hẳn không thiết tha với họ, họ sẽ tới một công ty nhà đất khác hỏi mua sáu mươi hécta ở Vịnh Half Moon: “Không đắt đâu ông Lamm, chỉ suýt soát một triệu năm trăm ngàn đôla thôi”.

— A, anh Joe thân mến, khỏe không anh?

— Tôi cần gặp anh. Hôm nay? Hay mai?

Giọng tôi nghẹn ngào chưa từng có.

— Hôm nay không được sao? Thật vậy ư?

Đầu dây đăng kia, tên khốn kiếp trình diễn một cảnh phim tuyệt đẹp: “Sáng nay tôi không rảnh, hẹn hò chặt cứng, anh biết thế là thế nào rồi đấy. Ồ, tiếc quá bữa trưa cũng bận rồi, bữa tối phải dự với ông thị trưởng, khổ quá, cả ngày mai nữa, nhưng để xem nào, nếu gấp quá... Ồ, tôi sẽ gọi lại cho anh sau...”.

Hai mươi phút sau hắt gọi lại, giọng quyến rũ chảy nước: “May thật anh Joe, tôi gỡ được rồi, mời anh đi thưởng thức vài món hải sản với tôi ở Aliotto, vì Scoma nó đóng cửa buổi trưa...”.

Hai người gặp nhau trước phong cảnh hữu tình của Fisherman và Golden Gate vương vấn dải sương mù với tiền cảnh là đàn cua trên đĩa. Đáp lại thịnh tình của hắt, tôi cũng khoản đãi hắt bằng tiết mục tôi đã chuẩn bị sẵn: Vừa lên mặt nhà kinh doanh đầy tự tin, bỗng chốc lại có vẻ mặt một chú nhóc người Pháp chán chường với những tham vọng của chính mình, đáng thương hại. Trong lúc đang nói, một điều gì đó đã xảy ra trong tôi: Tôi chợt thấy chính tên này đột ngột hiện ra trong kí ức, thò bộ mặt trắng bệch ra ngoài văn phòng bố tôi ở St. Tropez, đi vòng quanh nhà dưới các rặng thông để lên xe. Sau khi ném một cái nhìn hung bạo lúc đi ngang qua tôi. Chính tên này đã giết bố tôi, hoặc đã tiếp tay giết bố tôi, rồi sau đó lại phản bội ông lần thứ hai. Trong năm sáu giây đồng hồ lòng căm thù làm tôi choáng váng, người tôi run lên, đến nỗi tên Lamm nhận thấy sự xúc động đó, nhưng may mắn là hắt đổ tại những nguyên nhân khác.

— Trong người khó chịu phải không Joe?

Tôi uống ngụm nước, thái dương đầm đìa mồ hôi.

— Chắc những ngày vừa qua rất căng thẳng đối với Joe?

Chúng ta bỏ qua các chi tiết. Hắt nói: “Thời gian gần đây tôi quá bận nên không có thì giờ nghiên ngẫm vấn đề của anh...” Vấn đề gì? Dĩ nhiên hắt biết rõ cảnh ngộ gay go của tôi: Sáu trăm ngàn đôla nằm chết trong mấy năm nữa. “Anh mắc kẹt rồi anh bạn nhỏ thân mến! Nói ra thật buồn, nhưng nó là như thế. Tuy vậy, vì những lí do anh đã biết...”

Tóm lại, vì những lí do tình cảm, và cũng vì món gia tài ông bố để lại cho phép hắt có thể gánh chịu đồng vốn nằm chết bốn năm không sinh lợi, hắt thuận mua lại giúp tôi mảnh đất Tamalpais.

— Năm trăm ngàn Joe. Tôi không trả hơn được. Tính tài tử và tình yêu thiên nhiên cũng có giới hạn.

Tôi làm mặt giận đứng phắt dậy ra về.

Hai giờ sau hắt lại gọi về văn phòng tôi ở Embarcadero. Sau đây bạn đọc sẽ biết vì sao hắt vội vã đến thế.

— Mẹ kiếp, anh làm sao vậy Joe?

Lần thứ hai trong ngày chúng tôi gặp lại nhau, lần này trong tiệm rượu phố California.

— Anh Joe này, tôi nghĩ kĩ rồi. Tôi định lập mẹo với anh nhưng không thành, anh ranh ma hơn tôi tưởng. Thôi, xin lỗi nhé. Thực ra, đó là vì tôi đã nghĩ đến chuyện bốn năm nữa bán lại cho ai đó là mình cũng kiếm được chút đỉnh, không nhiều lắm, nhưng cũng được tí tí. Nhưng thôi, mình làm chuyện này đâu phải vì đồng tiền. Hết giận chưa?

Hắt mỉm cười, nước da rám nắng, rất lịch thiệp, quyến rũ, đặc vẻ dân San Francisco trong phim.

— Sáu trăm mười ngàn đôla vậy. Giá anh đã mua.

Tôi đổi:

— Sáu trăm mười ngàn? Ít ra tôi cũng kiếm được vài đồng.

Hắn cau mày, trong khoảnh khắc ấy tôi đâm hoảng, nghĩ bụng có lẽ mình đã đi quá xa. Nhưng hắn bỗng cười phá lên:

— Đồng ý, cậu bé người Pháp quí quyết!

Ngay hôm đó, ngày thứ ba 15 chúng tôi kí hợp đồng, hắn trả tiền ngay: Năm trăm năm chục ngàn đôla lĩnh ở công ty Panama (do tôi dựng lên để dùng trong vụ này) và sáu chục ngàn tiền mặt. “Anh đòi tiền mặt làm gì?” Tôi lúng búng giải thích về ông chú bên Algeria, về công nợ... Hắn đã được ngân hàng chung của chúng tôi tiết lộ rằng tài khoản Benharoun đã gần cạn kiệt, nên hắn cho rằng tôi định mách mung gì đó và bị thất bại. Hắn càng vững tin tôi chẳng qua chỉ là một thằng ngu có nòi.

Xin nói riêng với bạn đọc: Tôi vừa bán cho hắn mảnh đất chưa được phép xây cất với giá sáu trăm mười ngàn đôla, sau khi đứng tên công ty Bahamas của tôi mua với giá có hai trăm năm chục ngàn. Kết quả đã khá đẹp, nhưng cuộc giao đấu mới chỉ bắt đầu.

Và để đánh dấu màn thứ ba này, tôi để hắn trả tiền rượu.

Màn thứ tư đã bắt đầu. Tính theo thứ tự thời gian, nó bắt đầu trước cả màn vừa rồi, theo một cách nào đó. Bữa ăn trưa ở tiệm Aliotto giữa tôi và Lamm diễn ra ngày thứ ba. Từ thứ tư trước, tức là một tuần trước đó, hai cậu Li và Liu núp dưới danh nghĩa Hoa Kiều từ Sài Gòn sang đã thúc Lamm cho đi xem đất ráo riết đến nỗi hắn đành nhượng bộ. Hắn đánh xe riêng chở họ đi, hai cậu thộn giả vờ nói thứ tiếng Anh giả cầy khủng khiếp, nói với nhau phần lớn bằng tiếng Tàu. Nói là đến xem đất, nhưng họ xem ra xem, đi ngang đi dọc trong mấy giờ liền, nháy cẳng lên vui vẻ như hai con chó Fox lùn. Tuyệt vời, đúng thứ chúng tôi đang cần, họ bảo Lamm như vậy khi lưỡi tên này còn đang thè dài ra vì phải chạy theo hai cậu. Rồi nói tiếp với vẻ ngây thơ không thể tưởng tượng được: “Xin tiết lộ để ông biết: Chúng tôi đã quyết định mua mảnh đất ở vịnh Half Moon, chiều nay là kí xong. Nhưng món hàng của ông hấp dẫn hơn. Đồng ý mua. Nhưng không mua với giá ông đưa ra. Hai triệu, quá đắt. Chỉ một triệu hai trăm ngàn thôi, không hơn”.

Tất cả bằng thứ tiếng Anh lủng củng, do hai cậu thộn thả sức pha chế theo kiểu cách hết sức độc đáo, chỉ có Chúa mới biết họ có bịa quá mức hay không.

Xin ghi nhận cái cách họ lái câu chuyện tới vấn đề giá cả sang nhượng. Trong thực tế Lamm chưa lần nào đặt giá. Còn hai cậu thì hết sức tránh hỏi về giá cả. Chỉ có một lần nói đến tiền, đó là Lamm hỏi về khả năng của khách hàng, Li và Liu trả lời: “Hai triệu đôla”. Đến hôm nay, sau khi xem đất, hai cậu giả bộ coi giá đó do Lam đặt ra từ trước. Trong lúc chuẩn bị kế hoạch, Li và Liu tỏ ý không thể có sự hiểu lầm như thế được nhưng tôi bảo: “Cứ thử xem, có mất gì đâu!”.

Sự thật thì khi nghe nói con số một triệu hai trăm ngàn, Lamm đứng trước ba hướng giải quyết. Hắn có thể cãi là chưa hề nói đến tiền nong, bây giờ bàn bạc tính toán với nhau xem - một nhà kinh doanh tử tế (chà, chà...) sẽ xử sự như vậy - hắn có thể nín thinh coi sự hiểu lầm kia là của trời cho, hắn có thể vật nài đòi thêm, vốn là một tên gan lì tướng quân và vô đạo đức, tuy làm đầu nậu trong ngành xây dựng, hắn chọn hướng thứ ba.

— Không thể dưới triệu rưỡi.

Sau này Li và Liu kể lại: Lúc đó hai cậu giả bộ bàn cãi với nhau bằng tiếng Tàu, kéo dài không dứt cốt để nuôi câu chuyện và nhất là để tránh khỏi phá lên cười như điên, họ đọc cho nhau nghe bài thơ từ thế kỉ XVI thuật lại những nỗi gian truân xé lòng của một nữ nhân vật bị bọn người rồng rắn đuổi. Mãi mới nói được:

— Ngã giá một triệu năm trăm chục ngàn. Nhưng với điều kiện ông chịu phi tổn làm đường và rào xung quanh đám đất.

— Đồng ý! - Lamm nghĩ mình nghe lầm và tự nhủ vận may kì diệu lâu nay vẫn tin tưởng và mong đợi cuối cùng đã đến.

— Chúng tôi muốn có bức tường xây quanh và bốn cửa ra vào. Phải ghi tất cả vào hợp đồng! Được thôi, không được phép xây cất trên đó, nhưng chẳng có điều khoản nào cấm đoán việc quây rào.

— Đồng ý! - Lamm nhận lời.

Sự ưng thuận trị giá chín mươi lăm ngàn đôla, Li và Liu đòi làm những chiếc cửa đồ sộ có rồng châu theo mẫu họ đã có sẵn - sự trùng hợp thật lạ - và hàng đàn rồng trên tường rào cao trăm mét, cứ mỗi trăm mét rào phải có một con rồng. Lúc ấy Lamm chưa hiểu ý nghĩa của chi tiết này. Hắn đang lo nghĩ đến chuyện khác: Hắn đang bán mảnh đất chưa do hắn làm chủ sở hữu, tuy đã hứa nhưng Benharoun, vẫn chưa gọi lại, và chuyện này diễn ra ngày thứ tư trong khi phải đến thứ ba tuần sau hắn mới mua được đất từ tay Benharoun. Nên hắn thấy lo lắng bồn chồn, và sẽ tỏ ra vội vã khi bàn tính chuyện sang nhượng với tôi. Hắn hỏi hai cậu Tàu:

— Các anh định bữa nào ký hợp đồng?

— Lắt nhắt, chúng tôi phải ti Sài Ghềnh lắt nhắt thăm ông pà êu quý.

Lamm tủm tỉm. Hắn đã quen với thói nhào lộn này rồi, đã chứng kiến nhiều cuộc như thế. Việc của hắn bây giờ là thật nhanh chóng tìm gặp tên ngu si dần độn Benharoun, mua lại mảnh đất kia với giá hời. Vả lại, chính tên ngu si dần độn này sắp gọi đến ngay đây.

Chẳng may cho hắn: Benharoun biến đi đâu mất trong sáu ngày liền và chỉ xuất hiện vào thứ ba tuần tới. Lúc này Lamm chưa biết điều đó. Hắn đưa hai cậu Tàu trở về San Francisco. Hai cậu thộn đòi hắn phải sớm khởi công làm đường xây tường. Lúc đầu Lamm khước từ: “Tôi không thể xuất khoản tiền như thế mà không có đảm bảo. Ngộ nhỡ các anh không mua nữa?”. Họ thỏa thuận Li và Liu trả trước một trăm năm chục ngàn đôla, Lamm trao bản cam kết bán đất rút gọn, chỉ ghi tọa độ mảnh đất thuộc sở hữu chủ Elbert tại Tamalpais. “Có điều là”, hai cậu Tàu nói ngọng nghịu khó hiểu, “chúng tôi phải lên đường ngay thứ hai tuần tới, ngày 14, nên nhất thiết phải hoàn tất giấy tờ trước ngày đó”. - “Thời hạn quá gấp!” Lam năn nỉ - “Người chủ mảnh đất vịnh Half Moon sẵn sàng kí ngay bây giờ”, các chàng Con Trời đáp lại. Lamm phải nhượng bộ, chắc mẩm sẽ giật được của tôi trước kì hạn đó. Nhưng hắn sẽ không làm được chuyện này vì như bạn đọc đã biết, tôi chỉ xuất hiện với cái tên Benharoun, vào ngày hôm sau. Tuy nhiên lúc này vì sợ hỏng ăn nên trong ngày thứ hai, 14, hắn đã kí bản cam kết bán đất, nhận một trăm bốn mươi lăm ngàn đôla và do đó phải thực hiện cái công trình rào chắn theo đòi hỏi bên mua. Và tất nhiên, vì không thể bán trong ngày 14 một thứ không thuộc quyền sở hữu, hắn viện cớ giờ kí kết quá muộn nên để ngày lẩn sang thứ ba, 15.

Dưới danh nghĩa công ty Panama tôi kí bán đất cho tên Lamm ngày thứ ba, 15. Ngày hôm sau 16 tôi tới Sacramento thủ phủ và nơi đóng các cơ quan chính quyền bang California với chiếc cặp đựng sáu chục ngàn tiền mặt của hắn đưa. Các sắp bạc vẫn còn nguyên băng bảo đảm mang dấu ngân hàng của hắn.

Trước khi rời San Francisco tôi đã hoàn tất mọi thủ tục giải thể công ty Panama, toàn bộ khoản có của công ty gồm năm trăm sáu mươi ngàn đôla tiền bán đất được chuyển vào một tài khoản đánh số ở Bahamas

Chiều thứ tư, 16, tôi gửi sáu chục ngàn tiền mặt vào tài khoản của người ở đây tôi gọi là gã Sacramento. Trên thực tế tôi không tự mình đi mở tài khoản, nhường vinh dự đó cho bạn Sasplan; nhân dịp này anh ta chung một đôi kính đen và một bộ ria giả. Trong lúc bốc lên anh ta còn định dán thêm một túm râu nhưng tôi phản đối: Vốn dĩ bộ mặt anh ta đã có vẻ tướng cướp rồi, thêm vào sợ người ta tưởng anh vào cướp ngân hàng.

Ngay từ tối thứ hai 14, Li và Liu đã rời San Francisco đi Tokyo có việc riêng. Chi tiết về ngày giờ lên đường của họ rất quan trọng. Trên máy bay hãng Pan Am, mọi người đều chú ý đến họ:

Phi hành đoàn chẳng mấy khi có dịp chở trên đôi cánh của mình những hành khách ngồi ghế hạng nhất, có hai người nhưng mua những mười hai chỗ chỉ để được thoải mái chơi cờ trên chiếc bàn cờ mỗi cạnh dài hai mét; bàn tháo rời ra được, quân cờ điều khiển từ xa.

Đến Tokyo hai cậu có ngay những cuộc gặp gỡ làm việc. Cũng là chi tiết rất quan trọng. Cộng vào với hành tung lạ mắt trên chiếc máy bay. Tất cả đều chứng minh không thể bàn cãi gì được rằng ngày thứ ba, 15, hai cậu không hề có mặt ở San Francisco nên không thể đặt bút kí vào bản cam kết bán đất, do đó bản cam kết này đã bị đề ngày lẩn sang hôm sau, vì vậy nó không hợp pháp.

Li và Liu sẽ ở xa San Francisco trong nhiều tuần lễ vì những công việc hoàn toàn riêng của họ. Tuy nhiên, qua tay những người được ủy quyền, họ vẫn không ngừng gây sức ép buộc tên Lamm phải thực hiện đầy đủ và nhanh chóng các công trình qui định trong bản cam kết đã kí.

Công trình sẽ hoàn tất ngày 21 tháng chạp.

Trong những ngày đầu tháng chạp ấy, tôi trọ ở đây, thuê phòng trong khách sạn Fairmont dưới tên thật hẩn hoi: Cimballi. Tại đây, trên những đỉnh cao uy nghiêm của Nob Hill, tôi gặp người tên là gã Sacramento. Cuộc đấu không dễ dàng, và nếu không dựa vào hoạt động có hiệu quả của các điều tra viên do đồng nghiệp của Marc Lavater cung cấp.

— Anh định dọa tôi chắc?

— Mới cách đây vài hôm anh vừa nhận sáu chục ngàn đôla. Số tiền vừa do Sydney Lamm rút ở ngân hàng của hẩn ra hôm trước.

Nhân vật cỡ bự này sừng sốt, chối, rất thành thực và chưa biết có tiền đổ vào tài khoản của mình. Tôi dí vào mũi hẩn tờ biên lai ghi nhận số tiền mặt và nhiều giấy tờ khác tuy không có mấy ý nghĩa nhưng ít ra cũng chứng minh hẩn có tài sản đánh sổ tại một ngân hàng Thụy Sĩ và một nửa ở ngân hàng Nassau. Dù không thuyết phục được cũng làm hẩn dịu giọng. Tôi nói:

— Chỉ yêu cầu anh nghe tôi.

— Anh muốn tôi phải làm gì?

— Trước tiên, xin nhận cho một trăm ngàn đôla của tôi đưa cho anh xài đỡ, tùy anh thích phương tiện chi trả nào cũng xong. Một. Hai là: Gửi trả lại Sydney Lamm số tiền gã cả gan gửi cho anh. Ba: Anh làm việc đó công khai, làm thật rùm beng náo loạn lên cho. Bốn: Cũng làm rùm beng như thế để thiên hạ biết rằng tên khốn kiếp kia định mua anh nhằm để anh can thiệp vào miếng đất Tamalpais, đòi quyền xây cất trên đó. Năm: Anh vận động thật mạnh mẽ, có hiệu quả và hết sức công khai đòi chính quyền tuyên bố: Vĩnh viễn không được xây cất trên miếng đất Elbert ở Tamalpais, biểu tượng thiêng liêng cho di sản quốc gia về sinh thái của Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ. Nhân tiện xin nói luôn, làm như thế anh sẽ tỏ ra là con người liêm khiết, trở thành vệ sĩ của thiên nhiên, người chiến sĩ đấu tranh quyết liệt chống tham nhũng và sẽ rất có lợi cho sự nghiệp chính trị của anh. Thêm vào đó, được nhận một trăm ngàn đôla trong bí mật hoàn toàn. “Dân chủ muôn năm”.

Tin này vừa được phơi bày trên trang nhất các tờ báo, tốp luật sư được Li và Liu giao trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của họ lập tức nhảy vào vũ hội: Phát đơn kiện Lamm tội lừa đảo bằng nhiều thủ đoạn: Không báo cho khách hàng biết việc cấm xây cất (tờ cam kết bán đất rút gọn không ghi điều này), nhất là đã bán từ thứ hai ngày 14 mảnh đất mãi đến 15 mới mua về tay mình, là một việc sai trái. Tình thế của Lamm trở nên hết sức bi đát khi người ta phát hiện, gã có tên là Benharoun bán mảnh đất cho hẩn với giá sáu trăm ngàn đôla theo lời hẩn khai thực ra không hề tồn tại: Các phiếu đăng kí nhập cảnh không hề có vết tích của gã. Càng nguy ngập hơn khi có một tay nhà báo có ác ý, kì thực anh ta nhận được cú điện thoại của một kẻ nặc danh -

đây là lần tham gia tốn ít tiền nhất của tôi - gợi ý rằng cả công ty Bahamas đã mua đất lần đầu lần công ty Panama đã đứng ra mua lại rồi bán cho Lamm với giá sáu trăm ngàn đôla đều là những công ty do Lamm dựng nên. Sao lại không? Cả hai công ty đều bị giải thể chẳng còn lại dấu vết. Tay phóng viên còn để thêm: Xét đến cùng, đó chẳng qua chỉ là thủ đoạn tên khốn kiếp Lamm thực hiện để trấn lột mấy chú Tàu khốn khổ, nạn nhân của cộng sản Việt Nam. Lamm đã tìm cách đẩy cho họ mảnh đất lấy một triệu rưỡi đôla, mới mua cách đây chưa đầy hai tháng mất có hai trăm năm chục ngàn!

Quân bip bọm! Gã Sacramento thấy ngày bầu cử đến gần - Lúc nào mà chẳng có ngày bầu cử sắp đến - bèn ra sức bắn phá kịch liệt. Gã hoạt động đến là giỏi. Tôi cũng không chịu kém, đến tận thực địa Tamalpais lâu nay chỉ mới ngó qua. Thiên nhiên ở đây đẹp thực sự, thật đáng cảm giận kẻ nào dám xây cất tại đây bất cứ cái gì làm hỏng mất vẻ đẹp đó. Tôi moi được một cụ già và một con chó chặn giữ ba bốn chú cừu. Tôi làm những việc cần thiết: Cả người và chó, và cừu đều lên truyền hình, “đấy, những sinh mạng mà cuộc sống bị họ đe dọa! đấy, những kẻ đang bị bọn Sydney Lamm tiến công!” Tôi bỏ tiền thuê phát sóng, và nặn ra nước mắt của nửa dân California.

Tất cả những cái đó khiến Sydney Lamm khốn đốn. Mặc dầu hai cậu Tàu tỏ ra độ lượng - không phải vì tình thương mà vì Li và Liu chưa hề đặt chân đến Sài Gòn bao giờ nên không muốn được thăm hỏi nhiều - nên đã rút đơn kiện với điều kiện tên Lamm chịu hoàn trả một trăm năm lẫn ngàn đôla cộng với khoản bồi thường cũng bằng chừng ấy nữa. Gã Sacramento cũng chấp nhận hòa giải, với hai trăm ngàn đôla cho vào quỹ trẻ em tật nguyền và các quỹ từ thiện khác. Lamm thoát nạn, chỉ phải chịu xử phạt về nguyên tắc. Nhưng cũng chết dở: Hắn mất trong vụ này độ một triệu một trăm ngàn đôla theo ước tính của tôi. Tôi kiếm được có hai trăm ngàn. Vì phải chịu quá nhiều phí tổn.

Dù sao Lamm vẫn còn mảnh đất Tamalpais. Hắn vẫn là chủ nhân. Và vẫn còn quyền lợi được đến ngắm nghĩa hàng trăm con rồng châu, một đàn rồng thật sự ghê tởm!

Phần việc còn lại do gã Sacramento ra tay. Gã cao giọng tuyên bố:

“Không được xây cất trên miếng đất này trong năm trăm năm nữa!” Giọng gã run lên trong cơn phẫn nộ tràn trề đạo đức, gã, “Người Liêm Khiết” không ai mua chuộc nổi!



Tôi đã thỏa thuận với Robert Zarra giữ liên lạc thường xuyên. Hắn đòi tôi phải có cách nào để khi cần hắn có thể gặp ngay được, tuy điều đó có thể sau nhiều tháng nữa mới xảy ra. Cuối cùng chúng tôi ấn định một số máy ở Las Vegas, thỉnh thoảng tôi sẽ gọi tới đây báo chỗ đang ở và thời gian ở đó.

Đã qua nhiều tuần, thậm chí nhiều tháng kể từ khi tôi gặp Zarra ở Nassau trong một buổi đi câu cá sôi động. Tưởng việc này đã bị chôn vùi, tôi đánh dấu chữ thập cạnh số tiền một triệu đôla đáng lẽ hắn phải trả cho tôi. Nhưng tôi đã làm khởi động một trình tự khắc nghiệt. Trong những ngày đầu tháng chạp ở khách sạn Fairmont trên đồi Nob Hill, bữa tôi vừa mới bàn cãi với gã Sacramento xong thì điện thoại reo, giọng người lạ:

— Người bạn câu cá với anh ở Bimini nhờ tôi gọi cho anh. Anh còn nhớ người đó không?

— Nhớ.

— Anh ta hỏi anh có tạt qua Las Vegas được không?

— Bao giờ?

— Càng sớm càng tốt. Chỉ mất độ vài tiếng thôi.

Tôi nghĩ rất nhanh. Đợi làm gì nữa?

— Mai.

— Sẽ giữ cho anh dãy phòng ở khách sạn Caesar.

Ít nhất họ cũng tỏ ra chu đáo. Tôi đến Las Vegas vào khoảng trưa, mọi việc xảy ra tuồng như họ mắc camera theo dõi tôi ngay cả trong buồng tắm: Tôi vừa bước ra khỏi gương sen khoác chiếc áo choàng lên vai đã thấy họ kéo đến. Ba người, nhưng chỉ một gã ra lời khoảng ba lăm tuổi, giọng giống La Tinh, ria tóc được tỉa tốt bảnh bao, vai rộng nhưng không cao hơn tôi mấy. Có thể tên gã là Capone hoặc Palermo, ở đây tôi gọi là Ximenez.

— Thừa ông Cimbali, công việc của chúng tôi là tổ chức và duy trì những cuộc bãi công tự phát và hợp pháp của người lao động. Hiện chúng tôi đang hoạt động và xúc tiến mạnh ở Nam Mỹ. Chúng tôi được biết ông rất quan tâm đến công việc của chúng tôi.

Gã có cặp mắt đen, tròn, khít nhau nhìn chăm chăm không động đậy trông rất lạ, gây ấn tượng mạnh. Nhắc lại lời gã như vừa rồi thật ra tôi làm thay đổi tính cách gã. Trong thực tế gã hóm hỉnh như cái cối xay rau. Nếu vô phúc tôi cắt ngang giữa chừng câu gã đang nói, gã liền nói lại từ đầu với thái độ nghiêm trang chết người. Rõ ràng gã được người ta sai đến báo cáo với tôi để làm tôi vững tin rằng một triệu đôla tôi đã đưa và triệu nữa tôi còn phải nộp không bị tiêu phí vô ích. Và giải thích cho tôi hiểu tại sao, như thế nào, trong những hoàn cảnh mà gã và bọn tay chân sẽ tập trung cố gắng nhằm phá các mối lợi của nhóm Hovius và Donaldson ở Chile. Gã nắm được bản danh sách tổng hợp tất cả các mối lợi đó, không bỏ sót một nhà máy, một chiếc xe tải, thậm chí một máy chữ nào của chúng. Nhân tiện cần nói rõ: Nhờ vậy tôi đánh giá rõ hơn mức độ thâm nhập vào Chile của Hovius, và tên cộng tác viên người Scotland. Bắt đầu từ một phát kiến của Hovius, một nhân vật lạ lùng người Áo Hung mang quốc tịch Argentina. Tuy hắn rất thân thiết với các chiến hữu trong nước và hầu hết các nhà độc tài Châu Mỹ La Tinh nhưng lại hãnh diện được là bạn thân của Castro và thời niên thiếu của Guevara, những điều mà Lavater báo cáo là cần phải xác minh. Hình như hắn tin chắc một ngày kia “Chủ nghĩa đế quốc Mỹ” sẽ lùi bước, bắt chước cách nói của Castro. Và làm mọi người tin như hắn rằng, ví dụ ở Chile, có đến ba phần tư các công ty vô danh thực ra là của một nhóm duy nhất gồm ngân hàng Rockefeller, ITT, ngân hàng Edwards, ngân hàng Nam Mỹ và ngân hàng chỉ có trên lý thuyết của Chile; và làm mọi người tin thêm rằng lợi nhuận do các công ty Bắc Mỹ như

Bethlehem Steel, Anaconda Copper thu được ở Chile nhiều gấp bốn lần tổng sản lượng quốc dân của nước này. Hovius tự coi là sứ giả thực hiện nền kinh tế thống nhất của toàn Châu Mỹ La Tinh do hắn làm trung tâm, nhằm phục vụ lợi ích của hắn, tất nhiên là làm thiệt hại bọn Bắc Mỹ, về lập trường chính trị hắn cũng khuynh chủ nghĩa xã hội như Robinson Crusoe, còn mục vụ người Chile lại thiên tả, điều thật tức cười khi biết rằng mục đang trị vì độ hai chục đầy tớ.

— Trong lúc này, - Ximenez nói, - chúng tôi có ý để họ yên, cốt cho họ tin tưởng. Rồi bất thành linh giáng đòn xuống, làm nổi bùng một cuộc bãi công làm họ tê liệt hoàn toàn. Và cuộc bãi công kéo dài, kéo dài...

Hovius dám chấp nhận rủi ro, lạ hơn nữa là đã kéo theo được Donaldson. Hắn cho rằng với việc Salvador Allende lên nắm chính quyền một kỉ nguyên mới sắp bắt đầu, đã có dấu hiệu một đợt triều dâng sẽ đưa hắn cập bến. Hắn cùng với Donaldson bỏ vào đất nước bị xâu xé này đến ba chục triệu đôla, theo ước tính của tôi và Lavater. Tuy không tán thành việc tôi nhờ đến tay Mafia; cùng với CIA là kẻ chủ mưu những cuộc bãi công ở Chile, nhưng Lavater nhất trí với tôi trong đánh giá tình hình: “Cả Hovius và Donaldson đều đã lún rất sâu. Tuy vậy chúng vẫn còn có khả năng rút được chân ra, dù bị thua thiệt rất nhiều tiền nhưng vẫn thoát ra khỏi trận lộn ẩu mà không bị đổ vỡ hết. Trò chơi nhằm giữ chân chúng một thời gian đầu bên Chile bằng cách nhử cho chúng lầm tưởng có thể đứng vững bên đó dù cho vật đối sao dời. Đến một lúc nào đó chúng sẽ nhúng sâu đến nỗi không thể bỏ cuộc được nữa. Lúc ấy chúng chỉ còn nước hoặc thắng hoặc chết, lâm vào cảnh bỏ thương vương tội, chúng sẽ buộc phải quẳng thêm vốn vào. Không có cách nào khác. Nhưng của cải không phải thứ bất tận trong tay chúng. Cùng lắm. Hovius có thể thuyết phục Yahl can thiệp, nhưng tôi không tin chắc điều đó có thể xảy ra. Vì Yahl thính nhạy hơn ai hết sẽ đánh hơi thấy ngay tình thế nguy ngập. Và sẽ không ngần ngại bỏ rơi những kẻ cộng tác với hắn. Hắn không phải con người đa cảm.

— Nay Franz, có lẽ sự can thiệp của anh trong vụ này chỉ có ý nghĩa tượng trưng. Nhưng biết đâu đấy! Có khi đó lại là cú kết liễu, là giọt nước làm tràn bình nước.

Ximenez chăm chú nhìn tôi, tôi bỗng nhận ra hắn đã ngừng nói được mấy giây rồi.

— Điều tôi đòi hỏi là các anh phải hành động như thế nào đó để chúng bị sa lầy đến tận cổ không có đường nào thoát. Phải giăng bẫy theo hướng đó.

Cặp mắt đen tròn chăm chăm đáng ngại dán vào tôi với vẻ sừng sốt lạnh băng:

— Thưa ông, đó chính là điều tôi vừa nói là sẽ làm bằng được.

Vài ngày nữa đến lễ Noel. Đột nhiên ý nghĩ phải ở lại một mình tại California, vắng Li và Liu làm tôi không chịu nổi. Việc xử tên Lamm đang tiến hành theo đúng dự tính, bấy đã gương sẵn và sắp sập rồi, tôi có thể rời đi nơi khác, vả lại cuộc gặp vừa rồi tại khách sạn Caesar ở Las Vegas vẫn đang đè nặng tâm trí, nó làm tôi mệt dừ như sắp ốm.

Ngày 20 tháng chạp tôi trở về Paris, viếng thăm trước tiên ngôi nhà trên đại lộ Ségur. Chỉ thấy ông “Bố Dượng Vợ Tương Lai” ở nhà một mình. Mẹ con cô Catherine không có mặt ở Paris. Ở đâu? Ông ta ngập ngừng không cho biết, chắc bị ghen lời vì thấy tôi đáng phục và đáng yêu quá đổi. “Catherine vừa mới tròn mười tám tuổi. Hãy để nó yên!” Nàng ở đâu? Tranh luận một lúc, dàn hoà với nhau, cuối cùng ông mới chịu hở ra là hai mẹ con sang Maroc tới Marrakech mừng lễ Giáng Sinh, chính ông cũng sang đó sau vài ba ngày nữa. Tôi nhảy lên chuyến bay đầu tiên, xuyên qua bầu trời cuối năm xám xịt lạnh lẽo không chịu lấy đi giùm tôi khối u sầu đè nặng trong lòng, tôi gặp lại Catherine và bà mẹ trong bộ áo tắm, cả hai đều xinh đẹp như nhau giữa khung cảnh tuyệt diệu vùng La Mamounia.

— Bố dượng em, ông xã bà, đã tha thiết vật nài tôi dự tối réveillon với bà và cô. Nhưng hình

như ông lại khẩn khoản vật nài tôi đừng tới. Ông đã lấy thân mình cản bước tôi vượt qua được trở ngại. Xin tiết lộ điều bí mật này: Tôi vô cùng sung sướng bội phần được gặp bà và cô. Thật may cho tôi quá, tình cờ sao lại qua Marrakech ngày hôm nay trên đường từ Bourg Bresse đi Sioux Falls.

Tôi có mang theo quà biếu. “Mẹ Vợ Tương Lai” được món đồ chơi bằng sứ, vùng Amsterdam, năm 1771; “Mẹ Vợ” thích chí vì bà chơi sưu tập đồ cổ, xác định đó là một Oude Loosdrecht hoặc một thứ đại loại như vậy. Bà mắng tôi: Thằng khùng, món quà này quá đẹp. Rồi ôm hôn tôi như thể là mẹ tôi, làm dây trong tôi một cảm giác không bình thường.

Mới ngày 21 tháng chạp “Bố Dượng Vợ Tương Lai” lại không có ở đây, trừ khi ông ta đã cải trang thành lạc đà binh để rình tôi, nên chúng tôi kéo nhau đi một vòng sang bên kia dãy Atlas, theo hướng chính nam về phía sa mạc, thăm Ouarzazate và Tineghir. Khách sạn ở Tineghir có hàng hiên rất rộng nhìn ra cảnh ốc đảo, cảnh hoàng hôn tuyệt vời. Tối hôm tới đây, bà mẹ thu xếp để hai người ở đây với nhau vài phút. Bà nói:

— Tôi có chuyện nói với anh, không gấp gì nhưng vì anh hiện ra rồi biến mất nhanh đến nỗi tôi không tin mình có kịp thì giờ nói trọn câu với anh, nên phải nói ngay, về việc Martin Yahl. Anh Franz này, tình cờ tôi quen biết Yahl từ lâu rồi. Tôi biết vì sao anh ghét lão, biết rõ hơn anh tưởng cơ, nhưng nó không phải là chính. Cái chính là điều này: Cách đây chưa lâu, vợ chồng tôi dự một bữa ăn tối có Yahl cùng ăn. Trong câu chuyện có nhắc đến tên anh hoặc gia đình anh. Tôi nhanh chân sút ngay một cú dưới gầm bàn, cú sút có thể giúp đội tuyển Pháp thắng đội tuyển xứ Wales trong giải Năm Quốc Gia. Ông nhà tôi trông thế nhưng đến nỗi quá ngu, ngồi im re, tuy ông cũng cảm thấy rõ như tôi: Lão Yahl căm anh lắm, căm như con bệnh tâm thần hoang tưởng ấy, cũng như anh tỏ ra căm ghét lão ta. Tôi không thích thế, tình hình này làm tôi sợ. Tôi muốn nói với anh hai điều; điều thứ nhất, anh phải cẩn thận, một người như Yahl là địch thủ đáng gờm đấy, điều thứ hai liên quan đến Catherine và anh. Tôi cũng mong muốn anh cưới Catherine làm vợ, nó không phản đối đâu, trái lại là khác. Nhưng hai mẹ con thống nhất với nhau: Chưa cưới bây giờ, chừng nào anh vẫn còn trong tình trạng này.

Tháng giêng tôi trở lại San Francisco. Vụ tên khốn kiếp Sidney Lamm, tên đàn độn vô liêm sỉ kết thúc trong mùa xuân này.

Thời gian trôi qua, tôi chẳng làm được việc gì ra hồn. Li và Liu khám phá được một đạo diễn trẻ họ coi là bậc thiên tài đang mơ làm bộ phim siêu vĩ đại, diễn tả cuộc chiến tranh trên các vì sao giữa những thế giới tưởng tượng trong tương lai huyền thoại với những cảnh trí quá sức tưởng tượng và những nhân vật làm khán giả ngủ gật. Dự án này làm hai cậu thộn mê mết.

— Các cậu đã có lần nói với mình về một trò giông giống thế này rồi thôi?

— Có, nhưng bây giờ sẽ thực hiện. Chúng tôi sẽ đầu tư.

Họ bỏ vốn khắp nơi, nhất là bên Nhật nơi họ tiếp xúc với một xí nghiệp điện ảnh đang dự định làm nhiều bộ phim hoạt hình cho các buổi phát sóng dành cho thiếu nhi của đài truyền hình. Đầu tư vào sản xuất robot ở đây và ở khắp nơi, vì đây là Li và Liu. Ngôi nhà ở đồi Telegraph, kho hàng ở Berkeley đầy tràn robot. “Anh Franz đến làm ăn với chúng tôi”. Tôi cân nhắc, cuối cùng từ chối, tôi không làm ăn được với robot.

Thời gian qua đi, tôi càng thấy căng thẳng, bồn chồn, gần như lo lắng. Đến Las Vegas thêm hai lần nữa, nghe báo cáo kết quả của việc bỏ vốn như nghe hãng quảng cáo báo cáo với khách hàng. Những kẻ thuyết trình với tôi luôn thay đổi lời lẽ nhưng cảm tưởng của tôi vẫn thế: Hiệu quả chỉ là con số không lạnh lẽo, chúng thích thú coi thường thằng cha tài tử là tôi; và càng ngày tôi càng thấy rõ hơn là mình đã lao đầu và cuộc phiêu lưu trong đó mình tỏ ra bất lực, nó

vượt quá khả năng của tôi, khác lạ với sở thích của tôi, vì cuối cùng khi kết thúc tôi sẽ trở thành nạn nhân theo cách này hoặc cách khác. Nhưng không thể lùi lại được nữa. Thật điên rồ!

Những kẻ tiếp chuyện tôi cam đoan mọi sự điều tốt đẹp, “trong khung cảnh nền kinh tế của nước này đang suy thoái”, nhóm đang “bị tôi hãm hại” thật sự phải bị động lao theo một chiến lược được đặt ra với tác dụng nhấn chìm ngày càng nhiều vốn liếng của chúng.

— Thừa ông Cimbali, số vốn đó dù lớn đến đâu cũng sẽ mất tiêu hết, đảm bảo như vậy. Chuyện này sẽ làm chúng mất rất nhiều tiền.

Họ nhấn mạnh: Sẽ thực hiện đầy đủ lời cam kết của Robert Zarra, người đại diện của họ. Ngụ ý: Này Cimbali, hãy thực hiện đúng lời cam kết của anh, chúng tôi không chịu để anh quịt đâu! Tôi không nghi ngờ điều đó.

Mùa xuân, Sidney Lamm vào tù, tôi rời San Francisco, đi Bahamas. Ở đấy cũng theo dõi được mọi diễn biến bên Chile không kém ở bất cứ đâu. Để giết thì giờ, tôi buôn bán qua quýt, làm quen dần với cơ chế thị trường chứng khoán, đổi mark lấy đôla, mua franc Thụy Sĩ bán đồng yên, mua florin bán đôla hoặc vàng, cứ thế quay vòng liên tục. Cũng hay hay, và có lãi, chẳng nhiều lắm nhưng cũng đủ trả tiền trọ và vé máy bay.

Robert Zarra đã đi khỏi Nassau. Vòng tay che chở của bọn Mafia không đủ chắc, hắn đã quá lộ mặt, cảnh sát Mỹ bắt đầu để ý. Hắn chỉ huy một đội quân riêng đông đến mấy trăm tên đến đóng bản doanh trong một dinh cơ rộng như một vương quốc nằm giữa một nước cộng hòa Trung Mỹ, ở đó thế lực tài chính và sức mạnh quân đội của hắn cân bằng với quyền lực vị nguyên thủ quốc gia là một người còn ít bản khoản về đạo đức hơn cả hắn. Chẳng bao lâu sau, cơ quan CIA vốn không hay thù vật đến liên lạc với hắn, nhắc cho hắn nhớ mình là người Mỹ nên có bốn phận giúp đỡ tổ quốc bằng cách dựng lên ở đất nước đến ngụ cư một tấm lá chắn chống cộng thật vững. Zarra yêu nước như quỷ sứ, nhận lời ngay, tận dụng triệt để ảnh hưởng của gã, đánh đổi lấy những chuyến công du bí mật về nước Mỹ.

Mọi chuyện đều tốt đẹp và sẽ kết thúc tốt đẹp trong câu chuyện thần tiên kì diệu này.

Tôi đi nhiều nơi, về cả London đến đặt những bông hồng lên nấm mộ trong nghĩa trang Brompton. Về Mombasa và được Joachim, Chandra đón tiếp nồng hậu làm tôi ấm lòng giữa lúc cô đơn này. Joachim đã nhượng lại dịch vụ cho thuê xe hơi do tôi để cho, “nhưng mình sống khá lắm”, anh ta nói, người đứng đưa từ cảng nọ sang cảng kia. Tôi còn được biết anh ta đã trở thành lễ sinh (tội nghiệp cho chúng ta) bên cạnh những gã Kikuyu to bằng hai quả chuối. Anh ta đưa tôi đi săn dạo trong ba ngày liền, nhưng cương quyết từ chối không nhận của tôi một xu nào. Tôi cũng đến thăm Chandra vẫn đang điều hành rất chặt chẽ theo kiểu Ấn Độ công việc đổi tiền chợ đen của anh ta, cũng tức là của tôi nữa. Anh làm những con tính theo thuật toán Einsteinien để xác định phần của tôi trong lợi nhuận.

— Đây là tiền của Ông Chủ Nhỏ.

— Thế Joachim? không còn xu nào dính túi, đúng không?

Chandra công nhận: Giá Joachim chịu để cho anh ta giúp một tay trong việc quản trị, nhưng tôi chẳng lạ gì Joachim phải không? Ngốc nghếch trong làm ăn cũng như trong cuộc sống.

— Chandra này, mình không cần chỗ tiền này. Đưa cho Joachim, nhưng đừng đưa cả một lần, chỉ đưa mỗi tháng ba trăm đôla chẳng hạn.

Tám ngày sau, tôi lại đến khách sạn Caesars ở Las Vegas gặp Ximenez mắt kèn kèn.

— Thừa ông Cimbali, tôi đến báo tin: Sắp kết thúc đến nơi. Chắc ông đã đọc tin, ở thủ đô đã

ban hành tình trạng khẩn cấp, đã có một cuộc nổi dậy của quân đội tuy chưa đáng kể, nguyên thủ quốc gia đòi được toàn quyền hành động nhưng không được chấp thuận. Mọi việc đang diễn ra rất đúng.

Có lẽ câu kết đã khiến tôi nổi giận, hoặc thái độ dương dương tự đắc của hắn, hoặc ý nghĩ mình chẳng còn gì đáng để mất nữa, dù thế nào đi nữa tôi cũng trả lời hắn:

— Tôi không thể trả tiền một việc chưa làm. Tôi công nhận bọn nó đã bị thua thiệt và đang tiếp tục thua thiệt nhiều tiền bạc ở Chile trong mấy tháng gần đây. Điều tôi nghi ngờ là phải chăng những tổn thất này là hậu quả cuộc tiến công trực diện mà tôi trả tiền? Thật ra chúng chỉ là nạn nhân của tình hình chung.

Ánh nhìn đen nháy xuyên qua tôi.

— Tôi chỉ trả tiền nếu đáng trả. Tôi muốn Hovius và Donaldson mất hết, đến chiếc sômi cuối cùng.

— Nếu có cách nào hiệu nghiệm.

Tôi bắt giác cười:

— Có. Có một cách.

Vừa trình bày vừa phát triển ý kiến:

— Hovius và Donaldson cùng phe lũ đã đầu tư nhiều chục triệu, có lẽ bốn mươi triệu đôla, chúng đã mất một số kha khá, có thể hơn một chút... Sẽ còn bãi công nữa. Thợ mỏ vẫn đang bãi công. Và một cuộc vận động lớn đang... Chúng còn sẽ mất thêm tiền nữa, tôi công nhận. Mất cho đến ngày chúng rút ra. Chúng sẽ nghèo đi nhưng chưa đến nỗi khánh kiệt. Mà tôi thì muốn chúng bị khánh kiệt. Tôi trả tiền cho sự khánh kiệt ấy, không thì thôi.

Hắn vẫn nhìn tôi, rất thản nhiên:

— Cách đó như thế nào?

— Hãy tiếp xúc với Hovius, anh, hoặc một đại diện của nhóm sắp làm đảo chính. Hề cho Hovius thấy khả năng “La Tinh hóa” nền kinh tế tương lai của Chile, đó là món hử ưa thích, là khả năng để tên hợp tác với hắn và nhất là hắn ta, người Argentina, có thể ở lại Chile sau khi thay đổi chế độ, và do đó mà có thể lấy lại nhiều hơn số tiền đã bỏ ra.

— Ông đổi cho cái gì?

— Mười triệu đôla trả cho nhóm đảo chính hoặc cho anh. Đó là chuyện của các anh.

Im lặng. Trong phòng có ba tên đương đầu với tôi, tôi thầm mong trên mặt mình không lộ ra một nét nào của nỗi sợ hãi kinh khiếp đang dày vò tôi.

— Chính quyền mới lên sẽ không giữ lời hứa, thế chứ gì, - Ximenez hỏi.

Tôi cố bình tĩnh chịu đựng cái nhìn của hắn không nao núng, và cũng không trả lời. Vả lại hắn cũng không đặt hắn một câu hỏi. Có thể nói, hắn suy nghĩ thành lời. Cuối cùng hắn nói:

— Tôi biết Hovius. Nó là một thằng dám liều mạng.

Lại im lặng kéo dài. Cặp mắt kèn kèn trùm lên người tôi và lần đầu tiên tôi không thấy trong đó có ánh khinh bỉ từ nãy vẫn le lói.

— Tôi nhận được lệnh phải hoàn toàn thỏa mãn ông, - cuối cùng Ximenez kết luận.

Tình hình diễn biến rất lạ. Ngày 25 tháng bảy nổ ra cuộc bãi công khổng lồ của lái xe tải và lái xe công cộng toàn lãnh thổ Chile, hai ngày sau sĩ quan tùy tùng của Salvador Allende bị giết hại, sau đó là một loạt sức ép, phá hoại, đe dọa kéo dài suốt nửa tháng bảy, cả tháng tám sang đầu tháng chín, Allende bị giết. Tôi không vui khi nhận được tin cái chết này. Dù bằng cách nào đó, tôi hoàn toàn không dính líu chút nào.

Tôi càng không vui trước cái chết của Hovius, trong chừng mực nó là hậu quả vô tình của các

hoạt động của tôi. Hắn chết mười ngày sau khi Tổng thống Allende bị giết hại, sau khi tất cả các nhà máy đồn điền của nhóm hắn bị tịch thu và giao về tay người khác, không có bồi thường. Hắn không chết ở Chile mà ở Argentina, lộn cổ từ lầu chín xuống đất. Có thể hắn tự sát. Một buổi sáng kia tôi còn nằm trên giường tại khách sạn Britannia Beach ở Nassau thì bị dựng dậy. Hai gã còn trẻ, sạch sẽ, có dáng những luật sư trẻ, quan trọng, thông minh và rất tự tin.

— Chúng tôi tới để thanh toán các khoản tiền ông đã hứa trả, qua một hợp đồng miệng.

Bản “hợp đồng miệng” không làm chúng tỏ ra bối rối chút nào. Tôi thừa nhận ngay:

— Số tiền là một triệu đôla.

Chúng cũng đã gật đầu như tôi, rất lịch sự:

— Thừa ông Cimbali, ông tính lầm rồi đấy, ông đã đòi khách hàng của chúng tôi cấp thêm nhiều dịch vụ phụ với tiền công là ba triệu đôla.

Tôi nhìn chúng rồi nói:

— Cho tôi một giờ.

Một giờ sau tôi trả xong hết. Rõ ràng chúng nắm rất vững khả năng của tôi, tính rất đúng số tiền tối đa tôi có thể xì ra. Mặc cả với chúng thì cũng như cãi với biển thoi, chỉ khác ở chỗ: Không bao giờ biển đẩy được anh rơi từ lầu chín xuống đất.

Hovius chết, Donaldson khánh kiệt hoặc gần như thế, theo tôi nắm được chứng cứ: Martin Yahl cũng bị lây một ít vì lão nắm hai mươi phần trăm cổ phiếu của nhóm này bằng những thủ đoạn che giấu thường lệ, tôi cũng khánh kiệt chỉ còn trong tay độ một phần mười số tiền đã có. Bản tổng kết là như vậy.

Bản tổng kết không có gì đáng tự hào.

Tháng mười này ở New York trời nắng ấm, ban ngày tôi tản bộ trong công viên Manhattan, “khu làm ăn”, như con chó lạc giữa đám đông chen chúc dưới vực sâu mà thành vực là mặt tiền của các ngân hàng siêu cường. Tôi mở một tài khoản ở La Chase, để có được niềm vui là khách của ngân hàng này dù chỉ là trên lý thuyết, Tôi buồn vắn vợ, lúc này ngày nào trong tuần cũng là ngày Thứ Sáu Đen của tôi, phố Wall hiện ra trước mắt đúng như trong thực tế: Một cái ngõ hẻm bắn phát khiếp. Sáng nào tôi cũng tự nhủ: Phải thử làm một cái gì, tận dụng đồng vốn cuối cùng để hoặc mở quán ăn hoặc khởi xưởng một tôn giáo mới để thu tiền đóng góp và quà biếu, lại được miễn thuế vì mình đã thành một đức Chúa Trời.

Bất cứ cái gì.

Tình trạng này kéo dài.

Bỗng nhiên. Có những ý tưởng ta cảm thấy trước, cảm thấy nó đang đến gần tựa như nhìn thấy người kỵ sĩ từ tận cùng thảo nguyên mênh mông đang tiến về phía ta... Nói nôm na mánh khoe, có những ý tưởng nó vãi rầm vào mặt ta.

Tôi thơ thẩn trong làng Greenwich, đi từ ghế này sang ngời ghế khác trên quảng trường Washington, ngắm xem các con sóc đen lạ mắt. Trước đó tôi đã đảo qua theo lệ hàng ngày đến Sở Hối Đoái New York và thấy rõ mình đang hoặc gần đang trở thành thằng ăn mày đến nơi.

Vũ khúc Cimbali chỉ còn là điệu valse chậm.

Hắn tên là David Sussman. Hắn tự giới thiệu là họa sĩ và thực tế cũng họa sĩ bằng tôi, chỉ hơn ở chỗ hắn phân biệt được các màu. Hai người chuyện vãn tào lao. Hắn mời tôi một vai bia trong quán rượu đường Hoa Kỳ, tôi trả tiền một vai cho hắn ở khu người Puerto Rico, hắn đáp

lễ lại ở dốc Macy và tôi hoàn lại hẳn ở phố 58.

Thế là sự việc mố nối vào nhau theo một cơ chế liên hệ kỳ cục khó lường trước. David hay Léonard cười bảo tôi: “If you’re looking for a job, nếu anh đang tìm việc làm thì đừng đại tìm đến tôi, tôi đang ở Vùng Đình Đốn.” Tôi hỏi Vùng Đình Đốn là cái gì, hỏi cho phải phép thôi chứ tôi cóc cần biết. Anh ta giải thích và thế là ý tưởng vụt hiện ra. Lúc ấy, thực sự ý đó đã đột ngột bùng nổ trong đầu tôi.

Chỉ ma quỷ mới biết trước được rằng nhờ ý đó mà tôi sẽ vớ được không dưới sáu mươi lăm triệu đôla, và sau bao năm chờ đợi được vinh dự mặt đối mặt - *mans a mans* - với đích thân Đấng Tối Cao Ngân hàng Martin Yahl.

PHẦN BỐN VÀNH ĐAI NẮNG





Léonard Sussman bảo tôi: Điều đó xảy ra chủ yếu ở Florida. Cả ở nhiều nơi khác nhưng chủ yếu ở bang Florida, ở đây cảnh tượng trông thật nổi bật. Nhất là bên sườn phía Đông bán đảo. Bắt đầu từ Bắc Palm Beach, càng đi về phía Nam ta càng nhìn rõ cảnh đình đốn, qui mô và tính chất nghiêm trọng của nó. Léonard bảo tôi: Anh hãy đi về phía Nam, qua sông Beach, tới Tây Palm Beach, qua tất cả các vịnh nối nhau thành chuỗi: Vịnh Boyton, Delray, Deerfiled và Pompano, đến Fort Lauderdale và Hollywood không phải điện ảnh mà một nơi khác, đến Miami. Cả một vùng đình đốn. Frank, với chữ D hoa như bệnh Vĩ Đại.

Đến New York tôi lại tới trọ ở Pierre, không phải vì thần tài đã trở lại với tôi mà để đoán trước dịp phát tài sắp đến. “Dĩ nhiên ông cứ phải dành dãy phòng này cho tôi mặc dầu tôi vắng mặt, có thể lâu cũng được”. Quan to. “Vâng, thưa ông Cimballi”.

Tôi oai vệ đi ra, cầm tay lái chiếc Porsche thuê trong tám ngày - không nên quá tay - và phóng theo hướng Nam.

Tôi ở lại Florida sáu ngày, trong sáu ngày đó tôi gặp hai mươi tám người kinh doanh nhà đất, môi giới nhà đất, một phóng viên chuyên mục của Miami, một luật gia và hai nhà kinh doanh tiền tệ. Khi trở về New York, cốp xe thật ra không rộng lắm, đầy ứ những tờ quảng cáo đủ loại in bốn màu. Ba mươi hai cuộc gặp gỡ dưới nắng dịu mùa đông Florida là ba mươi hai lần tôi tăng thêm lòng tin tưởng vào ý nghĩ bằng vàng của mình.

Đúng là một Vùng Đình Đốn, nhưng là Vùng Đình Đốn tuyệt vời!

Tôi phải bỏ ra cả một buổi sáng và một phần buổi chiều mới thành công, cuối cùng mới gặp được người tôi muốn gặp. Lão không biết điều đó, sẽ chẳng bao giờ biết, nhưng đó là cấp trên rất trên, tận trên cùng bậc thang của Léonard Sussman. Qua tấm vách kính phía bên phải căn phòng làm việc cao chót vót của lão ta có thể thấy một trong những bộ xương đang được đắp da thịt của hai ngọn tháp cao gần bốn trăm mét của Trung Tâm World Trade.^[6]

Bên trái, một vách kính khác nhìn ra ngọn tháp trên cao ốc của US Stell^[7] nhìn ra Battery và xa xa bức tượng Thần Tự Do. Người đối diện tôi tạm gọi là Henry Adam.

— Ông Cimballi, tôi tiếp ông vì thấy ông nằn nì dữ quá.

— Ông đã hứa cho tôi mười phút.

— Không thêm một giây.

— Thế là đủ.

Tôi nhắc lại lý lẽ của tôi như một gã bán dạo máy hút bụi, tôi đã nhắm kỹ đến thuộc lòng. Tôi đọc như đọc bài, hết sức nhanh, vừa đánh giá vừa hi vọng may ra lão này không phải là thằng ngốc.

— Điểm thứ nhất, ở Hoa Kỳ có cái được gọi là Vành Đai Năng, Sun Belt. Nó bao gồm tất cả vùng phía Nam, tức Florida, Tân Mexico, Arizona, California và có thể cả một mẫu bang Texas. Dân New York, New England, Detroit, Chicago, Oregon, Dakota, Nebraska, và Canada, tất cả những dân bị công tai tám tháng trong năm tất nhiên đều mong được về ở trong Vành Đai Năng, nhất là khi nghỉ hưu. Vậy, họ tìm tậu nhà đất. Hiện tượng này mới có vài năm nay ở Hoa Kỳ đây là hiện tượng hoàn toàn mới mẻ. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn nổ ra một cuộc chạy đua xây cất kinh khủng, chỗ nào cũng xây, hàng nghìn đầu nậu tranh nhau hoạt động, và

thu những món lợi nhuận huyền thoại. Một tình thế mà các nhà ngân hàng khắp thế giới không thể thần nhiên ngồi nhìn. Họ xông vào, tuy vốn đầu tư qua trung gian của RIT, tức Reals Investment Trust.

Lưu ý một điểm: Khác với các ngân hàng Châu Âu, các ngân hàng Mỹ không quen đầu tư vào ngành bất động sản; họ có khuynh hướng giao phó hết cho các đầu nậu; cấp vốn cho chúng đủ một trăm phần trăm, ứng trước mọi khoản: Mua đất xây cất, quảng cáo và các món lệ phí. Làm ăn dễ dàng như bất cứ ai mò đến đều trở thành cai đầu dài được. Thế là bi kịch bắt đầu, thưa ông Adam. Không, tôi không làm trò hề đâu. Ông cho tôi những mười phút, đã hết đâu! Xin nghe tiếp. Tấn bi kịch bắt đầu vì xây cất nhiều quá, hàng chục hàng trăm ngàn rồi lên tới hàng triệu căn hộ để bán hoặc cho thuê Vành Đại Năng, đến một thời điểm thì cung vượt quá cầu rất ghê. Đó là nạn “xây quá mức”, Over built. Thêm vào đó nền kinh tế bắt đầu suy thoái, ngay món khách hàng New York vốn có truyền thống rút về ẩn dật ở Florida cũng ngừng đầu tư. Tất nhiên các ngân hàng nắm giữ hợp đồng cầm nhà, nhưng chẳng làm gì được vì bọn đầu nậu không có khách thì lấy đâu ra tiền chuộc? Tình thế hiện nay là như thế, ông Adam. Lấy ví dụ một ngân hàng nào đó của Chicago hay New York tôi không nêu tên. Ngân hàng đã cho vay hàng trăm triệu đôla để xây cất nhà cửa có được dựng lên thật sự, đứng lù lù ra đây, rất lộng lẫy, ở Fort Lauderdale ou Pompano Beach, hay ở Corpus Christi bang Texas, hoặc Santa Monica, bang California. Nhưng đó là những ngôi nhà trống rỗng, không ai thềm, chỉ có vài người thuê nhưng không trả tiền nhà, mà vẫn không bị tổng đi vì có họ ở đó làm cho những chiếc nhà mồ này có đôi chút sinh khí. Đã thế, hàng tháng hàng năm, từ ba năm nay rồi, các ông chủ vẫn trả tiền thuế nhà đất, tiền bảo dưỡng, tiền canh gác. Và đến mỗi cuối năm tổng kết chi thu, lại trông thấy hàng trăm triệu đôla vốn liếng nằm chềnh ềnh ra đó, nó chọc tức các ông, nó nằm ngủ trong lúc các ông rất cần vốn, nó vắng mặt nhưng lại tạo nên một hình ảnh không mấy đẹp đẽ...

— Ông Cimbali, ông còn hai phút mười giây.

Henry Adam có mái tóc bạc trắng như tuyết phủ, mặt hồng hào, mắt rất gợi cảm. Tôi mỉm cười với lão. Tôi đã biết rằng chính con người này sắp làm tôi giàu to, tôi sẽ nhảy lên vì điều đó.

— Tôi nói xong rồi, chỉ còn thiếu hai điều. Điều thứ nhất: Tôi biết ông đã ném vào những ngôi nhà hiện đang ế ẩm của ông, nhất là ở Florida, số vốn bốn trăm triệu đôla. Thứ hai: Tôi biết cách đẩy hết các ngôi nhà đó đi, đẩy cho ai, làm cách nào đối chúng lấy những đồng tiền tươi rói.

Lão không nhúc nhích. Tôi cũng đợi. Xem ai mở miệng ra trước. Đó là lão ta, với giọng nhẹ nhàng:

— Xin cho biết chi tiết hơn, được không?

Tôi tặng lão nụ cười rạng rỡ nhất của tôi. Sao không được! Tôi giải thích cặn kẽ kế hoạch định thực hiện. Gần như toàn bộ kế hoạch. Lão ngả hẳn người trên ghế, không quay đầu nhìn, chỉ thò tay với máy điện thoại:

— Không cho ai gọi đến máy tôi.

Nói tiếp với tôi:

— Điều kiện thế nào?

— Ứng trước cho tôi một trăm năm chục ngàn đôla lệ phí và hai mươi phần trăm hoa hồng.

— Mười.

— Mười lăm.

— Xong!

Tôi chỉ hy vọng có mười hai. Chúng tôi bàn vào cụ thể và nhanh chóng thỏa thuận. Một trăm năm chục ngàn đôla có thắm gì với Adam, với ngân hàng của lão, vả lại lão có mất mát gì đâu!

Nếu không kiếm ra người mua nhà, tôi sẽ hốc xì.

Ngay tối đó tôi bay đi Bruxelles rồi từ đó đi Luxembourg.

Đi thật nhanh. Kế hoạch của tôi chỉ ra tiền ở chỗ tôi là người nghĩ ra đầu tiên. Và còn vì tôi làm ăn với các ngân hàng Mỹ, có đủ tài dạy khôn cho bất cứ ai trên bất cứ lãnh vực nào, nhưng trong công chuyện này lại có chỗ yếu. Họ sẽ nhanh chóng khắc phục chỗ yếu này, sẵn sàng loại tôi ra, nếu cần thì thẳng tay không thương xót (điều họ sẽ làm). Nên tôi cần đua tốc độ. Tôi tự cho mình thời hạn sáu tháng, hơn kém chút đỉnh thôi, trước khi bị các ông lớn trong các pháo đài khổng lồ toàn bê tông và sắt thép kia lườm nguýt và tổng cổ tôi đi với quỷ sứ.

Ý đồ của tôi rất đơn giản: Tôi tin rằng lúc này ở Hoa Kỳ không có khách hàng người Mỹ tìm mua những ngôi nhà Mỹ, vì những lí do cụ thể do tình thế tạo nên, chỉ có tính chất tạm thời, những lí do thật ra tôi cóc cần biết. Được thôi, ta tìm khách mua ở nơi khác, ở đâu cũng được. Trên khắp thế giới này. Đông Dương đang có chiến tranh. Cận Đông đang có chiến tranh, Châu Phi không được sung túc, Châu Mỹ La Tinh đang bị các nhà độc tài xâu xé, lại đang sợ rúm trước tấm gương cách mạng Cuba. Bên Châu Âu, không phải ai cũng có điều kiện chuyển tiền sang gửi ngân hàng Thụy Sĩ để đề phòng một “Tháng Năm, Năm 68”^[8], nếu lần này xảy ra chắc sẽ vượt qua các chiến lũy ý nhị và mỏng manh của nước này. Vì vậy tôi cho rằng, tôi tin rằng ở tất cả các vùng này của thế giới đều có những khách hàng tiềm tàng, những người nhất thiết sẽ dám đầu tư vào sứ sở tượng trưng cho chủ nghĩa tư bản là Hoa Kỳ, nơi lí tưởng để gửi gắm đồng tiền bỏ ống, nơi không thể một ngày hay xảy ra chuyện quốc hữu hóa ồ ạt.

Các nhà kinh doanh tiền tệ Hoa Kỳ vốn xài quen đồng vua đôla, rất khó tưởng tượng đến việc đi kiếm tiền ở đâu xa, ngoài đất Mỹ. Khi ngồi ở Montélimar mà thèm kẹo Ituga, chẳng ai nghĩ đến chuyện đi tận Kansas City để kiếm. Đây chính là chỗ yếu của những người Mỹ đối thoại với tôi.

Nếu lập luận rất sơ đẳng, rất cơ bản về sự chắc ăn của đồng tiền bỏ vào ống chưa đủ sức thuyết phục, tôi còn có nhiều chủ bài khác để đánh quí khách hàng. Chính hai tá người bạn bán nhà ở Florida đã chứng minh cho tôi điều này với số liệu trong tay: Giá một mét vuông ở Hoa Kỳ chỉ bằng nửa bên Châu Âu. Tính toán dễ ợt: Căn hộ rộng một trăm mét vuông trong một ngôi nhà loại sang, ví dụ ở khu Tây Palm Beach là một nơi rất đẹp, một căn hộ xây cất thật tuyệt vời giá sáu chục ngàn đôla. Tức vào khoảng hai ngàn rưỡi đến ba ngàn Franc một mét vuông. Một căn hộ như thế, hoàn toàn giống thế ở Cannes giá phải gấp đôi là ít, thậm chí gấp ba hoặc gấp bốn. Ví dụ khác? Với số tiền tậu một phòng vú em ở Geneva mang sang Delray Beach có thể tậu được căn phòng trông ra bãi biển rộng năm chục, sáu chục mét vuông kèm theo một bể bơi, bãi tắm, ánh nắng. Thế mà lại không tìm ra khách mua sao?

Trong mấy ngày ở lại Florida tôi cho chụp khá nhiều ảnh không phải loại ảnh tầm thường: Chính giữa là ngôi nhà định bán, chụp thật nổi bật mọi đường nét kiến trúc tinh tế, mọi hoa văn trang trí, mảnh vườn trồng toàn hoa nhiệt đới, bể bơi, bãi tắm gần kề. Không chỉ có thế - ảnh phỏ nhòm cẩu kính nghiêng rằng: Tôi còn đòi chộp được toán thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tình cờ đi ngang qua, cờ giông trống mở. Có nghĩa là nói với ai đó ngấm tẩm ảnh bốn màu minh họa lời tán tỉnh của tôi: “Thấy chưa? Vừa đẹp, vừa tràn trề ánh nắng, vừa rẻ hơn bên Âu, vừa đảm bảo chắc chắn đồng vốn được chuyển đổi thành thứ tiền không đòi nào mất giá quá nhanh quá nhiều, lại đầu tư vào trung tâm của cường quốc mạnh nhất thế giới, được cả quân đội Hoa Kỳ canh giữ món tiền để dành nhỏ bé của ngài!”

Tôi kiếm được một tay nhà in ở Bỉ. Đưa âm bản, bản thảo, phác họa market. “Năm ngàn bản để bắt đầu”.

Không những chỉ moi được sự thỏa thuận và một trăm năm chục ngàn đôla của Henry Adam, tôi còn muốn đi xa hơn. Lúc đầu Adam hất mái tóc bạc oai vệ kiên quyết từ chối:

— Đừng đòi nhiều quá.

— Thừa ông Adam, nếu tin tức tôi nắm được là chính xác, mà nhất định nó là chính xác, thì hiện nay ông phải cộng mười hai nghìn căn hộ, không đầy được, rải rác từ Florida đến California, tháng nào cũng phải trả đủ thứ tiền lệ phí. Giá mỗi căn trung bình sáu chục ngàn...

— Cao quá.

— Thì năm chục, chẳng sao. Nhân với mười hai ngàn thành sáu trăm triệu đôla năm chết dí. Và từ bao lâu rồi ông Adam? Gần ba năm tôi không nhầm. Vậy là ba năm nay, hoặc gần ba năm này ông bị kẹt mất sáu trăm triệu đôla, chỉ nằm trong tay những bản hợp đồng cầm nhà với lãi suất mười hai phần trăm. Nhưng ông có được nhận số lãi đó không? Không. Trong hầu hết các trường hợp, chẳng được một xu nhỏ.

— Ý anh thế nào?

— Tôi có thể tìm ra những người chịu trả sáu chục ngàn đôla mua một căn hộ cộng thêm tổn phí bảo dưỡng mà tôi sẽ thành thực báo cho họ biết. Nhưng chỉ có hy vọng tìm được những người như thế nếu tôi có thể hứa với họ một điều.

— Gì?

— Họ được hưởng lãi suất năm phần trăm số tiền mua nhà.

Chà, con tính này rất dễ: Một vị người Pháp cẩn thận muốn gửi tiền vào ngân hàng Thụy Sĩ cho chắc ăn phải nộp thuế lên tới ba lăm phần trăm số tiền gửi. Tôi, ở Hoa Kỳ, độ tin cậy độ bảo đảm của đồng đôla xấp xỉ đồng franc Thụy Sĩ, tôi biếu họ thêm năm phần trăm chứ không bớt của họ ba lăm phần trăm.

Adam nhăn nhó:

— Số lời này do ngân hàng của tôi trả?

— Dĩ nhiên, ông Adam. Còn ai nữa? Xin đừng nhìn tôi với vẻ mặt thế kia! Về phía tôi, tôi bán cho họ mỗi căn hộ bảy chục ngàn đôla và nói thẳng cho họ biết tại sao giá bán tăng thêm mười ngàn: Vì sau khi họ trả được, ví dụ sáu chục phần trăm tiền mua nhà, mỗi năm họ sẽ được nhận năm phần trăm tiền lãi, tức là được nhận ba ngàn năm trăm đôla trên số tiền bảy chục ngàn đôla. Ba ngàn năm trăm đôla do ông Adam trả. Mà ông sẽ rất vui lòng chi ra, vì ông thừa biết rằng: Ông trả có năm phần trăm tiền lời cho người mang tới cho ông số tiền những năm, sáu chục hoặc bảy chục ngàn đôla, chẳng qua cũng như ông vay số tiền ấy rồi lại cho một người nào đó ở ngay nước Mỹ này vay với lãi suất những mười hai phần trăm, có khi cao hơn. Bỏ ra năm phần trăm, thu về mười hai. Lãi bảy. Nhưng thôi, ông thạo chuyện này hơn tôi nhiều.

— Năm nay anh lên mấy?

— Còn hơn thế nữa, nếu ông biết tôi từ hồi còn trẻ!

Vị thánh đầu tiên, bốn vị đầu tiên do tôi tự kiếm ra. Một là người Bỉ đã từng cộng tác với tôi từ thời các đồ vật lạ mắt, chưa xa. Hồi đó anh ta có được khá tiền, nên nếu ông sẵn lòng biết ơn tôi ít nhất cũng sẵn lòng nghe theo lời tôi. Anh ta lại có bạn bè cũng quan tâm đến chuyện mua nhà. Thêm một viên công chức cũng quen anh ta, và có những thân chủ sẵn nghe lời khuyên của công chứng viên.

Thêm bạn bè của thân chủ công chứng viên đọc bản “luận chứng” của tôi thành vết dầu loang. Anh bạn Letta ở Roma vừa nghe tôi thuyết đã ngã ngay. Lập tức mở cuộc vận động và hứa với

tôi sẽ có hiệu quả tức thì.

Người làm tôi bất ngờ lại là Marc Lavater. Tôi đã tham khảo ý kiến anh ta vì tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện giấu giếm anh ta điều gì, và cũng vì anh ta có điều kiện hơn ai hết giới thiệu khách hàng cho tôi.

— Mình biết một người.

Tôi sững sờ mắt nhìn:

— Anh?

— Vụ này có ngon lành không? Có hay không?

— Ngon ăn.

— Vậy thì mua cho mình năm căn, được chứ? Với tất cả số tiền cậu cho mình suốt ba năm qua, không mua nhà thì để làm gì?

Dĩ nhiên trong vụ làm ăn này không lần nào tôi chính thức ra mặt. Công ty in bản “luận chứng” của tôi ở tận Luxembourg đại diện của họ bên này là một tay nhà báo đang cần mua chiếc xe hơi mới. Còn các chủ nhân của căn hộ đẹp mới tậu ở Florida thì cũng thường giấu mặt sau những công ty đóng trụ sở ở Bahamas chẳng hạn. Những công ty này giao dịch với họ qua trung gian một công ty do tôi mới thành lập ở Curacao.

Curacao nằm trong quần đảo Antille thuộc Hà Lan, ngoài khơi Venezuela ở bên tay phải khi ta từ Maracaibo đi ra, bạn không thể nhầm được. Bé tí tẹo, chẳng ra hình thù gì. Tôi đã có lần đến đây giải sầu, khi đang gặp buồn phiền ở Nassau. Đã trông thấy tấm bảng, phía sau là vương quốc bố tôi đã dựng nên theo lời khuyên của John Carradine tức Scarlett. Và chẳng cần băng qua đường cũng nhìn thấy cả tấm bảng che chở cho Martin Yahl theo kế hoạch của Scarlett, thực hiện vụ biển thủ huyền thoại. Scarlett đã chết, Martin Yahl vẫn còn kia.

Tôi thu xếp để đến ở ngay bên.

Đấng Tối Cao ngân hàng và tôi từ nay gần như chung bảng số nhà. Hàng xóm với nhau.

Tôi huy động vào việc toàn bộ mạng lưới trong áp phe đồ vật trước đây. Đưa gã Thổ vào cùng thuyền khiến gã rất khoái, cả Ute cũng thích. Gọi Hyatt từ Hong Kong sang. Thêm một dịp hiểu rõ tính cách của gã: Nếu bảo hắn: Hãy tham gia đi, nhất định gã sẽ từ chối phăng, nhưng tôi lại bảo: Đi kiếm khách đi, cho cậu năm phần trăm. Thế là gã hiểu ngay và nhận liền. Một tay sai bẩm sinh.

Cừ nhất hội là Letta bên Roma. Sau có vài ngày, tay lao động cật lực này gửi tới cả một đàn khách nghiêm chỉnh. Công việc tiến triển mau lẹ chính tôi cũng kinh ngạc, đến nỗi phải tạm thời gác lại kế hoạch lúc đầu: Nhét tất cả khách hàng lên chuyến máy thuê đưa sang Florida có bọn con gái mặc váy xòe vũ nữ balet ra đón ở cầu thang máy bay, tổ chức những cuộc thăm viếng dưới vườn cọ. Trong thời gian đầu, thấy chưa cần thiết, về sau tôi sẽ phải dùng tới cách này, trong những hoàn cảnh bạn đọc sẽ biết.

Trở về New York, gặp lại Adam. Tôi đang mệt muốn chết.

— Đã bán cho ông được bốn mươi sáu căn hộ. Không đáng kể so với mười hai nghìn căn đẩy đi, ông không cần nói tôi cũng hiểu. Nhưng cái có giá nhất là mạng lưới tôi vừa thiết lập xong, hiệu quả sẽ gia tăng trông thấy sau mỗi tuần. Tôi vượt Đại Tây Dương không phải để nhận huân chương. Ta nói chuyện con số. Tôi đã tính: Mỗi khách trong số bốn sáu người này mang tới bình quân bốn một ngàn đôla và chỗ lẻ. Tổng cộng một triệu tám trăm chín ba ngàn hai trăm hăm hai đôla. Tôi tính lấy mười lăm phần trăm hoa hồng được hai trăm tám ba ngàn chín trăm tám ba đôla ba mươi xu. Ông tính lại xem.

Adam nhìn tôi. Thỉnh thoảng ánh mắt gần như có vẻ con người. “Rất tiếc trưa nay tôi không

rảnh, ông Cimbali, Nhưng một cộng tác viên của tôi sẽ sung sướng được mời ông dự bữa ăn trưa”. Tôi trả lời không, cảm ơn, tôi mệt, trông thì biết. “Xin phép được đưa ông về chỗ nghỉ vậy. Khách sạn Pierre?”.

Ở đây tôi đã tiếp bạn với một tiếp viên sinh cùng ngày với nhau. Nhìn vẻ mặt biết ngay anh ta có chuyện cần nói với tôi. Tôi kéo riêng ra một nơi.

— Họ đến đây hỏi ông. Bọn thám tử, khá mạnh, họ tới chỗ giám đốc, không hỏi bọn tôi.

Tôi cảm ơn theo phép lịch sự. Tôi kiệt sức rồi, tin vừa được nghe không vào cho. Tôi bỏ ra mười tiếng nằm ngủ, sau đó đi tắm, tắm xong đêm đã khuya, nhưng tôi đã lại người. Tôi nằm dài trước màn ảnh nhỏ đang phát hình trận đấu bóng bầu dục Mỹ. “Bọn thám tử tư”. Mắt nhìn các cầu thủ bọc kín cao su và nhựa nhưng đầu óc để chỗ khác. Cuối cùng tôi quay số điện thoại:

— Chị Françoise? Cho tôi gặp Marc? Ôm hôn chị.

Hai vợ chồng họ đang ở ngôi nhà Chagny làm gì đó, chắc làm vườn, tôi chẳng hay biết lúc này là đêm hay ngày, đang là mùa nào nữa.

— Marc, anh đã để mắt đến chưa?

— Rồi, Yahl đã thuê công ty thám tử lớn nhất Hoa Kỳ, bám anh hết ngày g ngày khác, gần hai mươi bốn tiếng liên tục. Chúng đã nắm được chuyện bên Florida, công ty Luxembourg và Curacao. Vụ Landau và cả vụ Lamm.

— Về tên Argentina và tên Scotland?

— Yahl biết. Không thật chi tiết, không đích xác mức độ anh nhúng tay nhưng lão biết anh kiếm được bao nhiêu với gã đi chân sắt, và mất bao nhiêu ở Nassau. Theo tôi, lão ước tính được tài sản của anh với sai số trong khoảng một ngàn đôla.

— Anh làm thế nào mà biết lão nắm được như thế?

Anh ta cười:

— Làm bật tung các cửa sau.

Không chịu nói rõ hơn; có thể vì phải qua điện thoại nhưng không phải chỉ vì thế. Tên súc sinh này giấu tôi điều gì đó, nhưng vì tôi tuyệt đối tin cậy anh ta nên bức màn bí mật bao phủ nguồn tin của anh ta tuy có làm tôi bức mình nhưng không hề lo ngại. Rồi đây chẳng nào tôi cũng sẽ biết.

Vấn đề còn lại, Đấng Tối Cao ngân hàng sẽ hành động ra sao? Vậy, có thể lão ước đoán đúng số tiền tôi có, chênh lệch độ một ngàn đôla? Được, thì đã sao? Tuy nhiều năm nay không trông thấy lão nhưng tôi dễ dàng hình dung lão mỗi ngày hỏi tin tức về tình hình tài sản của Cimbali Franz hiện ngụ tại khách sạn Pierre ở New York có trong tay độ ba trăm năm chục ngàn đôla. Theo cách vẫn thường làm để nắm giá cả thị trường chứng khoán. Rõ ràng Yahl khiếp sợ tôi theo tỉ lệ số tiền tôi có. Lão không nhầm. Và dĩ nhiên, với ba trăm năm chục ngàn đôla tôi chưa đủ sức khiến lão lo sợ. Vả chẳng nghĩ cho sâu, thì hồi trước, dù lão có biết sau chuyến buôn vàng tôi có đến mười lăm lần nhiều hơn, lão cũng chẳng thêm đếm xỉa.

Tôi cần đạt mức giàu có đến chừng nào mới khiến được lão bắt đầu thấy sợ? Một trăm triệu? Hai trăm triệu đôla? Và cứ giả thuyết tôi sẽ vươn lên tới đỉnh cao ấy, tôi sẽ làm được gì chống lại lão ta? Về mặt tài chính, quá lắm tôi chỉ mới ngang tầm lão. Tôi chưa hề có chút ý niệm nào về phương sách tiến công vào pháo đài của lão.

Tôi nhìn các cầu thủ bóng bầu dục đeo những con số to tướng, đôi vai khổng lồ. Một trăm triệu đôla. Tôi vừa kiếm được hai trăm tám ba ngàn và biết rõ rằng nếu gặp may, giữ vững nhịp điệu này, có lẽ tôi phải mất hai đến ba năm mới đạt được mức đã đạt với sự giúp đỡ của ông Hak. Với giả thiết: Các vị chủ nhân hàng loại Adam để im cho tôi hành động, điều chẳng lấy gì làm chắc chắn.

Bỗng nhiên như có luồng điện giật. Tôi tung người lên. Tôi nhảy múa một mình trong phòng như thằng điên. Tôi mở tủ lạnh bật nút một chai champagne.

Đồ ngu! Ngu ơì là ngu, Cimbali, thằng khốn khổ!
Có thể mà không nghĩ ra!



Tiếng Anh gọi cái đó là Leverage, đòn bẩy. Nó là một nguyên tắc rất Mỹ - không riêng ở Mỹ mới có nhưng không ở đâu vận dụng nó tài tình như ở Mỹ - theo nguyên tắc này muốn mua một món đồ đã được đem cầm cố; người mua không nhất thiết phải trả toàn bộ số tiền cầm món đồ.

Nguyên tắc đòn bẩy là khả năng rất thực tế như bạn đọc sẽ thấy - bạn chỉ trả hai ngàn đôla để mua một mảnh đất trị giá một trăm ngàn đôla trên hợp đồng cầm cố. Và tất nhiên bạn có quyền đem bán nó và dùng số tiền bán nó mà trả nốt tiền mua - trả nốt chín mươi tám ngàn còn thiếu vì trước đó mới trả có hai ngàn đôla. Hai ngàn đôla đó là đòn bẩy. Đơn giản thế thôi, nhưng “Hãy cho tôi một đòn bẩy tôi sẽ nâng cả quả đất này..v.v..”

Nếu gặp thuận lợi, bạn bán mảnh đất mua một trăm ngàn đôla này (theo hợp đồng cầm cố) được những hai trăm đôla (bạn mới trả có hai phần trăm, tức là hai ngàn đôla), bạn sẽ thu lãi không phải chỉ một trăm phần trăm, mà những năm nghìn phần trăm: Bỏ hai nghìn, thu lãi một trăm nghìn. Đó là cơ chế thứ nhất mà tôi sẽ vận dụng.

Còn có cái thứ hai nữa.

Trong hội đồng quản trị các ngân hàng đang bị vướng cẳng trong Vùng Đình Đốn, và trong các công ty bảo hiểm đã đầu tư vào đấy trong những hoàn cảnh tương tự, tâm trạng tuyệt vọng đã tới mức khiến họ sẵn sàng chấp nhận mọi điều miễn sao nhanh chóng giải quyết được mấy chục ngàn hợp đồng cầm cố ứ đọng kia. Từng ấy tiền vốn bị chôn làm các chủ ngân hàng mất ăn mất ngủ, các nhà kinh doanh tín dụng kị nhất đồng tiền nằm im không sinh lợi. Thứ đó làm họ mọc nhọt. Đến nỗi nhiều ngân hàng, nhiều công ty bảo hiểm quyết định bán đồ bán tháo các thứ họ nhận cầm. Lấy nửa tiền thôi.

Điều kì lạ xảy ra chính là ở chỗ này. Chúng ta thử tưởng tượng, mà cần gì phải tưởng tượng, điều này đã thực sự xảy ra và không phải chỉ xảy ra một lần: Có một ngôi nhà ở Palm Beach bang Florida; tên đầu nậu nhận xây cất nó bị phá sản vì không đẩy được. Ngân hàng của đầu nậu - ví dụ ngân hàng Illinois ở Chicago - đã cho hẩn vay mười triệu đôla và nắm trong tay bản hợp đồng cầm nhà với giá mười triệu. Nói cách khác, ngôi nhà này giá mười triệu đôla. Ngân hàng gửi bản hợp đồng đã ba năm nay. Ngân hàng đã phát ớn, không muốn nhìn mặt nó trong bảng cân đối thu chi nữa, mà đâu phải chỉ có một cái mà hàng ngàn cái như thế. Đến lúc ngân hàng Illinois ở Chicago sẵn sàng để lại bản hợp đồng đó lấy nửa tiền. Tức năm triệu thay vì mười triệu đôla.

Và bây giờ, nếu ta áp dụng nguyên tắc đòn bẩy vào số năm triệu này?

Tôi cần có tối đa năm trăm ngàn đôla để được quyền rao bán ngôi nhà trị giá mười triệu đôla. Bán xong tôi sẽ trả nốt ngân hàng bốn triệu rưỡi, giá sang nhượng quyền nhận cầm. Đấy, tóm tắt trong vài câu những điều đã nói.

Vào hồi này mạng lưới bán nhà của tôi bên Châu Âu đã hình thành, cả ở Châu Á nhờ bàn tay của Hyatt ở Hong Kong, nhưng tôi chưa gom đủ năm trăm ngàn đôla, mới được hai phần ba nhưng không dùng làm vốn kinh doanh được: Dù sao tôi vẫn cần tiền ăn uống, đi lại. Tôi có thể đi vay. Không nghi ngờ gì nữa, sau khi được biết lập luận đòn bẩy của tôi, bất cứ ngân hàng nào kể cả ngân hàng Adam cũng sẵn sàng cho ứng số tiền ấy. Nhưng chính đó là điều tôi không muốn, đơn giản thôi: Tôi không muốn ý định của mình lan rộng. Và một lí do nữa không kém phần xác đáng: Đi vay sẽ phơi mặt ra ánh sáng, chẳng khác nào hét vào tai bọn thám tử Yahl đã thuê bám tôi: “Hãy coi chừng, tớ đang chuẩn bị một đòn tóa khói cho ông chủ của mấy người biết tay”.

Sự thực là: Tuy chưa biết làm cách nào đánh Martin Yahl nhưng nhất định tôi sẽ đánh, kiên quyết đánh. Nhưng rõ ràng phải có tiền, thật nhiều tiền. Lão càng có ảo tưởng tôi yếu kém lão bao nhiêu, càng tự ru mình trong ý nghĩ tôi chỉ còn sống nhờ vào số tiền hoa hồng, tuy khá thơm nhưng quá bé nhỏ so với tài sản của lão, do Henry Adam trả cho tôi, thì khi ăn đòn lão càng bị bất ngờ.

Tôi cần năm trăm ngàn đôla, nhưng không được vay của ngân hàng, của gã Thổ, ngay cả của Marc Lavater nữa, tuy cả hai đều đủ sức cho tôi vay. Không, cái tôi cần là một cơ chế có thể vận dụng bất cứ lúc nào, mỗi khi tôi có khả năng đòi sang nhượng quyền nhận cầm một ngôi nhà.

Trong tất cả các anh các ả, như Ute Janssen, tôi đã sử dụng tài năng trong áp phe đồ vật, có một gã nổi bật về trí thông minh, sức làm việc và cái có thể gọi là tính hung tợn trong khi giành giật hợp đồng, bắt mối, bán hàng. Tên là Letta, hơi Pháp, hơi Ý, hơi Tunisien, hơi đủ thứ. Kể cả cái còn lại. Tôi gặp ở Roma sau một hành trình vòng vèo lắt léo không tưởng tượng được để đánh lạc hướng mọi kẻ bám đuôi dù nó có là nhân viên của “thám tử tư lớn nhất Hoa Kỳ” chăng nữa. Tôi phác ra một chuyến đi California, nhưng lại chuyển sang Montreal, từ đây đi Chicago, bay thẳng sang Geneva rồi thuê xe đi Lyon, từ đây lên tàu hỏa đi Roma. Bảo Letta:

— Cần ngay lập tức mười khách có khả năng trả ngay mỗi người năm chục ngàn đôla lấy một căn hộ.

— Mươi?

— Mươi.

Gã vẫn bình thản. Lưng hơi gù, đầu thụt trong cổ, tay thỉnh thoảng động đậy theo kiểu tay hồ lì quờ các thẻ thua trên chiếu bạc, mắt hay nhìn trộm người tiếp chuyện như thể muốn định giá người ta theo cân nặng. Gã rút cuốn sổ nhàu nát, bắt đầu tính toán.

— Người Ý? Hay ông thích người nước nào?

— Nước đích nào chả được.

— Có mười gã Ý đây. Đều có anh em chú bác bên Hoa Kỳ, tôi biết, tôi đã thăm dò chính vì lẽ đó. Dễ mỗi lá. Sẽ tắm được cho ông trong bốn tám giờ. Có khi không đến, tôi sẽ gặp từng người một. Nhân tiện, có người xưng là sở thuế đến hỏi tôi việc làm chung đụng với ông. Nhưng qua người em họ có anh họ làm trên Bộ, tôi biết chúng theo dõi ông, theo lệnh từ Thụy Sĩ.

Vậy là Đấng Tối Cao ngân hàng sẵn tôi ngay cả tại đây.

Thạo Roma hơn, Letta dẫn tôi đi ăn ở Trastevere, bên kia sông Tibre, trong một tiệm Tipico chuyên nấu các món hải sản. Tôi ngồi ngắm gã lau chùi một con nhím biển: Sau khi gã chùi xong, có soi kính hiển vi cũng chẳng tìm thấy gì sót trên đĩa. Một thằng cha như thế mà lại kiếm ra cho tôi năm trăm ngàn đôla sau bốn tám giờ! “Có khi chưa đến”. Tôi tòm tĩm:

— Anh họ gì?

— Adriano.

Ngoài tiếng Ý, tiếng Pháp gã nói được tiếng Ả Rập và đôi ba câu Tây Ban Nha.

— Anh nói thạo tiếng Ả Rập?

— Như tiếng Pháp, tiếng Ý.

— Adriano, tôi cần người trông nom công việc bên Châu Âu... không, xem nào, cả Châu Âu lẫn Cận Đông, vì anh nói được tiếng Ả Rập. Được không?

Gã thấy được.

— Có một điều kiện này: Trên danh nghĩa chính thức và trong một thời gian, anh sẽ chỉ là người môi giới như những người khác thôi, những vụ anh làm ăn với tôi chỉ là những vụ mách mối bình thường. Nói cách khác: Làm những tên đến dò hỏi anh tưởng rằng tôi chỉ buôn bán nhỉ nhằng nay một căn nhà mai một căn nhà. Chuyến hàng năm trăm ngàn đôla này phải được giữ bí mật, tuyệt đối bí mật.

Chúng tôi thỏa thuận: Gã sẽ gom tiền của mười người tậu nhà rồi chuyển cho tôi qua ngân

hàng Liechtenstein, không qua Curacao vì chỗ này đã bị bọn mật thám của Yahl thăm rồi. “Curacao vẫn dùng để mách mối”, gã hiểu ngay, tôi tin tưởng vào gã vì không có cách nào khác.

Hai ngày trôi qua. Kể ra đáng lẽ tôi có thể tốt sang Paris, hôn mẹ con cô Catherine, nhưng sợ làm thế sẽ lộ chuyện tôi đang ở Roma. Tôi đợi, bồn chồn đi đi lại lại không dứt trong vườn biệt thự Medicis. Sau hơn bốn mươi giờ, Letta thực hiện đúng lời hứa tập hợp đủ mười khách. Không làm tiền ngu ngốc (như sau này tôi sẽ làm để đánh lừa Yahl) là mang nộp số tiền này cho Adam và nhận tiền hoa hồng, tôi lập ra một syndicat người mua nhà, mua bán hợp đồng cầm nhà trị giá mười triệu đôla do một ngân hàng ở Boston nhượng lại với giá năm triệu.

Từ phút này trở đi, tôi không còn là kẻ đứng bán nhà ăn hoa hồng của ngân hàng Henry Adam nữa (sau khi đã bán đủ cho các vị khách Ý mỗi người một căn) mà trở thành chủ bán nhà của mình.

Tuy tôi mới trả có năm trăm ngàn đôla. Năm trăm ngàn này cũng lại không phải tiền tôi bỏ ra, và tôi chỉ phải nộp cho ngân hàng Boston có bốn triệu rưỡi nữa là xong. Tôi có đủ thì giờ trả hết. Ngân hàng cũng rất hài lòng, vì xóa sổ được món hàng tồn kho khó chịu này, đẩy được “của nợ” sang tay tôi.

Trước chuyến đi Florida, trong chuyến đi, và sau chuyến đi, lúc trở về New York tôi đã phỏng vấn rất nhiều người kể cả những tay hàng xách lõi đời, tất cả đều đồng thanh tuyên bố: “Cơn khủng hoảng thừa này không kéo dài đâu, không thể có chuyện đó, ngày hồi 29^[9] cũng không thể”. Các ông chủ ngân hàng muốn tổng tháo hết mọi hợp đồng cầm nhà đất cho tôi cũng hót theo điệu này. Được thôi, tôi tin họ, và lúc tôi mua lại bản hợp đồng đầu tiên chính là lúc tôi tin nhất trần đời. Tôi biết chắc chắn rằng sớm muộn thì nạn xây thừa - Over built sẽ chấm dứt, mọi thứ sẽ trở lại bình thường, khách hàng truyền thống, người Mỹ, sẽ trở lại với thói quen của họ. Tất cả các ngôi nhà hiện đang phải đem bán đấu giá, đang là đồ đồng nát, do phản xạ đặc biệt Mỹ là vứt bỏ hết mọi thứ chưa cần dùng ngay, chẳng bao lâu nữa sẽ có người tìm mua. Lúc đó chính tôi cũng không ngờ mình lại suy luận đúng đến thế.

Điều quyết định vẫn là: Chạy thật nhanh. Mỗi ngày mỗi tuần đều phải tâm tâm niệm niệm: Chính những ngân hàng mà tôi đang giao dịch theo kiểu hai mang: Vừa bán thẳng nhà của họ lấy hoa hồng, vừa kín đáo mua thật nhiều hợp đồng cầm cố nhà đất mà họ có, chính những ngân hàng này sẽ đứng ra làm việc tôi đang làm, đi kiếm khách hàng bên ngoài nước Mỹ. Họ có thể làm chuyện đó, với những phương tiện mạnh hơn tôi nhiều. Hơn nữa bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên của sự hồi phục. Léonard Sussman người nói với tôi trước nhất về Vùng Đình Đốn và chỉ đường cho tôi cũng là người báo động cho tôi trước nhất. Người ta thường nói: Muốn nắm tình hình một đạo quân, đôi khi quen biết một viên đội còn có lợi hơn một vị tướng; Léonard chính là viên đội trong đạo quân của tướng Henry Adam. Léonard điều hành công việc của bộ phận trong ngân hàng Adam chuyên trách về bất động sản. Anh ta thông minh, nhanh nhạy, ít ra là như vậy. Là một trong những chuyên viên đầu tiên của New York tin rằng bắt đầu, sắp bắt đầu hồi phục. Anh ta bí mật báo cho tôi biết tin: “Với một điều kiện, anh Franz: Cho tôi làm ăn cùng với anh”. Tôi nhận.

Ba tuần tiếp theo dồn dập như điên. Khi Léonard Sussman ngỏ lời, tôi mua ba hợp đồng. Trong ba tuần, mua thêm mười sáu cái. Con số thực tế tất nhiên không được tròn trịa và phức tạp hơn nhiều, nhưng có thể hình dung khá chính xác tình hình như sau: Tôi trở thành ông chủ trên giấy của mười chín ngôi nhà trị giá mỗi cái mười triệu đôla, nhưng được các ngân hàng nhượng lại với giá chín lăm triệu tất cả. Giá chín mươi lăm triệu, nhưng theo nguyên tắc đòn bẩy, tôi chỉ trả trước có mười phần trăm tức chín triệu rưỡi thôi. Tôi gom đủ chín triệu rưỡi này một phần nhờ vào syndicates người mua nhà, được một nửa, còn một nửa đi vay các nhà ngân hàng nhỏ do Léonard Sussman chỉ cho. Tất nhiên chưa hẳn đã chắc ăn, chưa chắc đã ăn to. Nhưng thực tế không phải chỉ là một thành công mà còn là một kỳ tích khó tin.

Vì cơn khủng hoảng chấm dứt vô cùng đột ngột, thị trường bất động sản hồi phục nhanh như điện, trên đất Mỹ, phản ứng của thị trường bao giờ cũng nhanh nhạy như điện. Nếu mười chín căn hộ tôi mua chỉ bán lại được đúng giá của chúng là mười triệu mỗi căn hộ tôi cũng đã được lãi khá nhiều. Mỗi cái lãi năm triệu trên vốn bỏ ra có năm trăm ngàn, tức một ngàn phần trăm, cũng đã khá.

Nhưng giá cả bỗng tăng vọt theo tình hình hồi phục, tốc độ tăng rất nhanh, những căn hộ ở bờ biển Florida hoặc California mới sáu tháng trước không ai thèm mua với giá năm triệu tuy nó đáng mười triệu, bây giờ đáng giá hai chục, hai lăm, thậm chí ba mươi triệu đôla. Tôi đã trông thấy thiên hạ xếp hàng, gần đánh lộn nhau chỉ để mua một căn hộ mấy tuần trước Letta hoặc một tay dắt mối ở Bruxelles, ở Geneva ngay đến Hyatt cũng khó lòng gạ bán được cho một ông bác sĩ ăn hối lộ. Bán lại với giá ba chục triệu một ngôi nhà mua bảy tháng trước có năm triệu, mà mới phải trả trước có một phần mười số tiền mua! Không phải chỉ một cái, mà nhiều cái trong suốt thời kì cuồn cuộn này. Tôi thu về hai lăm triệu trên số vốn bỏ ra có năm trăm ngàn. Ba lần tiền. Những căn hộ khác tuy không được lãi nhiều như thế nhưng cũng mang về cho tôi vô khối tiền.

Tôi biết phải chạy cho nhanh và đã chạy rất nhanh, nhưng tình hình diễn biến còn nhanh hơn. Nếu được thêm một tháng, nếu có ô dù to hơn, ít nhất tôi cũng lãi gấp mười lần như thế này. Tuy vậy, khi kết thúc cuộc đi chơi nồng nhiệt kéo dài tất cả chín tháng trời, tôi tổng kết toàn bộ và thấy chóng cả mặt.

Từ đầu đến cuối tôi vẫn giữ vững chủ trương lúc đầu: Tách biệt riêng hẳn ra các khoản thu nhập chính thức, sẽ được thông báo cho Martin Yahl nắm, tức là những khoản hoa hồng mười lăm phần trăm do Henry Adam phải chi cho tôi trên mỗi khách hàng Châu Âu, Châu Á (Hyatt sẽ kiên quyết bảo vệ quyền lợi của hẳn).

Những khoản này tổng cộng được hơn một triệu bốn trăm ngàn đôla, kiếm được trong chín tháng. Cộng với ba trăm lẻ vài ngàn tôi sẵn có, tất cả thành một triệu bảy. Đó là tài sản tạm coi là chính thức của tôi, mà Yahl chắc đã nắm vững. Lão chẳng bận tâm đến. Ngay từ mười một tháng trước đây, lúc tôi đã có trong tay bốn triệu rưỡi đôla trước khi các chiến hữu của Robert Zarra kéo đến, Yahl đã tỏ vẻ chẳng thèm đếm xỉa đến mối nguy tôi có thể gây ra cho lão. Vậy thì với số một triệu bảy này, hẳn tôi là kẻ vô hại đối với lão.

Điều này lão không biết, tôi dám thề độc như thế, là tôi đã làm ăn hai mang trong vụ Vành Đai Năng, với hai loại mảnh mung hoàn toàn khác nhau. Nguyên tắc đòn bẩy đã phát huy tác dụng tuyệt vời. Vốn kinh doanh của công ty Liechtenstein, do tôi thành lập lên tới bảy chục triệu đôla!

Tôi chẳng bao giờ đánh bài, không thích. Súc sắc cũng không. Chẳng hay biết gì về luật chơi poker. Nhưng tôi tin một điều. Tin rằng trong cuộc sống có những lúc, một hoặc hai ba lần nếu số đỏ, có những lúc trong vài giây ta bỗng nhiên có một thứ giác quan tiên đoán, lúc tập trung tư tưởng cao độ kèm theo một tâm trạng hưng khởi khiến ta mơ màng nửa tỉnh nửa mê. Vào lúc đó, ta biết rằng quân bài còn úp mặt kia chính là quân K thứ tư ta đang cầm. Ta biết chắc chắn quân bài đó sẽ tới tay, dù xảy ra điều gì, trong bất cứ tình huống nào. Ta biết như vậy.

Tôi biết sắp có cách đánh Martin Yahl.

Hôm ấy, vào khoảng thời gian sắp tắt đọt bùng nổ cuối cùng kết thúc chiến dịch Vành Đai Năng, tôi bay từ California về New York. Đáng lẽ Léonard Sussman cùng đi nhưng đến phút cuối cùng xảy ra trục trặc nhỏ trong việc mua ngôi nhà ở Santa Barbara nên ở lại: Cảm thấy cô đơn, tôi không ngủ được.

Ghế bên là một người lịch sự, trang phục hơi điểm tí chút lạ kiểu vừa phải, đúng mức. Giá có Léonard Sussman ở đây, hẳn tôi đã luôn miệng trao đổi công việc với anh ta suốt dọc đường. Nhưng lúc này tôi chỉ có một mình. Cộng thêm thói ba hoa Mỹ, anh ta bắt chuyện. Mời tôi cạ

một li, tôi nhận. Nói về đủ thứ: Du lịch bằng máy bay, xứ Califonia vừa rời chân, New York sắp gặp lại. Anh ta trao danh thiếp, cho xem ảnh chụp nhà riêng ở Harrison vùng ngoại ô rất hóm hỉnh của New York, ảnh vợ, ảnh hai đứa con và con chó. Anh ta là luật sư, luật sư kinh tế, có văn phòng ở Manhattan đã từng làm với Mac Enroe, có hai cậu con trai hình như rất có triển vọng trong môn quần vợt. Toàn chuyện vợ vẫn tôi cóc cần biết. Trên ve áo đeo tấm huy hiệu trông quen quen nhưng thoát đầu tôi không nhớ đã trông thấy ở đâu. Anh ta cười:

— Tôi tốt nghiệp Harvard.

Tôi chợt nhớ ra: Martin Yahl thường vẫn đeo huy hiệu đó. Tuy chúa ghét cái tên ấy, không muốn nói đến nhưng vẫn hỏi:

— Anh có quen một tay kinh doanh ngân hàng Thụy Sĩ tên là Martin Yahl trước cũng học Harvard không?

Anh ta có nghe cái tên này rồi, đã đọc thấy trong danh sách sinh viên cũ, nhưng Yahl học khóa trước.

— Nếu tôi còn nhớ, ông ta học từ thời còn Carradine danh tiếng cơ.

— Scarlett đấy.

Anh ta ngạc nhiên thấy tôi còn ít tuổi mà lại biết được biệt hiệu Carradine.

— Vả lại ông ta rút khỏi cuộc sống xã hội từ nhiều năm nay rồi.

Có một cái gì man rợ bùng lên trong tôi.

— Sao? Rút lui là thế nào? Người ta nói lão chết rồi mà?

Anh ta tròn mắt nhìn tôi:

— Chết à? Ma nào bảo anh lão chết rồi?

Các sự kiện thời nay đan vào nhau, chồng chất lên nhau rối tinh rối mù dù tôi muốn cũng khó sắp xếp đúng thứ tự thời gian.

Việc sau đây xảy ra trước khi kết thúc chiến dịch Vành Đai Năng trước cả lúc tôi biết tin Carradine tức Scarlett chưa chết.

Cú điện thoại của Adriano Letta là hồi chuông khai mạc. Tôi đã dặn Adriano không được gọi tôi ở Pierre trong bất cứ trường hợp nào. “Thế nhỡ có chuyện rất cần kíp?”. Tôi chẳng thấy có chuyện gì cần kíp trong việc bán nhà đất nhưng để anh ta vui lòng tôi bảo: Trong trường hợp ấy thì gọi cho Léonard Sussman, anh ấy nói tiếng Tây Ban Nha nên hai người nói chung có thể hiểu được nhau. Léonard bảo: “Hắn nói tiếng Tây Ban Nha như một con bò cái Pháp. Nhưng nếu tôi hiểu đúng thì hắn muốn anh gọi ngay về khách sạn Paris ở Monte Carlo cho hắn”. Adriano gọi điện cho tôi đã là chuyện lạ, nhất là vì anh ta vốn là con người tạm gọi là tằn tiện lại bỏ tiền túi ra trả tiền điện thoại. Nhưng lại còn gọi thẳng từ khách sạn Paris ở Monte Carlo thì lại càng là điều huyền hoặc thực sự. Tôi gọi ngay, gấp ngay, và được biết phải đến tìm hắn càng sớm càng tốt, rất cần và quan trọng. Hắn không chịu nói thêm. Từ máy bay này sang máy bay kia, tôi tới Pháp, xin lỗi, đến Monaco. Trên bờ biển Xanh bầu trời đầy mây và dữ tợn khi tôi từ sân bay Nice đi ra cùng Adriano Letta anh ta kể cho nghe điều đã xảy ra. Anh ta ở trong tình thế một gã sen đầm đang bình thản đuổi theo tên bắt trộm gà thì lại tóm được “Kẻ Thù Số Một”.

Chúng tôi bắt đầu nói đến chuyện đầu tư sang Hoa Kỳ. Hắn để mặc cho tôi nói tỏ vẻ thích thú và tôi cảm thấy có điều gì khác thường. Tuy thế sau khi tôi thuyết trình xong, hắn bảo:

— Được. Giả dụ tôi không mua của anh có năm nhà mà mua những năm ngàn hoặc năm chục ngàn thì anh nghĩ sao?

— Lạ thật đấy!

— Tôi cũng thấy lạ, thật đấy.

— Anh chưa cho biết tên người đó.

Với Adriano Letta, điều làm tôi thường bức là hấn quá thạo tiếng Ả Rập chính cống. Nên hấn bị ảnh hưởng khi phát âm. Hấn tuôn ra một tràng tên họ nhưng tôi chỉ nhớ mang máng: Aziz.

— Hấn là một tay Ả Rập Saudi. Tôi kiểm tra rồi, của cải như nước... Ở sông bạc, nếu không đổi tiền cho hấn lấy thẻ đánh bạc, hấn có đủ tiền mua hấn Hội Tầm Biển.

Theo Letta, có chủ bài này: Hoàng tử (hình như đây là một hoàng tử), hoàng tử Aziz cùng tuổi với tôi, đó là một cái cầu chấp mỗi bang giao. “Nhưng hấn không tự quyết định được, hoặc không quyết định khi chưa xin ý kiến của người đi theo đồng thời là bố già của hấn. Cần chú ý: Người này gốc Libanais hơi hơi pha Syrien, vẫn giả bộ không thạo tiếng Anh tiếng Pháp tuy thực ra hấn nói như gió”. Đó là một tay già đời trong giới tài chính, kì cựu của Intrabank ở Beidas. Tên là Fezzali.

Vì thế nên sau đó hai tiếng, chỉ kịp tắm qua và thay quần áo, tôi có trước mặt hai gã Ả Rập, một con tôm hùm chiên phồng và một tô chó sói hầm, món đặc sản truyền thống của khách sạn Paris. Tôi quyết định chơi tới cùng con bài thắng thắn. Tôi kể với họ toàn bộ câu chuyện làm ăn của tôi thật cặn kẽ, ít ra cũng nói hết phần gọi là chính thức: Kenya, Hong Kong, vàng, đồ vật, vụ bất động sản ở Paris và San Francisco, kể hết mọi chi tiết từ đầu đến cuối vụ Vành Đai Năng, chỉ giấu kín các vụ giành giật với Landau, Lamm, với vẻ đồng tình, xem chừng hai người có thể ngồi nhậu bên nhau đến nơi, ngược lại người kia hoàn toàn đứng dưng, không tỏ thiện cảm hay ác cảm, cặp mắt chó đá nhìn tôi không một chút tỏ ra quan tâm.

— Anh cho mình là người đầu tiên nảy ra sáng kiến tìm khách hàng ở nước ngoài khi thấy thị trường Hoa Kỳ hết khách?

— Hết khách mua trong thời điểm này thôi. Con khủng hoảng không kéo dài.

— Nhưng anh là người đầu tiên.

— Tôi dám thách ai chứng minh được điều ngược lại!

Nói chuyện với Aziz nhưng tôi vẫn nhìn sang Fezzali, đang ăn món tôm rất hờ hững như thể ăn vốc chà là. Cho dù Adriano Letta không dặn trước thì tôi vẫn đề phòng tên này: Vẻ thô kệch nặng nề của dân đầu đường xó chợ giữa khung cảnh thanh tao của Monte Carlo thế nào cũng khiến tôi dè chừng. Chính hấn là người tôi cần thuyết phục, có khi hấn lại là chính. Nhưng ở hấn ta có cái gì đó làm tôi bối rối, cảm giác hấn ta biết một sự kiện mà tôi không biết do đó nên hấn ta hơn tôi một con chủ bài. Hấn dường như ở cách xa chúng tôi hàng ngàn dặm, trong khi tôi cố sức cù cho Aziz cười ồm lên bằng việc kể lại thật dí dỏm cuộc gặp gỡ Henry Adam đầu tiên, chuyển bán hàng đầu tiên ở Bỉ và Luxembourg. Kể chuyện thuê riêng một chuyến bay, nhét tất cả các khách hàng đang ao ước có nhà ở Florida, cho họ hạ cánh xuống Miami, lễ đón tiếp tổ chức trên cơ sở xe hơi Cadillac, dàn nhạc Cuba và gái đẹp mặc áo tắm nhan nhản ở các bể bơi (mỗi khi tôi cần thu về thật nhiều tiền chứ không phải chỉ nhận hoa hồng).

Mắt Aziz sáng rực:

— Nhiều con gái đẹp hả?

— Nhiều cô tuyệt trần đời.

Aziz và tôi cùng nhau cười đồng lõa. Hấn là giữa hai chúng tôi đã có luồng thiện cảm và sự thỏa thuận ngầm sẽ cùng có cuộc vui chung. Chính vào lúc ấy, tôi đi đến quyết định, được ăn cả ngã về không.

Sự lựa chọn của tôi rất rõ ràng. Tôi có thể đóng vai trò môi giới, cỡ bự, tất nhiên, nhưng vẫn chỉ là người môi giới thôi, làm trung gian giữa bọn Mỹ có nhà bán với khách hàng có tiềm lực kinh khủng là hoàng tử Aziz. Chắc tôi sẽ được nhiều tiền.

Lại cũng có thể tiết lộ trò hai mang của tôi trong vụ Vành Đai Năng, vừa ăn hoa hồng, vừa làm ăn riêng rẽ bằng cách mua lại thật nhiều hợp đồng cầm cố; một kiểu làm ăn nếu êm xuôi sẽ

giúp tôi phát tung trời, nhưng lúc đó tôi chưa thật tin chắc sẽ thành công. Tiết lộ chuyện đó tôi gặp hai nguy cơ. Một là nếu giữa Fezzali và Yahl đã có sự móc ngoặc, tên chủ ngân hàng sẽ được thông báo về sự gia tăng mạnh mẽ có thể về lực lượng của tôi; nguy cơ thứ hai: Tôi có thể để lọt mất khách hàng sộp nhất trước nay tôi chưa bao giờ tìm thấy. Thật vậy, Fezzali đại gì nhờ đến tay tôi để thực hiện một kế hoạch tự hấn có thể làm lấy cũng được, sau khi đã được tôi chỉ vẽ đường đi nước bước?

Tôi đánh bài liều chấp nhận mọi bất bất trắc, mắt dán vào bộ mặt kín như bưng của Fezzali. Hấn trạc sáu mươi, cho đến lúc này vẫn chưa hề tỏ thái độ, chưa mở miệng lần nào, có mỗi một lần thì lại nói bằng tiếng Ả Rập. Nhưng bây giờ nghe tôi giải thích về cơ chế đòn bẩy, hấn bắt đầu xen vào câu chuyện. Hấn hỏi bằng tiếng Ả Rập, Aziz dịch ra cho tôi:

— Nếu lời tiên đoán của anh về đợt khủng hoảng này có cơ sở, điều gì sẽ xảy ra?

Một lần nữa tôi lặp lại sự suy luận của tôi:

— Hãy hình dung một ngôi nhà được cầm lấy mười triệu đôla. Anh trả tối đa một phần mười số tiền đó để chấm dứt hợp đồng cầm cố. Khi đợt khủng hoảng này kết thúc, tôi tin chắc như thế, ngôi nhà này sẽ trị giá mười lăm hoặc hai mươi triệu. Giá đem cầm ngôi nhà chỉ có mười triệu, giá thực của nó khi xây cất là hai mươi triệu. Anh bán nó lấy hai mươi triệu. Trừ đi chín triệu anh còn nợ, anh vẫn còn mười một triệu. Anh thu về gấp mười lần số vốn bỏ ra. Và nếu tìm được những ngân hàng chịu bán hợp đồng cầm nhà với giá bằng nửa giá trị của chúng, anh sẽ thu về gấp hai mươi lần vốn.

Tôi làm xong đĩa cá. Và bài thuyết trình. Tôi ngồi đợi hai gã đối thoại bàn với nhau bằng tiếng Ả Rập. Bộ mặt Fezzali vẫn kín mít, không hiểu gã nói gì, tôi thử đoán qua thanh điệu xem sao nhưng cũng chẳng ăn thua. Một lần nữa trực cảm lại mách bảo tôi: Hấn nắm được một cái gì đó mà tôi không biết, mà tôi nhất thiết phải biết vì nó hết sức quan trọng. Tôi thầm nghĩ theo bản năng: Cimballi hỏng hết rồi, cậu đánh cuộc và thua cuộc mất rồi. Thằng này sẽ khước từ mọi đề nghị của cậu. Có khi hấn đã thông đồng với Martin Yahl, hấn thu xếp cuộc gặp mặt này chẳng qua chỉ để tẩm mách lới của tôi thôi. Suýt nữa là tôi đem lòng nghi Adriano Letta phản bội tôi.

— Tráng miệng?

Không tráng miệng, trừ Fezzali gọi cốc kem to dùng, tôi và Aziz cà phê với xì gà. Tôi không nghiện, thỉnh thoảng làm một điệu Havane, tuy không thấy khoái lắm. Tôi châm điệu Château gì đó, ngắm mặt biển và bờ biển sáng rực. Kỷ niệm trời lên trong ký ức: Cuộc đua giành giải thưởng lớn Monaco, bố dẫn tôi đến dự, những chiếc Ferrari đỏ trên đường băng, hình thù y hệt nhưng kích thước lớn hơn chiếc ở Capila...

— Anh Cimballi?

Giọng nói là lạ, tuy lúc này chỉ có ba chúng tôi ngồi đây, người phục vụ đã ra hết. Tôi quay lại và nhận ra chính Fezzali vừa gọi tôi lần đầu tiên, trực tiếp, bằng tiếng Pháp rất trơn tru.

— Anh Cimballi, tôi rất quen thân phụ anh. Thực ra, ông cụ là bạn thân. Đáng lẽ tôi đến dự tang lễ, nhưng nó được tổ chức riêng trong nội bộ gia đình. Là bạn thân không có nghĩa nhất thiết phải tin tưởng vào con bạn. Hoàng tử Aziz định gửi anh một trăm triệu để anh tung vào áp phe anh vừa đề nghị với chúng tôi. Phải chi nhiều, trong thời hạn gấp đến thế có sự đòi hỏi cần thiết nên vừa rồi chúng tôi phải bàn kỹ. Cuối cùng chúng tôi đã thỏa thuận: Số tiền giao cho anh, dĩ nhiên do tôi kiểm soát, sẽ là hai trăm năm chục triệu đôla. Sẽ có sau không quá hai tiếng nữa.

Tôi há hốc mồm nhìn ông ta. Suýt nữa phì cười. Thế đấy, bản năng của tôi. Cimballi, mày chỉ là thằng ngu!

Aziz không hiểu chúng tôi nói gì bằng tiếng Pháp, cười hỏi bằng tiếng Anh:

— Có cái gì không ổn?

Tôi lắc đầu, tủm tỉm cười với Fezzali hình như đang khoái trêu chọc tôi:

— Không thể tốt hơn thế này.

Tôi không ngờ mình nói đúng đến thế. Không chỉ vì số vốn này thật khổng lồ so với tầm cỡ tôi. Xét đến cùng, đó chỉ là chuyện vặt. Hậu quả của điều vừa xảy ra, mãi sau này mới bộc lộ và những hậu quả ấy mới thực sự li kỳ, hơn nữa, thực sự quyết định.

Chiếc xe thuê đang đợi tôi trước cửa khách sạn Caesars nơi tôi ngủ đêm, ở khu Las Vegas. Tôi lên đường lúc bảy giờ sáng. Chạy trên đường Strip, gần tới “Sahara” thì rẽ trái. Còn sớm, nhưng nhiều máy tự động bán hàng đã có khách. Lại rẽ trái, theo đại lộ Rancho về hướng Reno. Theo bản đồ, phải chạy hai trăm ba chục kilômètres. Tôi chạy với tốc độ vừa phải và tới cửa thung lũng Thần Chết lúc độ mười giờ.

Tôi chưa đặt chân tới đây bao giờ; riêng cái tên cũng đã vừa hấp dẫn vừa làm tôi ngần ngại, tuy thực ra đó chỉ là một biệt danh kiểu Homériques do các người khai hoang đặt ra. Luật sư người New York tôi gặp trên máy bay hôm đó bảo tôi: “Đi theo đường thung lũng Salt Creek, rẽ trái theo hướng Stove Pipe Wells, xuyên qua Đụn Cát. Bên tay trái có con đường mòn đi Mosaic Canyon và thành phố ma Skidoo. Đừng theo đường ấy, tuy đáng tiếc, những cái tên nghe thật kỳ cục. Phải rẽ tay mặt. Đi hết Titus Canyon, và đi quá Grapevine bốn kilômètres anh sẽ thấy ngôi nhà. Không sợ nhầm đâu: Trong vòng hàng trăm dặm xung quanh không có ngôi nhà nào khác, một mình nó đứng giữa cảnh sa mạc, hoàn toàn cô độc, khá kỳ lạ, xây theo kiến trúc lạ mắt Tây Ban Nha - Hồi Giáo, giống kiểu các trại ấp trong phim quay bên Mexico...”

Ngôi nhà ở đấy thật, ở đoạn cuối trận đồ bát quái được cắm mốc bằng những tên gọi có thể coi là của các nhà biên kịch Hollywood nghĩ ra. Nó ngay kia, toát ra một vẻ cô đơn kỳ lạ. “Này Franz, nếu anh tới đó trong thời gian gần đây thì thật đáng lo ngại cho anh, ở đấy nóng kinh khủng, có lúc lên đến trên năm trăm độ trong bóng râm”. Xe tôi có máy điều hòa vậy mà tôi vẫn cảm thấy sức nóng khô rang như ngoài cửa kính. Nó đập mạnh vào tôi như một cú đấm khi tôi mở cửa xe bước xuống, sau khi lái xe đến sát con đường mòn và tắt máy.

Khoảng một phút trôi qua trong im lặng thời khai thiên lập địa, nặng trĩu như bộ áo tể. Tuy có người trong đó, người ấy đang đi tới, tôi biết rõ vì đã thấy bóng Tôi cứ đợi, người sùng mộ hôi. Nhà có sân trong rất rộng bọc quanh là các công trình chính, một tầng lầu trên nền đắp cao. Ba mặt sân có hành lang, mặt thứ tư là cổng lớn có mái cuốn vòm. Hoa dày đặc mọi nơi, leo lên tường thành chùm lộng lẫy. Trong không khí có có mùi riêng biệt của đất cháy nắng gặp nước.

— Đây là tư dinh.

Tôi không nghe thấy tiếng chân người tới gần. Chẳng đáng ngạc nhiên: Bà ta đi đất, điều không hợp với bộ trang phục trên người: Áo Blouse, mũ y tá sạch bong.

— Tôi hiểu. Tôi cần gặp ông Carradine.

— Ông Carradine không tiếp khách.

Lần này sự chuyển động ở bên tay phải: Một y tá nữa hiện ra cũng lặng lẽ, cũng trạc tuổi người thứ nhất, khoảng năm mươi nghiêm nghị, không một nét nào ưa nhìn, mang trên người tất cả các dấu hiệu của thời gian nghiệt ngã. Người mới tới dừng lại, chắp tay trước bụng, lạnh lùng nhìn tôi. Từ dãy phòng u tối tuy tường rất trắng và hình như không trổ chiếc cửa sổ nào, hiện ra người đàn bà thứ ba cũng khô đét như hai người kia.

— Ông ấy sẽ tiếp tôi. Nếu chị đưa cho ông cái này.

Tôi đưa mảnh giấy chữ nhật vừa viết lên vài từ, chìa ra. Cả ba người đàn bà tôi đang trông thấy không người nào nhận. Và tôi cảm thấy hình như còn có nhiều người đàn bà khác mà tôi

không trông thấy, đi chân đất, choàng áo blouse trắng toát và có thể nói là lạnh băng, cũng đứng bất động như thế này, hai tay chấp trước bụng trong một cử chỉ thật đàn bà. Tôi quyết định tiến lên mấy bước, trèo lên bậc tam cấp dẫn vào hành lang bọc sơn trong.

— Ông Carradine không bao giờ tiếp khách. Không tiếp bất cứ ai. Không có ngoại lệ.

Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngoài sân nắng rãi với hành lang mát mẻ không phải chỉ tương đối, mà rất rõ, có đến hai lần độ. Tôi ngược nhìn lên, thấy những cửa máy điều hòa gắn trên trần.

— Tôi là người duy nhất trên thế giới được ông Carradine nhận lời tiếp. Đưa cho ông mảnh giấy này.

Im lặng. Tôi vẫn cầm mảnh giấy. Tôi đi hết hành lang, bước vào căn phòng tiếp khách rộng rãi bày toàn đồ gỗ kiểu Tây Ban Nha tuyệt đẹp đối với tôi; nhiều tủ, một chiếc tủ buffet bằng gỗ màu rất sẫm, có một phần để ngỏ phô rõ phía trong đầy ứ những bản khắc, ngăn kéo. Tôi đặt mảnh giấy lên chiếc ghế kiểu Tây Ban Nha.

— Ông Carradine sẽ tiếp sau khi đọc được cái này.

— Ông Carradine không đọc.

— Thì đọc cho ông. Tôi sẽ không rời khỏi đây.

Một trong ba người bỗng nhượng bộ. Chị ta chỉ nhún mình động dậy. Đi về phía tôi, ngang qua mặt mà không thèm nhìn, lượm mảnh giấy trên bàn rồi biến mất trong dãy buồng. Mất độ mười phút im lặng nhà mồ, mấy mụ đứng im không động, lạnh lùng canh chừng tôi. Từ còi hư vô xuất hiện mụ ban nãy mang mảnh giấy đi.

— Mời theo tôi.

Nhìn bên ngoài ngôi nhà đã có vẻ rất rộng, thực ra nó còn rộng hơn nhiều lắm. Tuy nhiên đó không phải là cái làm tôi chú ý, cũng không phải sự trang trí xa hoa diên rồ của nó, không phải bầu không khí bảo tàng ảm đảm ngự trị khắp ngôi nhà. Mà là cái mùi.

Đầu tiên, mùi đó thoảng qua mũi rồi biến mất, khiến tôi ngỡ ngàng phải trong mơ. Sau đó một rồi hai đợt ập đến, tiếp đến là cả một lớp dày đặc trùm lên tôi. Nó quánh nhóp, dán lên da thịt, hôi thối làm ngạt thở, thật kinh tởm. Khi nhận ra mình càng đi sâu thì mùi càng bốc mạnh, tôi lưỡng lự gần như lùi bước. Người đàn bà đi trước dẫn đường chắc đoán ra. Mụ dừng một bước chân, hơi quay về sau:

— Chưa ăn nhằm gì đâu! Nhưng tự ông đòi vào.

Chúng tôi lại cất bước, mùi càng nồng nặc ngạt thở thực sự. Tôi chưa bao giờ phải ngửi thứ gì tởm hơn, tởm hơn tất cả những mùi có thể tưởng tượng nổi. Một mùi thối khắm không chỉ xộc vào mũi mà còn ám vào từng phân vuông da thịt, như hơi độc.

— Vào đây.

Mụ dẫn đường vừa mở cánh cửa cuối cùng, mùi thối trào ra như một con sóng. Chắc chắn không ở đâu trên trái đất này có một nơi chứa xác chết hôi thối hơn gian phòng tôi vừa bước vào. Một gian phòng khác thường: Trên các bức tường, mà không phải chỉ ở trên tường, cả trên trần, dưới sàn treo đầy các tấm danh họa. Tôi nhận ra tác phẩm của Van Gogh, Renoir, Gauguin đặt bên nhiều họa sĩ tôi không biết tên. Như vậy các bức họa treo trên năm mặt phẳng căn phòng, mặt thứ sáu là khuôn chữ nhật mở ra toàn cảnh không giới hạn của thung lũng Thần Chết đẹp dị thường. Mở ra thực sự, có thể đi qua đó ra ngoài, hàng loạt máy điều hòa đang chống chọi với sức nóng định tràn vào.

Tuy thế con người đang ở trong phòng này mặc dầu có thể thả sức ngắm bộ sưu tập kỳ diệu của ông ta nhưng không thể đụng tay vào các bức họa: Ông ta ở trong một cái lồng thủy tinh úp trong căn phòng, các mặt của chiếc lồng đều cách năm mặt phẳng độ mười centimètres. Tôi chợt hiểu tại sao có sự bố trí lạ lùng ấy khi nhìn thấy các vệt mủ vàng ệch vung vãi trên các mặt kính, cảnh tượng làm tôi lợm giọng nấc lên.

Người trong phòng là một người đàn ông nằm sóng soài trên chiếc ghế sắt nhẵn lì, có lẽ được chế tạo để dễ rửa. Vì toàn thân ông ta chỉ là một cái mụn khổng lồ, đang mưng mủ gớm chết. Không có được mười centimètres vuông da thịt nào không lở loét nhầy nhụa, ngay bộ mặt cũng bị mụn ăn nham nhở. “Ông Carradine không đọc”, mấy mụ nói thế. Lạy chúa, ông ta đọc bằng gì được! Trên chiếc mặt nạ kính khủng hàng vấy và mụn, không thấy đâu là mắt nữa. Trong khắp ngôi nhà, không chỗ nào mùi thối khắm mạnh bằng ở đây, nơi tiếp xúc trực tiếp với cái còn lại của John Carradine tức Scarlett.

Mụ y tá đưa tôi vào đã rút êm như một bóng ma. Mụ hay một người nào khác đã đặt mảnh giấy của tôi lên chỗ tì tay chiếc ghế sắt. Tờ danh thiếp đã vấy bẩn, một vệt vàng trên góc. Bộ mặt lở loét ghê sợ quay chậm chậm về phía tôi. Im lặng rất lâu. Rồi tiếng nói cất lên trong trẻo rõ ràng đến kì lạ, hơi pha giọng Harvard.

— Vậy anh là con trai Andrea?

Tôi nhìn tấm danh thiếp để tránh khỏi nhìn vào điều ô nhục là bộ mặt kia. Người ấy bảo:

— Xin vui lòng đọc cho nghe anh viết những gì.

— “Tôi là con trai Andrea Cimbali. Tôi thách ông tìm được cách đánh gục Martin Yahl”.

Nét mặt mụ hơi động đậy, có thể tạm coi đấy là nụ cười. Nó vẫn quay về tôi như chiếc radar.

— Anh tên gì?

— Franz.

— Sinh năm nào?

— Ngày 9 tháng chín 1948.

— Anh còn nhớ La Capilla chứ? Chắc phải nhớ nếu đúng là con Andrea. Mười lăm năm trước tôi đã cho con Andrea một món quà. To, màu đỏ.

— Chiếc Ferrari kiểu thu nhỏ.

— Có đánh số.

— Số bảy.

Im lặng.

— Giọng anh hết giọng ông ấy. Anh có giống ông không?

— Hơi hơi.

— Tầm vóc thế nào?

— Hơi cao hơn.

Trong cuộc đối thoại này, điều làm tôi kinh ngạc nhất là tiếng nói của Carradine rất rõ ràng, cách diễn đạt hết sức chính xác; đó là tiếng nói của vị luật sư quen thuộc với phòng xử án, của vị giáo sư đầy danh vọng trên bục giảng. Nhưng lại phát ra từ nắm thịt rữa nát nửa đỏ nửa vàng, chảy mủ, không còn vẻ người.

— Làm cách nào tìm được tôi?

— Tình cờ.

— Nhưng anh có tìm tôi đâu?

— Tưởng ông đã qua đời.

Mỗi giây trôi qua tôi càng thấy buồn nôn hơn tuy đã bắt đầu quen thứ mùi này. Tôi đi vài bước xuyên qua phòng, ra ngoài nắng, lão đảo dưới sức nóng đột ngột úp xuống người. Tiếng nói sau lưng:

— Franz, tôi đang tính tuổi anh, độ hăm ba hăm bốn thì phải. Vậy mà định đánh Martin Yahl.

— Không chỉ một mình lão ấy.

Tôi nôn thốc nôn tháo, có đến một phút mới hết. Sau đó tôi lảng ra xa đến ngồi bên phiến đá dưới gốc cây xương rồng Mexico ngay gần cửa phòng, quay lưng lại Scarlett cách xa chừng ba bốn mét.

— Anh nói là định lao vào một trận rửa hận?

— Đã thực hiện rồi.

Phong cảnh thung lũng Thần Chết đẹp mê hồn mặc dầu lúc này mặt trời đứng bóng làm nhòe bớt chiều nổi của cảnh vật. Tôi đã đỡ buồn nôn.

— Trả thù tên nào rồi?

— Đã thanh toán xong phần của Landau, Lamm, Hovius và Donaldson. Bremer tự sát. Với bác Giancarlo tôi chỉ cần nhổ vào mặt là đủ. Còn lại lão Martin Yahl.

— Và tôi nữa.

— Tôi đã nói: Tưởng ông chết rồi.

— Chưa chết.

— Chết đi tốt hơn cho ông. Tôi không thương hại ông đâu, trái lại. Tôi sung sướng gặp lại ông, thấy ông như thế này. Khi nghe tin Bremer chết, tôi thấy bị hẫng, bị tước đoạt. Với ông, không thấy thế. Tôi sung sướng thấy ông chỉ là đồng phế thải của một con người.

Sau lưng tôi có sự chuyển động, một loạt tiếng lướt đi, tiếng hì hục, tiếng trườn ghê tởm. Tôi hình dung ông ta tuột khỏi ghế sắt, lết về phía tôi bằng động tác bò chậm chạp của con amibe. Ông ta rên rĩ, càu nhàu. Đã đến gần. Tôi không quay lại. Tôi nói:

— Tất cả bọn ấy, kể cả ông bác ngu si của tôi xét đến cùng chỉ đóng những vai phụ. Trừ Martin Yahl và ông. Tôi biết chắc, tất cả sự điều tra của tôi đã chứng minh chính lão đã cùng với ông tổ chức mọi cái. Tôi không rõ lão hay ông là người đã nghĩ ra đầu tiên. Không quan trọng. Ông đã tháo dỡ tất cả những gì đã xây dựng nên theo yêu cầu của bố tôi, ông đã chỉ đạo vụ lừa đảo về mặt kỹ thuật, ông đã hành động khéo đến nỗi tuy biết có lừa đảo nhưng không ai tìm ra chứng cứ.

Ông ta tiếp tục lết chậm chạp. Phát khóc vì đau, vì căm tức mỗi lần cử động. Đến cách tôi hai mét. Mùi hôi thối trùn lên tôi.

— Điều làm tôi căm thù các người, cả Martin Yahl và ông, căm thù quá sức tưởng tượng, không phải là vì mấy người đã ăn cắp tiền bạc của bố tôi. Cũng không phải vì mấy người đã nhẫn tâm phản bội lòng tin cậy của bố tôi.

Giữa hai chúng tôi chỉ còn khoảng cách có một mét, nhưng ông ta đã đau đớn quá mức, mỗi centimètres là một cực hình. Thôi không bò được nữa, ông ta thở dốc từng hồi như người sắp chết ngạt.

— Điều làm tôi căm thù nhất là cái mấy người đã khiến mẹ tôi phải chịu đựng. Tôi còn nhớ điệu nháy nhộn nhạo quanh giường mẹ tôi trong lúc mẹ tôi đang hấp hối. Đáng lẽ để mẹ tôi được chết yên ổn thì mấy người bắt tiêm cho bà đủ thứ, không những để kéo dài hơi thở mà còn để làm cho bà đủ tỉnh táo và đặt được chữ kí hợp pháp lên đủ thứ giấy má mấy người cầm. Lúc ấy, đúng là mấy người không thèm đếm xỉa đến nỗi đau đớn của bà. Tôi đã nghe các bác sĩ xì xào với nhau. Carradine hoặc Scarlett, hoặc gì gì cũng vậy, tôi không bao giờ quên điều đó! Tôi căm thù Yahl, căm thù ông bằng lòng căm thù con trẻ và qua bao năm tháng lòng căm thù ấy không hề nguôi. Vậy mà ông còn muốn rủ lòng thương à?

Ông ta vẫn không động dậy. Tôi quay lại. Bàn tay ông ta - cái mồm cụt đầy mủ - cách tôi có độ hai tấc, vùi trong bụi đất đỏ. Người nằm vắt trên bệ bê tông lẫn sắt thép có rãnh trượt để đóng mở tấm kính lớn của căn phòng. Thân hình rũ rượi, phập phồng, máu, nước vàng, mủ chảy thành vũng loang dần, ngấm một phần xuống nền cát thung lũng. Nhìn vào vết nứt trên mặt ở chỗ trước kia là đôi mắt, nhìn thân hình rung rung trong tiếng nấc, có thể biết ông ta đang khóc.

Tôi đứng dậy, gõ cửa kính phòng bên có hai người đàn bà ngồi. Sau một lát họ mới đến, chân tay đều bọc găng nhựa dẻo, lúc ấy tôi mới hiểu tại sao họ đi chân đất. Họ nhẹ nhàng nâng người ông ta, thấm khô, tiêm nhiều mũi thuốc màu trắng, lau chùi trong mức độ có thể lau chùi; trong lúc đó hai người khác rửa toàn bộ gian phòng kính, chiếc ghế sắt, xịt thật nhiều

nước có mùi ete bằng vòi tưới cây. Họ đặt Scarlett lên ghế. Họ vừa quay gót ra khỏi phòng, mủ bắt đầu chảy.

Sự im lặng nhà mồ của thung lũng Thần Chết lại trùm lấp tất cả. Mãi mới nghe cất lên giọng nói rành rọt:

— Martin Yahl là kẻ bày mưu tính kế. Chúng tôi cùng học ở Harvard, tôi chịu ơn ông ta nhiều. Ông ấy đã giúp tôi những năm mới vào nghề, cho vay tiền, giới thiệu với bố anh. Tôi đã dựng nên Curacao Số Một do bố anh nắm giữ. Năm tháng trôi qua. Tôi vẫn cần rất nhiều tiền và bao giờ Yahl cũng đáp ứng. Rồi năm 1955, mụn lở đầu tiên mọc ra. Tôi đi khám tất cả bác sĩ nhưng họ đều bó tay, đổ cho một thứ siêu vi gì đó. Bao giờ chả thế, khi họ không biết là bệnh gì...

Trước nay tôi vẫn hình dung thung lũng Thần Chết là một nơi hoang vắng cháy nắng. Thực tế khác hẳn: Vẻ đẹp nơi đây thật kỳ diệu, sự sống nơi đây biểu hiện dưới nhiều hình thái phong phú, côn trùng, bò sát, hàng chục động vật thoáng vụt qua trong đó hình như có con thỏ rừng, bên tay phải cách tôi một tầm ném có tia nước vọt ra từ khối đá màu son hồng chảy xuống chiếc bồn thiên tạo thành dòng suối trong veo.

— Mùa xuân 1956 tôi đã không ra trước công chúng được nữa vì một bên má bắt đầu loét. Martin Yahl tới thăm. Tôi đang cần tiền hơn lúc nào hết. Ông ta hỏi liệu tôi có cách nào dỡ bỏ cái đã xây nên, liệu tôi có thể xóa sạch dấu vết của Curacao Số Một, làm như nó chưa bao giờ tồn tại rồi sau đó với vốn liếng ấy, tài sản ấy tựa hồ từ sổ không hiện lên, liệu tôi có thể lập nên một công ty khác, Curacao Hai do Martin Yahl làm chủ nhân độc nhất? Tôi trả lời: Trở lực cơ bản là bố anh. Bố anh và các cộng tác viên thân cận của ông, họ biết rõ mọi điều. Không thể bịp nổi những người ấy.

— Landau, Lamm, Bremer, Hovius và Donaldson.

— Còn một gã người Ý nữa tên là Revere chết trong tai nạn xe hơi năm 57. Tôi chưa hề gặp Landau và Donaldson. Anh đã thấy họ chưa?

— Tôi không cần thấy mặt chúng. Chúng đã khánh kiệt, cả hai đứa, cũng như Lamm, Bremer đã chết, như Hovius. Nhưng không phải do tôi giết.

— Bọn đó đều là những trở ngại. Tôi bảo Yahl thế và ông ta nói sẽ lo chuyện đó, sẽ làm cho họ im tiếng. Tôi hỏi: “Còn Andrea?” Martin nhún vai: “Tim ông ta sẽ đứng lại hoặc sớm hoặc chầy. Chỉ cần một cơn xúc động mạnh là đủ”. Ông mất hồi nào?

— Ngày 28 tháng tám 1956.

— Chết tự nhiên.

— Nhồi máu cơ tim.

— Lúc ấy ông đang làm gì?

— Gọi điện.

— Anh có biết gọi cho ai không?

— Không. Nhưng biết ông nói bằng tiếng Đức.

Tôi quay lại đối mặt với Scarlett. Tay tôi run bần bật. Bộ mặt mủ lắc chầm chậm từ trái sang phải, vẫn quay về phía tôi.

— Anh không hiểu sao, Franz? Ở đầu dây đằng kia là Martin Yahl.

Mồ hôi toát ra người tôi như tắm. Nhưng lúc này nhìn đôi mắt chết kia tôi hầu như không thấy tởm lợm nữa.

— Ông hoàn toàn không nhìn thấy gì...?

— Năm ngoái còn thấy lò mờ, bây giờ chịu chết.

— Martin Yahl vẫn tài trợ?

— Tôi sống nhờ tiền lãi số vốn ông ta cấp từ 1956. Ông ta biết tôi không quản lý nổi của cải, không cho tôi đụng vào vốn, chỉ được hưởng lãi thôi. Martin Yahl là tay kinh doanh ngân hàng lọc lõi. Ông ta không bao giờ nhầm lẫn, bao giờ cũng biết nên làm gì.

Giữa thân hình đang thối rửa với giọng nói châm biếm hài hước có sự tương phản thật rõ ràng và bi thảm.

Scarlett nhận xét:

— Tôi nhớ tới anh như một đứa trẻ cởi truồng đùa nghịch trên bãi biển Pampelonne. Anh đã trả thù tất cả bọn kia?

Tôi trả lời phải. Và tự nhiên tôi kể lại mình đã làm cách nào, hơn nữa, kể cả cuộc ra đi từ London cho đến giây phút đặt chân vào thung lũng Thần Chết. Câu chuyện khá dài, có một lúc tôi phải tạm ngưng khi các mục đeo găng đi ủng, che mặt như nhà phẫu thuật viên lại hiện ra, làm lại những công việc hồi nãy, lau rửa thật kỹ càng ở mức có thể được nhưng chẳng có tác dụng gì vì ngay lúc họ vừa ra khỏi phòng thì mủ lại chảy, mùi thối khắm lại tụ đến.

— Ngày Carradine, tôi muốn đánh ngã Martin Yahl,

— Bằng đồng tiền.

— Đúng thế.

— Anh có bao nhiêu?

Tôi chỉ do dự trong một thoáng:

— Độ bảy mươi triệu đôla.

— Chưa đủ. Martin Yahl có gấp ba chừng đó, chưa kể ngân hàng của ông ấy. Anh có thể gây rắc rối, làm ông ta mất nhiều tiền, nhưng bản thân anh cũng hết sạch, thế thôi.

— Theo ông, tôi không còn phép gì khác?

— Một mình anh? không có...

— Nếu ông giúp cho?

Im lặng. Bộ mặt ghê sợ từ từ quay tròn như quay theo đường đỉnh dây Grapevine.

— Với sự giúp đỡ của tôi mọi sự sẽ khác hẳn, anh bạn trẻ Cimbali Ạ. Anh có con chủ bài rất đặc biệt để đánh bại Martin Yahl, nhưng có lẽ chính anh đến lúc này chưa thấy hết sức mạnh của nó. Cách đây năm năm Martin đến gặp tôi, cũng trong ngôi nhà này. Lão cũng đứng chỗ anh đang đứng, giữa nắng, lấy có người tôi bốc mùi. Chúng tôi đã... Không, nói cho đúng thì chính lão đã nói rất nhiều về anh. Đây là lí do duy nhất đưa lão đến đây: Lão đi một vòng trái đất để nói với tôi, với một mình tôi, tên tông phạm của lão. Còn nhớ bữa ấy tôi đã cười, đã chê lão ta. Tôi bảo: “Ngày Martin, thật nực cười, một người quyền thế như anh, giàu có như anh, phẩm chất như anh mà lại khiếp sợ, căm ghét đến mức ấy một thằng bé mười tám mười chín tuổi đầu, cho đến nay chẳng có mục đích gì khác trong đời, ngoài việc lo tiêu phí được thật nhiều trong thời gian thật ngắn, điều mà chính anh đã cố làm nó chạy theo. Martin, anh bị thằng nhóc này ám ảnh rồi”. Đây, bạn trẻ Cimbali con trai Andrea, con chủ bài của anh là chỗ này: Martin Yahl khiếp sợ anh một cách vô lý, và không kiểm soát được nỗi căm thù anh.

Mồ hôi chảy tong tỏng khắp người, quần áo tôi vắt ra nước. Nhưng không phải vì trời nóng mà tay tôi run thế.

— Tôi đánh gục Martin Yahl được chứ? Có khả năng đánh thắng chứ?

Scarlett co mình trên ghế sắt, gập các móm cụt ở chân dưới thân mình bằng một cử chỉ rất người của con quái vật.

— Có thể lắm. Có khi còn khá dễ dàng nữa. Nếu là đánh cò, tôi có thể nói: Chiếu bí sau chín nước đi.



Tôi hỏi Scarlett:

— Tại sao ông nhận giúp tôi?

Ông ta có câu trả lời kỳ lạ:

— Nghệ thuật vị nghệ thuật. Anh bạn trẻ, tôi sắp chết đến nơi, anh có hiểu không? Đáng lẽ chết từ mấy năm trước, không phải vì bệnh tật, bệnh này không chết người, chỉ là bệnh da liễu thôi. Nhưng vì tôi đã định tự sát từ lâu; bây giờ thì muộn rồi, người ta ngăn cản tôi. Hỡi đứa con của Andrea Cimbali, tôi đã xây dựng rồi đã phá vỡ Curacao Một, để ra Curacao Hai mà không để chút dấu vết nào của sự đánh tráo, đã hưởng niềm khoái lạc vật chất xác thịt của người nghệ sĩ sáng tạo được bức tranh hay bức tượng. Tôi không hề hối hận về chuyện đã làm, vì quá bận với bản thân, với những điều xảy ra cho bản thân nên không bận tâm đến chuyện đó. Anh đã gặp may, hoặc đã rất khôn khéo: Đáng lẽ anh đến đây để thử tìm cách ép buộc tôi giúp đỡ, ví dụ bằng cách đe dọa chẳng hạn, và tôi sẽ bật cười một lần đầu tiên và có thể cũng là lần cuối cùng từ nhiều năm nay. Tôi thì còn sợ cái gì nữa? Một viên đạn vỡ sọ chẳng? Mới cách đây vài tuần, tôi định tưới xăng lên người nhưng mấy mụ chết tiệt kia chạy đến quá sớm. Thế thì còn sợ cái gì? Chưa bao giờ tôi có tình bạn với Martin Yahl. Lão không phải loại người gọi được tình bạn, ngay khi chúng tôi mới hai mươi tuổi. Tôi chỉ bị hiệu lực đáng gờm của lão cuốn hút thôi. Còn lão thì lợi dụng tôi, lợi dụng tài năng của tôi. Tôi vẫn luôn mơ ước có một mảnh khốe tài tình nào đó buộc được lão quỳ gối, chứng tỏ cho lão biết hiệu lực của tôi trên một số phương diện còn hơn hoặc chí ít cũng bằng lão. Tôi đã suy nghĩ nhưng cũng biết tự mình không đủ nghị lực để thực thi. Và bây giờ đây, anh đã tới, với mấy triệu đôla bé nhỏ làm anh tự hào, với lòng căm thù trẻ thơ, với hoài niệm về cô gái chết bên London, và với hi vọng về cô gái giang hồ đang chờ anh ở Paris. Anh rất hài lòng về số tiền tự tay kiếm ra. Anh bạn trẻ, giọng nói của anh là giọng nói của Andrea; giá mà tôi được sáng mắt trong vài giây để xem mặt một tí. Anh có đôi mắt của bố anh không? Ông có cách nhìn mọi người rất đặc biệt, có thể nói, tôi rất yêu ông. Gọi giúp tôi một chị y tá, chú nhóc Cimbali đã thôi quần tã kia! Bảo mang máy ghi âm và băng tới đây. Tôi sẽ nói từng điểm một những điều anh cần làm. Anh sẽ sắp xếp, chấp nối lại. Tôi đảm bảo một điều: Cuối cùng Martin Yahl bị lộn cổ với chữ L hoa.

Việc trước hết là đi Roma. Bản thân Fezzali rõ ràng không phải khách của các đại khách sạn. Theo chỉ dẫn của Letta, tôi mò ra ông ta trong một khách sạn nhỏ trên đường Sforza, gần giữa đường từ Saint Marie tới tiệm Colisée. Ở đó không có tiệm ăn, chúng tôi tới hàng hiên một quán cà phê, ngồi trước những gelati có thể làm chú gấu trắng cũng phải nản lòng. Fezzali im lặng nghe tôi trong nhiều phút không nói lời nào. Cuối cùng mới bảo:

— Một kế hoạch khá kì quặc.

Ông ta gật gù, như một gã bán thảm ngoài chợ thành Fez đang đánh giá một sản phẩm cạnh tranh.

— Theo ông, thực hiện được không?

Kem mang tới, kem dính đầy mép. Ông nhún vai.

— Dù sao, tôi nói, không phải do tôi thảo ra.

Tôi kể lại chuyến đi thung lũng Thần Chết. Một lần hiếm hoi tôi thấy ông ta để lộ một cái gì khác với vẻ ghê tởm nhân loại, vẻ buồn của con lạc đà già thấy mình đã đến hạn tuổi.

— Tưởng Scarlett chết rồi. Tôi có quen.

— Ông ta cũng biết ông. Dẫn tôi hỏi xem ông có còn nhớ vụ Bester.

— Còn nhớ.

Ông ta liếc cốc kem nhanh đến khiếp, gọi luôn cốc nữa. Trong khi chờ đợi, ông nhìn xuống hè thật chăm chú và hỏi:

— Anh vừa nói cần bao nhiêu?

— Ba trăm năm chục triệu ở New York, sáu trăm triệu ở Geneva. Ban này ông nghe rõ rồi thôi!

— Tổng cộng chín trăm năm chục triệu đôla. Có lẽ nào!

— Tôi biết đếm đến từng ấy. Và xin nhắc lại là ít nhất có một trường hợp chỉ là chi trên giấy thôi.

Một cốc kem nữa tới, còn bự hơn cốc trước. Ông ta ngấm với vẻ buồn sâu sắc rồi bắt đầu nuốt.

— Tất nhiên không thể trả lời ngay bây giờ.

— Tôi cũng nghĩ thế.

— Cần xin lời phê của các hoàng tử.

— Tôi đợi.

Ông ta vừa nói vừa ngoặm những ngoặm kem và mút trái cây to dùng như những miếng ngoặm của chàng khổng lồ Gargantua. Tôi quan sát ông ta: Người này đã từng quen biết bố tôi, đã tự nhận bạn thân của ông, dù sao cũng là người đầu tiên thú nhận với tôi điều đó, trong khi tôi vẫn tin rằng cả đời bố tôi chỉ gặp toàn những sự phản trắc.

— Ông có hợp với bố tôi không?

Ông ta uống một hớp cà phê đen rất đặc, một hớp nước mát, ăn kem, uống cà phê, cứ thế liên tục. Giả bộ không nghe thấy tôi hỏi, ngấm nghĩa cốc kem tôi chưa đụng đến.

— Sao không ăn đi?

— Của ông đấy.

Tôi đứng dậy.

— Gọi về New York cho tôi, ở số máy tôi đã ghi cho ông. Đừng gọi về Pierre.

— Chúc lên đường may mắn!

Tôi bước đi, ông ta gọi giật lại, tỉnh bơ.

— Trả tiền nước đi chứ!

— Xin lỗi.

— Chuyện vặt vãnh ấy mà!

Sau một ngày, ông ta gọi cho tôi “Chấp nhận cả hai khoản. Chúc may mắn”. Tôi đang ở trong nhà Léonard Sussman, ở đây Léonard đã cho mắc thêm ba đường dây phụ do tôi chịu tiền. Ba người: Léonard, chị vợ Robin và tôi ngồi vào bàn ăn. Hai vợ chồng nhìn mặt tôi:

— Tin dữ à?

— Không. Trái lại.

Thêm một bước. Một bước của vũ khúc.

Một bước quyết định. Bắt đầu rồi.

Tiếng nói trong trẻo dễ nghe của Scarlett từ băng cassette đưa ra:

... Nước cờ thứ nhất: Giao cho Martin Yahl số vốn sau này lão sẽ cần tới. Chìa khóa của việc này dĩ nhiên là Fezzrali. Nhất thiết ông này phải nhận lời, dù thế nào đi nữa anh cũng phải thuyết phục ông ta bằng được. Phải dứt điểm. Ông ta sẽ nghe theo anh vì đã từng là bạn thân

của bố anh và vì trong vụ kinh doanh nhà đất ở Vành Đai Nẵng anh đã tỏ ra có ít nhiều tài năng. Ông ta sẽ nghe theo anh, nhưng chuyện khó hơn là thuyết phục ông ta tham gia với khoản tiền lớn đến thế; không ai làm ăn chỉ bằng tình cảm tốt đẹp, nếu thế chỉ là quà tặng thôi và được miễn thuế. Không, Fezzrali nhận lời vì điều anh đề nghị làm ông ta quan tâm, kể cả các vị hoàng tử quần khăn do ông ta đại diện. Quan tâm trước tiên đến nhóm kinh doanh mà ông ta cho rằng sẽ chinh phục được. Fezzrali nhận lời còn vì ông ta thấy rõ khả năng chiếm được quyền kiểm soát một ngân hàng Thụy Sĩ, điều lâu nay các triệu phú dầu lửa vẫn thèm mà chưa được.

Sau khi được Fezali ưng thuận, được nhận mấy trăm triệu đôla, anh nhờ hấn giúp...

Từ Roma tôi về thẳng New York, bỏ ra gần một tháng thực hiện những hoạt động ngầm; những hoạt động này tự nó đã phức tạp hơn gấp bội vì tôi phải hành động hoàn toàn bí mật, không để lộ - hi vọng thế - cho bọn mật thám của Yahl thuê theo dõi tôi đánh hơi thấy. Thoạt đầu trò ú tim này cũng hay hay nhưng chỉ sau ít bữa tôi chịu hết nổi phải thực hiện biện pháp do Marc Lavater mách nước cho ngay từ đầu: Báo cho cảnh sát việc tôi bị theo dõi.

Bốn tuần sau khi nhận cú điện thoại của Fezzali báo tin ông ta chịu chơi, sau khi kiểm tra thấy số tiền kia đã được chuyển vào tài khoản công ty Liechtenstein của tôi, sau khi thực hiện thỏa thuận về việc thành lập công ty Panama mới mà tôi sắp dùng đến, cuối cùng, sau khi đã bàn bạc nhiều lần với ba luật sư của tôi, sau tất cả những việc đó, tôi đến ngân hàng ở đường Nassau trong khu Manhattan, khu “làm ăn”.

... Nước thứ hai. Anh bạn trẻ Cimbali, sau khi Fezzali nhập cuộc sẽ tới gặp một chủ ngân hàng tên là Stern đã đứng tuổi, định thôi kinh doanh từ hai năm nay. Ông ta đã tưởng để lại cơ nghiệp trong bàn tay tin cậy của cháu nội, nhưng cậu này đã chết, sau đó Stern đổi khác nhiều lắm. Tôi cho rằng ông ta sẵn sàng bán với giá phải chăng các chứng khoán của ông, càng sẵn sàng bán nếu được trả thật cao, cao hơn giá ông ta có thể mong đợi ở khách hàng khác. Tên anh ta là gì rồi, à, Franz. Anh hãy nghe đây Franz và sẽ thấy chuyện này rất đơn giản. Từ ngày bố anh mất đi, từ ngày Martin Yahl nắm quyền lèo lái cái tôi gọi là Curacao Hai, công trình sáng tạo đẹp nhất của tôi, Yahl đã dựng nên trong lĩnh vực riêng của lão mà anh đã biết, một nhóm, đúng hơn là một trong những công ty đa quốc gia mạnh nhất thế giới. Đến nỗi trong thế giới tư bản Phương Tây chúng ta chỉ còn một tổ hợp lớn hơn nó thôi, đó là Unichem. Curacao Hai và Unichem kình địch nhau, ít nhất cũng trên nguyên tắc; trong thực tế thì chúng thỏa thuận ngầm không xâm phạm lẫn nhau và chia nhau phần lớn thị trường thế giới, trong lĩnh vực kinh doanh của chúng. Tương quan lực lượng? Unichem nặng cân gấp đôi Curacao non già vài triệu đôla. Anh vẫn nắm được đấy chứ Franz? Tốt. Bây giờ cần biết cấu tạo của Unichem. Nó là một công ty có bốn lăm phần trăm cổ phần chứng khoán, nằm trong tay những người ít vốn. Do đó - điều này anh cần tìm hiểu thêm nó có vào khoảng hai mươi lăm nghìn cổ đông phần lớn là công dân nước Mỹ tự do. Ta sẽ trở lại chuyện này sau. Còn lại năm lăm phần trăm tức phần lớn hơn, thì nằm trong tay hai gia đình, do hai ngân hàng đại diện, do hai người điều hành, năm lăm phần trăm tương đương sáu trăm bảy chục ngàn cổ phần. Người nắm số lớn những cổ phần này và nắm quyền giám đốc Unichem chính là ông Aaron Stern.

Stern đang ở trước mặt tôi. Tôi phải viết là: Trước mặt chúng tôi. Tôi không đến một mình. Có ba luật sư cùng đi, cả ba đều là môn đệ, học trò cũ của Scarlett mà họ coi là người cha tinh thần. Hơn nữa đích thân Scarlett từ cõi chết trở về đã gọi điện cho họ và yêu cầu họ hết mình

tham gia trận đánh của tôi, tất nhiên tôi phải chi khá nhiều tiền cho họ.

Philip Vandenberg một trong ba luật sư giới thiệu:

— Ông Franz Cimbali, các cố vấn: James Rosen và Joseph Lupino.

Bắt tay nhau. Chủ khách ngồi xuống. Philip Vandenberg được phân công phát biểu. Đó là một chàng người New York, ba lăm đến bốn mươi tuổi, tốt nghiệp Harvard, thông minh như quỷ, lạnh lùng như Thần Chết, dưới mắt anh ta ai cũng bị coi là kiều dân nước ngoài. Khó có cảm tình với anh ta, nhưng tôi chẳng bận tâm. Bữa gặp anh ta lần đầu (anh ta cao hơn tôi một cái đầu), anh ta thẳng thừng tuyên bố nếu không có Carradine “mà tôi đã tưởng chết, như mọi người vẫn tưởng” trực tiếp can thiệp, anh ta dứt khoát không tham gia vào công việc chúng tôi làm. Tuy trận đánh kì lạ này, tôi công nhận là rất hấp dẫn xét riêng về mặt trí tuệ. Anh ta còn nói: Lập nên Equipe gồm có anh, Lupino và Rosen là tập hợp được những bộ óc cừ nhất của thế hệ trẻ New York và các vùng lân cận. “Có tôi, Lupino và Rosen là thừa, nhưng chắc ông già Scarlett ghép chúng tôi với nhau để không anh nào sang làm cho phía bên kia”.

Philip Vandenberg nói mãi. Nhưng Stern nhìn tôi:

— Thế ông Cimbali đại diện cho ai?

— Cho tôi. Franz Cimbali.

— Ông sẵn sàng trả tôi ba trăm năm mươi đôla mỗi cổ phiếu cho đến nay giỏi lắm chỉ bán được ba trăm ba lăm, và hiện giờ trị giá có ba trăm ba mươi?

— Tôi đến vì việc đó.

— Và mua với giá ấy toàn bộ bốn trăm mười ngàn cổ phiếu của chúng tôi?

Tôi đưa mắt cho Philip Vandenberg, anh này được dặn trước bèn rút tấm séc ra khỏi cặp đặt lên chiếc khay rỗng trên bàn.

— Một trăm bốn ba triệu năm trăm ngàn đôla. Trả ngay. Tức bốn trăm mười ngàn lần ba trăm năm mươi đôla.

Tôi không theo dõi đôi mắt mà nhìn chăm chú đôi bàn tay của Stern; trong chớp mắt chợt cảm thấy ông ta sẽ nhận ngay tại trận và thế là hồng bét. Dự kiến điều đó, ba chúng tôi thống nhất cách xử trí: tôi nói ngay bằng giọng thật kiên quyết:

— Thừa ông Stern, tôi không mong đợi ông vội vã trả lời. Tôi biết ông cần suy nghĩ. Nhưng không nên chậm trễ vì tôi không có nhiều thì giờ. Hôm nay là ngày thứ tư, 7 tháng năm, mười giờ mười hai phút sáng. Tôi sẽ có mặt ở đây gặp ông để nhận trả lời vào lúc mười một giờ đúng, ngày mai. Xin chào, hẹn đến mai!

Theo bàn định trước, lúc này Philip Vandenberg phải tỏ vẻ ngạc nhiên và bực mình trước sự vụng về của tôi. Thật ra, chúng tôi nhất thiết phải làm Stern tin rằng thói hăng máu vệt tuổi trẻ và tính huênh hoang của tôi đã cản trở việc ngã giá cuộc thương lượng tuy ông ta sẵn sàng chấp thuận. Hơn nữa tôi không để ông ta kịp mở mồm, tôi đứng dậy và đi thật nhanh ra ngoài. Dừng lại ngay bậc cửa, ưỡn ngực thật hiên ngang, nhại đúng giọng thích hợp: “Ngày mai, mười một giờ đúng”. Rồi đi thẳng; các mưu sĩ tỏ vẻ ngán ngấm trước cơn bốc đồng ngu ngốc của tôi cũng rút lui, mặt lạnh như tiền, chỉ hơi buồn tí chút.

Nước cờ thứ nhất: Fezzali tung ra sáu trăm triệu đôla, những đồng đôla dầu mỏ đang “tìm nơi đầu tư có lợi”. Sáu trăm triệu này đã gửi vào ngân hàng Yahl ở Geneva, do Fezzali đích thân mang đến bờ hồ Léman, trực tiếp gặp Yahl và bàn bạc với lão.

Nước cờ thứ hai: Cuộc gặp Aaron Stern vừa rồi, với trong tay tôi tấm séc hợp lệ của ngân hàng Hoa Kỳ ghi số tiền một trăm bốn ba triệu đôla.

Nước cờ thứ ba: Sau cuộc gặp gỡ Stern anh tới gặp Glatzman. Tốt nhất là ngay trong ngày hôm đó, độ một tiếng sau khi gặp Stern. Văn phòng họ liền nhau, Rosen sẽ thu xếp xong ngay. Sự hấp tấp này rất hợp vai anh phải sắm: Một con chó con hơi huênh hoang. Vì thắng cuộc nên hăng máu chồm lên bất kể ra sao. Không, tôi không bảo anh đóng vai thằng ngu. Chỉ làm mọi

người nghĩ rằng vì anh kiếm được nhiều tiền một cách quá nhanh nên có phần mất tỉnh táo. Bây giờ nói về Glatzman. Anh này khác với Stern, Stern già rồi và muốn bán hết. Glatzman trẻ hơn đến hai chục tuổi, chỉ bán đi nếu có lợi. Chú ý đừng đại đồng kịch với hắn ta, sẽ không đánh lừa được hắn đâu. Đi thẳng vào vấn đề. Nói thật tại sao anh nhất quyết phải nắm lấy hai trăm sáu chục cổ phiếu Unichem mà hắn đang có.

Glatzman nhìn Philip Vandenberg, Lupino rồi nhìn Rosen. Sau cùng nhìn tôi. Nhướn lông mày.

— Gì thế này? Một cuộc chạy đua hợp bạn chắc?

Tôi mỉm cười:

— Xin đợi thêm người đang tới, họ không thuê được taxi.

Anh ta đưa bàn tay mịn màng, mũm mĩm, cầm tờ séc đã xác nhận có chín một triệu đôla.

— Rất nhiều tiền.

— Tôi cũng thấy thế.

— Anh đã qua bố già Stern rồi?

— Vừa từ đó ra.

— Bố nói sao?

— Mai ông ấy mới trả lời.

— Anh cho rằng ông sẽ nhận lời?

— Phải.

Đôi mắt hơi tẻ chăm chú xét nét vẻ mặt tôi trong khi tay anh ta lần lượt đặt trước mặt một cuốn sổ rồi một bút chì. Anh ta tính toán cẩn thận, mỗi con tính đều thử hai lần, xem mình có tất cả bao nhiêu: Bốn trăm mười ngàn cổ phiếu của Stern, hai trăm sáu chục ngàn của anh ta, tổng cộng sáu trăm bảy chục ngàn cổ phiếu giá ba trăm năm chục đôla mỗi cái. “Hai trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đôla.”

“Franz, anh ta sẽ hỏi tại sao anh muốn mua những cổ phiếu ấy”. Glatzman hỏi câu đó:

— Tại sao anh lờng lộng để trở thành người nắm giữ nhiều cổ phần nhất của Unichem?

“Đừng quanh co, Franz. Hãy nói toạc ra”.

— Vì tên tôi là Cimballi, còn kẻ đang điều hành nhóm kinh doanh quốc tế ngoài Unichem tên là Martin Yahl. Ngày nào còn chưa tiêu diệt được Martin Yahl tôi còn chưa yên. Nếu anh không sang tên cho tôi, anh sẽ là một khán giả đứng xem cuộc chiến đấu nhưng sẽ thiệt lớn; đây là một cuộc chiến một mất một còn, hoặc tôi sẽ nổ tung.

“Franz, tay Glatzman trước hết là nhà kinh doanh. Anh làm hắn thắc mắc, hắn muốn biết sức anh có thể đến tận đâu, và cũng do bản tính tự nhiên nữa nên hắn sẽ đặt lại vấn đề. Anh trả giá mỗi cổ phiếu ba trăm năm chục đôla? Hắn sẽ cố nài thêm”.

— Hai trăm sáu chục ngàn cổ phiếu của tôi phải được một trăm triệu, - Glatzman nói.

“Anh phải từ chối”.

— Không.

— Chín trăm triệu mới xong.

Tôi đứng phắt dậy, cổ tỏ vẻ tức giận ra mặt.

— Đừng cho tôi là trẻ con, anh Glatzman ạ! Chín một triệu, không thì thôi. Và anh đừng hiểu sai ý tôi: Tôi chỉ nhận mua nếu số cổ phiếu này đảm bảo tôi là người nắm nhiều cổ phần Unichem nhất. Tự chúng chẳng có ý nghĩa gì với tôi. Tôi chỉ mua nếu chiếm được cả sổ của Stern. Và chỉ trả ba trăm rưỡi một phiếu, không thêm một xu. Thế là cao rồi, và phải trả lời ngay lập tức. Sáng mai, mười một giờ Stern sẽ trả lời. Sau đó nửa giờ, người của tôi sẽ tới gặp

anh. Tôi mua của cả hai người, hoặc không gì hết. Chào.

Trở về Pierre. Ngồi trong chiếc Mercedes 600 tôi thuê, Lupino lầm rầm hát, tay gõ nhịp theo. Tuy tên thế nhưng tóc anh vàng hung, màu tóc vàng thường được gọi là màu vàng vénitienne. Anh ta nháy mắt với tôi, ra ý nói: “Thật tức cười!” Trong ba mưu sĩ, anh ta trẻ nhất, mới hăm hai nhưng đã khá nổi tiếng. Philip Vandenberg nói bằng giọng trầm ấm, lạnh lùng cố hữu: “Đừng quên gọi điện cho Scarlett biết tình hình”.

Tôi tỏ dấu đồng tình, trong lúc xe chậm chậm chạy ngược phố số 6. Bây giờ cuộc chiến đấu đã mở màn, tôi đâm sợ đủ thứ. Ném vào đó những khoản tiền khổng lồ, lực lượng hùng hậu của địch thủ trong cuộc vật lộn sống mái..., tất cả những cái đó đột ngột hiện ra, phóng to thêm do trí tưởng tượng bị kích động mạnh, do bị mệt mỏi rã rời. Tôi có cảm tưởng mình đã qua nhiều ngày đêm không ngủ, mà cũng đúng thế thật, tôi bị kích thích đến độ không tài nào tìm được giấc ngủ ngay cả khi có thì giờ đi tìm. Tôi hỏi băng quơ:

— Có ai đi ăn với mình không?

Philip Vandenberg từ chối với vẻ lịch sự lạnh nhạt mọi ngày, nó làm tôi sồn gai ốc, Rosen nói đã có người mời, chỉ Lupino nhận lời. Đến ngang dốc trung tâm Rockefeller, Vandenberg và Rosen xuống xe. Trước khi đóng cửa xe Vandenberg nhắc:

— Nhớ gọi điện cho Scarlett.

— Cút!

Lupino phá lên cười lớn khi xe lao đi: “Rosen, Glatzman, Stern, Cimbali, Lupino cùng chiến đấu. Vandenberg coi tất cả là kiêu dân. Nhưng thằng côn đồ đểu ấy là luật gia loại cừ, ranh ma gần bằng tôi tuy trông có vẻ học trò ngoan. Franz anh có biết rằng Scarlett đã gom cho anh một Equipe đáng gờm không? Anh có biết. Anh lo lắng à? Đừng, cứ bình tĩnh, anh sẽ thắng. Trò này làm tôi rất khoái. Nó là trò bịp kì lạ nhất trong lịch sử tài chính, theo ý tôi. Xin đề nghị anh chi tiền cocktail, tiền champagne và đồ nhậu, tôi chi cà phê. Được chưa?

Tôi không quên. Tiếng Scarlett qua điện thoại nghe xa vời, vang vang như phát ra từ nhà mồ. Tôi dễ dàng hình dung ông ta, thật dễ dàng hình dung ra ông ta nằm co quắp như chiếc bào thai quái dị da thịt chảy mủ nhầy nhựa trên chiếc ghế sắt đặt trong lồng thủy tinh, một mụ đeo găng che mạng cầm điện thoại dùm ông.

Sau khi tôi nói vài câu, ông ta tỏ dấu ngáp ngừng. Dường như ông ta đã quên mất cả tên tôi, cả lý do khiến tôi gọi điện thông báo cho ông. Sau đó có lẽ đầu óc ông mới tỉnh táo, hoạt động trở lại.

— Đừng quên chi tiết nào, Franz. Tôi cần biết tất cả.

— Tôi không quên gì hết.

Im lặng.

— Bạn trẻ này, được đấy. Tối qua Vandenberg đã gọi cho tôi, chúng tôi đã trao đổi rất lâu. Anh ta đã xác minh tất cả. Vào giờ này, hoặc trong vài phút sắp tới, nếu Stern hoặc Glatzman không bắt tay vào điều đó sẽ làm tôi rất ngạc nhiên - thì tin tức vẫn bay về Geneva. Tôi cũng không ngạc nhiên nhiều nếu Martin Yahl đã hay tin. Dù sao, khi biết tin là lão ra tay liền. Không một giây nào có thể nghĩ rằng lão cam tâm để cho kẻ lão ghét và sợ nhất trên đời lại nắm chồm các công ty địch thủ chính của lão, vả lại có lực lượng gấp đôi lão. Không thể nghĩ rằng lão chịu bó tay, vì lòng căm thù anh đã đành, mà còn vì những tính toán chiến lược trong kinh doanh, vì đây là vận hội giúp lão trở thành số một trong lĩnh vực làm ăn của lão. Lão nhất định sẽ ra tay,

Franz má búng ra sữa hãy tin như vậy. Và lão chỉ có một giải pháp độc nhất: Mau chóng mua với giá cao, với giá đề bẹp mọi giá, toàn bộ sáu trăm bảy chục ngàn cổ phiếu của Stern và Glatzman. Vung lưới gươm chém anh thẳng cánh. Tôi dám đánh cuộc bằng cái chết tức thì, cách chết cực kỳ êm ả cho tôi rằng trong vài giờ nữa Martin Yahl sẽ phản công. Nếu không, tôi không phải là Scarlett Chính anh sẽ phát hoảng trước đòn phản kích chớp nhoáng của lão. Trước lời công bố RMT của lão.



RMT: “Rao Mua Toàn Bộ”. Đó là thuật ngữ chuyên ngành. Có nghĩa: Thông báo công khai qua thật nhiều phương tiện quảng cáo rộng rãi để ai ai cũng biết - người rao phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông báo này - rằng người rao sẵn sàng mua với giá thỏa thuận, dĩ nhiên cao hơn giá hiện hành, toàn bộ chứng khoán của một doanh nghiệp. Mua trong thời hạn nhất định, không hạn chế số lượng. Nói cách khác, người rao cam kết mua tất cả các chứng khoán được đưa đến bán cho anh ta.

Martin Yahl chính thức tung lời “Rao Mua Toàn Bộ” ngày thứ năm, 8 tháng năm, lúc mười giờ sáng, giờ New York. Ai mang bán trong thời hạn này đều được trả ba trăm tám mươi đôla một cổ phiếu, lời rao có giá trị trong mười lăm ngày. Tức đến thứ sáu, 23 tháng năm, lúc mười giờ.

Tôi nhận được tin trong ngôi nhà thuê ở phố 59 dưới tên công ty Panama mới thành lập, trong những điều kiện giữ bí mật hết sức nghiêm ngặt không cho một tay sai nào của Yahl đánh hơi được. Tin do một phụ tá của Rosen báo qua điện thoại từ đài quan sát của anh ta ở ngân hàng dự trữ New York. Để bạn đọc hình dung được phần nào cuộc triển khai lực lượng đã thực hiện từ nhiều tuần nay, từ trước khi tôi đến Roma gặp Fezzali, xin nói rõ: Người phụ tá của Rosen chỉ là một trong số bảy chục người làm việc suốt buổi, chỉ riêng ở New York, dưới quyền bộ tham mưu gồm ba mưu sĩ và bản thân tôi. Có liên lạc chặt chẽ với Scarlett. Bên ngoài New York, còn hơn hai trăm người nữa. Cả một đạo quân.

Lúc tin tới nơi bốn chúng tôi đều có mặt: Philip Vandenberg, Rosen, Lupino và tôi. Chúng tôi biết trước sẽ có tin này vậy mà khi nó đến, cả bốn người không ai mở miệng nói được câu nào trong một lúc lâu. Tôi đứng lên, đi đi lại lại. Đi ngang qua Lupino, cậu này nháy mắt theo truyền thống, Rosen nguệch ngoạc lung tung trên giấy, còn gã Vandenberg lạnh lùng thì nhếch mép cười khẩy.

— Lão rơi hẫng vào bẫy rồi.

Đến lượt Philip Vandenberg đứng lên, nhìn tôi chăm chăm, trong đồng tử sáng lên một ánh chưa từng bao giờ có, có thể nói vừa là tò mò vừa là mẩn mộ. Như thể mới thấy tôi lần đầu. Và nói bằng giọng Harvard cổ hũ:

— Tôi rất kính trọng Scarlett. Bao giờ cũng kính trọng nhưng trong việc này tôi không nghĩ ông ta có thể đúng. Ba trăm tám chục đôla. Lạy Chúa! Không ngờ một chủ ngân hàng cỡ Yahl lại dám trả đến thế. Scarlett đoán đúng: Lão già Thụy Sĩ vì quá căm anh nên mất tự chủ.

Anh ta cao hơn tôi cái đầu. Tôi hỏi:

— Điều đó làm anh thắc mắc?

— Ừ. Vì phải đánh giá con người qua kẻ thù của anh ta.

Tôi tùm tùm. Từ lâu vẫn chờ có dịp làm anh chàng này phải câm mồm.

— Đúng đấy, anh bạn. Vì thế tôi báo cho anh một tin quan trọng: Tôi rất có ác cảm với anh. Có thể nói, tôi không thương được anh.

Năm giờ chiều ngày 17 tháng năm, tôi đi chiếc Fiat rất bình thường của một gã tài xế tốt bụng một cách đáng ngờ và đặc biệt ít nói. Anh ta cho tôi xuống phía sau khách sạn nhỏ gần đường Aurélia ở Roma. Theo hẹn tôi lên lầu một gặp Fezzali đã đợi sẵn.

— Đi đường tốt chứ? Thế chúng ta không trao đổi mật hiệu theo kiểu “Cẩn thận, bồn rửa mặt bị tắc?”

— Đếch cần, tôi bị táo bón. Đề phòng trường hợp tôi không phải tôi, ông không phải ông. Họ vẫn làm thế trong các phim gián điệp.

Fezzali mỉm cười:

— Vẫn ba hoa như thế? Thôi để lần khác sẽ chơi. Tôi phải đóng vai đang họp trong dãy phòng thuê ở khách sạn Hassler, nên không có nhiều thì giờ. Tốt đấy, tình hình diễn ra đúng dự đoán.

— Ông gặp Yahl chưa?

— Một lần thứ nhất ở Roma này. Nhưng không tại đây mà ở Hassler.

— Hồi nào?

— Thứ tư, mừng 7, lúc chín giờ tối.

Ba giờ chiều ở New York. Tôi há hốc mồm: Phản ứng của Martin Yahl nhanh đáng sợ, như Scarlett đã nói trước với tôi. Chưa đến bốn giờ sau khi tôi gặp Glatzman và Stern, lão đã liên lạc ngay với Fezzali, bay tới Roma, mở cuộc thương lượng.

— Lão đề nghị gì?

— Trước hết lão nhắc lại đề nghị của tôi, của hoàng tử Aziz và tôi lúc gửi vào ngân hàng lão sáu trăm triệu đôla. Hồi ấy chúng tôi đề nghị lão giúp đỡ và gợi ý cho cách đầu tư thật có lợi. Lão bảo: “Có dịp may rồi. Tôi có món rất hay dành cho anh. Và lão đề nghị tôi mua nhóm doanh nghiệp của lão giá hai trăm sáu chục triệu.”

— Ông nhận lời chứ?

— Không. Tôi trả hai trăm ba chục triệu. Và thỏa thuận trên cơ sở đó tôi chịu trách nhiệm đảm bảo trong mười năm sắp tới vẫn để lão điều hành nhóm doanh nghiệp này, thống nhất với nhau rằng không thể giao cho ai quản lý tốt hơn lão. Ngoài ra còn đảm bảo thực hiện điều khoản: Unichem không cạnh tranh với nhóm của lão.

Fezzali buồn rầu nhấn chìm xuống bụng vại kem, một lít là ít. Tôi thở dài:

— Đồng ý, lão già lái buôn lạc đà, nếu ông thích làm tôi chờ đợi thì cứ việc đông dài nữa đi. Và muốn buộc mình phải đặt câu hỏi chứ gì! Thì đây, câu hỏi: Việc của tôi ra sao?”

Lão súc sinh dận đà khoái trá nuốt thêm khối kem đủ làm đắm một chiếc Titanic thứ hai. Mãi mới nhìn tôi với vẻ buồn bã:

— Yahl cũng đề nghị tôi mua tất cả các cổ phiếu của Unichem được đưa ra thị trường ngoài số sáu trăm bảy chục ngàn do ngân hàng Stern và Glatzman nắm. Tôi trả lời: Ngay lúc này riêng tôi không thấy có khó khăn gì nhưng trước khi cam kết tôi cần báo cáo và được các hoàng tử chuẩn y. Cách đây hai ngày tôi đã điện sang Geneva báo cho lão tin: Các vị ủy nhiệm tôi đồng ý.

— Ông đã ký kết gì chưa?

— Chưa. Chỉ thỏa thuận mồm thôi. Tóm lại, nếu trừ đi hai trăm ba chục triệu mua nhóm doanh nghiệp Yahl, tôi vẫn còn ở đây ba trăm bảy chục triệu. Tôi cũng bảo lão rằng: Từ nay đến khi hết hạn RMT của lão, khả năng xuất hiện nhiều cổ đông cỡ nhỏ mang bán cổ phiếu là không đáng kể vì tính chất phân tán rời rạc lắt nhắt như bụi sương của họ.

Fezzali lại tọng một vốc kem nữa. Ông ta kết luận:

— Lão công nhận tôi nói đúng.

Ăn hết phần kem, ông ta nhìn chiếc cốc rỗng với vẻ buồn chưa từng có. Hỏi tôi:

— Công việc của anh thế nào?

— Stern và Glatzman đã bán toàn bộ cổ phiếu cho Đảng Tối Cao ngân hàng, vậy là lão trở thành người nắm nhiều cổ phần nhất trong Unichem đồng thời là người quản trị nhóm địch thủ của nó. Còn tôi, thằng nhóc ngây thơ đáng thương quá hăng máu vệt, đành đau khổ đứng nhìn kẻ thù kia trả giá cao hơn và hắng tay trên mất món hàng mình mơ ước bấy lâu. Tiếc chảy máu mắt ra, ông ạ.

— Còn việc kia?

— Các đội của Vandenberg, của Rosen và Lupino làm việc cật lực từ một tháng nay. Tiến

triển tốt.

Hai chúng tôi nhìn nhau. Dám chắc ông ta đã thấy vẻ lo lắng thầm kín lộ ra trên nét mặt tôi.

— Một cốc kem nữa nhé, - Fezzali gạ.

— Chén cốc của tôi đi, như mọi khi.

— Sợ gì, anh trả tiền cơ mà, - Fezzali trả lời đầy vẻ khoan dung.

Tiếng Scarlett vang trong lòng kính:

— Anh bạn trẻ hãy nhớ lại. Nước cờ thứ nhất, anh rủ được các bạn Ả Rập gửi sáu trăm triệu vào ngân hàng Yahl và ba trăm năm chục triệu vào tài khoản của anh. Nước thứ hai anh đến gặp Stern trả ba trăm năm chục đôla một cổ phiếu. Nước thứ ba, cũng trả giá ấy cho Glatzman. Đây là ba nước đầu. Đến thời điểm này nếu mọi việc trót lọt tình thế là như thế nào? Trên lý thuyết và theo tôi biết tính lão, lão sẽ phản ứng và phản ứng rất nhanh. Cậy có hậu phương vững chắc nhờ dựa vào sáu trăm triệu đôla dầu mỏ, cách duy nhất - lão có thể cản trở anh giành được năm lăm phần trăm cổ phiếu của Unichem là tự lão tranh mua bằng một RMT, lão là nhà kinh doanh tín dụng rất coi trọng vỏ ngoài hợp pháp nên lão chỉ có nước chơi RMT. Lão không đủ vốn nhưng có sẵn giải pháp: Sang nhượng nhóm doanh nghiệp của lão cho người Ả Rập. Tôi rất hiểu tay Fezzali: Hẳn không chịu để Martin Yahl moi được của hắn hai trăm năm chục triệu đôla đâu. Chỉ nhả ra hai trăm ba chục là cùng. Yahl muốn đặt giá cao hơn giá anh trả cho Stern và Glatzman tất phải nâng lên ba trăm bảy, theo tôi lão dám trả cao hơn thế nữa để đánh gục anh, để phô bày sức mạnh tuyệt đối của lão. Vả lại dù có trả đến ba trăm tám hoặc hơn một chút lão cũng vẫn lợi chán: Unichem là một doanh nghiệp vững, nó chỉ gồm sự cạnh tranh của nhóm Yahl. Dù lão đã sang nhượng nhóm này cho Fezzali lão vẫn có thể yêu cầu được giữ quyền làm giám đốc, điều mà tôi có thể khuyên lão nên làm.

Ta thử tính toán xem, Franz hay nhảy! Sáu trăm bảy chục ngàn cổ phiếu giá mỗi cái cho là ba trăm tám, nhân lên thành hai trăm năm tư triệu sáu trăm ngàn, quay tròn là hai trăm năm chục triệu. Lão sẽ nhận của Fezzali hai trăm triệu ba trăm ngàn: Còn thiếu mất hăm bốn triệu sáu trăm ngàn. Lão có đủ, nếu trích ở vốn riêng. Lão trích. Mua được toàn bộ cổ phiếu của Stern và Glatzman. Thú vị bắt đầu từ điểm này...

Và hãy nhớ: Lão không điên. Lão biết ở đâu đó trong thiên nhiên vẫn còn độ năm trăm năm chục ngàn cổ phiếu Unichem cũng là đối tượng của RMT. Lão rất rành pháp luật, lão già Martin rất tử tế của chúng ta, lão biết bất cứ ai đưa ra thông báo RMT, cũng bị luật bắt buộc phải mua toàn bộ các cổ phiếu mang đến bán trong thời hạn RMT. Tất nhiên các cổ phiếu này rất tởn tởn, li ti như bụi sương theo cách ta nói, nhưng lão dại gì liều mạng? Sau khi đặt lên bàn hai trăm năm chục triệu đôla để lấy về năm lăm phần trăm cổ phần Unichem, Yahl đã tiêu hao mất phần trăm lớn lực lượng tác chiến. Chỉ còn trong tay độ năm, sáu chục triệu hoặc hơn tí chút, tôi không biết chắc. Cộng thêm ngân hàng của lão nữa, tất nhiên, nhưng đời nào lão dám nhả nó ra, dù có phải chết mười lần! Vả lại số vốn dự trữ này cũng chưa chắc đã huy động ngay được, chúng đang được đầu tư nơi nào đấy, Yahl đâu phải là người kinh doanh ngân hàng! Do đó nếu vì một sự trùng hợp ghê gớm nào mà bỗng nhiên số năm trăm bốn chục ngàn cổ phiếu “thiếu số”, tạm gọi như vậy, xuất hiện hàng loạt trong thời hạn RMT, lão sẽ không đủ sức đáp ứng. Martin Yahl không tin có thể xảy ra chuyện đó và lão tuyệt đối có lý. Nhưng lão rất thận trọng, rất kín cạnh. Nên trước khi lão vào cuộc, lão sẽ yêu cầu Fezzali cam kết mua tất cả các cổ phiếu Unichem xuất hiện trên thị trường, số cổ phần lão không đủ tiền tự mua lấy...

Đó là nước thứ tư...

Tuy không có thì giờ, tôi vẫn không đi thẳng từ Roma về New York. Tôi dừng lại Paris, không lâu, chừng bốn tiếng, giữa hai chuyến bay. Thế cũng đủ để ôm hôn Catherine đến tìm tôi ở Roissy.

— Anh có vẻ mệt.

— Có mệt. Nhưng vẫn không quên lời em hứa.

Đôi mắt ánh vàng lóe lên vẻ ranh mãnh trên người.

— Không hiểu.

— Đừng vờ. Lần đầu tiên, chúng ta ở Bahamas em mặc chiếc áo tắm bé tí tẹo, lần thứ hai ở Paris em mặc tắm áo xanh đầy hoa. Cả hai lần em đều nói: “Em sẽ lấy anh, anh Franz yêu quý, ánh sáng của đời em, thiếu anh cuộc đời này không đáng sống, em sẽ lấy anh ngay khi anh hết ngu ngốc chạy đủ bốn phương và nhảy điệu nhảy điên rồ của anh”.

— Anh tin chắc em đã nói thế?

— Đại ý như vậy.

Nàng không cười nữa, nước mắt trào ra.

— Lạy chúa, - nàng thầm thì, - thế mà em cứ ngỡ anh quên em rồi.

Tôi không đủ thời giờ đi Paris, vả lại cả hai người đều không muốn. Thay vào đấy, chúng tôi cho xe chạy chậm chậm trên con đường làng, Catherine cầm lái, tôi ngả đầu vào vai nàng. Hình như chúng tôi chạy xuyên qua rừng Halatte, đi bộ lên đỉnh gò Aumont, rồi đi về và vào hẻm Senlis đang mùa đẹp tháng năm. Sau đó nàng đưa tôi quay lại sân bay, hai chúng tôi chỉ nói với nhau đôi lời nữa thôi.

— Em này, anh không mất nhiều thì giờ nữa đâu. Gần kết thúc rồi, gần lắm rồi.

— Bao lâu nữa?

— Hai đến ba tuần. Có lẽ không đến. Vũ khúc Cimbali đang kết thúc. Đã bắt đầu những nhịp cuối cùng.

— Và sẽ xảy ra điều gì?

— Điều phải xảy ra khi vũ khúc chấm dứt, đàn vĩ cầm ngừng bật. Mọi người trở về nhà mình. Đóng kín cửa, treo tấm biển: “Xin miễn gọi”.

— Nước thứ năm, chàng trẻ tuổi Cimbali. Nếu tất cả, nếu toàn bộ diễn biến đúng với dự kiến, lúc này cần nhớ đến số ba trăm năm chục triệu của Fezzali chuyển vào tài khoản của anh trong khi gửi vào ngân hàng Yahl tại Geneva sáu trăm triệu. Anh đã sử dụng số tiền ấy lần thứ nhất để bảo chứng những tấm séc giro ra trước mắt Stern và Glatzman tuy không có ý định giao hẳn cho họ. Lần này anh sẽ thực sự dùng đến chúng trong kế hoạch gọi là “Đại Càn Quét”. Hãy nhớ: Phải luôn luôn kiểm soát, nuôi dưỡng, đẩy mạnh nó. Tất cả sẽ phụ thuộc vào thành công của nó. Phải đánh giá từng ngày, từng giờ, thúc người, dù chỉ một phút. Nếu họ kêu ca, thưởng thêm tiền cho họ...

Việc này bắt đầu làm từ trước khi tôi gặp Fezzali ở Roma để yêu cầu bỏ ra ngót một tỷ đôla. Cả bộ máy đã hoàn chỉnh trước khi ông ta ưng thuận, nên ông ta vừa chấp nhận là cỗ máy lập tức khởi động liền. Nó là cái gì?

— Franz! Anh có hai khả năng để lựa chọn. Một là thành lập “Hội bảo vệ các cổ động nhỏ” bằng cách làm như đang có âm mưu chuẩn bị một vụ lừa đảo các cổ đông “thiếu số”. Hoặc tốt hơn hết là tìm mọi cách mua thật nhiều cổ phiếu để bán lại cho các hoàng tử Ả Rập như đã hứa với Fezzali. Chi tiết cụ thể của vụ “Đại Càn Quét” chứng khoán lớn nhất và kín đáo nhất trong

lịch sử thị trường chứng khoán này, hãy để Vandenberg, Rosen và Lupino hành động, nhất là Rosen, thiên tài trong việc này. Không phải bỗng dưng mà tôi tuyển chọn mấy gã này. Họ sẽ mộ ngay được cho anh vài ba trăm dân hàng xách. Những tay cừ nhất và kín như bưng.

Dĩ nhiên tôi phải bỏ tiền thuê bọn dắt mối, tiền trả công cắt cổ cho Vandenberg, Rosen và Lupino, tiền trả cho tay chân của họ đông vô kể. Đó không phải là chi phí duy nhất tuy đã rất tốn kém. Tôi hứa sẽ bán lại cho Fezzali tất cả các cổ phiếu “thiếu số” mà tôi kiếm được, tức là số nằm ngoài chỗ năm trăm phần trăm do Yahl mua. Fezzali vừa ngoạm kem vừa nói:

— Đồng ý. Nhưng mặc dù ông cụ anh là bạn thân, tôi không nhất thiết phải tỏ ra hoang phí vô độ. Anh cứ việc dùng số tiền ba trăm năm chục triệu tôi cho vay để “ra mắt” mà mua, rồi bán lại cho tôi. Tôi sẽ mua hết, nhưng xin bình tĩnh: Cổ phiếu Unichem hiện nay trị giá có ba trăm hai tám, tôi sẽ trả cho anh ba trăm ba chục.

— Tôi phải trả cho cổ đông những ba trăm tám để thuyết phục họ bán cho tôi!

— Đây là vấn đề của anh, anh bạn trẻ. Không phải của tôi.

Ông ta lại ngoạm món kem chết tiệt:

— Ba trăm ba, không thêm một xu. Bỏ tiền túi ra mà bù chênh lệch.

Martin Yahl tung thông báo RMT ngày thứ năm, 8 tháng năm. Nó sẽ hết hiệu lực ngày thứ sáu, 23. Chiến dịch “Đại Càn Quét” do Scarlett đề xướng bắt đầu hai mươi sáu ngày trước đó, ngày 10 tháng tư. Ngày ấy khoảng hai trăm người môi giới do các luật sư mưu sĩ của tôi tuyển mộ bắt đầu xung trận. Mệnh lệnh: Trước hết tìm cách mua tối đa số cổ phiếu, chỉ khi nào cổ đông không thuận rồi bỏ cổ phiếu mới rủ họ gia nhập “Hội bảo vệ cổ đông nhỏ”. Tất nhiên phải tiến hành mọi việc thật bí mật.

Để tiện theo dõi từng phút diễn biến cuộc càn quét phi thường này tôi đã biến các văn phòng thuê tại phố 59 thành một sở chỉ huy thực thụ. Không dưới một tá nữ báo vụ viên chịu trách nhiệm thu thập báo cáo của các người môi giới, trong đó có những người truy bám các cổ đông đến tận nơi ẩn dật vàng son của họ ở vùng Jamaïque, ở trên các hòn đảo của Hy Lạp, bên Thụy Sĩ, thậm chí đến tận Scottsbluff ở Nebraska. Ngoài số tiền công khá thơm tất, các tay môi giới còn được hưởng một ngàn đôla cho mỗi hai trăm cổ phiếu mua được. Đây là sáng kiến của Rosen lúc nào cũng rất rộng rãi bằng tiền của tôi. Hắn là một gã Do Thái bé nhỏ, lăm lè và ủ rũ, làm việc cực kỳ chăm chỉ, có năng khiếu về tổ chức và làm việc tập thể tựa như Mozart trong âm nhạc. Nghị lực, sức bền bỉ của hắn thật dữ dội.

Thứ tư, 7 tháng năm, một giờ trước khi chúng tôi đến chỗ Stern. Rosen tổng kết tình hình chung lần thứ nhất:

— Cổ phiếu Unichem ổn định từ năm năm nay và vẫn tiếp tục. Các người môi giới của ta không cứng nhắc đòi mua lại Unichem mà thường gạ đổi bằng những cổ phiếu loại một: Của IBM, Royal Dutch, General Motor và Hoffman, La Roche do tôi cấp cho. Thông thường họ khéo léo làm cho các cổ đông tự mình xin đổi cổ phiếu Unichem vì nó không ổn định bằng các thứ kia.

— Con số cụ thể?

— Đến hôm nay đã tiếp xúc tám ngàn cổ đông. Sáu tám phần trăm nhượng lại cổ phiếu, hai

bảy phần trăm xin gia nhập hội. Cộng mua được một trăm ba lăm ngàn cổ phiếu, và qui tụ được bốn tám ngàn trong hội.

— Trên bao nhiêu?

— Năm trăm bốn tám ngàn.

— Còn xa mới đạt mức!

— Đừng quá tin vào con số. Chúng tôi tiến nhanh hơn là vẻ bên ngoài. Đến nay mới tiếp xúc với những cổ đông loại nhỏ, nhiều người chỉ có một hoặc hai cổ phiếu. Từ bữa qua bắt đầu tập trung hỏa lực vào những cổ đông loại bự, có người có đến hai chục ngàn cổ phiếu trong ví. Số này về một mặt nào đó lại dễ thuyết phục: Họ theo dõi thị trường chứng khoán chặt hơn, nên khi thấy ta trả mười phần trăm cao hơn giá của RMT sẽ trả thì...

— Trả thế làm tôi mất cả một gia tài lớn.

Vandenberg nhếch mép. Tôi rất quý anh ta.

— Trả thù thì phải trả giá đắt, - anh ta tuyên bố.

Quả nhiên tôi mất vào đấy một gia tài lớn. Ngày 12 tháng năm, tổng số cổ phiếu “thiếu số” chui vào tay tôi bằng sang nhượng và bằng sự tập hợp trong hội đã vượt qua mức ba trăm ngàn. Hai ngày sau lên ba trăm năm chục ngàn. Sau đó, các con số trên bảng do Rosen đặt trong văn phòng số 59 thay đổi từng giờ. Và cứ vọt lên mãi với sức mạnh không gì cưỡng nổi của triều dâng. “Giá sắp công bố của RMT cộng thêm mười phần trăm”, các người môi giới theo lệnh Rosen đảm bảo với mọi cổ đông bằng lòng sang nhượng. Điều đó có nghĩa là tôi phải mua cổ phiếu với giá bốn trăm mười tám đôla và sẽ chỉ bán lại cho lão Fezzali khốn kiếp được có ba trăm ba mươi đôla. Sáng 22 tháng năm sơ kết, cộng tất cả các khoản tiền công, tiền thưởng, tiền kinh phí của người môi giới, tiền giờ công để vương của Vandenberg, Lupino và Rosen, lương các người giúp việc họ, tiền thưởng đủ thứ để mua hàng trăm ngàn cổ phiếu sẽ bán lỗ vốn, cộng các thứ tiền chi phí khác, tiền hối lộ cửa này cửa kia, tôi đã tiêu hết ba mươi triệu sáu trăm ngàn đôla. Bay theo gió hết.

Nhưng kết quả đã hiển nhiên, đầy sức quyến rũ trong sự tàn nhẫn khó tin. Martin Yahl tung ra thông báo RMT, đã bỏ ra - kể cả tiền bán nhóm doanh nghiệp ăn cắp của bố tôi - tổng cộng hai trăm năm mươi triệu sáu trăm ngàn đôla, chắc chắn thực tế còn hơn vì còn nhiều khoản chi phí khác. Lão đã rút khoảng hai chục triệu. Sáng thứ năm 22 tháng 5, trong lúc tôi vừa tính sổ trong căn phòng khách sạn Pierre vừa nhìn ban mai hiện lên trên công viên Central Park, tôi thích thú nghĩ rằng lúc này chắc lão ta cũng đang tính sổ. Có lẽ lão đang vui mừng nhấm nháp thắng lợi ở Geneva hay Zurich, tôi chẳng biết lúc này lão đang ở đâu. Ở New York đã sáu giờ sáng, cả đêm qua tôi không chợp mắt, mấy đêm trước cũng thao thức không kém, nhưng vì quá căng thẳng nên không tài nào ngủ được. Bên Thụy Sĩ mười hai giờ trưa.

Chắc lão vẫn còn ở văn phòng, lão là người có kỷ luật, chính xác, cứng rắn. Tôi nhắc máy quay số của ngân hàng ở bên General Guisan tại Geneva.

— Tôi muốn gặp riêng đích thân ông Martin Yahl.

— Ông là ai xin cho biết tên.

Chợt nhớ đến một cái tên:

— Hoàng tử Henri D’Orléans.

Sau vài giây, giọng của lão, lạnh lùng, pha giọng Đức.

— Rất sung sướng được tiếp chuyện Đức Ông.

Tôi không nói. Lắng nghe sự im lặng từ hơi thở của lão toát ra. Ở đầu dây đằng kia lão tỏ ra lo lắng trước sự im lặng này.

— Allô? Allô? Allô?

Tôi gác máy. Lúc tám giờ kém mười lăm, tôi đi dạo buổi sáng New York, ngược đại lộ 5 rất từ từ, la cà, nhấm nháp hai tách cà phê kinh tởm như nhau. Dù sao, không khí thoáng và đầm ấm. Khi bước vào căn phòng số 59 đã gần chín giờ. Rosen và Lupino đã có mặt hoặc vẫn còn ở đó. Cặp mắt đen của Rosen bắt vào mắt tôi, anh trả lời khi tôi chưa kịp hỏi.

— Mua ba trăm chín mươi ngàn, tập hợp trong hội một trăm ba mươi ngàn. Cộng bốn trăm bảy tư ngàn.

— Còn lâu nữa?

— Chưa chắc, theo tôi, đầy ắp rồi.

Kể từ lúc biết giấc ngủ đã bỏ đi, tôi cương quyết vùng khỏi giường đến bây giờ, đây là lần thứ một trăm tôi xem đồng hồ: Chín giờ hai phút sáng. Thời hạn của RMT sẽ chấm dứt sau hai mươi bốn giờ năm mươi tám phút. Tôi ngồi xuống, chân tê mỏi.

— Bốn trăm bảy tư ngàn cổ phiếu giá...

Điện thoại réo, Lupino nhắc máy đưa ống nghe cho tôi:

— Franz hỏi?

Fezzali gọi.

— Franz, tôi đang ở sân bay Roma. Sắp lên đường. Ông bác thân thiết của tôi đang bệnh nặng, một mình giữa sa mạc nơi không có điện thoại, điện báo, radio. Hai ngày đi, hai ngày ở hai ngày về. Trong sáu ngày đó không ai tiếp xúc được với tôi, dù có việc thật hệ trọng. Không một ai có thể đâu, Franz! Anh hiểu chứ?

— Hiểu.

Đường dây nín lặng. Philip Vandenberg bước vào. Anh ta chắc cũng không ngủ được nhưng vẫn mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao, trái hẳn với Rosen trông chẳng khác một chiếc bao tàng. Tôi nói, với anh ta và với tất cả:

— Trong sáu ngày tới không ai có cách gì liên lạc với Fezzali.

Không cần nói rõ thêm: Chỉ Fezzali mới có quyền sử dụng mấy trăm triệu đôla dầu mỏ gửi ngân hàng tư nhân Martin Yahl. Các người có mặt ở đây cũng như tôi đều thấy rõ sức nặng của thông tin này. Thêm một bộ phận nữa của cạm bẫy vừa được lắp đặt, Tôi làm tiếp con tính bỏ dở khi Fezzali gọi máy: Bốn trăm bảy tư ngàn cổ phiếu, giá mỗi cái ba trăm tám, vị chi một trăm tám chục triệu một trăm hai chục ngàn đôla.

Đó là số tiền Martin Yahl, theo đúng luật, sẽ phải chi trả. Và lão sẽ phải trả lúc tôi đưa bán bốn trăm bảy tư ngàn cổ phiếu này ra bán khi thông báo RMT của lão sắp hết hạn. Cổ nhiên, tôi chỉ để cho lão một khoảng thời gian tối thiểu. Vài giờ là cùng.

Theo Scarlett, theo Lavater và các điều tra viên của anh ta, theo tất cả những dự đoán chúng tôi đã phân tích thì Martin Yahl có nhiều nhất, đến ngày thứ năm, 22 tháng năm này, khoảng sáu chục triệu đôla, nhưng không phải tất cả đều có thể huy động ngay. Đây là nói trong trường hợp tốt nhất (cho lão). Và trong trường hợp tốt nhất này, lão sẽ phải kiếm được đủ một trăm hai chục triệu đôla trong quãng thời gian để băng qua một đường phố.

Lão đã cạy vào tiền của Fezzali, thậm chí số tiền này đã nằm sẵn trong két lão. Nhưng sự ra đi không đúng lúc của gã Libanais, lệnh gã giao cho người tạm thay: “Không được làm bất cứ điều gì”, đã làm kẹt cứng số vốn mà Yahl hy vọng sử dụng.

— Nước thứ sáu, anh bạn trẻ Cimbali: Đưa cho lão cả gói, ngay trước khi kết thúc đợt RMT của Martin Yahl một chút thôi, càng nhiều cổ phiếu “thiếu số” càng tốt, cả thứ sang nhượng và thứ của “Hội bảo vệ” tập hợp được. Lão sẽ không có tiền mua. Lão quay sang Fezzali cửa đóng

vì một lý do anh sẽ tìm lấy. Dù bị đòn choáng váng này vào phút cuối cùng, Martin Yahl vẫn còn hy vọng: Vay mượn của các nhóm tài chính khác. Lão sẽ cố. Dù sao lão vẫn còn mấy chục triệu đôla, còn cả ngân hàng của lão. Đúng lúc ấy anh cho khởi động cái anh đã tiết lộ với tôi.

“Cái tôi đã tiết lộ với Scerlett” bắt đầu khởi động cũng vào ngày thứ năm 22 tháng năm, dưới hình thức hai cột báo cùng xuất hiện trên tờ báo Thế Giới ở Paris, tờ Thời Báo Tài Chính ở London, tờ Bưu Điện Washington ở Hoa Kỳ, tờ Diễn Đàn Geneva, tờ Bild Zeitung của Hambourg (đăng tải trên ba cột, kèm ảnh của Martin Yahl, trên trang nhất) và tờ Allgemeine Zeitung ở Frankfurt. Nhìn chung các báo đều dựa theo tư liệu tôi kín đáo cung cấp cho họ, xoay quanh chủ đề: Vụ RMT khác thường của viên cựu giám đốc ngân hàng Quốc Xã đánh vào một doanh nghiệp người Mỹ gốc Do Thái.

Tập hồ sơ này đã ngốn của Lavater và tôi bốn năm tìm kiếm và cơ man tiền của. Thực ra nó cũng không đầy đủ và sắc bén như chúng tôi mong muốn. Nhưng nó cũng xác minh không thể chối cãi mối liên hệ móc ngoặc của gia đình Yahl, của bản thân Martin Yahl với Heinrich Meinhardt, chỉ huy đội biệt kích do Hitler phái sang Thụy Sĩ mùa xuân 1933 để thu hồi toàn bộ của cải của người Đức, nhất là những người Đức gốc Do Thái giấu trong két các ngân hàng Thụy Sĩ, hồ sơ có đủ tư liệu về sự cộng đồng tinh thần giữa chàng trai Martin Yahl với những kẻ như tên Gaufurher Thụy Sĩ Robert Tobler ở Zurich và tên đã sáng lập các chi nhánh phát xít bên Thụy Sĩ là Arthur Fonjallaz: Hồ sơ cũng chỉ rõ ít ra có một lần ngân hàng Yahl (kẻ trực tiếp đứng ra thi hành là Martin Yahl chứ không phải người bố) tổ chức “hồi hương” các khoản vốn của người Đức gốc Do Thái trong những điều kiện không bình thường. Chẳng hạn như nó đã chuyển khoản sang cho một ngân hàng Đức số tiền do một nhà ngân hàng Do Thái ở Hanovre gửi, viện cớ việc chuyển khoản này là do con trai nhà ngân hàng Do Thái yêu cầu khi anh ta đến ngân hàng Yahl với hai người bạn áo mưa kèm hai bên và đưa ra tờ lệnh chuyển viết bằng tay run run. Hồ sơ còn chụp những tấm ảnh chụp Martin Yahl đứng bên các chiến hữu SS nhân cuộc sang Nuremberg năm 1941. Đặc biệt nó còn lưu lại lá thư Yahl viết cho một quan chức của Volksdeutsche Mittelstelle, cơ quan cai trị của SS trong đó liệt kê danh sách - Bổ sung vào bản đã nộp, thư viết thể - những khách hàng Do Thái - Đức có tiền gửi và có khả năng bắt tiền phải “hồi hương”. Những sự tiết lộ như thế cho “người thứ ba” nắm được, dù người đó là ai, hơn nữa đây là bọn Đức Quốc Xã, rõ ràng là sự vi phạm điều 47 đạo luật của Liên Bang Thụy Sĩ về kinh doanh ngân hàng và quỹ tiết kiệm, đề ngày 8 tháng mười 1943. Chính đạo luật này đã đặt ra thể thức “tài khoản đánh số” để giữ bí mật tiền gửi của khách hàng, như các ngân hàng Do Thái này.

— Bạn Cimbali, sau nước cờ anh vừa đi, lão sẽ, chắc chắn lão phải cảnh giác. Lão biết không thể có một nhóm ngân hàng nào nhất là của Thụy Sĩ có thể trong khoảng thời gian ngắn lại thường như thế lại dám chạy đến cứu nguy cho lão. Hãy đặt mình vào địa vị những người kinh doanh ngân hàng: Lúc đầu họ cho thấy là một RMT, gần như bình thường, được thực hiện thường xuyên ở Hoa Kỳ, cả bên Châu Âu tuy có ít hơn. Nhưng tình hình vừa qua chứng tỏ thực ra đây là một trận đấu khùng khiếp giữa ngân hàng Yahl là một địch thủ ẩn danh: Hàng trăm ngàn cổ phiếu bỗng xuất hiện đột ngột và rất muộn màng, những bài tố cáo trên báo... Địch thủ nào vậy? Chẳng ai biết. Vậy đại gì can dự vào cuộc chiến lúc chưa biết địch thủ là ai, lúc thời hạn chỉ còn hai mươi bốn giờ? Này anh bạn Franz hay nhảy, nên nhớ: Trong giới tài chính, khi thấy có kẻ sắp chết đuối, người ta liền ngoảnh mặt nhìn đi nơi khác. Yahl bị cô độc. Nước cờ thứ bảy của cậu rất đẹp, cậu bé! Hãy để tôi đi nước thứ Tám...

Giọng nói bình thản, lạnh lùng, có giáo dục của Philip Vandenberg, giọng nói của bác sĩ phẫu

thuật đỉnh đặc giữa im lặng trong phòng mổ, cất lên:

— Thưa ông Yahl, tôi vừa nói với ông. Nói tên tôi, tư cách là gì, của ai, do ai uỷ quyền tiếp xúc với ông.

— Tôi nghe rõ tất cả những điều ông ta nói. Tôi chỉ muốn hỏi ông gọi tôi có việc gì.

Tôi đã nghe giọng nói của Yahl hàng ngàn lần, có lần còn nghe cả trong mơ nữa, những đêm ở Kenya rung rinh, những đêm Hong Kong ngọt ngào. Nhưng chưa lần nào nó vang âm trong tai như lần này, không bao giờ căng, đục như lần này, giọng của người bị buộc phải chấm dứt chiến đấu mà biết chắc mình không thể chiến thắng.

— Thưa ông Yahl, tôi là Philip Vandenberg, trông coi một phòng luật sư quan trọng ở New York. Tôi từ đây gọi chuông, theo lời dặn của ông John Carradine, tôi được uỷ nhiệm không phải của cá nhân ông ta mà của các thân chủ do ông ta đại diện để trả cho ông năm trăm ngàn đôla Mỹ đổi lấy sáu trăm bảy chục ngàn cổ phiếu Unichem ông đang nắm giữ. Nếu ông thuận bán với giá dứt khoát như thế, thân chủ tôi cam kết bằng văn bản sẽ đảm nhận RMT của ông và kết thúc nó.

Im lặng một lát.

— Ông vừa nói số tiền bao nhiêu?

— Năm trăm ngàn đôla. Còn một điều này nữa, ông Yahl.

Với thái độ bình thản của nhà phẫu thuật, Philip Vandenberg mở mạnh tờ báo, cố ý làm tiếng giấy sột soạt lọt được vào ống nghe xuyên qua Đại Tây Dương.

— Thưa ông, trước mắt tôi là bản photo mới nhả hôm qua, chụp lại lá thư ông viết ngày 11 tháng hai 1935 gửi cho người tên là Joachim Schaer, thuộc chi nhánh hải ngoại của đảng Quốc Xã ở Berlin.

Thực ra trước mặt Philip Vandenberg lúc này là bài tường thuật buổi diễn một vở ca kịch thử nghiệm bị giới phê bình coi là thất bại thảm hại.

— Thưa ông Yahl, thời hạn RMT của ông kết thúc sau hai giờ nữa. Ông không có khả năng đáp ứng đòi hỏi của người bán cổ phiếu do chính ông mời đến. Mong ông hãy chấp nhận đề nghị của thân chủ tôi...

— Họ là ai?

— Tôi không được phép tiết lộ.

— Có phải Franz Cimbali không?

— Xin cam đoan không phải người này.

Điều đó rất đúng sự thật, không phải tôi đứng ra - ít nhất trong lần này - trả năm trăm ngàn đôla là hoàng tử Aziz.

—... Không phải người này. Mong ông chấp thuận lời đề nghị, như vậy ít ra ông còn giữ được ngân hàng. Đó là lời khuyên của ông John Carradine bảo tôi chuyển tới ông. Nếu ông cần trực tiếp nói chuyện với ông Carradine tôi có thể...

— Không... Không.

Giọng Martin Yahl rất đục, rất khó nghe. Cặp mắt xanh lơ lạnh lẽo của Philip Vandenberg rời tờ báo đi tìm mắt tôi, trong con ngươi màu sáng có câu hỏi: “Đứng trước kẻ thù đã chết ta cảm thấy gì?”

Vandenberg nói tiếp vẫn bằng giọng lạnh lùng ấy:

— Thưa ông Yahl, bây giờ là tám giờ bốn phút, giờ New York. Hai người cộng sự với tôi trong vụ này ông James Rosen và Joseph Lupino vừa tới Geneva. Họ đang ở chỗ ngân hàng Quốc Gia Thụy Sĩ cách chỗ ông có vài trăm mét. Họ đợi ông làm thủ tục bán sáu trăm bảy chục ngàn cổ phiếu Unichem giá năm trăm ngàn đôla. Họ có đủ tư cách đảm bảo với ông là các thân chủ của tôi cam kết sẽ mua hết số bốn trăm bảy mươi ngàn cổ phiếu mà ông không có sức mua. Sau khi được ông bán cho, họ sẽ liên lạc với văn phòng chúng tôi ở New York.

— Anh bạn trẻ Cimballi, sau nước cờ thứ tám, Yahl đã bán lại với giá hai trăm năm mươi triệu sáu trăm ngàn đôla hoạt ít hơn tí chút. Anh thử tính xem lão thua lỗ chừng nào. Tất nhiên chưa sạt nghiệp. Lão còn nhà ngân hàng, đối với lão nó có giá trị hơn tất cả, vì nó mà lão chấp nhận mất trắng hơn một phần tư tỉ, với nó lão hy vọng sẽ làm lại tất cả, ít ra ở tuổi ngoài sáu mươi của lão, cũng hy vọng trả lại được và tu bổ một phần nào lực lượng của lão.

Lúc này ta đi nước thứ chín, lão bị chiếu bí và chịu thua cờ, như tôi đã tuyên bố.

Marc Lavater là người đi nước cờ thứ chín. Anh ta có nhiều bạn thân bên Thụy Sĩ. Đặc biệt có nhà kinh doanh ngân hàng ở “Ban theo truyền thống” bên đó, đang làm chủ tịch liên hiệp các ngân hàng Thụy Sĩ. Sau khi hẹn qua điện thoại Marc Lavater đến đại sảnh khách sạn Dolder ở Zurich. Mang theo chiếc vali nhỏ đựng tập hồ sơ, trong đó có những tư liệu đã cung cấp cho báo chí, thêm bản khai của John Carradine, nội dung ghi ở Nevada theo đúng thể thức pháp luật, nói về toàn bộ các mảnh khoe biển Curacao Một thành Curacao Hai, nói cách khác, về vụ trộm cắp có tầm cỡ này.

Ngày hôm sau thứ ba 27 tháng năm đích thân Martin Yahl tới Zurich, do các đồng sự mời đến dự cuộc họp thực chất là phiên tòa xét xử lão. Lão biết cái gì đang chờ đợi mình, và thực tế đã diễn ra đúng như lão đoán.

— Anh bạn trẻ Cimballi, nước thứ chín là nước khủng khiếp nhất. Lão sẽ đến đấy, trước mặt các đồng sự đồng thời là quan tòa Franz, người đã nhảy vũ khúc tử thần xung quanh lão, Franz có thể vui mừng được rồi đấy, thời cơ đã đến. Franz nên biết: Ở Thụy Sĩ có rất đông những kẻ dùng tiền của người Do Thái, người Ả Rập, của bọn vua chúa da đen, bọn độc tài các cỡ thiên tả và thiên hữu, bọn lái buôn ma túy và vũ khí... để làm những việc như Martin Yahl, tệ hại hơn Martin Yahl. Riêng Martin Yahl đã bị tóm cổ, chuyện của lão được công bố, hồ sơ của lão kèm theo lời thú tội sẽ bị công bố tiếp nếu lão không chịu tuân theo tối hậu thư: Ngay lập tức và vĩnh viễn từ bỏ mọi hoạt động kinh doanh ngân hàng và tài chính có liên quan nhiều hoặc ít với Thụy Sĩ. Franz, anh chưa làm cho lão phải khuynh gia bại sản, đó là điều không thể làm nổi. Nhưng lão đã bị anh hủy hoại. Bị hủy hoại như chính tôi đây, chỉ còn nằm chờ cái chết ngọt ngào.

Tôi ăn trưa cùng với Rosen và Lupino, còn Philip Vandenberg vẫn như mọi bữa, không rảnh. Tối, tôi khoản đãi chia tay Léonard Sussman và chị vợ Robin. Trở về Pierre ngồi uống champagne một mình. Cho đến lúc ngủ gật.

Sáng hôm sau Fezzali gọi điện.

— Anh bạn thân mến, chúng ta gặp nhau chứ?

— Không gặp ngay được.

— Các hoàng tử và anh em các vị đó có những dự án bàn với anh. Anh đã khiến họ rất chú ý.

— Không gặp vào lúc này.

Tôi gác máy. Bộ phận tiếp tân đã báo: Mua được vé máy bay rồi, sắp có người đến lấy hành lý.

Tôi ngắm nhìn công viên Central Park.

Nghĩ đến Sarah và Joachim, đến Hyatt và Li và Lui, đến gã Thổ và cô Ute Jenssen, đến David, Léonard và Robin Sussman, đến Marc và Fransoir Lavater, đến Philip Vandenberg, Rosen và lupino với cặp mắt đồng lõa, tôi nghĩ đến Robert Zarra và Suzie Kendall tuy hai người là hai thể

giới khác biệt, nghĩ đến ông Hak. Rồi lại nhớ Sarah, nước mắt trào lên.

Chuông reo rất lâu, không ai trả lời: Tôi hình dung mấy chị y tá bận blouse hồ cứng, tay chắp trước bụng, lưng thẳng chân đất đi tới trong im lặng nhà mồ. Mãi mới có người nhấc máy, tôi xưng tên, xin gặp ông ta, và được trả lời: Ông đã chết từ mười ngày trước đây, không hiểu làm cách nào ông lết được trên cát bỏng của khu thung lũng Thần Chết, vây quanh ngôi nhà kiểu Tây Ban Nha - Hồi Giáo, lết đến tận nhà để xe, kiếm được xăng tưới lên người, chấm dứt dòng mủ chảy ra từ thân thể ông ta. Ông không chịu thoi thóp nằm chờ cái chết ngọt ngào đến giải thoát cho mình.

Tiếng nói của Carradine tức Scarlett đã chỉ dẫn tôi trong trận đấu cuối cùng này thế là đã từ thế giới bên kia vọng về.



Tôi bảo Catherine:

— Ý của em không xài được. Giữa tháng bảy này đừng hòng kiếm nổi phòng trọ ở St. Tropez. Nếu có, thì với giá cắt cổ. Làm như anh là tỉ phú không bằng!

— Còn gì nữa, anh là tỉ phú rồi.

Chúng tôi vừa cưới nhau cách đây chưa lâu, tại nơi xó xỉnh Fournac mà chúng tôi tìm cách rời xa thật nhanh. Vừa ra khỏi làng Catherinee nặng nề đòi lái, nói cô có sáng kiến tuyệt vời cho cuộc du ngoạn tân hôn này.

Ngày 2 tháng bảy, vào lúc mặt trời rõ ràng đang định biến đi, chúng tôi vào St. Tropez, không vào hẻm St. Tropez vì cô vợ thân yêu của tôi rẽ phải về hướng Ramatuelle. Đầu tôi ngã trên vai cô, tôi hoàn toàn sung sướng. Tôi nói, mắt vẫn nhắm nghiền:

— Cẩn thận, độ ba chục mét nữa đường hẹp đấy.

— Em biết rồi, biết rõ đang đi đâu và tại sao lại đến đây. Anh biết từ lâu mẹ em là em họ Martin Yahl, chính bà đã gửi về Kenya cho anh mảnh giấy nợ, biết rõ em là ai, biết tại sao mẹ lại nhìn anh, nhìn chúng mình với cặp mắt hôm ấy.

Chúng tôi hôn nhau, một mảnh sườn chiếc Ferrari bật tung lên bức tường bên đường, Catherine bảo: “Loại xe Ý này không bám đường mấy”.

— Từ lúc mười lăm tuổi mẹ em đã yêu bố anh, nên khi ông qua đời, tuy biết nhưng không có bằng chứng, ông anh họ chỉ là thằng khốn khiếp ghê tởm, mẹ em đã mua lại ngôi nhà St. Tropez và giữ nó nguyên vẹn như trước kia.

Chúng tôi lại hôn nhau, đuôi trái xe quẹt vào cột điện thoại.

— Thế cuộc gặp nhau ở Bahamas?

— Marc Lavater không nói với anh sao? Anh ta ở đấy lâu thế. Chính anh ấy nói cho mẹ biết anh sắp đi Nassau. Em chỉ còn kịp nhảy lên máy bay cùng với các bạn người Anh. Em muốn xem bộ mặt anh lúc ấy!

Đường càng lúc càng hẹp, lúc chúng tôi hôn nhau lần nữa thì đuôi xe quẹt vào bức tường thấp.

— Em lái xe chắc hơi nhanh?

Càng tới gần cô càng tăng tốc độ. Như trong một trò chơi, cả hai chúng tôi đều bồn chồn, cuống quýt. Hết đường nhựa, đến con đường nhỏ gần như đường mòn.

— Dừng lại.

Cô đạp phanh.

— Anh muốn xuống đi bộ.

Cô im lặng nghe theo, trên môi nở nụ cười nửa miệng, bây giờ tôi đã biết nó là dấu hiệu cô đang vui sướng trong lòng.

Tôi đi vòng quanh xe, nắm tay cô dắt đi trên con đường mòn. Cả hai chúng tôi đều thấy mình vừa muốn khóc vừa muốn cười lên, bước đi thật chậm, cố nén nổi bồn chồn, tận hưởng thời gian đã thuộc về chúng tôi. Đi qua các hàng dương mai về phía ngôi nhà, ở đây chưa trông thấy nhưng từ lâu đã biết có nó trên bờ biển Pampelonne, rải nắng đang đợi chúng tôi.

Chúng tôi rẽ theo con đường vòng và tôi chợt nhìn thấy những bức tường cao trát vữa màu sơn mượt mà. Ngực tôi nảy lên lần thứ nhất.

Catherine thấy tay tôi nắm chặt. Cô không cười nữa. Tôi đi vòng quanh nhà, ngắm thật kỹ. Bậc thềm, hàng hiên, mảnh vườn, bể bơi vắng ngắt giữa mùa này. Các cửa sổ đóng kín. Tôi buông tay Catherine bước xuống mấy bậc. Biết bao hình ảnh dồn dập trong ký ức, cả những

tiếng cười. Hình ảnh như thế. Những tiếng cười xa vời. Tiếng con trẻ nô đùa.

Tôi bước đi, chợt thấy mình đã đến gần cầu nổi, nơi ngày xưa có chiếc du thuyền êm ả lắc lư. Không hiểu mình đang nghĩ đến cái gì. Tôi nhìn ra bãi biển Pampelonne vắng vẻ mà không cô đơn.

Ngực tôi nẩy lên một lần nữa.

Tôi ngồi xuống thả chân trong làn nước ấm. Catherine đến đứng sau lưng, không nói. Chắc cô cũng không thắc mắc tại sao tôi không cởi giày.

Bầu trời ngả tím, hoàng hôn đang xuống.

Những hình ảnh khác. Rõ nét hơn. Bàn tay bố tôi giờ ra, đỡ tôi trèo lên xuống máy. Cổ tôi nghẹn lại. Tôi nghe rõ giọng nói trẻ thơ của tôi thềm thì: “Bố ơi!”

Là người đã tự tay tổ chức, tiên liệu, dàn dựng mọi chi tiết nên tôi dễ dàng tưởng tượng ra cảnh đang diễn ra cùng vào giờ này hoặc sớm hơn một chút trong dinh cơ uy nghi và lạnh lẽo bên bờ hồ Léman phía Thụy Sĩ, tức là phía bên trái khi ta từ Geneva đi ra, vượt qua Nước Chảy và đi tiếp về phía Evian.

Cùng trong ngày hôm đó, chiếc xe tải nhẹ tôi thuê riêng cho việc này chở về vô số báo. Do Alfred Morf đặt mua.

Bước chân nhanh nhẹn, cứng đờ, anh ta đi trên con đường lớn vào nhà, theo sau là người tài xế đưa báo. Có tờ Thế Giới và Bưu Điện Washington. Cả tờ Nhật Báo Phố Wall, tờ Thời Báo, Die Welt, Corriere della Sera, Bild Zeitung của Hambourg, Kronen Zeitung của Vienna; tờ La Meuse và Gazet ở Anvers, Presse ở Montréal tờ Toronto Star, New York Times và tờ Diễn Đàn Chicago, tờ Thời Sự Los Angeles và Tấm Gương Mỗi Ngày, Tin Nhanh, Mặt Trời, Thời Báo Tài Chính, Il Messagero, tờ Aharonath của Tel Aviv, tờ Akbar của Caire, tờ Asahi Shimbub ở Tokyo, tờ Diễn Đàn Nhân Dân của Varsovie. Lại còn cả tờ Expressen của Stockholm, De Telegraaf của Amsterdam, Ya của Madrid; rất nhiều báo của Argentina, Mexico, Australia, báo của Bahamas Nairobi và Mombasa ở Kenya, báo Hong Kong, San Francisco, Marseille, báo từ Nice, từ quần đảo Antilles thuộc Hà Lan, từ Glasgow... tóm lại từ tất cả những nơi đã chứng kiến vũ khúc Cimballi.

Đây là nhịp cuối cùng, nhịp kết thúc, nhịp vang dội nhất và huy hoàng nhất của Vũ Khúc. Không tờ báo nào tới đây chỉ cốt để phô diễn tờ bìa, trang nhất của nó cho người xem.

Alfred Morf lần lượt cầm từng tờ một, làm đúng theo lệnh của tôi từ bữa tôi thuê anh ta về làm, mới gần đây thôi. Alfred Morf chính thức là người như thế, một kẻ thừa lạnh lùng, bốn năm trước đã giải tôi lên máy bay tổng đi Mombasa. Anh ta mở từng tờ báo, chỉ vào tên báo, nói rõ nguồn gốc địa lý, giở đúng chỗ cần giở, xếp ngay ngắn bên nhau trên chiếc bàn mệnh mông bằng gỗ sồi đánh vernir bóng lộn mọi khi Martin Yahl vẫn ngồi ăn một mình.

Lúc này tôi hình dung bộ mặt Martin Yahl, không những với sự vui mừng mà hơn thế nhiều với sự thích thú, với niềm khoái lạc vô biên. Bộ mặt Martin Yahl nhất thiết phải như thế này: Thoạt tiên tỏ vài giây vẻ sững sốt rồi sau tỏ ra giận dữ gần như phát điên cuồng.

Tất cả những tờ báo này xuất hiện từ khắp nơi trên thế giới, thay mặt cho toàn thế giới, tuyên bố trước nhân loại, gào to không chút kiêng nể cho toàn thế giới biết tin, tờ nào cũng dành hẳn một trang giống nhau như hệt, dành hẳn một trang để trắng, chỉ in một tấm ảnh to bằng bàn tay ngay giữa trang, chụp Catherine và tôi trong đám cưới.

Dưới tấm ảnh vền vẹn mấy từ chú thích:

I AM HAPPY!

“Tôi sướng!”

HẾT



• Chú Thích •

[1] Cimballi (Cymbale): Cái chũm chọe trong bộ gõ.

[2] Nhân vật trong cuốn truyện cùng tên của Daniel Defoe (Anh). Một thủy thủ bị đắm tàu, sống một mình trên hoang đảo.

[3] Đáng lẽ nói “Aupoil” (tuyệt vời) cô gái Đan mạch nói nhầm thành “À poil” (trần truồng).

[4] Nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Gargantua và Pantagruel của nhà văn Pháp Rabelais (1491 -1553).

[5] Banque (ngân hàng) gốc từ banc (ghế dài), ngay trên đường phố.

[6] Trung tâm thương mại quốc tế.

[7] Công ty sắt thép Hoa Kỳ.

[8] Tháng 5 - 1986, tháng nổi dậy của thanh niên và nhân dân Pháp, suýt lật đổ chính quyền nước này.

[9] Năm 1929, năm đại khủng hoảng của nền kinh tế tư bản.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>